



ĐA HIỆU

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM



Westminster, California, Hoa Kỳ

120

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

Các Niên Trưởng, Các Sĩ Quan Quân Sự Vụ và Văn Hoá Vụ, các phu nhân, CSVSQ, các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, các Chiến Hữu, Thân Hữu, và các Mạnh Thường Quân, đã đóng góp bài vở, tài chánh, và công sức để thực hiện:

TẬP SAN ĐA HIỆU 120.

Phát Hành Tháng 9 Năm 2021.

QUAN ĐIỂM VÀ QUY ĐỊNH CỦA TẬP SAN ĐA HIỆU

* * *

A. QUAN ĐIỂM

Đa Hiệu là cơ quan ngôn luận của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan TVBQGVN, là gạch nối giữa các cựu SVSQ, giữa các Hội Võ Bị địa phương, giữa thế hệ đi trước cha anh và những thế hệ kế thừa, đại diện là các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, trên toàn thế giới. Đa Hiệu cũng là nơi để mọi người cùng chiến tuyến chia sẻ quan điểm, lập trường chống Cộng đến các chiến hữu, thân hữu, các độc giả cùng chung lý tưởng.

B. QUY ĐỊNH:

Để thực hiện được mục tiêu kể trên, chúng tôi mong mỗi sẽ nhận được bài vở, như các bút ký, thơ văn qua nhiều đề tài, đặc biệt liên quan đến chiến trường xưa, đến Võ Bị. Khi chọn đăng, chúng tôi sẽ theo một số quy định cụ thể, như sau:

1. Không nhận bài viết có nội dung tuyên truyền, cổ vũ cho chế độ và chủ thuyết Cộng Sản, đặc biệt là Cộng Sản VN.

2. Không nhận các bài viết có nội dung đả kích hay bôi nhọ cá nhân trong hay ngoài tập thể Võ Bị, trừ lý do rất đặc biệt. Những bài này cần chính xác và có tài liệu dẫn chứng.

3. Xin ghi rõ bút hiệu, tên thật, địa chỉ email, số phone,... để toà soạn khi cần có thể liên lạc.

4. Khi gửi các sáng tác cho toà soạn, có thể đính kèm qua email, qua bưu điện, hoặc qua CD. Có thể dùng các nhu liệu tiếng Việt như: VNI, UNIKEY, hay các nhu liệu dùng Unicode. Có thể đánh máy không dấu, hoặc viết tay.

5. Ban Biên Tập xin được phép cắt bỏ hay sửa chữa các bài viết, miễn không làm thay đổi nội dung.

6. Ban Biên Tập sẽ quyết định chọn đăng hay không những bài đã đăng ở báo khác, hay trên các trang web.

**TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN TVBQGVN
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TH/CSVSQ/ TVBQGVN**

TẬP SAN ĐA HIỆU

TỔNG HỘI TRƯỞNG KIÊM CHỦ NHIỆM

CSVSQ NGUYỄN VĂN THIẾT, K18
Email: nguyenvthiet@aol.com

CHỦ BÚT

CSVSQ ĐỖ MẠNH TRƯỜNG, K23

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ KIÊM THỦ QUỸ

CSVSQ TRẦN TRÍ QUỐC, K27
tran27147@yahoo.com

PHÁT HÀNH:

Hội CSVSQ/ TVBQGVN Nam California, Hoa Kỳ.
Hội Trưởng: CSVSQ NGUYỄN PHƯỚC ÁI ĐÌNH, K26

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN

DA HIEU MAGAZINE
P.O. Box 8628
Fountain Valley, CA 92728
E-mail: dahieu2016@gmail.com

WEBSITE CỦA TỔNG HỘI CSVSQ/ TVBQGVN

<http://tvbqgvn.org>
<https://tapsandahieu.cf/>

GROUP CỦA TỔNG HỘI CSVSQ/ TVBQGVN

vobivn@googlegroups.com



MỤC LỤC

STT	Đề Tựa	Tác Giả	Trang
1	Phản Đầu		
2	Thư Tổng Hội	Nguyễn Văn Thiệt	7
3	Vị Tư Lệnh Cuối Cùng	Phùng Hữu Châu	10
4	Thiết Thạch Tâm Can...	Nguyễn Minh Thanh	17
5	Chương Trình Huấn Luyện...	Võ Công Tiên	25
6	Lắm Cảm Sự Đời	Trần Kim Bảng	33
7	Lời Hứa của Ba	Bích Lan	42
8	Tù Bình và Hòa Bình	Bắc Đẩu Võ Ý	51
9	Về Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù	Đào Đức Bảo	60
10	Thơ Bài Thơ Đẹp Nhất	Phạm Kim Khôi	72
11	Nụ Cười Xinh	Phạm Văn Tiền	74
12	Lòng Dũng Cảm...	Hạ Bá Chung	86
13	Giọt Nước Mắt Cho Cha	Bắc Đẩu Võ Ý	92
14	Thơ Tưởng Nhớ	Đỗ Trọng Đạt	98
15	Nước Mắt – Mất Theo Nước	Võ Nhẫn	100
16	Thằng Anh Đi Câu	Kim Cao	109
17	“Thôi Về Đi Con”	Cao Xuân Thanh Ngọc	117
18	Một Chút Mây	Nguyễn Văn Ngọc	122
19	Thơ Nhớ Về Đà Lạt	Dương Đình Bộ	129
20	Những Giọt Nước Mắt...	Tường Thúy	130
21	Một Lần Đến Rồi Đi	Giang Văn Nhân	141
22	Món Nợ Còn Lại	Lê Đắc Lực	148
23	Thơ Bạn và Tôi	Tina Hong	156
24	Người Thăm Nuôi	Trần Xuân Hiền	158

25	Đoạn Đường Chiến Binh	Nguyễn Văn Nam	165
26	“Vâng! Chúng Tôi Hãnh Diện...”	Phạm Tín An Ninh	173
27	Võ Bị Một Ngày...	Nguyễn Đức Thu	190
28	Vào Lính	Lê Quốc Toàn	202
29	Thơ Em Chỉ Là Dâu Võ Bị	Lê Kim Nga	216
30	Mùa Vu Lan Nhớ Mẹ	Song Vũ	217
31	Buồn Vui Chiếc Khẩu Trang	Nguyễn Diễm Nga	236
32	Một Góc Trời Quê Hương	Vi Vân	244
33	Các Sư Đoàn Bộ Binh...	Bùi Quyền	254
34	Tâm Nguyên	Minh Nguyệt	265
35	Bà Mẹ Quê	Tô Văn Cấp	271
36	Nóng	Áu Tím	281
37	Thơ Em Tơ Tóc Tôi	Quốc Nam	285
38	Hoa Mai, Hoa Đào	Võ Minh Hòa	286
39	Bức Thư Tình Thứ 15	Cầu Cẩm Tú	301
40	Thương Phê Binh VNCH...	Phuhotrac	308
41	“Một Thời Chinh Chiến”	Song Vũ	314
42	Thi Phẩm “Áo Thời Gian”	Trần Kim Khôi	315
43	“Quốc Nam...”	Quốc Nam	316
44	Tổng Kết Tài Chánh	Trần Trí Quốc	317
45	Thư Tín	Đỗ Mạnh Trường	329
46	Phân Ưu		334

TẬP SAN ĐA HIỆU 120

Nhớ Người Thương Binh VNCH!

Phát Hành Tháng 9 Năm 2021

Báo phát hành định kỳ, mỗi năm 3 số, vào các tháng 1, 5, 9.

Đa Hiệu số 120 đã được phát hành vào tháng 9, 2021.

Rất mong quý vị cộng tác viên đóng góp bài vở cho

Đa Hiệu số 121, trước ngày 1 tháng 12 năm 2021.



LÁ THƯ TỔNG HỘI

Garden Grove, ngày 20 tháng 8 năm 2021

Kính thưa quý Niên Trưởng,
Kính thưa quý Phụ Nhân, quý chị Phụ Nữ Lâm Viên,
Thưa quý bạn đồng môn CSVSQ/ TVBQGVN và các anh
chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu,
Thưa quý vị độc giả,

Lại một lần nữa, chúng tôi xin được gửi đến quý vị, cùng toàn thể độc giả lời chào mừng thân ái, nhiều sức khỏe và mọi sự bình an.

1. Mặc dù dịch bệnh COVID hoành hành trong thời gian vừa qua, nhưng sau khoảng hai năm bèn bị làm việc và vượt qua những khó khăn, Ban Biên Soạn và Ban Hiệu Đính đã nghiên cứu, thu thập dữ kiện, đúc kết và hoàn tất việc soạn thảo cuốn *Lược Sử Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam*. Bản thảo đã được Ban Trị Sự in và phân phối đến một số đại diện các khóa và các CSVSQ đang quan tâm. Tài chánh để in bản thảo này cũng đã được các CSVSQ đóng góp ủng hộ đầy đủ.

Ban Chấp Hành Tổng Hội xin cảm ơn các mạnh thường quân cũng như các cộng tác viên đã nhiệt thành hoàn thành tài liệu quan trọng về Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Nay, Ban Biên Soạn đang ghi nhận các ý kiến đề nghị bỏ

sung chỉnh sửa những sai sót nếu có, tổng kết những góp ý để sách được hoàn chỉnh khi được quyết định phát hành rộng rãi.

2. Vào năm 2022, hạn kỳ hoạt động Ban Chấp Hành cũ đã vượt quá thời hạn ấn định thêm hai năm. Do đó, việc tổ chức đại hội là vô cùng khẩn thiết. Vì bất cứ lý do nào BCH tổng hội cũng không thể được lưu nhiệm, tiếp tục hoạt động mà không thông qua quá trình bầu cử. Đã đến lúc Tổng Hội CSVSQ cần một Tổng Hội Trưởng mới với một ban chấp hành mới. Chúng ta cần một luồng gió mát cho sinh hoạt của tổng hội.

Tại Hoa Kỳ, dịch COVID đến nay đã có dấu hiệu được kiểm soát, mặc dù đang phải đối phó với biến thể Delta. Tin tưởng vào tương lai, BCH Tổng Hội sẽ họp với Ban Tổ Chức Đại Hội tiếp tục tiến hành việc tổ chức Đại Hội Võ Bị XXII, vào tháng 5 hoặc 6 năm 2022 tại Nam California, Hoa Kỳ.

Chương trình nghị sự, thời gian sẽ được chúng tôi sẽ thông báo chậm nhất vào tháng Giêng, 2022. Chắc chắn quý vị đại biểu sẽ đủ thời gian sắp xếp để về tham dự Đại Hội VB XXII.

Nếu tình hình dịch bệnh có những chuyển biến, chúng tôi sẽ đề nghị phương pháp bầu cử khác, với sự góp ý của đại gia đình Võ Bị.

Đại Hội Võ Bị XXII luôn mở rộng để đón nhận tất cả các CSVSQ về tham dự, không có bất cứ phân biệt nào do thành kiến, hay bất cứ lý do khác. Mọi thành viên tham dự đại hội đều được đối xử bình đẳng với lòng tôn trọng của tất cả mọi người. Mọi đề nghị tổ chức để kiện toàn tổng hội đều sẽ được mọi người lắng nghe.

3. Khi Tập San Đa Hiệu 120 được phát hành đến tay độc giả thì Đại Nhạc Hội Thương Binh Kỳ 14 đã được tổ chức xong. Thiếu phương tiện liên lạc với đại gia đình Võ Bị trên toàn thế giới, Ban Xã Hội chỉ phổ biến giới hạn trên group tổng hội việc quyên góp dành cho Thương Binh & Quả Phụ VNCH. Chương trình quyên góp cũng đã hoàn tất và đạt kết quả đáng khích lệ. Tổng số tiền thu nhận được cũng được

chuyển giao cho đại diện Hội HO, nơi đây họ sẽ phân phối đến những thương binh và quả phụ VNCH còn kẹt tại quê nhà.

Đã có một số cựu sinh viên sĩ quan Võ Bị tại Nam California và các nơi khác đang tình nguyện thường xuyên làm việc bất vụ lợi cho tổ chức này. Chúng ta tin vào hoạt động trong sáng của Hội HO.

Đại diện cho Tổng Hội, tôi xin được cảm ơn các mạnh thường quân Võ Bị và thân hữu trong ngoài. Việc đóng góp của quý vị luôn là nghĩa cử cao đẹp, thể hiện lòng nhân ái giữa người với người, tình đồng đội cao đẹp của các chiến hữu đã một thời cùng chung chiến đấu.

Hành động tốt đẹp mà chúng ta đang làm còn thể hiện lòng kính trọng và biết ơn đến những người đã hy sinh thân xác và ngay cả mạng sống của họ cho chúng ta, cũng như cho một hành động cao đẹp hơn là bảo vệ tự do và độc lập của VNCH, trong 20 năm.

Xin chân thành cảm ơn quý vị.

TM. Ban Chấp Hành Tổng Hội
Tổng Hội Trưởng TH/ CSVSQ/ TVBQGVN
kiêm Chủ Nhiệm Tập San Đa Hiệu



Nguyễn Văn Thiệt, K18

SƯ ĐOÀN 21 BB

VỊ TƯ LỆNH CUỐI CÙNG

Phùng Hữu Châu, K25

Thời tôi còn đi học Trung Học ở tỉnh Sóc Trăng, hình ảnh của những người chiến sĩ Sư Đoàn 21 BB qua những buổi lễ mừng chiến thắng những cuộc hành quân Dân Chí đã chinh phục và ghi đậm vào tâm trí của cậu học trò tỉnh nhỏ như tôi. Nên suốt bốn năm theo học tại Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam và đến ngày tốt nghiệp mãn khóa



tôi vẫn giữ quyết định chọn Sư Đoàn 21 BB để được phục vụ khi ra trường. Khóa 25 chúng tôi về Sư Đoàn 21 BB được bảy đứa, bốc thăm về Trung Đoàn 31 Chương Thiện hai đứa, Trung Đoàn 32 Cà Mau ba đứa, và Trung Đoàn 33 Cần Thơ hai đứa.

Tôi về Trung Đoàn 32, hậu cứ tại Cà Mau. Vào trình diện Trung Đoàn Trưởng lại bắt thăm lần nữa để phân phối cho mỗi tiểu đoàn, Lúc ấy Trung Đoàn Trưởng là Trung Tá Đoàn Cư, xuất thân Khoá 16 Trường VBQGVN. Đáng người nho nhã

phong cách nhỏ nhẹ đặc biệt rất thương đàn em, ông kêu ba đưa Khóa 25 vào văn phòng, bốc thăm ba số 1, 2, 3. Ai được số nào thì về tiểu đoàn đó. Huỳnh Xuân Quang bốc số 1 về Tiểu Đoàn 1, Trương Minh Tân về Tiểu Đoàn 2, còn tôi thì về Tiểu Đoàn 3.

Trời xui đất khiến cả ba đứa đều học cùng lớp, cùng trường Trung Học Hoàng Diệu ở Sóc Trăng, tình nguyện vào Khóa 25/ TVBQGVN, khi ra trường cùng chọn về Sư Đoàn 21 BB, bốc thăm cùng về một trung đoàn. Sau đó NT Đoàn Cư kêu người tùy viên mang cuốn lịch Tam Tông Miếu ra cho ông để chọn ngày lành tháng tốt cho ba đứa đàn em ra đơn vị bắt đầu cuộc đời binh nghiệp.

Thấy ông lật hết tờ này sang tờ khác làm ba đứa tôi than thảm:

- “Tụi em hết tiền rồi NT ơi, chỉ muốn vô hành quân sớm...”

Nhưng cả ba đứa cũng phải đợi thêm 4 ngày mới đúng ngày hoàng đạo. Bởi hết tiền nên ba đứa tôi đồng lòng tối ngủ tại hậu cứ, ban ngày ra chợ Cà Mau uống cà phê rồi đi thực bida... cho hết ngày. Khoảng ba tháng sau khi tiểu đoàn đang hành quân ở vùng sông Ông Đốc (Cà Mau) thì nhận được hung tin NT Đoàn Cư hy sinh tại chiến trường Chương Thiện. Quân đội mất đi một vị trung đoàn trưởng tài ba khả kính, nên hành chánh mất một vị tinh trưởng tài giỏi trong tương lai. Chúng tôi bàng hoàng tiếc thương cho người đàn anh lỗi lạc, nhưng vẫn số.

Từ lúc mãn khoá ra trường đến ngày mất nước 30-4-1975, thời gian tuy không lâu nhưng tôi cũng trải qua thời 3 vị tư lệnh của Sư Đoàn 21 BB. Lúc mới ra trường về trình diện, tư lệnh là Chuẩn Tướng Chương Dzènh Quay. Sau mùa Hè đỏ lửa An Lộc. Tướng Lê Văn Hưng về thay. Vị Tư lệnh cuối cùng là Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường, xuất thân Khóa 12/ TVBQGVN.

Theo quân sử, Sư Đoàn 21 BB được thành lập vào tháng 8

năm 1955. Trong 20 năm, nếu tính đến ngày mất nước đã trải qua 13 vị tư lệnh sư đoàn, trong số đó nổi bật và được nhắc tới nhiều nhất phải kể là:

- Đại Tướng Trần Thiện Khiêm, sau là Thủ Tướng Chính Phủ.

- Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, sau là Tư Lệnh Vùng 3 Chiến Thuật.

- Trung Tướng Đặng Văn Quang, sau là Tư Lệnh Vùng 4, Cố Vấn An Ninh Phủ Tổng Thống.

- Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, sau là Tư Lệnh Vùng 4 Chiến Thuật.

- Thiếu Tướng Lê Văn Hưng, sau là Tư Lệnh Phó Quân Khu 4.

- **Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường, Vị Tư Lệnh cuối cùng của Sư Đoàn 21 BB.**

Ông là vị Tư Lệnh trẻ tuổi nhất. Ngoài tài thao lược lãnh đạo về quân sự ông còn rất giỏi về hành chánh, chỉ huy tham mưu, nên có nhiều người cho rằng Ông là một trong những Vị Tướng trẻ văn võ song toàn.

Tôi còn nhớ khi Đại Đội Trinh Sát 32 được trực thăng vận vào căn cứ Tân Bằng quận Hiếu Lễ thuộc tỉnh Rạch Giá để tiếp viện cho một Tiểu Đoàn ĐPQ thì bị cả một Trung Đoàn D3, một đơn vị chính quy của CS Bắc Việt mới xâm nhập vào Nam, bao vây. Hỏa lực của chúng quá mạnh nên ngay cả trực thăng tản thương và tiếp tế cũng không đáp xuống được.

Hơn một tuần sau đạn dược và lương thực sắp cạn thì bất ngờ có lệnh cho tôi ra phía sau căn cứ để nhận quà. Niên Trưởng Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường, Tư Lệnh Sư Đoàn đã tự tay thảo một mật lệnh, vẽ một phóng đồ hành quân, bỏ vào một cái hộp đựng lựu đạn quăng xuống cho tôi trong căn cứ để tối khuya cùng ngày hôm ấy hoàn toàn im lặng vô tuyến. Đại Đội Trinh Sát cùng đơn vị bạn đã rút quân thoát khỏi vòng vây của địch về đến nơi một cách an toàn.

Được biết trước khi đi làm Tư Lệnh Sư Đoàn 21 BB ông đã từng đảm nhận chức Trưởng Phòng Nhì Sư Đoàn, Tỉnh Trưởng Long Khánh, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8 BB, Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 5 BB. Tại mặt trận An Lộc, NT Trường đã được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ân thưởng “Đệ Tam Đẳng Bảo Quốc Huân Chương” và được Tổng Thống Thiệu giới thiệu với một vị Tướng Cố Vấn Mỹ: “Đây là học trò của tôi...” Ý của Tổng Thống Thiệu muốn nói khi Tổng Thống làm Chỉ Huy Trưởng Trường VBQGVN thì thời gian đó NT Mịch Văn Trường đang là Sinh Viên Sĩ Quan K12/ TVBQGVN.

Nhớ lại những ngày cuối tháng Tư đen, tại Vùng 4 Chiến Thuật, Cộng Sản đã sử dụng toàn bộ lực lượng của ba trung đoàn lính chính quy Bắc Việt D1+D2+D3 để tổng tấn công thành phố Cần Thơ cũng như dự trữ hàng ngàn hỏa tiễn 107 ly + 122 ly san bằng thành phố này thành bình địa, nhưng mọi mưu toan của chúng đều bị bẻ gãy do sự phòng thủ kiên cố và sự phản công mãnh liệt của toàn thể anh em Sư Đoàn 21 BB, dưới sự điều động cùng chỉ huy sáng suốt của Vị Tư Lệnh Sư Đoàn.



Chuẩn Tướng Mịch Văn Trường, Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh, 1974 - 1975.

Sáng ngày 30-4-1975 mặc dầu có lệnh đầu hàng của Tổng Thống Dương Văn Minh nhưng toàn thể anh em binh sĩ của Sư Đoàn 21 BB vẫn cương quyết ghi chặt tay súng giữ vững tuyến phòng thủ, nhất định không buông súng đầu hàng quân CS. Chúng tôi toàn thể sư đoàn tuyệt đối không nghe lệnh ai hết. Chúng tôi chỉ chờ lệnh và tuân theo lệnh của Tướng Mịch Văn Trường, Tư Lệnh Sư Đoàn 21 BB mà thôi.

Buổi xế trưa ngày 30-4-1975 khi Tướng Mịch Văn Trường

từ phòng họp ở Quân Đoàn 4 trở về, nét mặt ông thoáng buồn và tư lự. Ông cho biết hai vị Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam và Lê Văn Hưng đã tự sát, tuân tiết hy sinh và ra lệnh cho chúng tôi phải sắp xếp lo cho anh em binh sĩ trở về nguyên quán một cách an toàn. Đến giờ phút cuối Tư Lệnh Sư Đoàn vẫn còn quan tâm lo lắng cho từng binh sĩ thuộc cấp của mình, đúng là tác phong của một vị Tướng trẻ tài đức lưỡng toàn.

Sau 30-4-1975 già từ vũ khí, tôi trở về quê đoàn tụ xum họp với Má tôi được vài hôm là phải khăn gói đi trình diện “10 ngày”, ai ngờ rằng đi luôn vào tù... biệt biệt không biết ngày trở về.

Từ khám lớn Bạc Liêu đến trại tù Trà Nóc Cần Thơ gần một năm thì có lệnh chuyển trại, đoàn xe GMC chở chúng tôi ra bến Ninh Kiều vào một đêm không trăng sao 1976. Xuống tàu cứ ngỡ là đi ra trại tù đảo Phú Quốc, ai ngờ năm ngày năm đêm tàu cứ trực chỉ Bắc tiến, ban sáng mặt trời mọc hướng Đông, buổi chiều mặt trời lặn hướng Tây, còn mũi tàu vẫn đi theo hướng Bắc. Tôi nghe sóng vỗ ở mạn thuyền biết rằng tàu đang chạy dọc theo ven biển. Ngày xưa lúc còn là SVSQ của Trường VBQGVN tôi có lần mơ theo chân đoàn hùng binh Bắc Tiên mà giấc mơ không thành, bây giờ hoàn cảnh trở trêu tôi theo đoàn tù binh xuống tàu ra Bắc...

Tàu thủy cập bến cảng Vinh (Đồng Hới), nơi đây dãy Trường Sơn chạy sát bờ biển, đất đai sỏi đá khô cằn, dọc theo đường rầy trạm xe lửa cột đèn làm bằng thân cây tre lồ ô xiêu vẹo. Rời tàu thủy, chúng tôi bị đẩy lên tàu hỏa loại để dành chuyên chở thú vật như bò, trâu... Xe lửa đến địa phận Thanh Hoá cầu Hàm Rồng nằm giữa hai trái núi, chung quanh hồ bom lồ bom như là cái rỗ vậy mà cây cầu không hề hấn gì.

Từ lúc học tiểu học những danh lam thắng cảnh của miền Bắc đã in sâu vào ký ức như: Hồ Hoàn Kiếm, Thềm Tháp Rùa, Hồ Tây, cầu Long Biên, Sông Hồng... nên tôi rất thích thú thưởng thức những thắng cảnh mặc dầu không giống như

trong sử sách. Cây cầu Long Biên thì xiêu vẹo, lòng sông Hồng Hà quá cạn, đá cuội lổm chổm... Thấy tôi không có vẻ gì lo âu hay buồn bã khi bị đưa ra Bắc, một anh lớn bạn tù trong toa lên tiếng:

- “Ê nhỏ! Bộ mày không sợ, không buồn, không lo sao?”

Sự thật thì tôi không muốn ở tù trong Nam nữa, vì tôi không có nhà cửa, gia tài, tiền bạc, vợ con... Tôi chỉ có một thân một mình. Thấy Má tôi hàng tháng xách cái giỏ trâu đi thăm nuôi thằng con bắt hiểu như tôi sự thật tôi đau lòng lắm. Trong thâm tâm tôi rất thương Má tôi nhưng chưa bao giờ dám mở miệng ra nói một câu: “Má ơi! Con thương Má...” Tôi cũng có dự định khi đi tù về tôi sẽ nói với Má tôi nhưng khi ra tù lo chuyện vượt biên nên tôi quên mất. Mãi đến khi Má tôi chết, tôi quỳ bên cạnh quan tài vừa khóc vừa nói:

- “Má ơi! Con thương Má...”

Nhưng lúc đó má tôi có nghe tôi nói được đâu!

Xe lửa chở đoàn tù tới nhà ga Yên Bái, sau đó xe Molotova đưa đoàn tù chúng tôi vào rừng ngũ một đêm tại đập Thác Bà huyện Cẩm Nhân tỉnh Hà Tuyên. Đi bằng tàu thủy, trên mặt hồ tôi thấy có hình con Gà đứng một chân chơ vơ trên mặt nước giống như hình ảnh con gà, trên nóc nhà thờ “Con Gà” ở Đà Lạt. Có lẽ trước đây nơi này là một làng trù phú của giáo dân có nhà thờ “Con Gà” Pháp xây thời trước. Sau này Cộng Sản đuổi giáo dân, đắp đập chứa nước để làm hồ thủy điện và nuôi cá.

Tôi ở Trại 2, Liên Trại 4 thuộc địa phận ở giữa Hà Giang và Tuyên Quang. Đến 1979 thì tôi được chuyển về trại tù chánh của Đoàn 776 giữ tù binh thuộc Bộ Quốc Phòng Cộng Sản tại thị xã Yên Bái, cũng là nơi giam giữ những người lính Dù của Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù. Tôi nghe nói có cả Đại Tá Thọ, Lữ Đoàn Trưởng trong trận Hạ Lào. Vì nằm ngoài lãnh thổ VN nên Cộng Sản không trao trả theo tinh thần hiệp định Paris 1973.

Trong một chuyến đi lấy gạch nung ở Sơn Tây, khi đi ngang

qua bến Phà Nghĩa Lộ, xuống xe để qua thì bên kia sông thì có một đoàn tù khác đang đổ qua. Tôi thì không biết nhiều nhưng mấy người bạn tù ở Sài Gòn thì rành về các Vị Tướng Lãnh nên khi vừa thấy Tướng Lê Minh Đảo đi đầu trên vai vác cây đàn guitar, là biết phải đoàn tù binh Tướng Lãnh vừa qua sông.

Tôi chỉ biết và nhận ra Tư Lệnh Sư Đoàn 21, Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường K12/ TVBQGVN là Niên Trưởng của tôi mà thôi. Dưới họng súng AK của mấy thằng vệ binh, tôi vẫn muốn chạy ra ngoài để đứng chào ông một lần nơi đất Bắc nhưng rất tiếc ở xa quá ông không thấy và vệ binh nó cũng không nỡ súng... nên tôi vẫn còn sống đến ngày hôm nay.

Mặc dầu quần áo tù có lam lũ nhưng cũng không che dấu được nét oai phong của những vị Tướng Lãnh QLVNCH. Thời gian đó Trung Cộng sắp xua quân đánh miền Bắc nên Cộng Sản lo sợ chuyển gần 20 tướng VNCH từ các trại tù ngoài Bắc về Hỏa Lò, Hà Nội...

Hôm nay, Vị Tư Lệnh khả kính của anh em Sư Đoàn 21 BB đã từ già cõi trần để sang một thế giới khác.

Toàn thể anh em Sư Đoàn 21 BB thành kính phân ưu cùng Tang Quyển.

Kính Nguyện Hương Linh của Tư Lệnh sớm tiêu điều nơi miền lạc cảnh.

Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường không còn ở cõi trần nhưng ông vẫn sống mãi trong lòng mỗi một người lính Sư Đoàn 21 BB chúng tôi.

***Sinh Vi Tướng, Tử Vi Thần.
Anh Hùng Tử, Khí Hùng Nào Tử.***

Xin được trân trọng đứng nghiêm. Kính chào vĩnh biệt Vị **“Tư Lệnh Cuối Cùng”** của Sư Đoàn 21 BB - Niên Trưởng Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường K12/ TVBQGVN.

Việt Nam Nữ Lưu Lầm Liệt
Thiết Thạch Tâm Can Cô Giang
(1906–1930)

Nguyễn Minh Thanh, K22 kính bút

(“Thiết Thạch Tâm Can” chữ đặt của cụ Phan Bội Châu)

“Tiếng ai rao lụa in là chị Giang,
Ô! Một thân đây gian nan, để cứu nước dân lâm cảnh
khốn cùng. Vậy ta đồng theo kịp bước, báo tin cho chị
tường tri. Cùng chông cho chị tặng mắt. Kèo đờn đau phút
giây là tan...

- Chị Giang... - Chị Giang...!!”

*(Trên đây là khúc ca trước 1975, rất cảm động. Không nhớ
tên tác giả.)*

- **Thơ của Cô Giang:**

Tuyệt Mệnh Thi

Thân không giúp ích cho đời!
Thù không trả được cho người tình chung!
Dẫu rằng đương độ trẻ trung,
Quyết vì dân chúng thề lòng hy sinh.

Con đường tiến bộ mông mênh,

*Éo le hoàn cảnh buộc mình biết sao!
Bây giờ hết kiếp thơ dào,
Gian nan bỏ mặc đồng bào từ đây!*

*Dẫu rằng chút phận thơ ngây,
Số đồng chí đã có ngày ghi tên;
Chết đi dạ những buồn phiền,
Nhưng mà hoàn cảnh truân chuyên buộc mình!*

*Đảng kỳ phấp phới trên thành,
Túi thân không được chết vinh dưới cờ.
Cực lòng nhờ bước sa cơ,
Chết sâu chết thảm có thừa xót xa!*

*Thế ru! Đời thế ru mà?
Đời mà ai biết? Người mà ai hay?*

Nguyễn Thị Giang

- Thơ của người biên soạn:

Cô Giang Tuấn Tiết

*Cây Đền quán nước chỗ... phùng hoan
Uống bát trà xanh vọng... Thổ Tang
Phát súng tuấn thân: - tia chớp sáng\
Hương linh liệt phụ: - ánh sen vàng*

*Tình nhà tha thiết niềm cao cảm
Nợ nước ngậm ngùi nổi ngổn ngang
Dân, Quốc lâm than... cam vĩnh biệt
Ăn cần đồng chí... gắng chu toàn...!!*

Nguyễn Minh Thanh khấp tác

Lũ Khốn Kiếp

*Quần áo tử thi chẳng mặc vào
Khám xong chúng để... thế là sao??
Tóc tai rũ rượi đàn ruồi đậu
Thân thể hanh hao lũ kiến cào*

*Khốn kiếp pháp y bày dã thú
Ác đồ mật thám bọn ung bào
Thương luân bại lý đời nguyên rủa
Hậu bối xem xong bống nghẹn ngào...!!*

Nguyễn Minh Thanh khắp tác

Cô Giang (1906 - 1930), tên đầy đủ là **Nguyễn Thị Giang**. Bà tham gia chống thực dân Pháp và là vợ của Ông Nguyễn Thái Học, Đảng Trưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng. Người tỉnh Bắc Giang, bà là con của Ông Nguyễn Văn Cao và Bà Nguyễn Thị Lưu, em ruột Bà Nguyễn Thị Bắc, tức Cô Bắc. Bà đã gia nhập đội ngũ kháng chiến chống Pháp.



Sau khi học xong lớp nhất, Cô Giang cùng chị ruột là Cô Bắc (Nguyễn Thị Bắc) được nhà ái quốc Nguyễn Khắc Nhu kết nạp vào tổ chức... và rồi gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng của Ô. Nguyễn Thái Học.

Vào một buổi chiều từ Phú Thọ về xuôi, sau khi hội họp xong với các đồng chí, hai người đã ghé Đền Hùng. Cô và Ô. Nguyễn Thái Học vào đền thờ Tổ để cùng thề hẹn...

Theo Nhượng Tống, thì trong buổi ấy, Cô Giang đã xin Ô. Nguyễn Thái Học giao cho một khẩu súng lục, và hứa rằng:

“- Nếu Học chẳng may chết vì nước, thì Giang cũng xin lấy khí giới này mà chết theo chồng!”

Trong Việt Nam Quốc Dân Đảng, Cô Giang giữ chức Tổng Thư Ký của đảng. Cô cùng chị là Cô Bắc phụ trách việc tuyên truyền, làm binh vận, và liên lạc giữa các cơ sở đảng ở Bắc Giang, Bắc Ninh, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Yên Bái... Bất cứ ở nơi đâu, hai chị em đều hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

Khi công cuộc chuẩn bị Tổng Khởi Nghĩa chưa hoàn tất, thì cuối năm 1929 tại Bắc Giang, một cơ sở chế bom bị tai nạn phát nổ. Thế rồi, đầu năm 1930 giặc Pháp bắt giữ nhiều đảng viên đồng thời khám phá ra rất nhiều cơ sở chế tạo vũ khí.

Trước tình hình bất lợi, Ô. Nguyễn Thái Học cho triệu tập hội nghị khẩn cấp, quyết định tiến hành khởi nghĩa tại nhiều nơi vào đêm mồng 10, rạng ngày 11 tháng 2 năm 1930.

Chị em Cô Giang nhiệm vụ vận chuyển vũ khí từ Phú Thọ lên Yên Bái bằng xe lửa. Họ giả làm người buôn bán gạo, cám, hoa quả... với những gồng gánh công kênh nhưng phía dưới là mã tấu, lựu đạn và súng ống...

Cuộc khởi nghĩa thất bại: Ô. Nguyễn Thái Học cùng nhiều đồng chí nòng cốt của ông, trong đó có Cô Bắc đều bị giặc bắt.

Nghe tin chồng bị bắt ngày 20 tháng 2 năm 1930, Cô Giang đã nghĩ đến kế hoạch táo bạo là tấn công nhà tù Hòa Lò (Hà Nội) để giải thoát cho Ô. Nguyễn Thái Học và các người khác

Kế hoạch chưa kịp thực hiện, thì ngày 16 tháng 6 năm 1930, Cô Giang nghe tin giặc Pháp đã đưa Ô. Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí từ Hà Nội lên Yên Bái, để xử chém vào ngày hôm sau là ngày 17 tháng 6.

Tức thì, Cô cải trang, giấu khẩu súng lục trong người rồi đi tàu hỏa lên đó xem xử. Xong, lặng lẽ trở về phòng trọ viết hai bức thư tuyệt mệnh trên trang giấy khổ nhỏ, bằng bút chì xanh.

* Lá thư thứ nhất gửi cho cha mẹ Ô. Nguyễn Thái Học,

Ngày 17 tháng 6 năm 1930,

Thưa Thầy, Mẹ,

Con chết là vì hoàn cảnh bó buộc con; không báo được thù nhà, rửa được nhục cho nước! Sau khi đã đem tấm lòng trinh bạch dâng cho chồng con ở Đền Hùng, giờ con tìm về chốn quê cha, đất tổ, mượn phát súng này mà kết liễu đời con! Đứa

con dâu bất hiếu kính lạy.

* Bức thư thứ hai gửi cho chồng nơi chín suối:

Ngày 17 tháng 6 năm 1930,

“Anh đã là người yêu nước, không làm tròn được nghĩa vụ cứu quốc! Anh giữ lấy tấm linh hồn cao cả để về chiêu binh, rèn lính ở dưới suối vàng! Phải chịu đựng nhục nhã mới có ngày mong được về vàng! Các bạn đồng chí phải sống lại sau Anh, để đánh đổ cường quyền, mà cứu lấy đồng bào đau khổ!”

Nguyễn Thái Học phu nhân.

Ngoài ra, Cô Giang còn viết “Tuyệt Mệnh Thi” bằng thể thơ lục bát, đã chép ở phần trên.

Viết xong thư, Cô Giang ra chợ mua khúc vuông vải trắng, thắt ngang đầu để tang chồng. Rồi đáp tàu hỏa về Vĩnh Yên, làng Thổ Tang, quê Nguyễn Thái Học, ngay buổi chiều tối hôm đó.

Tuần Tiết:

- Đêm 17 tháng 6, Cô Giang về Thổ Tang, nhưng không ghé nhà Ô. Nguyễn Thái Học vì mật thám bao vây. Cô đến nhà dì ruột của Ô. Nguyễn Thái Học. Qua người dì, Cô nhắn với gia đình Ô. Nguyễn Thái Học là Cô sẽ tuần tiết theo chồng, và nhờ người dì trao một đồng hồ quả quít có dây chuyền vàng cho gia đình Ô. Nguyễn Thái Học, rồi từ giã mọi người.

Vào sớm, ngày 18 tháng 6 năm 1930, trên đường đi Cô ghé quán trà bên gốc Cây Đề nằm ở ngã ba đường. Nơi đây, Cô và Ô. Nguyễn Thái Học từng nghỉ chân, trò chuyện, thuộc xã Đồng Vệ, cách làng Thổ Tang chừng một cây số.

Sau khi uống bát nước trà xanh, từ biệt bà chủ quán, Cô đến đứng dưới gốc Cây Đề, mắt nhìn về hướng làng Thổ Tang và tự kết liễu đời mình qua mang tai bằng khẩu súng lục mà Ô. Nguyễn Thái Học tặng Cô ở đền Hùng...!!

Bấy giờ, Cô mặc áo dài trắng, quần lụa thâm, đầu vấn khăn tang.

Đó là ngày 18 tháng 6 năm 1930. Khi ấy, Cô đã có mang mấy tháng.

Tên tri phủ Vĩnh Tường trình tỉnh khám qua, rồi báo về Hà Nội cho mật thám đem pháp y tới khám lại. Trong lúc khám nghiệm, chúng thu hai lá thơ.

Do tên ký “Nguyễn Thái Học phu nhân”, chúng biết là Cô Giang. Nên chúng tìm cách trả thù nơi tử thi. Sau khi lột quần áo ra khám nghiệm xong, chúng không mặc trả lại. Vẫn còn để thi hài bộc lộ dưới ánh nắng, dưới nước mưa, với ruồi, nhặng bám hút, đến hai, ba hôm, rồi mới cho mai táng...! (Theo Nhượng Tống Hoàng Phạm Trân.)

Truyện, giống truyện Ô. Phạm Hồng Thái. Năm 1924, sau khi vớt được thi hài Ông cặp bờ sông Châu Giang bên Tàu, giặc Pháp không cho chôn cất liền, mà để ruồi bâu kiến đậu đến mấy ngày...!! Bị cư dân phản đối và nguyện rửa thậm tệ, chúng mới cho mai táng...!!

Tới đây, hậu sinh xin kết thúc “Sử Buồn Tiểu truyện” với câu đối, kính cẩn dâng vị Nữ Lưu Lãm Liệt:

*“Quý thể điêu tàn...,
anh thư hy sinh trân trọng tình Tổ Quốc...!
Phương danh trường cửu...,
nữ lưu tuấn tiết thiết thạch nghiã phu thê...!”
Viễn xứ đêm dài... Cố quốc mây bay...*

(Georgia, Mother Day - 2021)

Nguồn gốc:

- Trang Web: Cô Giang.
- Nguyễn Thái Học, tác giả Nhượng Tống.
- Nguyễn Thái Học Foundation.

KHÁO CỨU THÊM

Bài 1: Cô khóc cậu

Thình lình một tiếng sét ngang lưng,
Nuốt nghẹn, tình tư xiết nói năng!
Mây mịt mờ xanh, trời vẫn hắc,
Giọt chan chứa đỏ, bẽ khôn bằng.
Thân vàng đành cậu liều theo cát,
Dạ tuyết thôi em gửi với trăng.
May nữa duyên sau còn gặp gỡ,
Suối vàng cười nụ, có ngày chẳng?

Chị khóc em khi em chết theo người yêu

I

Em ơi! Em vậy, chị thời sao?
Ghê gớm mà cùng tiếc biết bao!
Chung nợ cha sinh và mẹ dưỡng
Rẽ đường vực thẳm với bờ cao
Ngại ngừng gió yếu, mây trơ mực
Tức tối trời say, máu úa đào
Hồn có thiêng liêng, dùm tính nhĩ
Mẹ già em bé nghĩ dường nao!

II

Mẹ già em bé nghĩ dường nao!
Và nợ chồng con nặng biết bao
Nổ đất thình lình tay vỗ kếp
Nhuộm trời ghê gớm máu phun đào

Giữa trường tân khổ no cay đắng
Trước trận phong ba nổi gió trào
Chị có ngờ đâu em đặng thể
Biển ngàn ấy rộng, núi ngàn cao!

Bài 2: **Hồn cậu trả lời**

I

Gặp mình, mình lại thẹn cùng mình,
Ai khiến em mà vội gặp anh?
Vẫn nghĩ hữu chung ví hữu thủy,
Thôi thì đồng tử chẳng đồng sinh.
Trăm năm cuộc bụi, dâu hay bể,
Một tấm lòng son, sắt với đinh.
Gió dữ mưa cuồng, thầy kệ nó,
Dắt nhau ta tới tận thiên đình.

II

Dắt nhau ta tới tận thiên đình
Quyết đẹp cho yên sóng bất bình.
Mặt nước em còn hồng giọt máu,
Nợ đời anh chữa trắng tay tanh.
Trăm năm thề với trời riêng đội,
Bảy thước âu là mẹ chẳng sinh,
Mình hỏi! Mình đừng buồn bã quá,
Hồn còn mạnh khỏe, phách còn linh!

<https://vi.wikisource.org/wiki/>
Thác lời Nguyễn Thái Học cùng chị em cô Giang, Bắc.



CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN QUÂN SỰ

ÁP DỤNG CHO KHÓA 26 (1969-1973)

Võ Công Tiên, K26

Khối Quân Sự Vụ chịu trách nhiệm huấn luyện quân sự và thể chất cho sinh viên sĩ quan. Chương trình quân sự mà Khóa 26 thụ huấn bao gồm hai phần chính nêu trên, ngoài ra còn có các giờ học chiến tranh chính trị từ Khối Chiến Tranh Chính Trị, và các chương trình huấn luyện đặc biệt như Nhảy Dù, Rừng Núi Sinh Lầy.

Chương trình Du Hành, vào khoảng cuối tháng 10 năm 1971, kéo dài hai tuần lễ tại Sài Gòn, Biên Hòa, Bình Dương, Dục Mỹ, và Nha Trang. Khóa 26 đã đi thăm các đơn vị đại diện các quân binh chủng, như Quân Nhu, Quân Cụ, Truyền Tin, Bộ Tổng Tham Mưu, Công Binh, Thiết Giáp, Thủy Quân Lục Chiến, Trung Tâm Huấn Luyện Lam Sơn, Pháo Binh, Hải Quân, Không Quân, và Biệt Động Quân. Tùy theo quân

chúng, kể từ năm thứ ba về sau, SVSQ được huấn luyện riêng biệt. Hai mùa quân sự năm thứ ba và thứ tư, các SVSQ Không Quân và Hải Quân theo học tại Nha Trang; SVSQ Lục Quân học tại Đà Lạt, Sài Gòn, và Dục Mỹ. Đặc biệt thành phần Lục Quân có nhiệm vụ huấn luyện Tân Khóa Sinh Khóa 29

Tổng quát thì Khóa 26 sau khi ra trường, về binh nghiệp có khả năng điều động cấp trung đội (Lục Quân), chỉ huy một thuyền nhỏ (Hải Quân), hoặc điều khiển một máy bay căn bản. Trình độ thu nhận được đối với chiến thuật:

- Năm thứ nhất, cấp cá nhân và tiểu đội.
- Năm thứ hai, cấp trung đội.
- Năm thứ ba, cấp đại đội (Lục Quân). Lớp học khoảng 45 người vào năm thứ nhất và thứ hai, khoảng 70 người vào năm thứ ba.

Riêng sinh viên sĩ quan theo Lục Quân được học Khóa 251 Nhảy Dù, trong 3 tuần tại căn cứ Hoàng Hoa Thám. Khóa 26 học chung với một nửa kia là các binh sĩ Nhảy Dù. Các SVSQ Khóa 26 hoàn tất khóa học vào ngày 10 tháng 3 năm 1972, có Bằng Nhảy Dù và Giấy Chứng Nhận Tốt Nghiệp Nhảy Dù (thẻ nhỏ bỏ túi).

Khóa 26 Lục Quân còn theo học rừng, núi, sinh lầy tại Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân tại Dục Mỹ vào tháng 1/73 và 2/73, chia làm hai đợt. Tiểu Đoàn 2 học đợt một với 70 SVSQ, Tiểu Đoàn 1 học đợt hai với 71 SVSQ. Thời gian học mỗi đợt 4 tuần và được đặt tên là Khóa 1 Đặc Biệt Rừng Núi Sinh Lầy và Viễn Thám, và Khóa 2 Đặc Biệt Rừng Núi Sinh Lầy và Viễn Thám. Các khóa học này không cấp bằng cho SVSQ mà chỉ có danh sách liệt kê toàn thể SVSQ theo học.

Mỗi mùa quân sự kéo dài 10 tuần, liên tục 7 ngày được tổ chức cả ngày lẫn đêm. Trong 36 tuần mỗi năm vào các mùa văn hóa, hàng tuần có 4 giờ thể thao, 2 giờ võ thuật, 2 giờ lý thuyết quân sự, không kể các chương trình diễn tập ngắn hạn đặc biệt. Tính ra mỗi năm 900 giờ, tức 3600 giờ trong bốn

năm.

Phòng Huấn Luyện Quân Sự bao gồm bốn khoa: Tổng Quát, Chiến Thuật, Vũ Khí, Binh Chủng. Riêng Khoa Tổng Quát thì huấn luyện về địa hình, tham mưu, quân kỹ, không trợ, tiếp vận, tình báo, thể dục quân sự. Các môn về Chiến Tranh Chính Trị có thể do sĩ quan thuộc Khối Chiến Tranh Chính Trị, hoặc các giáo sư Văn Hóa Vụ giảng dạy.



Khóa 26 trong một buổi học về chiến thuật vào mùa Quân Sự.

Phòng Huấn Luyện Thể Chất gồm hai khoa thể thao và võ thuật. Khoa Thể Thao hướng dẫn SVSQ rèn luyện thể vận, trường lực, điền kinh, bóng dài, bóng rổ, bóng chuyền, bóng tròn. Khoa Võ Thuật dạy quyền anh, nhu đạo, thái cực đạo. Môn cận chiến do sinh viên sĩ quan huấn luyện viên đàn anh Khóa 23 huấn luyện trong mùa Tân Khóa Sinh. Môn Đoạn Đường Chiến Binh thuộc Khoa Tổng Quát của Phòng Huấn Luyện Quân Sự, nhưng do hạ sĩ quan huấn luyện viên của Phòng Huấn Luyện Thể Chất coi sóc.

Thư viện có một bộ binh thư, phần lớn đã được dịch sang tiếng Việt, từ FM của Mỹ, ấn bản 1956 – 1960. Các tài liệu học tập đều do phòng Huấn Luyện Quân Sự tự soạn với những kiến thức mới nhất, rút tĩa từ thực tế chiến trường. Điềm quân

sự (bao gồm cả quân sự và thể chất) được tính thành 35% tổng số điểm tốt nghiệp. Sự thực, mức rèn luyện thể chất và kiến thức quân sự lãnh hội được từ một SVSQ lại không nằm trong đối tượng của Phòng Nghiên Cứu Thành Tích. Thí dụ, sau khi cả Trung Đoàn SVSQ chạy sáng xong, SVSQ nào thích có thể chạy thêm, đi tập võ riêng; trái lại, có người trở về phòng với trạng thái mỗi mệt.

Trung Đoàn SVSQ là nơi tập tành các môn cơ bản thao diễn, rèn luyện thân thể qua các môn căn bản thể vận (chạy, nhảy, bò, lăn) với giờ giấc và hoàn cảnh bất định. Ngày Quân Lực 19 tháng 6 năm 1973, Khóa 26 và 27 tham gia diễn binh tại Sài Gòn, nhận giải nhất đồng hạng với Thiếu Sinh Quân, là kết quả tất nhiên của bao nhiêu mồ hôi diễn tập trong sinh hoạt thường lệ của Trường Võ Bị.

Các niên trưởng đàn anh mỗi lần về thăm trường đều có nói chuyện dành cho sinh viên sĩ quan năm thứ tư, do lời mời của sĩ quan cán bộ thường tổ chức tại các hội quán đại đội gọi là những buổi học hỏi kinh nghiệm chiến trường. Tuy không nằm trong chương trình huấn luyện chính thức, nhưng những buổi tiếp xúc đó thu hút hầu hết mọi người với sự tham dự thật hăng hái và linh hoạt bổ ích, vượt ra ngoài phạm vi sách vở, thi cử, hay bằng cấp.



Khóa 251 Nhảy Dù

KBC 3058 - Căn Cứ Hoàng Hoa Thám, Sài Gòn.

Mãn khóa: Thứ Sáu ngày 10 tháng 3 năm 1972.

Nhập khóa: Thứ Hai ngày 21 tháng 2 năm 1972.

Số khóa sinh: khoảng 290 *.

Khóa sinh đến từ TVBQGVN: 3 sĩ quan + 143 SVSQ/ K26 (K26 Lục Quân).

Khóa sinh tại Sư Đoàn Nhảy Dù: khoảng 150 (phần lớn là tân binh).

Khóa sinh nhảy dù thực sự (5 air assault) tại Ấp Đồn vào tuần chót: Khoảng 350.

Huấn Luyện Viên: Khoảng 18.

Tư Lệnh SĐ Nhảy Dù: Trung Tướng Dư Quốc Đống

Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Nhảy Dù: Trung Tá Trần Văn Vinh.

Trưởng Khóa 251 Nhảy Dù: Thượng Sĩ Lương.

Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN: Tr. Tướng Lâm Quang Thi

Sĩ quan khóa sinh Đại Diện TVBQGVN: Đại Úy Nguyễn Cửu Nhông, K16.

Khóa sinh đại diện Khóa 251 ND: SVSQ Nguyễn Quang Lạc, K26.

Huấn luyện và tiếp vận:

- Tổ chức: 6 toán, mỗi toán 2 huấn luyện viên huấn luyện khoảng 48 khóa sinh.

- 17 ngày huấn luyện,

Thứ Hai - Thứ Bảy (5:00 sáng - 5:00 chiều).

- K26 ăn ở ngay tại TTHL Nhảy Dù, xuất trại sau giờ học.

- GMC đón SVSQ mỗi sáng lúc 4:30 tại trước trại Nguyễn Trung Hiếu.

- Tiệc trà mãn khóa: Tối Thứ Sáu 10/3 tại Sân Cỏ TTHL/ND (có thân nhân).

- Biểu diễn: khoảng 30 HLV+ SQ Nhảy Dù và 40 SVSQ/

K26.

- Nơi biểu diễn: Sân Cù, Dalat, Chúa Nhựt 12 tháng 3 năm 1972.

- Liên hoan mãi khóa: tối Chúa Nhựt 12/3 tại Phan Xá TVBQGVN (có thân nhân).

- SĐ Nhảy Dù tặng mỗi SVSQ/ K26 một bộ tác chiến hoa dù.

Thế Bản Cung

1. Đầu, thân mình và chân tay trái thẳng hàng; và tạo một góc 45 độ với mặt đất.

2. Tay trái (giang thẳng) và cánh tay phải thẳng hàng; và tạo một góc 90 độ với thân mình.

3. Mắt nhìn theo đầu mũi tên và mũi tên song song với tay trái. Như vậy mũi tên

sẽ bay ra theo hướng 45 độ so với mặt đất.

4. Cung song song với chân trái.

5. Đùi phải thẳng góc với đùi trái, chân phải thẳng góc với mặt đất.

Chú thích ảnh đầu bài:

Sĩ Quan Thủ Khoa Nguyễn Văn Lượng đang bắn tên đi bốn phương trời, trong Lễ Tốt Nghiệp Khóa 26 SVSQ - Khóa Trung Tướng Nguyễn Việt Thanh ngày 18 tháng Giêng 1974.

(Ảnh và ghi chú của CSVSQ Nguyễn Văn Lượng, K26.)

Vào Cổng Sau

Võ Công Tiên, K26



Khoá 26 có 18 người quê ở Bình Định. Toà Hành Chánh/ Tiểu Khu Bình Định, nơi phát đơn gia nhập TVBQGVN.

Ngày đầu tiên tôi đi vào Trường Võ Bị chỉ đơn sơ như bữa ghé thăm nhà của một người quen. Những người lính Quân Cảnh tại cổng Thái Phiên chỉ lối vào phía sau thay vì phải đi vòng qua rừng thông đằng trước. Ai có dính líu đến Trường Võ Bị Đà Lạt thì biết cổng Tôn Thất Lễ này, không có bảng chỉ dẫn, ngoại trừ một trạm canh gác với vài người lính thật hiền hòa.

Nhìn về hướng Bắc, xa xa là hai đỉnh Lâm Viên. Khu vực này tựa như một nhà máy với những dòng khói đang tuôn lên vào buổi sáng giữa ngày. Phải rồi, đó là lò luyện thép, một nơi rèn luyện những chàng trai có lý tưởng. Vài quán cafe mì gói trước cổng. Nơi đây, tôi gặp một thiếu úy, mặc khaki vàng. ông ta tự giới thiệu là một sĩ quan Văn Hóa Vụ, bảo chút nữa sẽ cùng đi bộ với tôi vào trường.

Đó là ngày tôi vào thẳng Trường Võ Bị nộp tờ xác nhận

quyết định vào Khóa 26 Sinh Viên Sĩ Quan Hiện Dịch. Sau vài tuần tôi có tên trúng tuyển. Đi lính mà cũng phải thi, đậu mới hy vọng được vào. Còn việc khảo sát thể chất thì tôi tin chắc sẽ qua câu được. Vị sĩ quan Văn Hóa Vụ này thuộc thành phần động viên, nhưng rất vui và có vẻ hăng say trong trách nhiệm khi về phục vụ tại đây.

Đi men theo bờ hồ cạnh một trạm biến điện, vòng qua vài sân quần vợt, bóng chuyền là gần đến khu vực bộ chỉ huy. Ông thiếu úy muốn đưa tôi dạo sơ nhà B, tức là phải băng qua sân cỏ của khu văn hóa, vì ông ta có chút việc ở đây trước. Không một bóng người trên ngọn đồi, hai bên con đường vòng dài hun hút của khu vực doanh trại hướng về phía phòng ăn.

- Anh không được đi lên cầu thang xoắn ốc này.

Đó là lời dặn chót của vị sĩ quan này trước khi chúng tôi chia tay. Tôi đến phòng Tuyển Thủ ký tên, nộp mạng. Giờ này tôi không còn nhớ vị thiếu úy tốt bụng dẫn đường tên tuổi ra sao. Tôi hỏi, bao giờ thì tôi có thể lên xuống được cầu thang giữa, xây theo hình xoắn ốc này. Nhưng tôi không được trả lời, và ông chỉ mỉm cười nhẹ một cách thoải mái băng qua.

Một năm, ba năm sau, tôi làm quen với những phép biến đổi Laplace, lý thuyết sức căng lực nén, đơn vị BTU, hay tư tưởng Montesquieu, đủ thứ vừa trừu tượng, xa lạ, mới mẻ và khó hiểu. Bốn năm sau, tôi rời Trường Võ Bị sau đêm dạ tiệc liên hoan của ngày mãn khóa. Mang lon Thiếu Úy, tôi trở ra ngã sau phạn xá, vào đêm khuya, không người đưa tiễn.

Bỏ qua chiếc cổng Nam Quan với ngọn Cờ Vàng bay phát phới và hàng chữ TỰ THẮNG ĐỂ CHỈ HUY, tôi nhớ cái cổng đầu tiên, và cuối cùng, một lối vào và cũng chính đó là lối ra. Người sĩ quan Văn Hóa Vụ ngày ấy, nay đâu? Đến nay, tôi vẫn chẳng có dịp lên xuống cầu thang xoắn ốc. Kể từ đó, ít nhất thời gian cũng đã trải qua 52 năm của trời đất, mặc cho gió thoảng nắng vàng với đời thông vi vu và sương lạnh.

Lắm Cẩm Sự Đời

Trần Kim Bảng, K20

Một hôm trước khi viết bài này, anh Trường, Chủ Bút báo Đa Hiệu và tôi có nói chuyện với nhau qua điện thoại. Sau khi thăm hỏi sức khoẻ của nhau liên quan đến mùa “dịch cúm Vũ Hán” ngọt ngào vừa qua, anh có đề nghị tôi viết một bài cho Đa Hiệu với bất kỳ đề tài nào, nhưng nếu là một đề tài nói về một sự kiện “vui, tếu” nào đó thì tốt, vì trong cuộc sống của chúng ta bấy lâu nay, buồn nhiều hơn vui, cho nên cần phải có đề tài “tếu” để giải buồn.

Tôi hoàn toàn đồng ý với đề nghị rất chính đáng của anh, và anh cũng đã đồng tình với tôi là, viết hay kể chuyện về một đề tài “tếu” nào đó để mọi người cùng cười với nhau không phải dễ. Người kể chuyện cần phải có năng khiếu, phải có duyên ăn nói, hoặc nếu viết bài thì phải có biệt tài với giọng văn “tếu” thì bài đọc mới hy vọng chọc cười bà con ta được.

Thường thì viết chuyện buồn dễ hơn viết chuyện tếu, có lẽ vì đời vốn dĩ đã là “bể khổ”(?) cho nên thế gian này thường có nhiều chuyện buồn hơn chuyện vui

Riêng đối với tôi, đây là một công việc khó thực hiện, vì bản thân tôi vốn dĩ đã không có “chất tếu” trong máu, cũng

chẳng có duyên, lại thường hay gặp nghịch cảnh trong cuộc sống, cho nên viết về một đề tài “tếu” là một vấn đề khó; khó hơn cả trúng số độc đắc! Tuy vậy nhưng tôi rất thích tham dự vào những câu chuyện tếu, thích cười, và rất thích hợp mặt với bằng hữu để cùng tếu với nhau cho cuộc đời đỡ nhàm chán, cuộc sống được dài thêm. Chỉ tiếc là mình không có máu “tếu” để giúp mọi người cùng tếu!

Nhưng có một điều lạ xin được viết ra đây: Từ khi có dịch Cúm Vũ Hán bùng phát vào những tháng đầu năm 2020, tự nhiên tôi cảm thấy mình có ý muốn thay đổi “nhân sinh quan”; có nghĩa là trước đây tôi cho rằng “đời đáng chán”, thì bây giờ đột nhiên muốn đổi thành “đời đáng sống”. Đơn giản chỉ có thế, nhưng với tôi chẳng hiểu tại sao nó lại có vẻ như trầm trọng lắm.

Thành thật mà nói, đây là một ý nghĩ rất tự nhiên, không hề gò bó chút nào cả, mà chỉ là đột nhiên ý nghĩ ấy đến với tôi. Giá như tôi cứ âm thầm mà làm theo ý mình thì cũng xong, nhưng muốn viết ra đây, vì thấy sự thay đổi “nhân sinh quan” cũng chính là “lắm cảm sự đời”.

Ý nghĩ ấy đã đến với tôi từ ngày cúm Vũ Hán hoành hành trên thế giới đến nay đã 2 năm rồi! Để cho “đời đáng sống” tôi đã tự ý bỏ hút thuốc, bỏ rượu theo lời khuyên của các bác sĩ sau 3 lần nhập viện cấp cứu. Tôi không muốn gây phiền hà cho người thân trong gia đình nhưng còn một lý do khác nữa, chính là vì trong mùa dịch cúm vừa qua tôi bị cấm cửa, không được đi ra ngoài, suốt ngày cứ loay quanh luẩn quẩn trong nhà, hết ăn rồi ngủ, hết ngủ rồi lại ăn, rồi đi tìm nguồn vui trên màn hình TV hoặc trên bàn phím computer – internet, cho nên vô tình tôi đã đi lạc vào vùng đất của cụ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu từ lúc nào mà không hay.

Khi chợt nhìn lên thì biết đây là nhà của cụ Tản Đà nhưng không dám bước vào vì nghĩ thân phận mình trước kia là lính, chỉ biết cầm súng chứ đâu có biết cầm bút, chữ nghĩa thì cũng

chỉ đi ăn đong bấy lâu nay, vừa tạm đủ để “đầu lão” cho đỡ buồn mà thôi. Tôi bị mặc cảm, rất ngại bước qua cửa nhà cụ, vì sợ bị chê là “học đòi”. Tôi chỉ đứng ngoài nhìn vào, thì thấy cụ viết:

*“Cùng một giấc mơ màng trong vũ trụ.
Đời đáng chán biết thôi là đủ,
Sự chán đời xin nhủ lại tri âm.
Nên chẳng nghĩ lại kẻ nhàm.”*

Dĩ nhiên cụ sáng tác cả một rừng thơ và văn, không thể đọc hết được, tôi chỉ “chôm” bốn câu trên đây trong một bài thơ dài mà tôi cho là đặc ý nhất để hầu chuyện quý niên trưởng và quý bằng hữu; hy vọng là góp thêm được ý vui vào sự đời lắm cảm hôm nay. Nếu có phần nào sai sót, không vui, không thể cười được thì xin quý vị niệm tình bỏ qua.

Vâng, đúng vậy! Theo tôi thì lời khuyên của cụ Tản Đà rất chí lý: **Đời đáng chán thật đấy nhưng không nên chán**, vì chán đời theo ý cụ và tôi cũng đồng ý là một lầm lẫn rất lớn. Cuộc đời có vô vàn sự lắm cảm không ai có thể kể hết được, mà cũng theo ý cụ thì tuy sự đời lắm cảm thật đấy nhưng cũng cần phải “*biết đến*”; và biết đến càng nhiều càng tốt để truyền kinh nghiệm lại cho người đi sau. Vì vậy mà ta -- cho dù sự đời có đổi trắng thay đen như thế nào đi nữa thì cũng -- đừng vội chán đời! Nếu có tư tưởng chán đời chợt xuất hiện trong ta, thì ta phải gạt bỏ ngay nó đi, vì một khi đã chán đời thì không còn muốn làm việc gì cả.

Xin đừng chán đời! Mà hãy yêu đời! Chán đời là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến “bỏ đời”, tức là bỏ cuộc chơi miễn phí trên dương thế này để đi về thế giới khác với ông bà, mà như thế thì chẳng còn giúp ai trong cõi đời ta bà này được nữa. Có lẽ cũng chính vì vậy mà cụ Khái Hưng và cụ Nhất Linh là những người sống cùng thời với cụ Tản Đà cũng đã từng khuyên bác Phó Thúc trên đê Yên Phụ ngày nào trong một cơn mưa bão nặng hột, rằng “Anh Phải Sống”, đừng đi theo vợ

anh, cho dù cuộc đời của anh có đen như mồm chó thì cũng cứ vui lên. Hãy chống cự lại dòng nước định mệnh đã cướp đi sự sống của người vợ, để sống với 3 đứa con còn thơ dại.

Triết lý của cụ Nguyễn Khắc Hiếu -- một nhà thơ, cũng là nhà văn, cũng là nhà viết kịch nổi tiếng của vùng núi Tân sông Đà, đã một thời lừng lẫy trên văn đàn Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ 19 -- rất thực tế, đơn giản, dễ hiểu; thiết nghĩ mọi người nên tuân theo.

Tiện đây cũng xin nhắc thêm về cụ Khái Hưng, nhà văn nổi tiếng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn (1934-1942) muốn canh tân lối sống “nho học” cổ hủ ở nước ta. Cụ đã bị Việt Cộng nó giết mất ở tuổi còn sáng tác sung mãn. Thật khốn kiếp cho cái lũ súc sinh Việt Cộng! Cụ mất đi nhưng “Hồn Bướm Mơ Tiên” của cụ vẫn còn âm hưởng đậm đà trong Văn Học Sử Việt Nam, mọi người vẫn yêu mến “Hồn Bướm Mơ Tiên” của cụ và thương tiếc cụ.

Còn cụ Nhất Linh thì Trời ơi! Sao cụ lại đi tự tử! Cụ vừa là người sáng lập và lãnh đạo nhóm Tự Lực Văn Đoàn, vừa là cây viết nổi tiếng của nhóm với ý khuyên người đời nên “Đoạn Tuyệt” với lối sống phong kiến cổ hủ, tương tự như cụ Khái Hưng. Thật quá đẹp! Nhưng có ngờ đâu cụ lại đoạn tuyệt với thế giới loài người hơi sớm, làm cho bức tranh vãn cảnh của cuộc đời này thêm đen tối, thay vì phải làm cho nó sáng tỏ, yêu đời thêm lên, chứ sao lại như thế. Thật khó hiểu! Thật đáng tiếc!

Vâng, đây cũng là một vài “lắm cảm sự đời”! Hai cụ mất đi đã để lại cho Văn Học Sử Việt Nam nỗi luyến tiếc của một thời vang bóng. Thời ấy tôi chưa được may mắn tham dự vào vì bị cho là “sinh sau đẻ muộn”. Tôi chỉ biết đến qua không khí học đường sau năm 1954 ở Sài Gòn, nhưng được biết đến trễ như thế cũng đã là may mắn lắm rồi, không đến nỗi như ai đó trong nhóm “đỉnh cao trí tuệ” coi “Tự Lực Văn Đoàn” là một gánh hát.

Bây giờ nhìn lại lớp hậu sinh chúng tôi, những người được sinh ra ở cuối thập niên 1930 và đầu thập niên 1940, phần đông đã một thời khoác áo lính trận, tham gia vào hầu hết những trận đánh khốc liệt trên quê hương kéo dài suốt 20 năm (1954-1975), hung tàn nhất lịch sử Việt Nam. Ấy thế mà nhanh như chớp, thời ấy cũng đã lùi vào dĩ vãng 46 năm rồi! Thời binh lửa tang tóc ngút trời ấy đã qua đi được, thì rõ ràng là mọi chuyện lắm cảm sự đời này rồi cũng sẽ qua đi được, nhưng hình như không quên đi được; hay nói cách khác là chẳng có gì tồn tại với thời gian, ngoại trừ lịch sử và tình người.

Sau cuộc chiến, tất cả chúng tôi đã bị lừa vào các trại tù “cải tạo” được thiết lập rải rác trên khắp ba miền quê hương đất nước, mặc dầu không ai có tội gì cả nhưng vẫn bị đi tù khổ sai, thật vô lý, thật bất công! Nhưng đây là cuộc đời! Rồi cũng qua đi! Hôm nay những người chết đã yên mồ đẹp mã, hoặc có thể có nhiều linh hồn vẫn còn vất vưởng đâu đó, trong rừng sâu, trên đồi núi, trên biển cả, hay trong vùng đất khô cằn nào khác; chúng ta hãy cầu nguyện cho những linh hồn ấy sớm được nghỉ ngơi đời đời!

Còn những người đang sống thì vẫn sống với thân hình không nguyên vẹn hoặc nguyên vẹn, với thể xác rã rời, tâm thần mệt mỏi, nhưng không ai tự tử, có nghĩa là không có ai chán đời cả. Chỉ buồn và buồn thế thôi! Hôm nay đáng lẽ không nên nhắc lại vì đã hứa là kể chuyện “tếu”, nhưng tôi chỉ có ý muốn nhấn mạnh là “đời đáng sống” chứ “không đáng chán” cho dù chúng ta đang phải sống ở bất kỳ hoàn cảnh nào, cho dù là tồi tệ nhất.

Thế rồi với quan niệm “đời đáng sống” làm tôi cứ lan man đi tìm ý nghĩa cuộc sống cuối đời chứ không có ý đối đời, để học hỏi thêm mặc dầu tuổi tác của thế hệ chúng tôi đã hơn “8 bố”, chẳng qua là vì cụ Tản Đà trước đây cũng đã bảo rằng:

*“Dân hai trăm triệu ai người lớn,
Nước bốn ngàn năm vẫn trẻ con.”*

Muốn làm người lớn thì phải học! Nhưng có những người không học cũng vẫn làm lớn, vẫn làm thủ tướng, vẫn làm chủ tịch nước, thế mới chết chứ! Cách đây 125 năm dân số nước ta dưới thời Pháp thuộc vào khoảng 25 triệu, còn bây giờ thì đã gần một trăm triệu. Vậy để cho thích hợp với hoàn cảnh bây giờ, chúng ta xin phép cụ được tạm đổi lại câu đầu, là: “Dân *một trăm triệu* ai người lớn”, còn câu thứ hai thì vẫn để nguyên.

Vâng! Cụ Tản Đà cho biết thêm, con người và đất nước của chúng ta, cho đến bây giờ đã qua bốn ngàn năm mà vẫn còn “trẻ con”, chẳng có ai “người lớn” cả. Có lẽ ngay từ buổi sinh thời của cụ, cụ đã tiên đoán, rồi đây chúng ta sẽ đánh nhau chí choé như trẻ con vào thời “Quốc - Cộng” phân tranh từ 1954 đến 1975 mà người đời thường gọi là “Cuộc Chiến Việt Nam”. Mà đã gọi là “cuộc chiến” thì thế nào cũng có “bên thắng cuộc”, “bên thua cuộc”. Và thật may mắn, đúng là lắm cảm sự đời, quý niên trưởng, quý bạn và tôi lại được đứng chung với nhau ở “bên thua cuộc”.

Tôi cứ tưởng rằng sau ngày (30-4-1975) Sài Gòn bị “phòng...” thì “bên thắng cuộc” sẽ được hưởng trọn vẹn những “chiến lợi phẩm” sau khi đã thu dọn chiến trường. Chứ có ngờ đâu -- sau khi “bên thua cuộc” bị lừa vào các trại tù “cải tạo”, lớp người dân bình thường và vợ con lính thì bị đẩy đi vùng kinh tế mới, lớp người khác thì bỏ của chạy lấy người -- Giặc Phương Bắc có bộ chỉ huy ở Bắc Kinh đã từ lâu nhòm ngó nước ta và nó đã đặt chó săn ở Hà Nội ngay từ khi “nước ta có đảng”, nó nhìn thấy rất rõ đây là thời cơ tốt nhất để cướp lại các chiến lợi phẩm từ tay các đồng chí Hà Nội.

Nó bèn tức khắc “lấy thịt đè người” ép buộc “bên thắng cuộc” phải chia phần lớn các chiến lợi phẩm ấy cho nó, bao gồm cả nhiều khu vực màu mỡ trên đất liền và các hải đảo xa/gần của Tổ Quốc ta. Thế mới đau chứ! Thế nhưng cái đau hơn nữa, chính là tinh thần các đồng chí Hà Nội lại tỏ ra hoan hỉ, sẵn sàng dâng đất, dâng biển cho giặc! Thật không biết còn

phải nói gì hơn, có phải là “lắm cảm sự đời” hay phải gọi nó là cái quái gì!?

Nghiem lại, tôi mới thấy cụ Tản Đà nói không sai chút nào cả. Dân ta còn trẻ con quá nên giặc Tàu nó bắt nạt, nó dụ “bên thắng cuộc” là cứ “đánh Mỹ cho đến người Việt Nam cuối cùng” để giúp cho CS quốc tế Nga-Tàu. Nó cấm được ngọn cờ búa liềm trên đỉnh vinh quang thế giới thì thế nào cũng nhìn thấy thiên đàng Cộng Sản, vì thế mà đánh Mỹ là thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao đẹp đây!

Nga-Tàu nó khôn lắm, nó là người lớn mà, nó đâu có trẻ con như dân ta đâu. Một mặt nó nói với dân ta, nào là Thế Giới Đại Đồng tuyệt hảo, nào là Nghĩa Vụ Quốc Tế Cộng Sản cao cả,... nhưng sự thật của mặt bên kia, đã nhiều lần hai đứa chúng nó đánh nhau chí mạng ở biên giới Nga-Tàu để giành đất. Chẳng đứa nào chịu thua, mạnh đứa nào, đứa ấy sống chứ làm quái gì có cái “tinh thần quốc tế vô sản” nào đâu?! Toàn là bịp với bịp cả đấy thôi! Và thực sự thì chúng nó có “vô sản” hồi nào đâu, chúng nó “hữu sản” mà! Nó nói láo quá sức như thế mà dân ta trẻ con quá, chẳng biết mô tê chi cả, cứ nghe theo những lời đường mật của nó. Thế mới chết chứ! Thật tội nghiệp cho dân ta quá!

Những lắm cảm sự đời nêu trên đã quá cũ, nay đã quá lỗi thời, thế nhưng dân ta “vẫn trẻ con” vẫn không chịu hiểu nên phải nhắc lại; không biết đến bao giờ thì dân ta mới khôn lớn, mới thoát ra khỏi?!

Tôi thực sự không biết, nhưng mới đây ngay trên lục địa của “Uncle Sam” cũng xuất hiện những “lắm cảm sự đời” tương tự, làm tôi rất ngạc nhiên, đó là sự kiện “**Critical Race Theory**” (**Lý Thuyết Chỉ Trích về chủng tộc**) viết tắt là **CRT** được dạy cho học sinh ở các lớp “elementary and secondary schools, as well as higher education” (các trường tiểu học, trung học, cũng như chương trình giáo dục cao hơn) trong hệ thống các trường Công Lập.

Cội nguồn của CRT chính là Marxist ideology (tư tưởng của Mác - Một lý thuyết gia Cộng Sản), theo một số người chuyên môn học đường và các phụ huynh học sinh cho biết thì đây là kế hoạch của “leftist social justice warriors” muốn nhồi nhét tư tưởng CS vào đầu óc thế hệ trẻ và tẩy sạch mọi dấu vết American Heritage từ bầy lâu nay của Uncle Sam, không chỉ ở học đường mà ở mọi nơi trên nước Mỹ để quên đi truyền thống, cội nguồn đã có từ thời các “cha già lập quốc”. Vì thế mà chẳng lạ gì khi có nhiều đứa không muốn chào Quốc Kỳ Mỹ, thật khôn nạn! Những người có nền văn hóa “Uống nước nhớ nguồn” cảm thấy bất mãn khi nhìn thấy những trò lố lăng khôn nạn đó.

Thiết nghĩ, nơi đây (nước Mỹ) là vùng đất cuối cùng của người Việt Nam Ty Nạn Cộng Sản, không còn vùng đất nào nữa. Sau nửa thế kỷ rời xa quê hương thứ nhất, nước Việt Nam thân yêu của chúng ta cho dù bằng phương tiện nào hay “điện” nào, và đã nhận vùng đất này là quê hương thứ hai, chúng ta không thể không có trách nhiệm trước những đổi thay thiếu lành mạnh đang diễn ra chung quanh chúng ta. Nếu chúng ta không hành động thì mai kia một nọ, các thế hệ đi sau chúng ta, với những kiến thức hôm nay mà chúng nhận được từ học đường, do “leftist social justice warriors” nhồi nhét vào đầu não non trẻ của con/ cháu chúng ta, thì thay vì mang ơn -- chúng lại chống lại hoặc trách móc chúng ta, nếu không muốn nói là chửi mắng chúng ta, tương tự như một số người đang quay lưng lại với lá cờ của Tổ Quốc.

Họ đã nhầm lẫn trầm trọng giữa lá cờ Tổ Quốc với lá cờ Đảng phái, họ bị thiếu giáo dục hoặc nghe theo lời tuyên truyền của “leftist”, họ đã đánh mất “fundamental American values” (những giá trị căn bản của Mỹ).

Nếu chúng ta thiếu đề cao cảnh giác hoặc thờ ơ với thời cuộc thì chắc chắn những tên Cộng Sản nằm vùng sẽ không bỏ lỡ cơ hội, đoạt lấy tự do của chúng ta mà chúng ta đã phải mua bằng máu và nước mắt, thậm chí là bằng mạng sống của

chúng ta. Một trong những “cha già lập quốc” của Mỹ, ông Thomas Jefferson đã nhấn mạnh trong một bài viết: “Eternal vigilance is the price of liberty.” (Không ngừng đề cao cảnh giác là cái giá của tự do.) Chúng ta phải đề cao cảnh giác như “người lính gác gác” đang ở phiên canh gác cho đơn vị mình. Không thể lơ là được! Đừng quên rằng, một khi CS đã thực thi nghị quyết của “đảng” thì không bao giờ chúng bỏ cuộc, chúng chỉ tạm ngừng lại nếu điều kiện không cho phép mà thôi..

Thưa quý niên trưởng, thưa quý bạn,

Như trên tôi đã trình bày, tôi không có khả năng viết bài “tếu” cho dù tôi rất muốn, nhưng không hiểu tại sao đầu tôi nó cứ lái tay tôi viết về những chuyện “lầm cẩm sự đời” như thế này. Thôi thì “Tẻ vui cũng bởi lòng người mà ra”, quý vị cứ coi đây là một bài viết “tếu”, đọc xong rồi nhẹ nhõm bỏ qua.

Thế là đủ. Kính chúc quý vị nhiều may mắn thoát khỏi mùa “Cúm Vũ Hán”.

7 Tháng 8, 2021



Lời Hứa Của Cha

Bích Lan, K 19/1

Nhân ngày FatherDay, viết chuyện thật của gia đình tôi.

Sau 30 tháng Tư năm 1975, gia đình tôi đi tù một nửa: Ba tôi, chồng tôi, anh rể, hai anh trai. Còn lại ở nhà một nửa: Anh Hai học Khoá 7 sĩ quan Thủ Đức giải ngũ làm tòa Đại Sứ Mỹ, không trình diện đã phải đổi chỗ ở hết nơi này tới chỗ khác, một anh học ba ngày, chồng cô em là bác sỹ bị giữ lại làm việc tại bệnh viện Sa Đéc, hai cậu em vừa hết trung học.

Ba tôi là công chức, sau khi trình diện thì bị tập trung tại làng cô nhi Long Thành, Biên Hoà. Tù hơn hai năm, ông bị xuất huyết bao tử quá nặng phải đi nhà thương. Nơi đây, má tôi được cho vô săn sóc. Trong thời gian nằm nhà thương hơn một tháng ông được về thăm nhà một lần, chỉ gần hai tiếng để lấy thuốc. Khi bệnh tình thuyên giảm ông phải vào trại tù trở lại. Ông bị tù hơn một năm nữa, bệnh lại tái phát. Khi ông bị xuất huyết bao tử thừa sống thiếu chết thì ông được tha về cho gia đình chăm sóc và thuốc men. Ông sống với chúng tôi gần một năm nữa thì mất năm 1980.

Khi Cụ trở về thì con trai và con rể vẫn còn trong tù. Trong khi đó gia đình cô em, một anh và hai em trai đã yên ổn tại

Hoa Kỳ và Canada. Gia đình anh Hai gồm hai vợ chồng, năm đứa con sau bao nhiêu lần vượt biên thất bại gian nan tù tội trở về. Lần cuối vượt biên, cả gia đình đã mất tích trên biển cả.

Cụ trở về như con chim bị đạn, không thích hay không dám mặc áo quần đẹp, có xe honda không dám đi, vì bệnh hoạn nên má tôi tắm bồ không dám ăn hết, chừa lại để dành. Tối ngày nghiên cứu bản đồ nước Mỹ, cụ cứ chỉ vào bản đồ tiểu bang California, bảo rằng nơi đây ấm áp, và nếu được đi Mỹ cụ chỉ ở với gia đình tôi.

* * *

Vâng! Cụ đã chỉ ở với chúng tôi.

Sau nhiều lần chúng tôi vượt biên thất bại. Như đi chơi đâu đó vài ngày trở về mẹ con tôi lại sinh hoạt bình thường.

Một lần chúng tôi bị bắt giam hơn một tháng ở tỉnh Bến Tre được tha trở về thì nhà cửa cũng bị hàng xóm dọn sạch chẳng còn thứ gì. Trong nhà đã có người ở, cũng là người chị họ hàng gọi Má tôi là cô. Chị Tư có ba đứa con gồm một trai và hai gái từ 12 đến 16 tuổi. Khi mẹ con chúng tôi về chị cứ ở lì không chịu dọn đi. Trong nhà thằng con trai của chị ta còn nuôi mấy con gà đá nhốt trong buồng ngủ. Không khí thật là hôi hám, trong khi những con mạt gà bay đầy nhà, cắn mấy đứa con tôi mần đỏ khắp người.

Vào một đêm, khoảng hai giờ khuya, tôi nghe tiếng chị Tư la lớn:

- Dượng! Dượng! Ma! Ma!

Tiến ỏn làm cả nhà chị, Má tôi và bốn mẹ con tôi thức dậy. Riêng chị thì hoảng hốt bóp hai bàn tay la đau. Cứ như rằng mỗi lần chị Tư cãi nhau với tôi vì nuôi gà trong nhà dơ bẩn là đêm đó chị hay các con chị lại hoảng hốt giữa đêm khuya.

Có đêm thằng con trai la thật lớn, “Ma! Ma!” rồi bật dậy ngồi run. Nó méc là ông dượng mặc áo sơ mi trắng, quần tây màu xanh, áo bỏ trong quần, có chùm chìa khoá đeo ở thắt

lưng, mở mùng nó ra và nhìn mặt nó.

Đêm thì đưa con gái chị Tư thấy ông đi từ nhà trên xuống nhà dưới hay ngược lại nên mẹ con chị đêm xuống là không dám ra khỏi mùng. Mẹ con chị phải dùng cái xô để dưới đất cạnh giường ngủ mà đi vệ sinh trong đó.

Vào một đêm chưa khuya lắm, khi cả nhà cũng đã ngủ, chị Tư đang ngồi viết thư thì thấy ông già đứng bên cạnh. Ông trở đầu cái cán quạt giấy, đánh vào tay chị rất đau. Chị la, “Dượng! Dượng! Ma! Ma! Con dọn đi, con dọn đi.”

Sáng sớm hôm sau chị gặp Má tôi và tôi:

- O ơi, tôi hôm qua dượng về. Dượng lấy cái cán quạt giấy đánh con. Thôi con biết lỗi rồi, mẹ con con xin lỗi, cả năm nay con hỗn với O. Cho mẹ con con xin lỗi. Vì bây giờ chúng con không có tiền, xin cho chúng con hai chỉ vàng là chúng con dọn ra ngay.

Thật vậy, tối hôm trước khi cả nhà đã ngủ, chị Tư đã hai lần như hứa trong tiếng la hoảng hốt:

- Dượng! Dượng! Ma! Ma! Con dọn đi, con dọn đi.

Không biết chị đã viết gì để ông già nổi giận. Có phải chị đang làm đơn xin nhập hộ khẩu để ở luôn trong nhà tôi như tờ đơn chị đã nháp và vô tình tôi đã được đọc trong thùng rác?

Ngày ngày hôm sau khi Má tôi cho chị 2 chỉ vàng là chị dọn nhà đi ngay.

Má tôi nói với chị:

- “Mày thấy ông nữa rồi phải không? Mày không biết đó thôi, ông rất cưng hai đứa con gái nhỏ của ông. Tao làm mẹ mà cũng không bao giờ rầy la tụi nó.”

Sau khi chị Tư đi chỗ khác, chị có về khoe với tôi là chị mơ thấy Ba tôi cho chị trúng số đề hai lần để chị có tiền sắp xếp việc nhà.

Đúng là Ba thương hai chị em gái tôi. Trước ngày cưới của

tôi, Ba tôi chở tôi đi chợ Sài Gòn mua đồ dùng cá nhân. Chiều hôm đó khi ăn cơm tối xong ông kêu riêng tôi lên lầu nhỏ nhẹ dặn tôi rằng:

- “*Trong cuộc sống vợ chồng, muốn có hạnh phúc thì phải coi chồng như người bạn để tâm sự, và như là người tình để yêu thương.*”

Ngày cưới của tôi, Ba tôi đã bỏ tục lệ nhất định đưa tôi về nhà chồng và sáng hôm sau lại đến thăm chúng tôi để lại sự ngạc nhiên cho gia đình chồng tôi.

Chị gái tôi còn phải ganh tị với hai cô em gái cùng của mình. Chị thường nói:

- “Ba thương Lan, Bích nhiều hơn chị.”

Chúng tôi chống chế rằng tại chị lớn rồi và tại em lấy chồng lính chiến, chồng đi hoài nên Ba thương nhiều hơn.

* * *

Trong thời buổi khó khăn, vợ tù hay con tù nương tựa nhau. Tôi có quán bán cà phê, *con tù đạp xích lô, hay xe ba gác, vợ các cháu cũng là con tù, tất cả giúp nhau vì cuộc sống.* Các cháu đậu xe trước nhà tôi đón khách xuống xe, lên xe, đưa các con tôi đi học. Vợ cháu Thông, con một một anh cảnh sát, giúp tôi rửa cái ly cái tách, giúp tôi coi hàng khi tôi đưa các con đi học, hay coi nhà cho tôi khi tôi vắng nhà vài tiếng.

Lần đó, chiếc xích lô chở tôi đi nhận quà của ông anh từ Canada gửi về dừng trước nhà. Vừa bước xuống, hai tay ôm thùng quà, tôi thấy vợ Thông chân đất, hớt ha hớt hải từ trong nhà chạy ra la lớn, “Ma! Ma!” làm Má tôi cũng từ trong nhà bước ra hỏi vợ Thông là chuyên gì ồn ào lắm vậy.

Vợ Thông ôm ngực, thở không ra hơi, bảo rằng:

- Từ nay cháu không dám vào nhà cô nữa.

Cháu nói rằng trong lúc mơ màng cháu vừa cãi lại với ông già mặc áo sơ mi trắng, quần tây xanh, đeo sợi giây chìa khóa

ở thất lung màu trắng, tay cầm cái quạt giấy. Ông trở ngược cái cán quạt đánh vào mắt cá chân của cháu rất đau rồi bảo, “Nó về rồi kìa, dậy đi!”

Vợ Thông cãi lại ông:

- Nhà này là nhà của cô Lan Chiến. Đâu phải nhà của ông mà ông đuổi?

- Ba cô đó. Nhưng chắc mày nằm trên giường của cô, hay mày ngủ không coi nhà? Tôi biết ngay là ai rồi, an ủi.

Vợ Thông ngồi bệt xuống đất, hai tay còn xoa xoa mắt cá chân, lưỡi thè ra như còn sợ hãi. làm bầm, “Cháu không coi nhà cho cô nữa đâu.” Từ đó vợ Thông không dám vào trong nhà, ngay cả xin xô nước máy cháu cũng phải chờ có ai trong nhà mới dám vào xin.

* * *

Khi chồng tôi được tha về, chúng tôi thường thay Má tôi lên săn sóc mộ Ba tôi. Một con voi sứ đặt cạnh mộ của ông bị mất ông cũng về báo cho tôi lên mua con khác đặt vào.

Một buổi trưa, trời Sài Gòn nắng như lửa đốt, đang mơ màng trong giấc ngủ, tôi thấy Ba tôi nằm dưới mộ với tư thế nằm nghiêng chân cong cong. Tôi nói với ông:

- Sao Ba không nằm thẳng cho khoẻ?

- Nắng quá con ơi, chân Ba nóng quá. Ba tôi trả lời.

Trong giấc mơ, tôi thấy rất rõ ánh nắng chiếu xuống chân Ba tôi. Giữa trưa nắng nóng Sài Gòn, tôi hồi hải thúc dục chồng đi thăm mộ. Hai vợ chồng tôi đạp hai chiếc xe đạp, vượt hơn 10 cây số từ trường đua Phú Thọ lên Quang Trung thăm mộ Ba tôi.

Chúng tôi đến nơi, đang lui cui nhặt mấy cọng cỏ, thì bà già coi mộ cũng hốt hải từ công nghĩa trang trở về. Bà nói rằng bà đang ngủ gật ngoài quán cà phê thì ông cụ đánh nhẹ vào tay bà rồi nói, “Tụi nó lên kìa.”

Tôi kể lại giấc mơ Ba tôi kêu nắng nóng. Sẵn cây cuốc bà giữ mộ cầm trên tay, chồng tôi chỉ chạm nhẹ là đất sụp xuống thành lỗ hồng. Chúng tôi nhờ bà coi mộ xúc đất đổ đầy.

Ba ơi! Cái bản đồ California Ba còn nhớ không? Ba bảo chỉ ở với Chiến Lan, chồng con đã về sao ba nằm đây?

* * *

Thời gian chúng tôi nộp đơn đi Mỹ theo điện HO có cả Má tôi, vì gia đình tôi không còn ai. Mới đầu Má tôi đồng ý đi với chúng tôi, nhưng sau cùng bà nói rằng đã già rồi, chỉ muốn khi trăm tuổi ở lại Việt Nam. Vì thế, chúng tôi phải làm giấy tờ để Má tôi ở lại.

Khi phỏng vấn và lấy vé máy bay, họ nói rằng cấp tá xuất ngoại phải giao nhà cho nhà nước, vì Má tôi mới vô hộ khẩu. Nhưng nếu Má tôi ở lại, nhà đâu cho bà ở. Hai lần đi lấy giấy xuất ngoại, tôi đều bị trả lời là phải đuổi Má tôi ra khỏi nhà thì mới có giấy xuất cảnh và vé máy bay. Chúng tôi thật sự bối rối, có chạy chọt cũng chẳng biết đường nào.

Hai tuần lại tới hạn lên trả nhà cho thành phố để lấy giấy tờ xuất cảnh. Dù không phải là nhà lớn, nhưng nhà có địa thế làm ăn, chúng tôi làm sao bỏ được. Phường, quận tất cả đều không dám giải quyết. Chúng tôi chưa biết tính làm sao!

Trước khi đi lên sở nhà đất, Má tôi và chồng tôi ngồi ăn sáng, uống cà phê. Chồng tôi méc với Má tôi là khoảng ba giờ đêm hôm qua, anh thấy bóng Ba tôi từ trên bàn thờ lướt xuống, Má tôi cũng nói với chúng tôi là khoảng tầm giờ đó bà mơ thấy ông từ nhà trên xuống đứng gần bà an ủi:

-”Bà đừng lo, tôi giữ nhà cho bà ở.”

Vợ chồng tôi lại đem hồ sơ lên sở nhà đất thành phố lần này là lần thứ ba, và cũng như hai lần trước người nữ thư ký cầm liệng trả lại hồ sơ của chúng tôi, bảo rằng muốn đi thì phải giao nhà cho nhà nước.

Chúng tôi cũng cùng đường, nhưng vin vào có chúng tôi

sửa nhà sau khi chồng tôi ra tù, chúng tôi sửa nhà có xin phép quận, có bản vẽ. Tiền sửa nhà là của Má tôi và Má tôi có tên trong hộ khẩu.

Chồng tôi hỏi cô thư ký bây giờ chúng tôi muốn khiếu nại thì khiếu nại ở đâu? Cô thư ký nét mặt lạnh lùng nói như đuổi chúng tôi:

- Muốn khiếu nại thì gặp ông Châu, trưởng ban nhà đất mà khiếu nại.

- Cái phòng, cái ban nhà đất ở đâu? Chúng tôi xó rớ hỏi lại

- Bên cạnh. Cô thư ký trả lời cụt ngủn.

Chúng tôi ra ngoài sân đứng chờ. Khoảng 10 phút thì có một anh ăn mặc cũng tươm tăt, từ trên khu nhà lầu đi xuống, hai tay ôm một xấp giấy tờ. Anh ta dừng lại hỏi chúng tôi:

- Anh chị đứng đây có chuyện gì?

Chúng tôi trả lời là xin gặp ông Châu, trưởng ban nhà đất thành phố. Anh tự giới thiệu anh là Châu, rồi mời chúng tôi vào phòng chờ anh giải quyết cho một người khách trước chúng tôi.

- Tôi rất bận, anh chị ngồi chờ tôi giải quyết xong sẽ tới anh chị. Anh nói.

Có lẽ đây cũng là lần đầu tiên chúng tôi gặp được một người có quyền rất là lịch sự.

Tới phiên, vợ chồng tôi trình bày là chúng tôi sửa nhà sau khi chồng tôi ra tù, có xin phép quận, có bản vẽ, tiền sửa nhà là của Má tôi. Bà có hộ khẩu với chúng tôi, đã ở với chúng tôi từ khi Ba tôi mất hơn 10 năm. Nhà của Má tôi bị tịch thu khi anh em của tôi đi vượt biên. Má tôi có giấy tờ xuất cảnh cùng chúng tôi nhưng nay xin ở lại. Chúng tôi có giấy tờ đầy đủ.

Anh Châu lật tới lật lui giấy tờ nhà đất, coi kỹ giấy phép và bản vẽ trong hồ sơ nhà đất của chúng tôi khoảng 20 phút rồi nói:

- Nhà của anh chị thì mẹ của anh chị được ở lại.

Anh ký giấy tờ cho chúng tôi. Vài phút sau chúng tôi sang phòng bên cạnh lấy giấy xuất cảnh và vé máy bay.

* * *

Gia đình chúng tôi định cư tại Hoa Kỳ ngày 2 tháng 6 năm 1992, để lại mẹ già. Khi ra đi tôi như người mất hồn, bạn bè hàng xóm tiễn tôi nhưng tôi còn biết gì đâu. Chồng tôi đẩy tôi lên xe của người bạn khi tôi ngất đi.

Má ơi! Con đàn cháu đống mà từ nay Má lui thủi một mình với hàng xóm láng giềng, với những người xa lạ. Ai săn sóc Má lúc tối lửa tắt đèn? Chúng con là những đứa con bất hiếu!

Ba ơi, Ba đã hứa với Má, “Đừng lo, tôi sẽ giữ nhà cho bà ở.” Ba đã giữ đúng lời hứa, nhưng chúng con không còn ở với Má nữa.

Gia đình tôi tới Mỹ ở nhà cô em. Giờ này nhà đang sửa chữa, vách ván còn trống trải, trong khi mây cái va li và thùng hành lý chẳng giá trị gì, vất lăn lóc trên sàn nhà. Vào tối ngày thứ hai sau khi đến Mỹ, tôi cứ nằng nặc bắt chồng tôi kéo mấy cái va li lên lầu sợ bị mất. Cô em gái tôi bảo rằng chẳng ai thèm lấy mấy bộ quần áo đó đâu. Tôi cãi lại rằng đêm qua Ba bảo coi chừng mất đồ. Sáng hôm sau, nhà cô em tôi mất cái xe van đậu phía sân sau.

Tôi nhủ thầm, “Ba ơi Ba đã đi với chúng con và các cháu tới California rồi à.”

* * *

Thời gian cứ lặng lẽ trôi. Ba tôi đã lo nhà cửa cho Má tôi. Anh em chúng tôi thay nhau về thăm Má trong những dịp lễ Tết. Má đã là Bà Ngoại của cả khu xóm. Khi có ai cần tiền gấp vào nhà thương, cần tiền đóng học phí cho con đi học, mua sách vở, gia đình vợ chồng học hặc tới méc Bà Ngoại là mọi chuyện được yên ả.

Một buổi chiều Chủ Nhật mùa Đông ở Cali, trời mưa râm râm năm 2000, cái loa gắn trong phòng khách của cái nút bấm chuông điện gắn ngoài cửa đã lâu không còn xừ đưng, không được gắn pin, thỉnh thoảng vang lên: tin...n, tin...n tin...n.

Tôi chạy ra cửa nhưng chẳng thấy ai. Vài phút sau loa lại vang lên tin...n, tin...n, tin...n. Chồng tôi chạy ra mở cửa ngó dáo giác nhưng cũng thấy vắng lặng. Tiện tay anh nhấn vào cái nút bấm ngoài cửa, nhưng nó có kêu đâu. Chúng tôi rất hoang mang không biết chuyện gì đây?

Tuần sau, chúng tôi được điện thoại từ các cháu bên Việt Nam là Má tôi đau tim ngắt nhiều lần khi ngồi trước cửa chờ đón cậu em áp út hẹn về ăn Tết với Má mà chưa tới nhà. Má tôi phải vào bệnh viện.

Tất cả chúng tôi ba anh em trai, ba cô con gái, hai chàng rể và một nàng dâu đã ở bên Má được ba ngày thì Ba tôi đón Má về với Ba.

Một năm sau, lại một buổi tối mùa Đông Cali, cái loa trong phòng khách nhà tôi lại vang lên tin...n, tin...n, tin...n, dù cái nút bấm đã không được gắn pin từ lâu lắm. Chắc có chuyện gì đây. Chúng tôi nhìn lên tờ lịch: Ngày mai là ngày giỗ Má.

- “Vợ chồng con xin cảm ơn Ba đã nhắc nhở chúng con, ngày mai là ngày giỗ đầu của Má.”

Những năm sau không còn nghe tiếng loa của cái chuông điện nữa, chúng tôi sửa nhà không còn xừ đưng cái loa nhưng cái nút bấm chuông ngoài cửa vẫn còn đây. Dấu kỷ niệm vẫn còn đây.

Vào ngày giỗ, ngày Tết, chúng tôi thường kể lại cho bạn bè và con cháu nghe để nhắc nhở rằng chúng tôi có Cha Mẹ. Ông Bà dù đã khuất nhưng vẫn giúp đỡ, che chở con cháu trong những đoạn đường gian nan.

Tù Binh và Hòa Bình

Bắc Đẩu Võ Ý, K17

Dẫn Nhập

Để thi hành Hiệp Định Ba Lê (ký ngày 27/01/1973), Ủy Ban Quân Sự 4 bên rồi 2 bên được hình thành sau ngày 28/03/1973 để bàn về vấn đề thực thi Hiệp Định.

Tác giả Phan Nhật Nam, nguyên đại úy Nhảy Dù, được phái đoàn VNCH trao nhiệm vụ sĩ quan trao trả tù binh với phía Cộng Sản và ông có mặt trong Ủy Ban Quân Sự này. Sau những kỳ họp với đối phương, ông ghi nhận những sự kiện với những nhận định sâu sắc cay đắng của một chiến sĩ QLVNCH. Sách “Tù Binh và Hòa Bình” được ra đời sau đó, vào năm 1974.

Được biết, các vị Trưởng Đoàn của 3 phía Việt Nam và phía Mỹ là:

- Việt Nam Cộng Hòa: Trung Tướng Ngô Du, Tướng Dư Quốc Đống, Tướng Phạm Quốc Thuận, Tướng Phan Hòa Hiệp. Các Trưởng Tiểu Ban: Các Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa, Trần Vĩnh Đắc, Nguyễn Tử Đóa...

- Cộng Sản Bắc Việt: Thiếu Tướng Lê Quang Hòa, các Trung Tá Trần Tấn, Tuấn Anh, Thiếu Tá Bùi Tín,...

- “Chính Phủ Lâm Thời CHMNVN/ Mặt Trận Giải Phóng” của Cộng Sản: Trung Tướng Trần Văn Trà, Thiếu Tướng Hoàng Anh Tuấn, các Đại Tá Võ Đông Giang, Lê Trực, Nguyễn Văn Sĩ; Trung Tá Bùi Thiệp,...

- Về phía Mỹ, cấp Trưởng Đoàn và Trưởng Tiểu Ban Tù Binh (Giai Đoạn 4 Bên, 27/1 - 27/3/1973): Trung Tướng Gilbert H. Woodward; Đại Tá Clyde R. Russell.

Ủy Ban Quân Sự làm việc dưới sự Giám Sát của Ủy Ban Quốc Tế Giám Sát và Kiểm Soát Đình Chiến (ICCS) gồm Canada, Indonesia, Ba Lan, và Hungary. Một thời gian sau, Canada rút lui vì nhận thấy phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng không trung thực.

Phái đoàn Iran thay Canada. Trong công tác giám sát, phái đoàn Ba Lan và Hungary luôn có thái độ nghiêng về phe Cộng Sản, còn hai phái đoàn Canada (sau này là Iran) và Indonesia thì giữ vị thế trung trực, hơn là thiên vị.

Hai tháng sau ngày hiệp định ký kết, hàng chục ngàn tù binh Cộng Sản và trên năm ngàn tù binh VNCH dần dần được trao trả tại 6 địa điểm chính: Bờ Bắc sông Thạch Hãn, Quảng Trị, Đúc Phỏ (Quảng Ngãi), Hoài Ân (Bình Định), Lộc Ninh, Minh Thạnh (Bình Long), Thiện Ngôn (Tây Ninh), và Đúc Nghiệp (Pleiku).

Tù Binh và Hòa Bình xuất bản năm 1974 trong lúc cuộc chiến lần đầu giành dân do CSBV và Mặt Trận Giải Phóng phát động đang diễn ra khốc liệt trên 4 vùng chiến thuật nên sách không được dư luận chú ý.

Sau 30 Tháng 4, 1975, tại Sài Gòn, Tù Binh & Hòa Bình



cùng tất cả các sách của Phan Nhật Nam (cũng như của một số nhà văn nhà báo quốc gia khác) bị xếp vào “văn hóa Mỹ Ngụy”, “cực kỳ phản động”, có thể dẫn đến tù tội hoặc mất mạng nếu cất dấu.

Được biết, vào khoảng 1987, Nhà Xuất Bản Kháng Chiến tại Mỹ tự động chuyển ngữ và xuất bản *Tù Binh & Hòa Bình* dưới tựa đề “Peace and Prisoners of War – Sad Memory From Vietnam War”. Những năm sau này của Thế Kỷ 21, “*Tù Binh & Hòa Bình*” hay “Peace and Prisoners of War” hầu như tuyệt bản. Một tiệm sách ở Denver, Colorado đề giá “Peace and Prisoners of War – Sad Memory From Vietnam War” đến \$247, đánh giá là một trong những sách hiếm của thế kỷ 20. Hệ thống sách cũ của Amazon cũng không còn.

Mãi đến năm 2020, nghĩa là 46 năm sau, Peace and Prisoners of War (bản 1987) lọt vào tầm nhìn của Thượng Nghị Sĩ Hoa Kỳ, ông James Webb, một cựu Thủy Quân Lục Chiến Mỹ từng tham chiến tại Việt Nam và qua Nhà Xuất Bản Học Viện Hải Quân Hoa Kỳ (US Naval Institute Press/ NIP). Sách được edited lại và phát hành rộng rãi trên Amazon dưới tên nguyên thủy là Peace and Prisoners of War.

Đồng thời *Tù Binh và Hòa Bình* (bản Việt ngữ) được Nhà Xuất Bản Sống tái bản với khổ 61/4 X 9 in trên giấy vàng nhạt mỹ thuật, dày 270 trang, gồm 19 chương. Trong đó, hai chương sau cùng, 18 và 19 được tác giả viết thêm tại Mỹ vào năm 1995 và 2020.

Chỉ với 270 trang nhưng sách chứa rất nhiều sự kiện mới lạ cần được biết cùng những nhận định sắc bén của tác giả liên quan *Tù Binh và Hòa Bình* tại bàn hội nghị cũng như tại địa điểm trao trả.

Trong bài tiểu luận này, người viết khai thác bản tiếng Việt do Nhà Xuất Bản Sống tái bản năm 2020 và chỉ trình bày vài nhận xét liên quan đến thân phận tù binh của VNCH, CSBV, và Mặt Trận Giải Phóng của Cộng Sản mà thôi.

Thân Phận Tù Binh

Bản chất lươn lẹo, dối gạt và ù lì của Cộng Sản trong hội nghị vẫn còn giá trị mà cả thế giới hầu như không quan tâm. Về điểm này, Thượng Nghị Sĩ James Webb có nhận định cay đắng: “..Những quan sát của người viết (Phan Nhật Nam) cho đến nay vẫn bị lãng quên trong hầu hết các trang sử về Chiến Tranh Việt Nam” (*P&POW, Naval Institute Press, US 2020; P 1-8*).

Khởi sự từ Hiệp Định Ba Lê, phía CSBV và Mặt Trận Giải Phóng của Cộng Sản đã chủ trương dối gạt trong bàn thảo, với ngôn từ xử dụng cho đến việc thi hành nội dung hiệp định. Cộng Sản quyết loại bỏ sự kiện có một quân đội miền Bắc xâm lăng miền Nam. Họ chỉ tập trung vào sự xung đột giữa chính phủ VNCH và Mặt Trận Giải Phóng của Cộng Sản. Còn phía Mỹ, đồng minh của miền Nam, vì muốn rút lui trong danh dự, phải sạch trách nhiệm của một cường quốc, đã tỏ ra nhân nhượng với Cộng Sản.

“A! Hóa ra tất cả đều muốn tránh xa sự thật, tất cả đều muốn bỏ qua sự kiện có một nước Bắc Việt Nam xâm lăng Nam Việt Nam, mọi người đều đồng ý thực hiện một màn dối trá bịp bợm theo khuôn mẫu của Hiệp Định ngưng bắn”...” mà giá trị đích thực chỉ là mảnh giấy tráo trở chứng nhận trò bịp lớn của thế kỷ và che dấu sự thật, nỗi đau đớn của người Việt Miền Nam”. (TB&HB, Nhà Xuất Bản Sống, US 2020. Trg 81).

Tôi thông cảm với nỗi uất nghẹn của tác giả Tù Binh và Hòa Bình khi chính ông biết rất rõ “đám lính của các Sư Đoàn Cộng Sản 324, 325, 308, rất một lớp người nói tiếng Bắc, dưới hai mươi tuổi, cuồng tín, cuồng sát biến thành ‘người Quảng Trị’ để sẵn sàng đào đường, chui súng, sửa phi đạo, thiết lập giàn phóng hỏa tiễn trực chỉ vào bờ Nam sông Thạch Hãn?” (*SDD. Trg 83*).

Nỗi uất nghẹn đó dâng cao tiêm tiến khi tác giả khám phá trong Nghị Định Ngưng Bắn chứa những dòng chữ xảo trá:

“Nhưng trong Văn Bản của Nghị Định, chỉ có 2 loại tù binh được ghi như sau:

1/ Tù binh Hoa Kỳ và quân đội nước ngoài (quốc gia tham chiếm giúp VNCH).

2/ Tù dân sự nước ngoài thuộc quốc tịch Hoa Kỳ hay của bất cứ nước nào khác (Phi, Úc, Nhật...); và hai loại tù dân - quân sự của miền Nam Việt Nam gồm: “Tù do VNCH bắt giữ, và tù do Mặt Trận Giải Phóng của Cộng Sản bắt giữ!”

“Không có một giòng chữ nào chỉ định những người lính chính quy đã phát xuất từ Bắc Việt theo đường mòn Hồ Chí Minh vào tham chiến tại mặt trận B2 (Trị Thiên), B3 (Ba biên giới). Không có một chữ, nghĩa dù mơ hồ để chỉ những tù nhân quân sự bị bắt tại trận địa, mình xâu câu “Sinh Bắc Tử Nam”, trả lời rõ ràng, “Tôi thuộc Sư đoàn 304B tại Thanh Hóa, xâm nhập miền Nam ngày 9/10/1967, tham chiến tại Khe Sanh kể từ ngày 19/1/1968” (SDD. Trg 99).

Tóm lại, Người Lính VNCH bị bắt trong các trận chiến như Hạ Lào 02/1971, Cục R trên đất Miền 05/1970, Tết Mậu Thân 1968 và mới mẻ hơn hết, cuộc đại chiến Mùa Hè 1972; tất cả các tù binh QLVNCH đó đều “*bị hư vô hóa, vô hiệu hóa và vô tính hóa*” qua lý lẽ ngang bướng của Cộng Sản là “quí vị đánh ở Nam Lào, ở Campuchia, nếu bị bắt là do Pathet Lào, Khmer Đỏ bắt giữ chứ không phải chúng tôi” (SDD. Trg105).

Nổi uất nghẹn tiệt tiến cấp số nhân khi Phan Nhật Nam vỡ lẽ: “Không có quân nhân VNCH bị bắt bởi quân đội Bắc Việt!” (SDD. Trg 99).

Theo chúng tôi, ba Chương 8, 9, và 10 rất quan trọng vì liên hệ đến số phận tù binh chiến tranh, không những của phía VNCH mà cả CSBV và Mặt Trận Giải Phóng của Cộng Sản . Xin đưa ra vài sự kiện:

1/ Con số tù binh CSBV & Mặt Trận Giải Phóng của Cộng Sản do VNCH công bố là 26,058 nhân viên quân sự Mặt Trận Giải Phóng của Cộng Sản trong đó có hàng ngàn cán binh

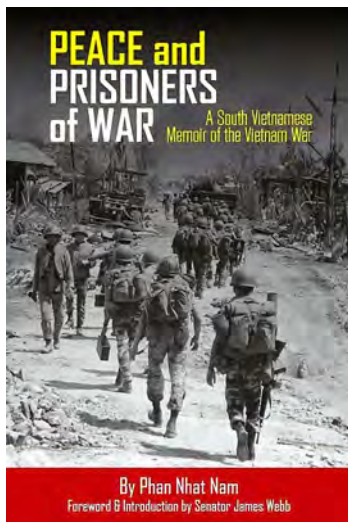
CSBV so với con số 5018 nhân viên quân sự VNCH bị bắt giữ trong hơn 10 năm chiến tranh. Tù binh trước năm 68 không hề được liệt kê vào danh sách. Thâm hiểm hơn hết, họ không trao trả số quân nhân VNCH bị bắt trong các cuộc hành quân vượt biên với lý luận nêu trong phần ghi chú. (*SDD. Trg 99 & 105*).

2/ Phía Cộng Sản không sẵn sàng đủ số người trao trả đúng theo ấn định về địa điểm, ngày giờ mà cố tình trì hoãn cù nhầy ngày nọ tháng kia. Có thể do sự gian lận, hoặc do bọn khát máu đã thủ tiêu những tù nhân bất khuất này.

3/ Từ sự kiện 1 và 2, tác giả Phan Nhật Nam kết luận “Còn rất nhiều quân nhân VNCH đang bị giam giữ trong lao tù Cộng Sản.” (*SDD. Trg 100*).

Một bất ngờ được phơi bày trong Tù Binh và Hòa Bình là tính ác và sự khát máu của chủ nghĩa Cộng Sản không những đối với tù binh VNCH mà cả tù binh của phía họ. Những người tù Cộng Sản thường xuyên bị theo dõi qua đó, sự hiểm nguy thường trực đe dọa họ. “Một tù binh được ban giám đốc trại gọi lên hỏi chi tiết của nơi sinh. Nếu được trả về trại an lành, anh ta chắc chắn đã nắm được đầu giấy của cái chết do chính đồng chí anh thực hiện” (*SDD. Trg 113*).

Bị khủng bố cả tinh thần lẫn thể chất nên một tù binh Cộng Sản nào có ý định hồi chánh trong nhà tù tức là “đã dự cuộc đua với tử thần trong gang tấc xít sao” (*trg 114*). Biết vậy nên khi được trao trả, tù binh Cộng Sản phải cố vứt bỏ quần áo của VNCH, phải cố tỏ ra quyết tâm trung thành với Đảng và



Hòa Bình và Tù Binh **Phiên bản tiếng Anh**

đả đảo “Mỹ Ngụy”! Đã vậy mà chắc gì được yên lòng trong những ngày kế tiếp?!

Chính phủ VNCH phát động phong trào Tân Sinh Hoạt trong các trại tù, tạo điều kiện cho người Cộng Sản nhận thức rõ hiện trạng của miền Nam để giúp họ có quyết định sinh tử khi chọn lựa đứng về phía nào. Phong trào đạt kết quả lớn, hơn 10,000 tù binh xin hồi chánh.

Uất nghẹn thay, phía Cộng Sản và các phái đoàn Hung, Ba Lan đã được mớm trước, nên tìm mọi cách không công nhận trường hợp hồi chánh, vì không ghi trong Nghị Định!

Hình ảnh tương phản giữa hai tù binh chiến tranh trong các cuộc trao trả khá dĩ giúp người đọc nhận thức rất rõ bản chất của hai chế độ:

Người tù Cộng Sản quên hẳn sự thật về thân thể của mình với “lòng ngực cường tráng”, đứng lên tố cáo “chế độ giam giữ hà khắc và tàn nhẫn của trại giam Phú Quốc, đã bỏ đói hành hạ chúng tôi...” trước viên Trung Úy Bắc Việt cầm máy thu âm và sự chăm chú ghi nhận của các sĩ quan Ba Lan, Hung Gia Lợi.

Trong khi đó, tại một địa điểm trao trả khác, người tù VNCH với đôi mắt hũng sâu, hai má vàng bủng như còn đọng khối vi trùng độc hại dưới lớp da mỏng, không kêu nổi được tiếng “có mặt” khi được gọi tên, loạng quạng đứng dậy, một đày quần sưng nước. Hãy nghe anh nói, “*Em sợ tụi nó lắm, tụi nó tàn ác không phải như người đối với người..., em sợ xin đi tiểu rồi nó giữ lại không trả thì chết mất!*” (SDD. Trg 90).

“Tôi (Phan Nhật Nam) nghe trong lòng nổi phần nộ bão bùng dấy lên như giông tố! Sự thật được che đậy và lật ngược trong tráo trở tinh táo, ngang ngược vô liêm sỉ đến tận cùng!” (SDD. Trg 89).

Tạm Kết

Miền Nam mất vào tay Cộng Sản từ 1975. Người dân miền

Nam có quyền phán xét, một trong những nguyên nhân gây nên sự kiện thảm khốc này có sự góp phần của Hiệp Định Ngung Bản Ba Lê 1973.

Bản chất lươn lẹo khát máu hiển hiện trong Hiệp Định đã được tác giả Phan Nhật Nam nhận thấy rất rõ từ trước trong bản hội nghị, tại các cuộc trao trả tù binh và rải rác trong khắp Tù Binh và Hòa Bình:

- Hiệp Định Ba Lê như một cuộc dừng chân tạm nghỉ để người Cộng Sản chinh đốn lại hàng ngũ và tiếp thay vũ khí.

- CSBV thành công khi tạo dựng một lực lượng võ trang không dân không đất năm 1960, đến năm 1968 trở thành “Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam (CPLT/CHMNVN).

- Các cuộc trao trả tù binh đã vô tình hợp thức hóa “thực thể” Mặt Trận Giải Phóng có được một vùng tạm kiểm soát lóm đóm, xen kẽ lẫn vùng VNCH.

- Khẩu hiệu “Sinh Bắc Tử Nam” không là khẩu hiệu “kích động chiến thuật” nhưng là một “chi đạo chiến lược” để hoàn tất cuộc xích hóa miền Nam.

- Mặt Trận Giải Phóng, CPLT/CHMNVN sẽ lần lượt đóng hết vai trò “chiến thuật” của nó, trận chiến cuối cùng, trận đấu quyết định chỉ là chúng ta cùng các sư đoàn miền Bắc qua tầm đèm “Mặt Trận”.

Trong các cuộc trao trả, Phan Nhật Nam đã uất nghẹn trước bản chất lươn lẹo khát máu và ù lì của Cộng Sản. Rất nhiều lần anh muốn hét to cho vỡ cả lồng ngực để thế giới biết đâu là cường bạo đâu là nhân bản. Nhưng uất nghẹn vẫn còn đó vì không ai nghe tiếng hét u uản của anh.

Tôi xin chia sẻ nỗi uất nghẹn với tác giả Tù Binh và Hòa Bình qua bài viết thô thiển này.

Phan Nhật Nam xuất thân Khóa 18 Võ Bị Quốc Gia. Trước khi được đề cử vào Ủy Ban Quân Sự 4 Bên, anh là một đại

ủy thuộc Sư Đoàn Nhảy Dù, Tiểu Khu Phước Tuy, Long An, Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân, đã xuất bản 6 tác phẩm là: Dấu Binh Lửa-1969, Dọc Đường Số 1-1970, Ải Trần Gian-1970, Dựa Lưng Nổi Chết-1971, Mùa Hè Đỏ Lửa-1972, và Tù Binh và Hòa Bình-1974.

Là một đại đội trưởng tác chiến đơn vị Nhảy Dù, tình cờ được đề cử làm việc trong Ủy Ban Liên Hợp Quân Sự, không hề thông qua một khóa đào tạo chuyên môn về hội nghị, thương thảo chính trị, nhưng Phan Nhật Nam đã nhanh chóng nắm vững vấn đề và đã tỏ ra bản lĩnh, quyền biến, và tự tin khi đối đầu với các cán bộ cáo già Cộng Sản đã trải qua kinh nghiệm hội họp từ Hội Nghị Ba Lê 1968-1973.

Về điểm này, tôi xin mượn lời giới thiệu của Thượng Nghị Sĩ Hoa Kỳ, ông James Webb:

“Quan sát của nhà văn Phan Nhật Nam làm rõ ý nghĩa cái kết thúc của Miền Nam được dự báo trước với những sự kiện bi thảm, trên chiến trường cũng như nổi bật vọng khi đàm phán với một đối thủ độc ác trong lúc bị đồng minh hàng đầu bỏ rơi.” (P&POW, Naval Institute Press, US 2020; P 1-8).

Tù Binh và Hòa Bình đều được viết từ 1973, 1974, xét cho cùng vẫn còn nguyên giá trị đích thực trong tình thế hôm nay đối với Người Việt trong và ngoài nước, là cần phải thấy rõ một đầu mối: Cộng Sản là Tai Họa Bất Biến đối với nhân loại nói chung, Việt Nam nói riêng.

Phần tôi, qua Tù Binh và Hòa Bình, tôi thấy rõ tấm lòng nhân hậu và Lý Tưởng Quốc Gia Dân Tộc bất biến của đồng đội đồng môn Phan Nhật Nam.

Westminster, Hè 2021.



Về Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù

Đào Đức Bảo, K21

Hai hôm sau tôi đến hậu cứ Tiểu Đoàn 7, đồn trú trong phi trường Biên Hòa, để trang bị quân trang quân dụng ra vùng hành quân của tiểu đoàn. Trên chiếc jeep cũng vẫn cánh dù ngạo nghễ nơi kính chắn gió, nhưng số 9 mới hôm nào nay đã đổi thành số 7. Cái số 7 mà Đại Úy Lê Quý Kính, sau này ngồi chung xe, đã đùa:

- Ông xem số 7 có giống cái cuốc không? Vậy là mình còn cuốc dài dài nếu chưa gãy cán.

Thiếu Úy Yên, chỉ huy hậu cứ, cùng Chuẩn Úy Bội, Trưởng Ban 1, hướng dẫn tôi đến văn phòng Đại Đội 72 vì công điện của tiểu đoàn trưởng từ vùng hành quân gửi về đã điều động như vậy. Thượng Sĩ Đến, kế toán trưởng, dáng dấp cao to và có tuổi, nói ngay khi vừa gặp mặt:

- Trung Úy được lệnh về đại đội này. Hiện tại đại đội đang cùng tiểu đoàn ở vùng hành quân. Mời trung úy theo tôi đến kho đại đội để trang bị súng đạn.

Trung Sĩ Nhất Trước, hạ sĩ quan thủ kho, đón chúng tôi tại cửa. Tôi bước vào trong, mắt không quên liếc nhanh kho quân trang quân dụng đại đội. Trước vừa nói vừa đưa tôi đến trước giá súng xếp đầy M16 sáng bóng ngời màu thép dưới lớp dầu mỏng:

- Mời trung úy lựa súng.

Tôi ngạc nhiên:

- Lựa cái gì?

- Dạ, trung úy lấy vũ khí.

Tôi bắt đầu thấy bực mình, hất đầu:

- Súng colt đâu?

Trước vẫn tỉnh queo:

- Dạ, kho đại đội không còn cây nào.

Quay lại nhìn Thiếu Úy Yên và Thượng Sĩ Nhất Đến, tôi hỏi:

- Thật cả tiểu đoàn không còn cây colt nào?

Yên nhanh nhẩu:

- Dạ không phải. Trung úy đợi chút tôi đi lấy.

Chẳng cần suy nghĩ tôi cũng biết bọn hậu cứ đang nghĩ gì. Tôi được tăng cường về Đại Đội 72 để chẳng phải làm đại đội trưởng nên dễ hiểu thôi, khi Trung Sĩ Nhất Trước dẫn tôi đến giá xếp súng M16, vì hiện nay Đại Đội Trưởng 72 là Đại Úy Nguyễn Lô, K18.

Bực mình tôi tỏ thái độ như thế. Thực tình tôi cũng chẳng rõ sẽ được tiểu đoàn trưởng giao nhiệm vụ gì. Giờ này các sĩ quan từ cấp đại đội trưởng trở lên, tôi chỉ biết mặt Thiếu Tá Tiểu Đoàn Phó Phạm Kim Bằng, Đại Úy Em, và Đại Úy

Thanh cùng Khóa 19.

Tôi gặp anh Bằng lúc còn là đại úy tại quán nước ở Sài Gòn đầu năm 68, khi anh đi cùng Trung Úy Trần Tấn Hòa thuộc Tiểu Đoàn 2 trên chiếc vespa cũ. Anh Hòa bị thương ở chân, còn anh Bằng bó bột cánh tay. Anh Hòa thuộc K20 nên chúng tôi nhận ra nhau ngay. Anh giới thiệu tôi với Đại Úy Bằng, rồi nói:

- Đại Úy Bằng và tôi đang nghỉ dưỡng thương.

Uống nước xong, chúng tôi chia tay, đến nay chúng tôi chưa có dịp gặp lại.

Với Đại Úy Em và Đại Úy Thạnh, chúng tôi không hẹn mà cùng lúc gặp nhau, khi chui đầu và Queen Bee nghe nhạc. Phía đại đội trưởng của Tiểu Đoàn 9 của chúng tôi có Trung Úy Tâm, K18, Đại Úy Thành, K19. Tất cả chúng tôi ngồi chung bàn chuyện trò uống rượu nhiều hơn nghe nhạc.

Thoại trong chiếc áo dài trắng, rộng cổ tay, dáng e ấp nhưng không giấu được vẻ tinh nghịch trên nụ cười có chiếc răng khểnh. Lúc đầu còn ngỡ ngàng nên cô chỉ trả lời khi có ai hỏi đến. Chỉ một lúc sau bị cuốn hút vào chuyện quân trường, hành quân của mọi người khiến cô cúi đầu cảm xúc, nhất là khi nghe nói một người rất thân của anh em trong bàn vừa tử trận, rồi lại khúc khích cười ngay khi chuyện vui đời lính được kể đến đoạn kết thúc bất ngờ.

Những sĩ quan Tiểu Đoàn 7 đó tôi sẽ có dịp ở mặt trận Soài Riêng.

Rời hậu cứ, xe nhắm hướng Tây Ninh trực chỉ. Lúc mặt trời đứng bóng, xe ngang quận Đồn Xoài. Bên trái bên phải quốc lộ, cảnh chợ búa bán buôn ồn ào náo nhiệt trong tiếng reo hồ chào mời. Nhưng lạ kì! Sao không có ai tha thiết hay tò mò đến gần ba xác cán binh Cộng Sản, vừa bị bắn chết đêm qua đang được đặt nằm ngay ngắn sát quốc lộ để mong có ai là thân nhân thì nhận về chôn cất. Người tài xế chạy vụt vào quán mua nước uống, vội chạy ra xe rờ máy. Xe chồm

về hướng tiến để lại đằng sau một chùm bụi tung mù che lấp khu chợ, mỗi lúc một khuất dạng sau lưng. Phía trước phải đến là tiền trạm Tiểu Đoàn 7, đằng sau vừa bỏ đi là ba xác kẻ phá hoại nằm phơi thân dưới nắng mưa. Cái chết là tận cùng của một đời người, nhưng sao chẳng ai chịu nhận xác. Không chừng người thân vừa sợ, vừa ghê tởm.

Biết đoạn đường còn dài và cũng biết đoạn đường ban ngày cũng không phải không nguy hiểm, nhưng thầy kệ tôi nhắm mắt đỡ mỏi với dự trù cho buổi chiều giáp mặt đơn vị mới. Trực thăng thả tôi xuống vùng Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn đóng. Chạy nhanh vài bước để tránh gió cánh quạt, tôi khựng lại khi tiếp giáp một đại úy:

- Trung Úy Bảo phải không? Tôi là Đại Úy Đoàn Phương Hải. Anh theo tôi đến gặp Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng.

Một thiếu tá còn trẻ đang cúi đầu trước chiếc bản đồ đặt trên chiếc bàn nhỏ kê sát gốc cây. Ông quay lại kèm nụ cười mỉm, khi thấy Đại Úy Hải và tôi bước đến.

Anh Hải báo cáo:

- Thiếu Tá! Trung Úy Bảo đến trình diện hành quân.

Thiếu Tá Lê Minh Ngọc lần đầu tiên tôi thấy mặt. Đạo trước tôi chỉ biết ông ta qua danh xưng truyền tin là Ngọc Nga, cũng như chỉ biết qua giọng truyền tin từ máy bay cuối năm 69, khi tôi dẫn Đại Đội 93 vào vùng đất thuộc trách nhiệm của Tiểu Đoàn 7. Buổi chiều hôm ấy, Thiếu Tá Ngọc bay trực thăng kiểm soát các đại đội trực thuộc nói vọng xuống cho tôi, nhắc chừng:

- Thiện Giáo coi chừng. Tôi nghi ngờ có nhiều dấu vết địch trên địa thế anh đang di chuyển. Phía Bắc, khoảng cách 300, có máy lỗ nước B52 cho gia đình anh xử dụng.

Đưa đây làm sao, hôm nay tôi lại được điều động về đây. Dáng anh cao lớn với giọng nói miền Nam, nhưng nếu ai tinh ý sẽ thấy pha chút âm sắc miền Trung.

- Anh Bảo, mừng toa về đây.

Quay qua Đại Úy Hải:

- Toa để Trung Úy Bảo ở đây với moa. Rồi anh nói tiếp. Toa biết gì về vụ thuyên chuyển này? Ông Trí, Tiểu Đoàn 9 có bị ông Tướng đặt vấn đề gì không?

Anh hỏi kiểu lơ mơ không chút rõ ràng. Tôi vẫn hiểu kíp, nhưng giả vờ không hiểu:

- Thiếu tá có thể nói rõ hơn được không?

- Thì ba cái vụ lương thực và nhu yếu phẩm đó.

- Dạ, chuyện này tôi không rõ lắm và chỉ nghe loáng thoáng. Và lại tôi không ở gần ông ấy trong bộ tham mưu.

Tôi quả thật không rõ về việc làm của Đơn Vị Trưởng Tiểu Đoàn 9. Tuy nhiên cá tánh ra sao thì tôi có thể biết đôi phần. Chẳng hạn ông đã dặn kỹ khi tôi vừa trở về căn cứ sau trận Đại Đội 93 bị phục kích: “Anh nhớ nói là tao ngộ chiến nhé.”

Ông ta dặn tôi để cấp trên không thể đặt vấn đề vùng đất trách nhiệm có thể tệ hại như vậy sau gần ba tháng cả tiểu đoàn lục soát và đánh địch. Chỉ có thế., tôi chưa có trách nhiệm và môi trường để ý đến thượng cấp trong mấy cái vụ ăn chặn, ăn bớt của lính. Ông ta còn ở chức vụ đó chắc chắn chưa nặng như trường hợp Thiếu Tá Nhã khiến cái cửa hông hậu cứ Tiểu Đoàn 9 bị rào kín bằng dây kẽm gai từ ngày ấy.

Anh Ngọc hỏi tôi với ý định chỉ thuần nhất xác tín nguồn tin, hay có ý định đánh giá bản tính tôi. Có thể chỉ một và cũng có thể cả hai. Tôi không rõ, nhưng muốn hiểu tôi thế nào thì hiểu, giờ đây tôi đã biết nên nói gì và không nên nói gì.

Anh Ngọc thay đổi đề tài, ân cần:

- Toa ăn uống gì chưa?

Dù đang xót dạ và khô cổ, tôi vẫn đáp như bản tính cố hữu không muốn làm phiền ai:

- Dạ, tôi đã xong cả.

Thiếu Tá Ngọc đưa tay cầm combinet, miệng nói:

- Toa đợi moa gọi Đại Úy Lô, hiện là Đại Đội Trưởng Đại Đội 72. Vùng đất Soài Riêng này không nặng như vùng Lưỡi Câu, tuy nhiên toa cũng phải cẩn thận. Sau khi moa gọi Đại Úy Lô xong thì toa sẽ theo M113 vào vùng hành quân của Đại Đội 72. Toa thay Lô làm đại đội trưởng, để Lô về đây làm trưởng ban ba.



Bay trực thăng quan sát mặt trận - Đại Tá Lê Quang Lương (phải), Trung Tá Nguyễn Văn Đình (giữa)

Mười phút sau, tôi đưa tay chào và anh đưa tay bắt. Leo lên M113 vào vùng hành quân với một chút lan man trong đầu: Thiếu Tá Ngọc thoải mái cắt tôi làm đại đội trưởng không dè dặt, như vậy Tướng Đống đã không đặt vấn đề Đại Đội 93 thiệt hại nặng mấy ngày trước, đã không phết thêm một câu đuổi theo tôi, vì nếu có thì Tiểu Đoàn Trưởng Ngọc đã chẳng dám giao tôi thay Đại Úy Lô.

Có thể ông Tướng cũng đã nhìn ra đại đội của tôi nhảy vào vùng bẫy sập. Đứa nào còn sống ra được là tại đạn thù quên không ghim trúng, vì tài năng gì tránh được bốn ngày ba đêm chịu trận trong cái lò lửa đó. Như vậy nếu không dính vào ba cái vụ tơ hào vật chất hoặc buôn lậu thì để ai đã mất chức.

Nhưng ác một điều đã lớn thì lớn hẳn nên cấp càng cao giàu có mới càng chất núi, chức tước cần vững vàng và lon lá không kịp sản xuất.

Do đã nhận lệnh, Đại Úy Lô chờ tôi ngay lúc tôi phóng xuống M113 rảo bước vào vùng hành quân. Tôi thích thú ngay khi vừa gặp anh trong dáng tầm thước, nhưng nét mặt lộ dạn dày trận mạc. Thế mới biết dân tác chiến cần can đảm và húc. Chứ càng to xác, càng dềnh dàng vào rừng càng vướng víu chậm chạp. Con voi phải chậm hơn con cọp.

Anh reo kèm theo tiếng cười lớn, dấu chỉ là lần đầu tiên thấy mặt:

- Bảo Khóa 21 hả? Tốt lắm! Khỏe không? Ông Ngọc vừa gọi tôi bàn giao đại đội lại cho anh. Nói thiệt, có chi mà bàn giao. Mọi thứ thường vụ và thư ký đại đội sẽ trình sau. Có giao là giao cái vùng đất này làm tiếp cho tôi.

Rồi chẳng cần nghe tôi hỏi, anh nói tiếp:

- Đại đội rút ra đây được một tuần này. Chỗ này tương đối êm. Ê, để tôi gọi thẳng cố vấn giới thiệu cho biết nhau. Còn các trung đội trưởng đóng khá xa, chỉ có Trung Đội 1 ở gần đây thôi. Trung đội trưởng là Thiếu Úy Phạm Văn Hải, K22B.

Tôi bỗng hỏi chẳng vào vấn đề:

- Đại úy, chỗ này ngủ êm không?

Anh cười rộng miệng, nói dồn dập giọng Huế diều cọt:

- Thoải mái, thoải mái. Khi nào đụng biết ngay.

Nhưng anh lại xuống giọng:

- Nói vậy, Bảo cứ ngủ yên, gỡ được chút nào hay lúc đó. Ở đại đội vui vẻ thoải mái hơn, tôi bị ông Ngọc kêu về làm ban ba hoà nhưng thoái thác không nhận, làm Đại Úy Hải K 19 kiêm nhiệm. Nay tôi hết cách trốn rồi.

Dứt lời, anh bước tới bước lui như nghĩ gì xong, lại nói:

- Thôi ở lại đây, cơm nước chiều nay ăn phần của tôi. Nhớ

gọi cả cố vấn cùng ăn cho vui về kéo nó mặc cảm. Thôi tôi về tiểu đoàn không xe chờ. Lại nữa, ông Ngọc nói phải về ngay sau khi bàn giao.

Anh bắt tay tôi, đưa tay ngoắc chào viên cố vấn Mỹ đứng bên, rồi rảo ra xe M113, tay phải còn xóc xóc cây colt cho đỡ vướng vào đùi. Bỗng anh dừng lại vẫy tôi để cùng rảo bước đến giáp mặt, như anh vừa chợt nghĩ ra điều gì:

- A Bảo! Đặc lệnh truyền tin của anh gọi là gì?

Tôi đáp nhanh, như nghĩ sẵn:

- Bảo Oanh.

Anh cười toáng:

- Rồi, mấy cha này ưa vậy không à. Tôi là Lô Hồ nghe chẳng dụi dụi chút nào. Nhưng Bảo Oanh. Bờ là Oanh chứ gì? Nghe êm dụi là những phát âm trong hệ thống truyền tin không rõ nét. Thôi để dành tên đó để viết thư. Bảo Lộc nghe, nghe rất nét trong máy mà cũng đẹp chớ. Lấy danh hiệu này nghe, kỷ niệm tôi đặt.

Tôi vừa chợt biết tôi dại nên chẳng ngần ngại:

- Cám ơn đại úy, tôi lấy tên này.

Lấy tên người yêu kết với tên mình làm danh hiệu nghe có chất thơ. Nhưng bỏ mẹ, lỡ chẳng may cấp trên nổi máu côn đồ chửi ù mẹ đẻ cha trong máy thì vô tình mình để người yêu bị xúc phạm. Và chẳng danh hiệu chỉ để đi hành quân chứ đâu phải ngoạn cảnh, chỉ là máu, chỉ nước mắt, chỉ chết chóc, chỉ oan nghiệt kèm chửi rửa. Kèm tên Oanh vào quả là dại vô cùng. Nếu anh Lô không sửa chữa, chỉ chút nữa thôi tôi đã làm một điều lầm lẫn.

Chiếc M113 quay hướng lẩn bánh cùng lúc tôi bước vào Ban Chỉ Huy Đại Đội, như đang bước vào hoàn cảnh vừa quen vừa xa lạ. Mặc kệ đám anh em lén nhìn viên chỉ huy mới, tôi ngồi vào chiếc ghế kê bằng hai khúc cây bắt chéo đóng sâu xuống đất. Bỏ mũ sắt lên chiếc bàn đan sơ sài bằng

những cành cây khô, tôi bắt tay vào làm việc. Đầu tiên, tôi phải biết quân số hiện hữu hành quân của từng trung đội, phải biết tên tuổi của từng trung đội trưởng, cùng khả năng vũ khí đạn dược, sau đó sẽ hỏi dần để biết những trận đánh ở những mục tiêu nào, mà Đại Đội 72 và tiểu đoàn đã trải qua trong suốt thời gian hành quân. Gọi Binh Nhất Chính mang máy đến, tôi bấm combinet thăm hỏi các trung đội trưởng và các anh em trong đơn vị. Nhảy dù đi đến đâu thì cũng là nhảy dù. Nhưng hôm nay với tôi khác chẳng đều là những gương mặt lạ, lạ nhưng vẫn không mấy xa cách. Trung Sĩ Nhất Tá, thường vụ, còn trẻ từ gương mặt đến dáng dấp, đến bên tôi chào báo cáo:

- Trình trung úy. Trước khi các toán tiền đồn đi kích có cần dặn gì thêm không?

- Không cần, cứ như cũ nhưng phải thay đổi điểm ngắm. Báo cáo chính xác tọa độ về và nhớ giữ liên lạc.



Hình ảnh một người lính Nhảy Dù

Tôi biết tất cả anh em trong đại đội, người vừa gặp mặt hay chưa gặp mặt. Tâm lý ai cũng vậy thôi. Tất cả với nhau đều còn rất xa lạ, cùng lúc tất cả đều muốn sớm biết tính tình đại đội trưởng mới ra sao, nóng nảy hay hòa nhã, rụt rè hay gan dạ, và nhất là khả năng cầm quân tới mức nào. Tôi tự biết mọi người trông chờ, nhưng tự nhủ: Còn nhiều thời gian để thử thách biết nhau.

Hai người lính mang máy, Hạ Sĩ Quyết mang chặn màn,

Trung Sĩ Tuyên nấu ăn, Hạ Sĩ Tính cận vệ là những người lanh quanh bên tôi sớm nhất trong giây phút đầu, tuy vẫn giữ vẻ đề dặt lồng trong dáng thân mật gần gũi. Đến cả viên thượng sĩ cố vấn trước khi về võng, chào cũng vẫn là “Good night, sir”, trong dáng điệu còn giữ ý khác hẳn những viên cố vấn cùng đi chung với tôi ở Đại Đội 93, trong nhiều cuộc hành quân. Tôi đáp trả rồi leo lên võng trong một đêm yên tĩnh hiếm hoi của đời lính.

Sáng sớm hôm sau, tôi nhận lệnh lục soát ở những mục tiêu do tiểu đoàn chỉ định. Vùng Soài Riêng cây rừng không dày đặc như vùng Lưỡi Câu. Lại thêm có một ngày trời đẹp khô ráo, gió từ đông thổi về đem hơi mát vào rừng cây kéo nắng chập chờn. Đang đi Hạ Sĩ Tính lên tiếng:

- Trung úy, vùng này cách đây mấy bữa đại đội đã lội qua rồi.

Tôi ừ hử trong cổ không trả lời thành tiếng. Thăng Tính tưởng tôi không nghe thấy bèn lập lại:

- Đích thân, đại đội mấy bữa trước đã đập nát mục tiêu này rồi.

Mắt vẫn nhìn theo loáng thoáng ẩn hiện trong rừng cây bóng dáng của binh lính tiến quân giữ vững đội hình, tôi mới nói với Tính:

- Lục rồi không có nghĩa là bây giờ không lục nữa.

Tôi cho lệnh đại đội dừng quân tạm nghỉ mệt, cùng lúc tung ba tổ khinh binh lục soát rộng ba hướng và chỉ năm phút sau tổ khinh binh của Trung Đội 1 đã báo về phát giác dấu vết mới của địch. Dem theo hai máy cùng Tính, tôi đến tận nơi quan sát. Chẳng cần nhiều kinh nghiệm lắm cũng phát giác ngay dấu vết nguy trang cho dầu địch đã cố tình dấu kín. Gọi máy cho các trung đội dừng quân bố trí tại chỗ ngay địa điểm khả nghi, tôi cho lệnh bắt tay vào việc tìm kiếm lục soát và đào bới. Chẳng mấy chốc, chỗ này có tiếng reo vui của anh em binh lính, chỗ kia rú lên vui mừng, rồi chỗ khác cũng thế, đã lần lượt phát

giác tối thiểu năm điểm địch chôn dấu vũ khí dưới những lùm tre rừng đan ken. Thôi thì CKC, K46, B40, 41 và cả thượng liên nữa. Tất cả đều mới tinh khôi, bóng loáng ánh dầu xếp gọn trong những lu sành thật lớn chôn sâu dưới đất. Hạ Sĩ Tính từ điểm lục bối đằng xa chạy vụt tới, hỗn hển:

- Trung Úy, có cả K54.

- Máy cây?

- Dạ, mới thấy một.

- Giữ lại đó.

Sau khi số vũ khí đã gom thành đống, tôi chậm rãi gọi máy về Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn. Tiếng Ngọc Nga vui:

- Bảo Lộc, đây Ngọc Nga. Tốt quá, toa tạm dừng tại đó, moa sẽ cho con cua vào chỗ toa đem chiến lợi phẩm ra. Sau khi thu dọn xong, toa tìm quanh đó có chỗ tốt thì qua đêm. Nhớ báo địa chỉ về Lô Lô Hồ.

Quay quay cây K54 xanh nước thếp trên tay, tôi bỗng nghĩ đến cây K54 của anh Tèo, Đại Đội Trưởng 93, thường dặt trong bụng và đêm đêm trở về phòng ngủ hậu cứ, anh móc ra quăng đầu giường, cùng lúc hỏi:

- Thiếu Úy Bảo ngủ chưa?

Tôi đã giữ bên mình cây súng đó sau khi cố Đại Úy Tèo tử trận. Khi Trung Úy Phước về nắm đại đội, tôi chỉ giao cho anh khi anh hỏi với vẻ muốn lấy. Buổi sáng cách đây không lâu, anh tử trận. Cây K54 đã biến đầu mất cùng với chiếc đầu anh cũng rải rác vương vãi trên bụi tre rừng. Tôi hơi phân vân, nhưng rồi mặc:

- “Mình mới được nắm đại đội hơn một ngày. Nếu tiểu đoàn trưởng biết mình giữ làm của riêng cây K54 này thì nhất định không khá. Nhưng thân kệ, tới đâu thì tới. Quà đầu tay cho ông ta một đống vũ khí này là quá đủ rồi. Mình cứ giữ lại làm kỷ niệm chơi.”

Dầu mới đến vùng, tôi có cảm tưởng Tiểu Đoàn 7 chịu mặt trận Soài Riêng tương đối nhẹ nhàng. Đại Đội 72 quân số còn trên 80. Cái cảm tưởng rõ nét hơn khi mấy hôm trước đầu tiên tôi đến căn cứ, không khí có trầm lặng, nhưng không lộ vẻ gì tang tóc lắm.

Chỉ hơn sau một tuần lễ hành quân lục soát, tôi nhận lệnh kéo quân ra điểm tập trung để cùng tiểu đoàn trở về hậu cứ. Anh em binh sĩ nghe tin đều lộ vẻ mừng vui, vì họ đã dãi dầu suốt gần ba tháng. Riêng tôi, hầu như không có cảm giác vì mới mười ngày vào rừng, còn quá sớm để về như một thói quen suốt mấy năm hành quân rông rã. Mới 10 cái hố cá nhân nông choẹt chưa tạo ấn tượng ngày trở về.

(Còn tiếp)

Trích đăng từ Bút Ký Chiến Trường “Khoảng Tối Nhìn Lên” của tác giả Đào Đức Bảo.

Bài Thơ Đẹp Nhất*

Phạm Kim Khôi, K19

Thân tặng

Người đã cho tôi chỉ đọc một bài thơ.

Em cho tôi đọc một bài thơ
Tâm sự hoang mang chuyện bên bờ
Không phải bài thơ tình mộng ước
Bài thơ đẹp nhất vẫn trong mơ

*Em thả hồn theo giòng suối thơ
Những xô xao đến tự bao giờ
Cầu cho hoa nở con đường mộng
Đừng nhé Thu vàng phai lối xưa*

Em hỏi lòng chưa tôi hỏi ai
Có nghe chớm lạnh gió ban mai
Chiều rơi lặng lẽ sương chiều xuống
Và tiếng Thu đêm khẽ thở dài

*Em cho tôi đọc bài thơ đợi
Giữ lại bài thơ đẹp nhất chờ
Bài thơ đẹp nhất còn trong mộng
Em vẫn là em của ước mơ./.*



Mây

Có những chiều hoang theo gió bay
Mây xưa lại đến trong hồn say
Bóng hình xưa vẫn in hình bóng
Thương nhớ ơi không lắng cứ đây

*Nhớ những chiều mây đưa đón nhau
Hoàng hôn thay áo phố lên màu
Phố đông người quá không ai biết
Có cặp tình nhân đang bước mau*

Nhớ những chiều giăng tơ óng mây
Mây buông tóc thả xuống vòng tay
Mây trôi trên suối thân ngà ngọc
Mây phủ triền cao đồ trứng đây

*Đẹp quá mây ru hồn ướp mộng
Cho hồn với mộng cũng thành mây
Hóa thân đôi lúa mơ làm một
Chiếc bóng mây trời theo gió bay./.*



* Trích trong Thi Tập “Áo Thời Gian” của Thi Sĩ Phạm Kim Khôi, xuất bản năm 2021.



NỤ CƯỜI XINH

Mũ xanh Phạm Văn Tiền, Khóa 20

Một buổi chiều cuối năm, theo thường lệ mỗi ngày tôi đang chuẩn bị cho buổi ăn chiều, thì có tin mừng từ Ban Chỉ Huy trại. Dũng, người tù hình sự rất trẻ phụ trách chăn đàn dê của trại chạy xuống thông báo cho biết là tôi:

- “Chú Tiền có lệnh tha về rồi, có gì chú để lại cho con.”

Dũng, dân Quảng Bình, người mà tôi thương nhất, tuổi trẻ dám ăn dám chịu. Thấy vui thì đi làm, còn không thì khai bệnh kể cả bị hình phạt kỷ luật. Tôi và Dũng có nhiều kỷ niệm từ khi tôi được đưa ra phụ trách công việc chăn nuôi ở cái chòi ngoài trại. Dũng ngang tàng không sợ ai vì trước đây anh là một tên du đảng chuyên nhảy tàu, bán bãi cho người vượt biên. Có lần anh đã dám giết một con dê của trại, sau đó báo cáo là thất lạc. Xác con dê chết để ở ven rừng và mỗi ngày anh

đều xẻ một ít thịt đem cho tôi, bảo là mua của dân nhưng sau này tôi mới biết theo lời anh kể lại. Anh thường nói:

- “Tụi Việt Cộng này gian ác lắm, sao chúng nó giam các chú hoài, còn bọn tôi đâu có ngăn gì chúng nó.”

Mỗi lần như vậy tôi chỉ biết im lặng, vì qua quá nhiều kinh nghiệm tôi chẳng dám tin ai

Từ Bộ Chỉ Huy trại, tên quản giáo xuống bảo là hãy bàn giao mọi thứ cho anh Hồ Lang - trung úy cảnh sát đặc biệt - người không may mắn được tha về trong đợt này. Tất cả đều được tập trung về Đoàn để làm thủ tục và nhận giấy ra trại. Lần này gần 20 người, ngoài đám tù hình sự đã mãn hạn, còn có thêm bốn người tù nhân chính trị bọn tôi. Ngoài Thiếu Tá Hồ Văn Liệu, Tiểu Đoàn Trưởng Địa Phương Quân Tiểu Khu Quảng Trị, còn lại ba anh em TQLC chúng tôi là Phạm Văn Tiền, Nguyễn Kim Chung, và Trần Văn Loan. Chung và Loan được tha ra từ nhà kỷ luật trại vì có những hành vi chống đối chế độ khắc nghiệt của trại tù và không chịu học tập “cải tạo”, trong khi các bạn khác cùng cấp bậc đã được thả về từ lâu rồi. Đó là cái ngày 20-1-1987, chỉ còn vòn vẹn hơn 2 tháng nữa là đúng 12 năm tù. Đây là đợt thả tù ra trong dịp Tết.

Bao nhiêu năm đợi chờ và tin vui nay đến bất ngờ! Thương cho các bạn còn lại của tôi: Cang, Liễn, Hữu, đặc biệt là anh Võ Đăng Phương Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Pháo Binh TQLC, hiện không biết ở đâu khi bị kết án thêm 20 năm tù giam sau khi mãn hạn tù “cải tạo”. Mà án tù “cải tạo” là một mức án dây thun mơ hồ, chỉ được tha khi cho rằng người đó đã “cải tạo” tốt. Như vậy thì anh Phương sẽ ở tù suốt đời, theo luật rừng rú của chế độ Cộng Sản.

Tội lớn nhất của Anh là chỉ đòi hỏi những người thắng trận phải đối xử với chúng tôi theo luật tù binh quốc tế, bằng lá thư do chính cá nhân mình viết gửi thẳng đến Thủ Tướng Chính Phủ Cộng Sản Phạm Văn Đồng. Chúng đã mang xử Anh trong một phiên tòa tại Huế, mà người bị cáo là người đứng lên chỉ

thẳng tố cáo lại quan tòa:

- “Các ông làm gì có luật pháp để mà xét xử, luật của các ông là luật rừng.”

Chúng đã còng tay Anh đưa lên xe buýt chờ đi biệt lập sau phiên xử ấy. Tin sau này Anh đã được chuyển về Trại Kiên giam ở Hàm Tân.

Cầm tờ giấy ra trại trong tay ngỡ như là một giấc mơ. Bao nhiêu năm mòn mỏi đợi chờ, bao nhiêu năm khổ cực đọa đày, bao nhiêu năm nhưng nhớ phân ly, giờ là lúc tôi mò tìm về hạnh phúc. Một thứ hạnh phúc bình thường nhưng vô cùng quý giá mà biết bao bạn tù tôi đã từng ao ước, nhưng không may họ đã ngã quy dọc đường. Họ đã không bao giờ có được dù chỉ một tý mong manh trước khi nhắm mắt lia đời. Lúc đi ngang qua con đường dẫn về trại để đến xóm dân tá túc qua đêm, tôi không sao cầm được những giọt nước mắt xót thương cho những người bạn tù như Giỏ, Nhon, Cát, Ké, Báu... đang nằm yên trong phần mộ đầy cỏ úa bên vệ đường. Than ôi!

Các bạn tôi, những chiến sĩ anh hùng đã sống hiên ngang bất khuất và chết trong sự trả thù đê tiện của kẻ thù. Tôi tự nhủ lòng mình, nếu một ngày nào đó còn sống, chúng tôi phải trở về nơi chôn này để vinh danh tưởng nhớ các anh. Tá túc qua đêm ở nhà người lính Biệt Động Quân đang cư ngụ ngoài xóm dân vùng kinh tế mới. Tôi đã quen từ lâu, hơn cả mấy năm trời, trong những lần đi rừng, chặt cây, tìm rau, chăn trâu cắt cỏ. Càng thân mật hơn vì anh ta là lính của một người bạn cùng khóa với tôi. Gia đình rất thiếu thốn đơn sơ, nhưng đầy ấp tình người.

Không chỉ có gia đình anh ta, mà gần như hầu hết ai ở vùng kinh tế này đều là gia đình “Ngụy” của chế độ cũ bị đày lên vùng kinh tế mới. Nên chuyện nghe tin tôi được về ai cũng mừng đến thăm và cầu chúc tôi ngày mai thượng lộ bình an. Trong cực kỳ khổ đau mới đánh giá được lòng người, thương tiếc cho một chế độ đã mất ngoài tầm tay!

Sáng hôm sau trong một ngày nắng ấm, tại bến xe khách từ Bình Điền về Huế, tình cờ cùng chung với mấy cô giáo của huyện Hương Bình vào dịp nghỉ về quê ăn Tết. Qua nhiều năm trời quen biết khi chúng tôi lao động chặt tre, đốn củi trong rừng. Những lời chào hỏi dòn tan, đã làm gợi nhớ trong tôi về những kỷ niệm vừa mới hôm nào tưởng chừng như đã mất.

Bài thơ tôi đã đọc chỉ vài tháng trước đây vào một trưa hè dưới những tàn cây phượng nơi sân trường, để cảm ơn những sự tử tế mà các cô đã can đảm dành cho đám tù chúng tôi, các cô đã chuyển thư, nhắn tin cho đám tù chúng tôi được gặp gỡ gia đình, nhận thư và chuyển quà lén lút, bắt chấp mọi sự theo dõi của bọn công an quản giáo. Chính nhờ vẻ tươi mát của các cô nên đã làm mềm lòng những tên cán bộ dẫn giải. Nhờ vậy mà anh em tù chúng tôi có những giờ phút thoải mái trong những lúc lao động vất vả bên ngoài.

Xin cảm ơn các cô giáo huyện Hương Bình đã một thời tạo thêm nhựa sống cho những người tù chúng tôi trong giai đoạn gian nan khổ sở nhất của một đời người. Bài thơ tôi đã cảm tác trong một lần nghỉ trưa trước sân trường theo lời yêu cầu của các cô, đáp lại sau những bản nhạc vàng mà các cô đã hát. Bài thơ có tên “Nụ Cười Xinh”:

*Buổi sáng lúc bình minh
Cô giáo mỉm cười xinh
Trên đường đi đến lớp
Chào các chú của mình
Buổi trưa trời nắng gắt
Những ánh mắt sáng ngời
Ngỏ lời mời các chú
Dùng tạm bát chè tươi
Buổi chiều trời tươi mát
Khi ngồi hát vu vơ
Cô giáo nghĩ băng quơ
Giờ chú làm gì nhi!*

Ngày mai lúc bình minh
Trên đường đến Hương Bình
Thấy lòng mình trống vắng
Vì thiếu nụ cười xinh!

Cũng có những mối tình đẹp như mây bay gió thoảng của đám bạn tù độc thân với vài ba cô giáo. Không biết có còn ai giữ được những tình yêu vàng ngọc lãng mạn đó không. Nhất là cô giáo H và Trung Úy Phi Công T trẻ, đẹp trai, độc thân xứng đôi vừa lứa.

Mấy ngày lang thang cùng vài người bạn tù Huế được tha về trước, bạn nào cũng vất vả vật lộn cùng miếng ăn với chiếc xe đạp thồ. Cực khổ tù tội đã quen, nên không thấy ai than thân trách phận về công việc mình làm, vì dù sao cũng còn có phúc hơn các anh em còn lại trong trại. Huế những năm tháng bây giờ buồn quá, đường phố vắng hoe, nghèo nàn lạc hậu không còn dáng vẻ Huế mộng, Huế mơ ngày xưa của một thời nữ sinh áo trắng.

Người Cộng Sản hoàn toàn giải phóng khỏi sự giàu có, phồn thịnh của Huế ngày nào. Dân của Huế phân tán khắp nơi, kẻ vượt biên, người vượt biển, số còn lại bị đọa đầy lên các vùng kinh tế mới xa xôi. Huế tan thương, rách nát như những ngày Tết Mậu Thân 1968 “Tháng Giêng xưa quân ra Huế, Cố Đô hoang vắng điêu tàn.” Huế bây giờ chỉ toàn xe đạp thồ, dép râu và nón cối! Bao nhiêu năm tháng hành quân vùng địa đầu giới tuyến, tôi yêu và thương Huế vô cùng, những ngày từ núi rừng hành quân xa xôi tôi vẫn thỉnh thoảng về Huế để tìm một chút ấm áp của đời lính chiến phong sương!

Cảnh cũ nhưng người xưa đã biến biệt đâu rồi. Không còn ai để mà nhớ nhớ thương thương, tất cả giờ đây chỉ còn là những kỷ niệm đã qua của một thời chinh chiến. Hỡi những người muôn năm cũ, chừ ở đâu bây giờ!

Một số bạn đã tiễn bọn tôi vào một buổi sáng tờ mờ sương tại sân ga xe lửa của chuyến tàu thống nhất Bắc Nam. Cảm

động nhất là đám trẻ tù hình sự đã được tha về trước. Trong niềm vui có kèm theo nhiều xúc động, không biết khi nào có dịp gặp lại nhau. Không biết rồi các em sẽ ra sao trong một xã hội đầy bon chen, giành giật lương gạt nhau để sống. Hy vọng các em sẽ sống tử tế hơn để khỏi phải vào lại trong tù.

Chúng tôi vẫn nhớ mãi số tiền mà CSVSQ Hồ Văn Phát K23 đã trao tận tay ba anh em Võ Bị chúng tôi; được biết là tiền của các cựu SVSQ Võ Bị khắp nơi trên thế giới gởi về để giúp các Võ Bị trong trại tù và còn hứa sẽ đủ tiền đi thăm Cang & Liên K20 vẫn còn bị biệt giam trong trại Bình Điền. Phát cùng trại với chúng tôi nhưng may mắn được thả về trước. Cảm ơn Phát và tất cả tình yêu thương của những người con xuất thân cùng chung mái trường “Mẹ Võ Bị”. Buồn thay khi được tin Anh mất quá sớm vài năm trước

Xe lửa bắt đầu rời bến, vẫy tay vẫy tay chào nhau, lần đầu và lần cuối cùng rời xa nhau. Các toa trên chuyến xe lửa tốc hành đều chật cứng dù đã có số ghế ngồi, nhưng mọi người đều chen lấn giành nhau chỗ tốt. Ba anh em chúng tôi cùng ngồi chung một dãy ghế, mặc dầu đã vất bỏ chiếc áo tù nhưng vẫn còn trên chân đôi dép râu. Tàu vẫn chạy đều từ sân ga này đến sân ga khác, mùi hôi thúi từ các toa vệ sinh bốc lên nặc khó thở. Đây là cái ưu việt mà người cộng sản thường huênh hoang tuyên bố. Rất nhiều người đến cho tiền và hỏi thăm vì đoán biết rằng anh em chúng tôi là những người tù của chế độ cũ được tha vào dịp Tết. Điều này đã an ủi anh em tôi rất nhiều, vì dầu sao mọi người vẫn còn yêu thương và tiếc nuối một nền Cộng Hòa Dân Chủ đã qua.

Sáng ngày hôm sau tàu cập bến Nha Trang với quang cảnh đầy bát nháo của một phiên chợ trời, mua bán giành giật tranh nhau om sòm như bầy ong vỡ tổ. Còn chút tiền trong túi, chúng tôi ăn thỏa thích. Nhịn đói bao nhiêu năm, bây giờ là lúc ăn lại để bù trừ. Đến xế trưa thì tàu dừng bến tại căn cứ Sóng Thần và tôi đã xuống tàu, còn Loan và Chung tiếp tục về đến ga Sài Gòn. Đây là nơi hậu cứ của TQLC chúng tôi, nhưng rất xa lạ vì

chung quanh đều thay đổi. Trời đang nắng chang chang, tôi bỏ ý định tìm lại chốn xưa, nơi nghỉ sau những lần về dưỡng quân, của một thời binh đao khói lửa.

Đón chiếc xe Honda ôm, nhờ người tài xế chở tôi về chợ Thủ Đức, nơi một thời vàng son ôm áp nhiều kỷ niệm suốt hơn mười năm trong đời quân ngũ. Thủ Đức vẫn còn nguyên, xơ xác điêu tàn, sau hơn mười mấy năm xa vắng. Tôi tạt vào một tiệm hớt tóc ở cuối phố, nơi mà ngày xưa tôi đã từng lui tới, người thợ trẻ ngày nào vẫn còn đây, nhưng anh ta không thể nhận diện tôi là ai vì dáng điệu và giọng nói của tôi thay đổi khá nhiều.

Tôi tìm đến nhà một gia đình thân quen cũ ngày nào, mà những buổi chiều tôi thường lui tới để tìm mua sách báo. Gia đình ông bà vẫn còn đây, nhưng con cái cũng có vài người đã vượt biên an toàn đang sống bên Mỹ. Trong tình cảm quyến luyến ngày nào, tôi thật sự xúc động vì những gì mà gia đình ông bà đã cho tôi từ xưa tới giờ không có gì thay đổi. Tôi tự hứa là sẽ có dịp gặp lại thăm ông bà sau khi ổn định được cuộc sống. Nhưng đó chỉ là lời hứa suông và tôi mãi hối tiếc vì mình đã không làm được những gì mình muốn, hoàn cảnh đã không cho phép trong những điều kiện vô cùng khó khăn, phức tạp trong cuộc sống mà tôi đã vất vả bắt gặp phải khi mới trở về.

Nhờ đưa em trong gia đình chở tôi về Lái Thiêu, nơi tôi khôn lớn và chào đời với nhiều kỷ niệm của một thời thơ ấu. Xuống xe tôi mò mẫm mãi nhưng không thể tìm ra con hẻm để vào nhà. Gần 12 năm tù tội, thêm vào trước đó tôi đã không được về phép hơn cả năm trời vì những cuộc hành quân liên tiếp. Tất cả đều xa lạ đối với tôi, đồn Nghĩa Quân dưới tàn cây liễu đầy bóng dâm mát giờ chỉ còn là một dãy nhà ngói lợp xúp, bên kia đường là phòng y tế xã. Tôi hướng về nơi trại mộc An Bình của người bà con ngày xưa, nay cũng không còn nữa. Chịu thua, tôi dừng lại để hỏi thăm nhiều người, từ trong xóm xa mấy người cháu chạy ra hô to “Cậu Năm Tiên

đã về”. Tôi bị bất ngờ và lạc lõng hoàn toàn trong đám người đang vây quanh có lạ có quen. Nhiều người mừng quá đã khóc trong khi tôi thật sự buồn ngủi xúc động. Cả xóm làng thân thuộc ngày xưa nay cũng có kẻ còn người mất, như vừa trải qua một cuộc đổi đời, tang thương biến cải.

Hình mẹ tôi được đặt ở trên bàn thờ giữa nhà còn đang nghi ngút khói nhang, mẹ vẫn ở mãi trong lòng con dù cho ngày trở về của con đến muộn. Tôi khóc oà lên như một đứa bé nũng nịu với mẹ ngày nào. Quê hương tôi còn đây, vẫn là những dòng sông bên cũ một thời tắm nắng dầm mưa. Tôi thật sự muốn sống lại nơi yêu quý này cho đến cuối cuộc đời, dầu cho phong ba bão tố. Nhưng liệu trong hoàn cảnh này tôi có thật sự quyết định được hay không, còn vợ con ở tận mãi Cai Lậy Tiền Giang từ ngày mất nước. Rồi đây tôi phải làm gì để sống?

oOo

Đáp chuyến xe đò Đồng Hiệp từ Lái Thiêu về Sài Gòn, bao kỷ niệm của thời thơ ấu tuổi học trò như sống lại trong tôi. Cũng những chuyến xe này cách đây hơn 28 năm về trước, tôi đã từng là chú học trò bé bỏng, hằng ngày đến trường bằng thể học sinh được giảm phân nửa giá. Những ngày thi cử vui buồn lẫn lộn, những thằng bạn thân ngày nào còn bao nhiêu, ai còn ai mất trong một cuộc chiến tương tàn... Người tài xế chiếc Honda ôm mà tôi đang nhờ anh ta chở ra bến xe miền Tây cũng là một sĩ quan vừa “cải tạo” về, đã cho tôi biết về trường hợp cái chết của Trung Tá Huỳnh Văn L... TQLC.

Anh đã kể lại câu chuyện thương tâm của người niên trường TQLC của tôi trong tù, anh biết rõ về cái chết vô cùng đốn đau khi không còn chút gì hy vọng để mà sống. Anh L đã nhảy vào chảo nước đang đun sôi trong lúc anh đang phụ trách nhà bếp, khi hay tin người vợ thân yêu nhất đời mình đã ca bài “Sang Ngang” của nhạc sĩ Đỗ Lễ. Ngoài anh L ra không còn biết bao nhiêu bạn tù khác cũng đã rơi vào những trường hợp đau khổ tương tự, nhưng sự chịu đựng mỗi người một khác

không giống nhau, mặc dầu sự đau khổ nào cũng giống như sự đau khổ nào. Một người bạn tù khác khi biết được tin vợ mình không còn yêu mình nữa, bỏ đàn con dại cho người cha già nuôi hộ, đau khổ khóc suốt đêm. Hoàn cảnh đổi thay lòng người thay đổi, người vợ trẻ ngày nào giờ phải đương đầu với miếng cơm manh áo... Xin ghi nhận và biết ơn tấm lòng chung thủy của các bà mẹ, bà vợ tần tảo nuôi con, nuôi chồng trong sự mỏi mòn chờ đợi mỗi ngày.

Nhiều người đặt ngược lại vấn đề, nếu các bà vợ của mình ở tù như chúng ta, thì liệu những người chồng nam nhi chí khí chúng ta có còn giữ được lòng chung thủy hay không? Sự so sánh đầy thú vị nhưng chưa ai tìm ra được đáp số. Một bà vợ rất đẹp, sắc nước hương trời ở cùng quê với tôi, chồng là một trung tá quận trưởng, cũng đã phải làm cái nghề mà người đời không ai chấp nhận. Nhưng bà vẫn chu toàn bổn phận của mình, nuôi chồng nuôi con cho đến ngày đoàn tụ và cuối cùng hạnh phúc đến với họ trong chương trình HO, hiện các con hầu hết đã thành tài và đang sống hạnh phúc cuối đời tại thành phố Wichita, Texas.

Một anh bạn khác lòng mừng rỡ cầm tờ giấy ra trại trong tay, về lại mái nhà xưa với mọi thứ quà mà anh đã nắn nót bao nhiêu năm trời để làm vui cho đàn con yêu quý, nhà đã thay ngôi đổi chủ. Tin cho biết là vợ con anh vượt biên và đã mất tích đâu đó ngoài khơi, trong một chuyến tìm Tự Do ngoài biển cả. Tin như sét đánh ngang tai, nước mắt tuôn trào tuyệt vọng, trong một buổi chiều hoàng hôn nhạt nhòa bóng đêm cùng tiếng chuông chùa ngân vang bên xóm vắng, anh đã vất bỏ nợ trần và đã tìm đến nơi câu kinh tiếng kệ. Nay người sĩ quan một thời cầm quân ra trận đã trở thành vị Thượng Tọa ở một ngôi chùa bề thế tại Cali.

oOo

Xe dừng tại ven đường của bến xe quận Cai Lậy, vì được thông báo trước nên cả gia đình vợ con tôi đang trông ngóng

đợi chờ. Ngôi nhà tại trại Cửu Long do đơn vị cấp vợ tôi đã bỏ từ lâu, về sống nhờ vào bên ngoại nên đã bị tịch thu. Lúc bấy giờ tôi không được gặp lại vợ và hai con của mình. Trong lần thăm nuôi cuối cùng thì vợ tôi bị cướp mất hết đồ đạc khi xe dừng lại thay nước tại bến Phú Tài, Quy Nhơn trên đường đến Huế. Nhờ một vị hành khách tốt bụng cho tiền mua vé về lại quê nhà, vợ tôi đã bị bệnh nặng sau tai nạn khủng khiếp đó.

Trong thư gần nhất mà tôi được biết là sức khỏe bà rất yếu và cầu mong tôi được sớm trở về. Gia đình cũng vừa nhận được quà của hai đứa em đã vượt biên và từ Mỹ gửi về, nay sự xuất hiện của tôi quả là điều hạnh phúc vô cùng to lớn mà thượng đế đã ban cho. Đây quả là cái Tết đoàn tụ hạnh phúc thiêng liêng nhất. Nhờ sự giúp đỡ của ông bà ngoại nên hai con tôi vẫn ăn học đàng hoàng, vợ tôi mập lại mạnh khỏe hơn xưa vì quá lạc quan khi hằng đêm nghe qua các tin tức từ đài VOA, BBC về việc ra đi của người tù cải tạo.

Tôi cũng có nhận được cái “Letter of Introduction” gọi tắt là “LOI” từ Bangkok Thái Lan gửi về, nhưng chuyện được ra đi còn quá mơ hồ mà tôi vẫn chưa dám tin là có thể trở thành sự thật. Nhưng dù sao thì những người tù của chúng tôi, vẫn còn chút hy vọng để mà sống. Gia đình gồm vợ chồng và 2 con của chúng tôi được ra riêng ở một căn phố của cha mẹ, mà người chủ thuê đã trả lại để về quê. Chúng tôi có một tiệm tạp hoá nhỏ ở ngoài chợ, nhưng sống bằng nghề thợ bạc gia truyền của gia đình.

Lúc bấy giờ nhà nước Cộng Sản kiểm soát rất gắt gao về chuyện kinh doanh vàng bạc, mọi việc mua bán đều phải qua cửa hàng quốc doanh. Nhờ vào uy tín sẵn có và một số khách hàng quen thuộc ngày xưa, nên việc mua bán lén lút cũng đã giúp chúng tôi trang trải được trong cuộc sống hàng ngày. Mọi việc đều do một tay vợ tôi quán xuyến, còn tôi thì chẳng có việc gì để làm, vả lại tôi còn trong thời gian quản chế. Làm ăn cứ bị thâm vốn, rình rập và thuế thì lại gia tăng mỗi tháng, chỉ mua bán cầm chừng, còn tiền bạc thì có bao nhiêu gom lại

gởi vào các tổ chức tín dụng. Sài Gòn vào những năm 1989-1990 nhiều người giàu có đem tiền gởi vào công ty “Nước Hoa Thanh Hương”, phân lời gần 13, 14 chấm. Ở các tỉnh nơi nào cũng có các hợp tác xã tín dụng phường, xã. Cứ vào đầu mỗi tháng đi lấy tiền lời về xài thoải mái mà chẳng cần làm gì thêm. Người giàu ngời không cứ muốn giàu thêm, còn người nghèo muốn làm ăn thì phải vay tiền theo phân lời cắt cổ.

Cuối cùng thì tất cả hệ thống cho vay tín dụng bị vỡ nợ hàng loạt. Người chủ “Nước Hoa Thanh Hương” bị đi tù kéo theo các cơ sở tín dụng trên toàn quốc phải đóng cửa, người dân tham lời tiền mất tật mang, trong đó có phần đóng góp không nhỏ của gia đình tôi. Đó cũng là bài học để đời cho những ai tin vào chuyện làm ăn của chế độ Cộng Sản.

Chuyện ra đi của những người tù “cải tạo” càng ngày càng sáng sủa thêm lên, qua các tin tức nhận được từ nước ngoài, nhiều người đã bán hết đồ đạc trong nhà để chờ ngày lên đường. Các con tôi được gởi lên Sài Gòn ở nhà người quen học thêm Anh Văn và chuyện mua bán của vợ tôi cũng tạm ngưng khi có lệnh làm hồ sơ đi Mỹ. Tiệm tạp hóa cũng đã sang cho người em vợ và chúng tôi cũng không còn mua bán gì thêm, chuẩn bị lên đường sau khi gần như đã hết vốn. Mỗi ngày qua đi là mỗi ngày chờ đợi mỗi mòn, cuối cùng rồi chúng tôi cũng nhận được tin vui, khi người bưu tín viên quận mang đến tận nhà giấy được mời đi phỏng vấn.

Những ngày gian nan khổ cực coi như đã qua, gia đình chúng tôi được ra đi theo diện HO5, đến định cư tại Mỹ vào tháng 7-1991 qua trung gian bảo trợ của người em đã đi trước. Thành phố Pineville. Tiểu Bang Louisiana là một nơi an lành, hẻo lánh, nhưng không có một hãng xưởng nào để tìm ra việc làm. Đa số sống nhờ vào trợ cấp của nhà nước và lao động ở các vườn ương cây “Nursery”. Mọi việc làm chỉ tùy thuộc vào mùa Hè nắng ấm, còn mùa Đông thì thất nghiệp chẳng ai thuê mướn. Nhiều bạn bè chiến hữu khắp nơi đã gọi phone khuyên tôi nên tìm đi nơi khác.

Qua trung gian của một người bạn cùng quê đã đi trước đang sinh sống tại thành phố Arlington, Texas, cùng các niên trưởng, niên đệ trong gia đình trường Võ Bị Quốc Gia, chúng tôi đã có một cái Tết tha hương đầu tiên nơi xứ người vào đầu năm 1992, trong vòng tay ấm áp tình đồng hương ngay cả những người chưa bao giờ một lần quen biết.

Với những dòng chữ này, xin gửi lời tạ ơn Trời, tạ ơn Người, tạ ơn tất cả những ai đã từng yêu thương, giúp đỡ gia đình chúng tôi qua được những khó khăn trong những bước đầu mới hội nhập về thành phố yêu quý này. Tôi nguyện sẽ ở đây và mãi mãi... Những người bạn già, những niên trưởng của tôi đã lần lượt ra đi, và một ngày nào đó rồi ai cũng có một lần dù không muốn nhưng chắc rằng sẽ tới. Nào ai tránh được số Trời! Thành phố Arlington, nơi có cả một khu Palk-Park Stadium bao la bát ngát, một sân Foot Ball khang trang với sức chứa hơn 100 ngàn người vừa hoàn thành cách đây gần 2 năm cùng đội banh cà na Dallas-Cowboy nổi tiếng. Đại học UTA nơi đào tạo nhiều nhân tài, các khu thương mại Người Việt sầm uất, cùng sánh vai với Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vững mạnh và đang trên đà phát triển.

Ai cũng có một quê hương để nhớ, ai cũng cần có ít nhất một lần để về tìm lại nơi “chôn nhau cắt rún” của mình. Nhưng tôi vẫn chưa một lần về, bởi vì vết đau của những lần tra tấn cùng sự đọa đày cùng cực của một chế độ gian ác ngày nào, vẫn còn nhói buốt tận tâm can mình và chúng vẫn còn tiếp tục hành hạ dân tộc tôi cho đến hôm nay. Tôi vẫn chưa có ý định về trong lúc này, mặc dầu mỗi lần Xuân về Tết đến, năm nào tôi cũng ứa lệ nhớ đến quê hương. Vẫn nhớ mãi “Nụ Cười Xinh” của các cô giáo huyện Hương Bình, trại tù Bình Điền của một thời gian nan tù tội, ai còn ai mất sau cuộc đời nghiệt ngã tang thương!

Thiếu Tá Phạm Văn Tiền, Trưởng Đoàn Chiến Sĩ Xuất Sắc của VNCH, thăm Đài Loan tháng 1-1973 (bên phải).

Tâm tư người lính già

NGOẠI TRUYỆN 2

**Lòng Dũng Cảm
Có Thể Thay Đổi Thế Giới**

Hạ Bá Chung, K10

“**Your courage can change the world**” là lời phát biểu của Đô Đốc Hải Quân Hoa Kỳ William H. Mc Raven trong bài diễn văn vào dịp lễ mãn khóa của các sinh viên trường đại học Austin – Texas ngày 17-05-2014.

Trường đại học Austin – Texas kiêu hãnh với khẩu hiệu, “Những gì bắt đầu ở đây sẽ thay đổi thế giới.” (What starts here will change the world.)

Trường đưa ra một phân tích thú vị là, tối nay có 8,000 sinh viên tốt nghiệp từ đại học Austin – Texas. Một người Mỹ trung bình sẽ gặp 10,000 người trong cuộc đời của họ, trong đó rất nhiều bạn bè, bà con thân thuộc. Nay nếu một sinh viên chỉ thay đổi cuộc đời của 10 người, và mỗi người trong số đó lại thay đổi cuộc đời của 10 người nữa, rồi người này lại thay đổi 10 người khác, thì trong 5 thế hệ nghĩa là 125 năm, các sinh viên tốt nghiệp năm 2014 sẽ thay đổi cuộc đời của 800 triệu người. Đi thêm một thế hệ nữa, bạn có thể thay đổi toàn bộ dân số thế giới là 8 tỷ người.

Đô đốc 4 sao William H. Mc Raven cũng là cựu sinh viên tốt nghiệp tại trường đại học này và thành tích lẫy lừng sáng chói của ông, được thế giới vô cùng ngưỡng mộ là vì ông xuất thân từ một đơn vị người nhái của hải quân Hoa Kỳ.

Từ khi còn là sinh viên, Đô đốc Mc Raven rất tâm đắc khẩu hiệu của nhà trường là, “Những gì bắt đầu ở đây sẽ thay đổi thế giới.” Vì vậy, khi được thỉnh mời đọc diễn văn bế giảng năm học 2014, ông đã chọn chủ đề, “Lòng dũng cảm của bạn có thể thay đổi thế giới” để minh chứng khẩu hiệu của nhà trường là hoàn toàn khả thi.

Rời khỏi học đường Austin – Texas, ông tham gia khóa huấn luyện người nhái cơ bản ở Coronado, California trong 6 tháng. Thời gian này là những ngày đêm huấn luyện trong làn nước lạnh giá ở ngoài khơi San Diego, vượt các chương ngại vật rất hiểm nghèo, luyện tập thể lực không ngừng nghỉ, ngày cũng như đêm mang bộ quân phục ẩm ướt, lạnh lẽo và liên tục bị các hung thần huấn luyện viên tìm ra các điểm yếu về tinh thần hay thể chất để loại bỏ không khoan nhượng ra khỏi đơn vị người nhái một cách tàn nhẫn. Trải qua vài tuần huấn luyện, lớp người nhái của ông bắt đầu có 150 người, nay chỉ còn lại 35 người.

Bài diễn văn của Đô Đốc 4 sao William H. Mc Raven nói về 10 bài học rèn luyện bản thân từ thấp đến cao về lòng dũng cảm của một người nhái Hải quân Hoa Kỳ.

Bài học thứ nhất, “Make your bed.” Mỗi buổi sáng sau khi thức dậy, bạn phải đem hết tâm trí vào việc dọn giường chiếu cho thật ngay ngắn, sạch sẽ. Tấm vải trải giường phải kéo ra thật căng phẳng, hai chiếc gối phải được xếp ngay ngắn và chiếc mền dưới chân phải thật vuông vắn.

Hầu như mọi người đều cho là việc sắp xếp giường ngủ là một việc làm dung tục, nhưng với người nhái thì một điều nhỏ nhặt trong cuộc sống cũng quan trọng. Nếu bạn không làm đúng việc nhỏ, bạn sẽ không bao giờ làm đúng những việc lớn.

Dù bạn cố gắng dọn giường tới mức cái giường ngủ của bạn đẹp và gọn gàng như một bức tranh vẽ, vậy mà hầu như không một buổi sáng nào bạn không phải chịu một hình phạt như hít đất hay chạy vòng quanh vũ đình trường, dưới con mắt soi mói, khám xét của các sĩ quan huấn luyện viên mà các học viên gọi là những hung thần không biết tình người là gì cả, lúc nào cũng nghe tiếng quát chói tai, “Chưa đúng quy định, làm lại.”

Nếu bạn muốn thay đổi thế giới, hãy bắt đầu bằng việc dọn giường.

Bài học thứ 6 được gọi là, “Tuần Địa Ngục.” Đó là 6 ngày không ngủ, liên tục bị quấy rối về thể chất và tinh thần. Trong đó có một ngày đặc biệt tại vùng xình lầy Mud Flats, giữa khu vực San Diego và Tijuana cực kỳ rùng rợn vì nó có thể nhận chìm bạn trong bùn bất cứ lúc nào.



Đô Đốc Hải Quân Hoa Kỳ William H. McRaven đang đọc diễn văn vào dịp lễ mãn khóa của các sinh viên trường đại học Austin – Texas ngày 17-05-2014.

Ngày thứ tư của Tuần Địa Ngục, các học viên vùng vẫy trong xình lầy, cố gắng sống sót trong lớp bùn lạnh cóng, gió hú thổi rít lên từng hồi, dưới sự đôn đốc của các huấn luyện viên.

Bùn đã ăn mòn từng người từ từ lún sâu xuống và chỉ còn thấy những cái đầu của các học viên nhô lên khỏi cánh đồng bùn. Người huấn luyện viên gào lên, nếu có đủ 5 người trong số khóa sinh chịu bỏ cuộc để bị sa thải ra khỏi đơn vị người nhái, thì ông ta sẽ chấm dứt cuộc tập luyện vượt bãi xình lầy này. Còn 8 giờ nữa mặt trời mới ló dạng để xua đuổi cái lạnh

thấu xương!

Không một ai chịu bỏ cuộc. Lát sau người ta nghe thấy một giọng hát run rẩy lạc điệu cất lên, nhưng được hát rất nhiệt tình. Giọng hát thứ hai cũng run rẩy phụ họa, rồi như một cơn sóng đại dương, tất cả các học viên đang ngập trong tình yêu đều cất cao giọng hát.

Khi các giọng hát vang lên thì bùn dường như ấm hơn một chút, gió dịu hơn một chút và bình minh không còn xa vời nữa.

Vì vậy, nếu bạn muốn thay đổi thế giới, hãy cất cao tiếng hát khi bạn ngập trong bùn.

Bài học thứ 10 của một người nhái là các học viên được bay đến đảo San Clemente nằm ngoài khơi bờ biển San Diego. Vùng biển này là nơi sinh sản của loại cá mập trắng to lớn. Để vượt qua khóa huấn luyện người nhái, bạn phải hoàn thành một loạt các chặng bơi dài, trong đó có bơi vào ban đêm.

Trước khi các học viên nhảy xuống biển, người huấn luyện viên nói lời hướng dẫn với nụ cười châm biếm trên môi là, loại cá mập trắng này cực kỳ hung dữ. Tuy nhiên, ông ta cam đoan là chưa có một học viên nào bị cá mập ăn thịt, ít nhất cũng chừng hai, ba tháng nay chưa có xảy ra. Dù vậy, người huấn luyện viên cũng truyền thụ cho các học viên một chiêu sát thủ để tự vệ. Nếu chẳng may trong hành trình bơi lội của bạn, bất ngờ có một con cá mập đang đói vào lúc nửa đêm, lao nhanh về phía bạn dưới ánh trăng sáng tỏ của ngày rằm. Khi thấy con mồi, con cá mập bắt đầu bơi vòng quanh vị trí của bạn.

Lúc này, lòng dũng cảm của bạn đã được tôi luyện ở mức thượng thừa. Không hề sợ hãi, bạn vận dụng hết 10 thành công lực vào nắm đấm. Tới khi con cá mập phóng nhanh về phía bạn, há to cái mồm với hàm răng trắng nhọn hoắt ghê rợn thì bạn nhanh như chớp, đấm ngay một cú thối sơn (đấm vỡ núi) vào mõm con cá mập. Ngay tức thời, con cá mập hoảng sợ vội vã quay đầu phóng vút đi, vì mõm con cá mập chính là từ

huyết của nó.

Vì vậy, nếu bạn muốn thay đổi thế giới, đừng sợ hãi trước con cá mập.

* * *

Chẳng phải ngẫu nhiên mà tôi viết về câu khẩu hiệu đầy kiêu hãnh của trường đại học Austin – Texas, “Những gì bắt đầu ở nơi đây sẽ thay đổi thế giới,” và câu khẩu hiệu đầy hào hùng của một cựu sinh viên của trường đại học này, Đô đốc 4 sao William H. Mc Raven, “Lòng dũng cảm của bạn có thể thay đổi thế giới,” mà là sự liên tưởng của tôi, suy tư về việc chọn lựa một khẩu hiệu cho Hội Trí Thức Trẻ Việt Nam Tự Do, “Những gì bắt đầu ở đây sẽ đưa người Việt vào viện dân biểu quốc hội liên bang Hoa Kỳ.” và một khẩu hiệu cho các cựu sinh viên sĩ quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam ngày nay là, “Lòng dũng cảm của chúng ta có thể tổ chức thành công một cuộc biểu tình trọng thể để trình diện Hội Trí Thức Trẻ Việt Nam Tự Do và ứng cử viên vào viện dân biểu quốc hội liên bang Hoa Kỳ trước công chúng.”

Trọng tâm của cuộc biểu tình này là lễ xướng danh các Thạc sĩ, Cử nhân trong Hội Trí Thức Trẻ Việt Nam Tự Do trong đồng phục thời trang và giới thiệu một hội viên của hội, ứng cử vào viện dân biểu quốc hội liên bang Hoa Kỳ, trước cộng đồng người Việt địa phương, các hội đoàn quân binh chủng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, các hội đoàn ái hữu đồng hương các tỉnh lỵ và các hội ái hữu cựu học sinh các trường trung học, với sự tham dự của tập thể Võ Bị Đà Lạt, hội phụ nữ Lâm Viên và Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu từ các nơi đổ về.

Vào năm 2055, người cựu sinh viên sĩ quan cuối cùng của trường Võ Bị Quốc Gia sẽ nằm xuống trong lòng đất lạnh. Tuy nhiên, điều chắc chắn là, Hội Trí Thức Trẻ Việt Nam Tự Do sẽ còn tồn tại, vì đó là nhu cầu sinh hoạt chính trị cần phải có, của các cộng đồng sắc tộc thiểu số trên đất nước Hoa Kỳ.

Trong trang sách cuối cùng của cuốn, “Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam theo dòng lịch sử,” còn có vài dòng chữ cuối cùng,

“Các sĩ quan tốt nghiệp Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, trong lúc tuổi tráng niên, đã đánh thua trong cuộc chiến tranh chống Cộng tại quê nhà, nhưng trong lúc tuổi già tóc bạc, đã đánh thắng trong công cuộc xây dựng một cộng đồng người Việt vẻ vang trên nước Mỹ.”

Fremont, tháng 11 năm 2020

Cước chú: Tài liệu tham khảo <https://JAMESCLEAR.COM>



Giọt Nước Mắt Của Cha

Bắc Đẩu Võ Ý, K17

Cuối cùng, bà Kiên đành nhắm mắt đưa chân, dìu dắt ba con đại và ông bà ngoại đi vùng kinh tế mới Bình Long Sông Bé. Cậu Huỳnh và gia đình đi Long cũng không muốn ở lại một mình tại khu ổ chuột Trương Minh Giảng Sài Gòn với nhà cầm quyền Cộng Sản, quyết theo cha mẹ và chị để... sống chết có nhau!

Khi đến địa điểm, cả nhà bật ngửa trước cơ ngơi mới của nhà nước dành cho mình. Một dãy các sùon nhà bằng tre lợp tranh sơ sài, không có vách. Chung quanh đồng không mông quạnh. Bà Kiên, vợ chồng chú Long, cậu Đức vội lắp ráp các khung giường, kê bàn ghế, sắp xếp lại các vật dụng cần thiết, nhất là tạo một cái bếp đốt bằng củi khô đun ngay nước sôi để uống cũng như chuẩn bị bữa tối cho đại gia đình.

Những ngày sau, già trẻ lớn bé đều phải ra tay tu sửa chỗ ở của mình như chặt tre, chặt cây làm cửa, kiếm rơm rạ để tô vách được kết bằng nan tre, rơm và đất sét nhão.

Phải mất cả tháng mới xong hai mái nhà tranh sơ sài, “thơ mộng” cho cả hai gia đình “ngụ quân và ngụ dân”!

Hai con nhỏ, đứa bốn tuổi và đứa năm tuổi, hằng ngày theo mẹ, ông ngoại và cậu dì hì hục cuốc đất phá rừng làm nương

rấy. Cháu út gái hai tuổi ở nhà với bà ngoại. Khu kinh tế mới chưa có chợ búa, nhưng lớp học mưu sinh ngoài trời như cây cóc trồng rau củ quả thì sẵn sàng và...miễn phí, nên hai cháu theo học ngay!

Bà Kiến tìm mọi kế để sinh tồn, nhưng không có vốn cũng như không. Cùng tắc biến, bà liều mạng phá rừng đốt củi để lấy than chở về Saigon bán. Công việc quá vất vả, phải thức khuya dậy sớm và nhất là phải trốn tránh nhà cầm quyền. Chẳng may gặp mấy tay công an, coi như mất cả chì lẫn chài.



Những người bị cướp bóc, tịch thu nhà và sau đó dồn lên vùng kinh tế mới, sau 1975, đã hứng chịu lắm than, con cái của họ bị thất học. Ước tính có khoảng 300 ngàn trẻ em bị thất học vì sống ở các vùng “Kinh Tế Mới” này.

Cuộc sống dân tạm ổn trong tình trạng bất trắc và thiếu thốn triền miên, vậy mà bà cũng khuyến khích các con ráng đi học. Cháu Hoa và em trai Nguyên học mẫu giáo tại xã. Trường lớp tiêu điều, có vẫn hơn không. Hết mẫu giáo, hai chị em cuộc bộ 60 phút mỗi ngày đi về, đến Trường Sơ Cấp Huyện Bình Long. Nhà đã không có nóc, các cháu là *mãng*, lại đi học cái chữ cái nghĩa của nền giáo dục Xã Hội Chủ Nghĩa, không rõ sau này, *tre* sẽ ra sao? Cũng đành!

Giữa năm 1979, bà Kiến bất ngờ bắt liên lạc được với dì

Thức bên Mỹ. Cả nhà đều vui mừng hy vọng. Khi biết cảnh cha mẹ, chị em và các cháu chịu cơ cực tại vùng kinh tế mới, vợ chồng đi tìm cách giúp đỡ ngay. Nhờ sự cứu trợ đó, cuối năm 1980, bà Kiến về Sài Gòn tậu một căn nhà gạch thuộc quận Phú Nhuận. Đầu năm 1981, đại gia đình từ biệt khu kinh tế mới Bình Long Sông Bé di chuyển về Sài Gòn, bỏ lại các vòng rau xanh, mấy gốc đu đủ, ổi, xoài, mít đã bắt đầu kết trái! Nhưng đau buồn nhất là bỏ lại nắm mồ ông ngoại trên vùng đất hoang lạnh từng thăm mồ hôi của bà ngoại và các con cháu.

Năm 1988, ông Kiến ra tù lao động khổ sai. Ông được vợ đón về căn nhà gạch tại Phú Nhuận, gặp lại hầu hết các người ruột rà trong đại gia đình, riêng chú Long là thành viên mới. Nỗi vui đoàn viên được nhân đôi khi nhìn các con của ông nay đã khôn lớn, nên vóc nên hình. Ông mừng trong bụng và thầm cảm ơn vợ đã hy sinh chịu đựng, một thân một mình nuôi dạy các con khôn lớn. Cả ba đứa đều đi học tại các Trường Trung Học Sài Gòn và Phú Nhuận.

Năm 1989, cháu Hoa tốt nghiệp trung học, xin vào đại học, nhưng gặp trở ngại vì lý lịch “ngụy quân” của người cha, đành ở nhà phụ mẹ bán hàng tạp hóa trong chợ Phú Nhuận. Hai cháu còn lại tiếp tục đến trường và tốt nghiệp những năm sau đó.

Gần 13 năm xa cách nên phút đầu gặp lại, cả cha và con đều ngỡ ngàng, nhất là trong cách xưng hô. Ông Kiến không quên mình là gốc nhà binh, chủ động xưng ba và gọi các con. Dù vậy, ông vẫn mang mặc cảm không được dịp nuôi dạy chúng thời gian qua, còn hiện tại thì không... công ăn việc làm!

Đã ăn bám thì còn ý kiến ý cò gì trong sinh hoạt của gia đình nữa chứ?!

Bấy giờ cậu Huỳnh xin được việc làm tốt tại một công ty xuất khẩu nông sản, lương hậu, nên mỗi lần về nhà, cậu nhờ mấy cháu đi mua bia và thứ này thứ khác để lai rai. Cậu rất

hào sảng nên được các cháu quý trọng. Mỗi lần cậu về nhà, tụi nhỏ vui hẳn lên. Nghĩ đến thân phận mình, ông Kiến tủi lòng. Không kể bà ngoại, ông là người lớn tuổi trong nhà, nhưng mọi việc đều do vợ quyết định. Ông yên lặng làm theo điều vợ dặn, phụ giúp những việc vặt. Ông thấy mình thừa thãi trong cuộc sống nên sự thân thiện với mọi thành viên trong gia đình vẫn còn ái ngại, nhất là đối với anh con trai.

Cá tính Nguyên biệt lập, chỉ làm những gì người lớn sai bảo, không sáng kiến và thích... cô đơn. Mỗi tối anh chong đèn học và ngủ luôn trên sân thượng. Một hôm, ông nhờ Nguyên làm việc gì đó, ông buồn vì thái độ của con không nhiệt tình như khi cậu Huỳnh sai bảo.

Nhân mùa Word Cup, hầu hết mọi người đều theo dõi các trận đấu vòng loại. Dĩ nhiên, ông Kiến có thiện cảm với các đội Anh Pháp Đức, Hòa Lan..., nói chung, các đội thuộc các nước Tự Do. Trái lại, Nguyên hoan nghênh các đội Liên Xô, Tiệp Khắc, Ba Lan, Hung Gia Lợi..., nói chung, các đội thuộc các nước Cộng Sản. Ông Kiến buồn xa vắng về chuyện này. Ông nghĩ, nhà nước chuyên chính đã thành công trong công cuộc trồng người. Những *mãng* Tư Bản đã thành *tre* Vô Sản rồi sao? Dù vậy, ông giữ thái độ thân thiện nhưng dè chừng với mọi người, chứ biết sao hơn?

Năm 1992, cả gia đình đi HO qua Mỹ tị nạn. Ông Kiến chịu uất hận suốt 13 năm trong ngục tù Cộng Sản, được đánh đổi bằng chuyến đi HO này. Đúng là đại an ủi! Đúng là “cùng tắc biến”.

Ông cảm thấy tự tin và hạnh phúc vì được góp phần của mình vào tương lai tươi sáng của gia đình.

Tại quê hương mới, ba người con của ông đều tốt nghiệp đại học và có công ăn việc làm. Mới hay, con là máu cha huyết mẹ, nhưng cho đến cuối đời, cha mẹ nào cũng nhận ra một điều là, con gái hiếu thuận với cha mẹ hơn con trai. Tính cách giữa hai cha con ông Kiến vẫn còn trái ngược trong sinh hoạt

hằng ngày, không còn vì lập trường quốc cộng nữa, mà trong công ăn việc làm và cách cư xử với vợ con của anh ấy.

Có thể Nguyễn tự nghĩ mình thông minh tài giỏi, nên trong sở làm, anh không khuất phục những người được hăng xướng trao trách nhiệm. Cứ vài ba tháng là thay đổi việc! Ông khuyên con trai nên làm tròn bổn phận của một công nhân. Nguyễn sừng cò, bảo rằng, anh không chịu để đưa ngu chỉ huy mình. Thế là thất nghiệp! Ông Kiến hết ý kiến. Ông im lặng và chờ đợi, chứ biết sao hơn?

Thời gian thất nghiệp khá lâu, Nguyễn đành về Việt Nam dạy Anh văn kiếm sống, rồi lấy vợ sinh con. Bà Kiến thương anh con trai duy nhất, đành dùm để tiếp tế cho anh đủ tiêu dùng. Và do yêu cầu quyết liệt của bà, ba năm sau, Nguyễn mang vợ con qua Mỹ. Tại đây, tưởng như tại Việt Nam, đôi khi say sìn, anh đánh vợ trước mặt gia đình. Cũng may, được vợ thương và bảo bọc nên thoát rắc rối về pháp lý. Ông Kiến lại khuyên bảo, Nguyễn không những không nghe lời mà quyết định đưa vợ con đi tiểu bang khác sinh sống. Có thể là để tránh mặt ông. Ông Kiến vẫn im lặng chờ đợi: “Biến tất thông!”

Con nào cũng là con, nhưng con trai khi có vợ, lo cho vợ con sói đầu, thì giờ đâu mà lo cho cha mẹ? Ông Kiến nghĩ đến bản thân mình và ông anh ở Texas, sau thời gian phục vụ quân ngũ, tù đày và lưu lạc, cả hai người con trai cũng bỏ mẹ già heo hút một mình tại quê nhà. Cũng may, nhờ cô Phúc ngày đêm chăm sóc thì có khác gì anh con trai của ông bà bây giờ? Ông nghĩ thế để tự an ủi. Dầu biết, con nào cũng là con, nhưng thời buổi này, câu “thập nữ viêt vô” (*) đã quá lỗi thời, mà cần đảo ngược cho đúng với thực tế là: “Nhất nữ viêt hữu” (*).

Mỗi gia đình đều có hoàn cảnh riêng. Ông Kiến dựa vào thực tế của gia đình mình mà suy ra như thế chứ không có ý vu đũa cả nắm! Theo thời gian, thành kiến và phong tục tập quán cũng nên thay đổi cho phù hợp với nếp nghĩ mới và cuộc sống hiện tại. Nếu thay đổi theo hướng lên thì... phước báu, mà theo

hướng xuống thì... đại họa!

Hằng tuần, ông bà Kiên dự cơm gia đình với hai cô con gái tại Nam California. Dịp này, cô út Hợp gọi facetime cho vợ chồng anh ba Nguyên để báo tin sinh hoạt gia đình. Vợ chồng Nguyên xuất hiện trên màn hình, chào hỏi ông bà nội, chị em và các cháu, pha trò vài câu về cuộc sống, rồi thôi. Cứ giữ được tình gia đình như thế, đã phước lắm đó!

Nhân ngày sinh của mình, ông Kiến gọi cho vợ con Di Chúc do ông soạn thảo cả năm trước, đề cập đến mọi chuẩn bị cho hậu sự thật đơn giản, thật tiết kiệm khi ông ra đi. Chiều cùng ngày, hai cô con gái tổ chức cơm gia đình để “mừng sinh nhật thứ 81 cho Ba”. Cô út gọi điện khoe vợ chồng Nguyên tiệc sinh nhật ba. Sau khi chào hỏi mọi người, anh muốn nói chuyện với “ông nội”:

- Thừa ba, con biết là xưa nay con với ba khắc khẩu, đã làm cho ba buồn phiền. Từ ngày con có con, con mới nghĩ đến vai trò của người cha và con biết mình có lỗi. Con xin lỗi ba!

Giọng Nguyên ngập ngừng xúc cảm, thật bất ngờ, cả nhà thở phào hân hoan. Ông Kiến sững sờ, miệng cười mà nước mắt chảy dài. Xưa nay, Nguyên chỉ gọi ông là “ông nội” chứ không quen miệng gọi “ba”. Hôm nay quả là một phép lạ!

Ông Kiến sung sướng không nói nên lời. Cần gì? Có khi im lặng mang ý nghĩa cả ngàn lời!

Với bao dung và nhẫn nhịn, sớm muộn gì cũng hóa giải được những gút mắt trong trong gia đình (và cả trong nhân quần xã hội). Với gia đình, điều cần ghi nhớ là, “*một giọt máu đào hơn ao nước lã!*”

Giọt nước mắt của người cha hôm nay, còn mặn nồng hơn cả ngàn giọt máu đào...

Father Day 2021

() Nhất nam viết hữu. Thập nữ viết vô.*



Tưởng Nhớ Một Người Đã Khuất.

*Kính tặng quý Niên Trưởng K21 TVBQGVN và kính tưởng
nhớ đến NT Hồ Tấn Đạt F21, cánh chim bằng tan trong tuyết
trắng về với cát bụi hư vô.*

Đỗ Trọng Đạt, K29

Mây mờ góc núi, chẳng ĐẠT TẤN HỒ trường,
Gió xé áo bay, mặt kiếp đời tha hương.....
Đại thụ gãy cành, mãi còn đây chí hướng,
Tuyết Trắng ngày nào, Người Võ Bị tiếc thương.....

.....
*Xác thân theo đất,
Hồn ngát thiên thu...
Đời thương được, mất,
Thương, ghét, hận, thù....*

.....
Lòng mang tâm sự âm u,
Xuôi tay nhắm mắt, kẻ thù người thương.
Rồi đây ai cũng chung đường,
Châu về hiệp phổ mái Trường năm xưa....

.....

*Cổng Nam Quan,
Đài Tử Sĩ..
Đêm Truy điệu,
Vũ Đình Trường.
Đại bàng mỗi cánh..
Nửa kiếp đời tha phương....*

.....
Niên trưởng ơi..
Chim bằng gãy cánh nửa đường.
Nhưng....
Vẫn còn đây chí lớn.
VẬY MÀ..
Xác thân nằm đầy túi hờn,
Hồn nương theo gió vẫn còn vấn vương.
Mang theo Tuyết trắng về Trường,
Tan trong sương khói cuối đường ALPHA...

(tôi viết không nổi nữa...)





Nước Mất - Mất Theo Nước.

(Bài viết vinh danh các CSVSQ xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam đã Vị Quốc Vong Thân trong biến cố 30 tháng Tư, 1975. Chúng tôi xin được nghiêng mình tưởng nhớ đến những gương hy sinh can đảm ấy.)

Võ Nhân, K20.

I. Giữa Tháng 3/1975, khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh cho Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn I rút Sư Đoàn Dù từ Đà Nẵng vào Sài Gòn làm Tổng Trừ Bị và Sư Đoàn TQLC rút bớt lực lượng từ Huế vào Đà Nẵng thay thế Dù. Khi TQLC từ Huế di chuyển vào Đà Nẵng thì người dân cũng di tản theo từ Huế vào Đà Nẵng, khiến thị nơi đây thêm rối loạn.

Ngày 28 tháng 3 năm 1975, Lữ Đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến gồm 3 Tiểu Đoàn 2, 6, 9 TQLC do Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc K16, Lữ Đoàn Trưởng và Trung Tá Đỗ Hữu Tùng K16, Lữ Đoàn Phó đang phòng thủ tại bãi biển Non Nước. Lúc 7.00 giờ sáng, ngày 29 tháng 3 năm 1975, khi Trung Tâm Hành Quân của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến ở Non Nước được lệnh lên tàu, Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc và Trung Tá Đỗ Hữu Tùng ở lại để đón cho được Tiểu Đoàn 9/TQLC đang từ xa rút về. Khoảng 11.00 giờ trưa, Đại



*Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc,
Khóa 16, Lữ Đoàn Trưởng Lữ
Đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến.*

Úy Đoàn Văn Tịnh - K22, Ban 3 của Tiểu Đoàn 9, đang liên lạc với Trung Tá Tùng thì nghe một tiếng nổ lớn, mạnh, chất chứa vang lên trong máy truyền tin! Cuộc điện đàm bị cắt đứt! Từ đó, không ai thấy, biết chuyện gì đã xảy ra cho Bộ Chỉ Huy của Lữ Đoàn 369. Trung Tá Phúc và Trung Tá Tùng được coi như mất tích từ ngày ấy.

Cũng cần biết thêm về cuộc đời binh nghiệp của Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc.

Với chức vụ nhỏ nhất, nhưng mỗi quyết định của Ông đều góp phần chiến thắng của đơn vị - như chiến trận Đàm Dơi, chiến thắng cấp tiểu đoàn trong lúc Thiếu Úy Nguyễn Xuân Phúc còn là một trung đội trưởng! Ông đã cùng toàn trung đội quyết chiến làm mũi dùi xung phong chiếm được tuyến phòng thủ của địch làm đầu cầu cho các đơn vị bạn tiến vào khiến tuyến phòng thủ của địch bị vỡ, địch bỏ chạy

Đầu năm 1966, Tiểu Đoàn 2 TQLC tấn công vào ấp An Quý, trong đó lực lượng địch đông với vũ khí công đồng phòng thủ vững chắc. Thiếu Tá Lê Hằng Minh đã điều động Đại Đội của ông Phúc làm mũi dùi, Đại đội của Ông Phúc đã vô cùng anh

dũng, bất chấp mọi gian nguy, chiếm được đầu cầu giúp tiêu đoàn đánh tan một tiêu đoàn cơ động của Cộng quân ở Tam Quan, Bồng Sơn, Quảng Ngãi. Cuộc giáp chiến thật dữ dội, ác liệt gây nên những tổn thất nặng nề cho Cộng Sản. Sau trận chiến, Thiếu Tá Lê Hằng Minh đề nghị về BTL/LĐ cho TĐ.2 mang huy hiệu “Trâu Điên”. Từ đó, Tiểu Đoàn 2 TQLC nổi danh với biệt danh Trâu Điên.

(Trích Quân Sử TQLC)

Tháng 6 năm 1966, khi chuyên quân từ Huế tăng cường cho chiến trường Quảng Trị, đoàn xe của TĐ.2/TQLC đã bị một trung đoàn cộng quân phục kích độn thổ, trên Quốc Lộ 1, ở đoạn đường Phò Trạch - Phong Điền, Tiểu Đoàn Trâu Điên đã tức thời chống trả, phản công cuộc phục kích một cách tuyệt vời... Tuy nhiên Tiểu Đoàn Trưởng là Trung Tá Lê Hằng Minh bị tử trận và Đại Đội Trưởng là Ông Nguyễn Xuân Phúc bị đạn bắn xuyên từ trước ngực ra sau lưng.

(Trích Tuyển Tập 21 Năm Chiến Trận của TQLC)

Tháng 4 năm 1968 Mậu Thân, Cộng Sản đã làm chiếm đóng vùng Gia Định, đặc biệt là cầu Bình Lợi. Là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 6 TQLC, Thiếu Tá Phúc đã điều động đơn vị chiếm lại cầu Bình Lợi, chặn đường rút lui của Cộng Quân. Vì thế, hàng trăm tên Việt Cộng đã bị quân ta bắt sống.

Không may, ông đã bị một mảnh đạn pháo kích làm rách mặt...

Tháng 3 năm 1969, Thiếu Tá Phúc là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Trâu Điên, khi trở lại đơn vị tác chiến.

Năm 1970, dưới quyền chỉ huy của ông, Tiểu Đoàn Trâu Điên đã tung hoành ngang dọc trên lãnh thổ Kampuchia từ Neak Luong đến Prey Veng. Đơn vị đã tiêu diệt hàng trăm Cộng quân, tịch thu hàng trăm vũ khí và phá hủy toàn bộ hậu cần của địch...

Năm 1971, Tiểu Đoàn 2 TQLC tham dự cuộc hành quân Lam Sơn 719 vượt biên sang Tchépone của Lào, nhằm phá vỡ hậu cần và đường chuyên quân Cộng Sản Bắc Việt với ông dẫn đầu từ Bắc vào Nam.

Trong một cuộc phỏng vấn của phóng viên đặc san Sóng Thần với Thiếu Tướng Bùi Thế Lân, Tư Lệnh TQLC, Ông đã nói về Trung Tá Phúc như sau: (*trích ĐS/ST/TQLC*)

- Chọn một đại đội trưởng TQLC đã là một điều khó, cấp chỉ huy ở trên phải cân nhắc kỹ lưỡng, nhất là về khả năng và tác phong, vì dưới quyền chỉ huy tác chiến của họ luôn luôn có trong tay hơn một trăm sinh mạng, vậy thì chọn tiểu đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng là một việc vô cùng hệ trọng.

Tôi đã chọn Phúc làm tiểu đoàn phó, tiểu đoàn trưởng, lữ đoàn phó rồi lữ đoàn trưởng thì đủ biết Phúc có đầy đủ tư cách và khả năng, Phúc giỏi. Trong 7 ngày cuối cùng ở Hạ Lào, tôi chỉ còn làm việc trực tiếp với Phúc, và Phúc là người có công nhất trong giai đoạn rút quân khỏi Hạ Lào.

Bố tôi và bố Phúc là bạn thân cùng trường, trong ngành kỹ sư, nhưng chưa bao giờ hai cụ đề cập với tôi về chuyện Phúc ở TQLC, và Phúc cũng chẳng bao giờ quan tâm tới điều này. Điều Phúc quan tâm là **lính no hay đói**, Phúc không biết gì về tiền bạc cả./.

Cuối tháng 5/1972, Trung Tá Phúc nhận chức Lữ Đoàn Phó Lữ Đoàn 147. Trong giai đoạn này, Cộng Sản Bắc Việt đã xua quân xâm chiếm Quảng Trị, địa đầu giới tuyến, với những loạt tấn công ồ ạt bằng chiến xa T-54, PT-76, và đủ loại vũ khí nặng của Nga Tàu cung cấp.

Cuộc đời binh nghiệp của Trung Tá Đỗ Hữu Tùng K16 vô cùng oanh liệt. Tất cả cấp bậc, chức vụ của ông đều do những chiến công lẫy lừng, oanh liệt mà đơn vị dưới quyền chỉ huy của ông đạt được.

Trong trận tái chiếm Cổ Thành Đình Công Tráng Quảng Trị:

Sau hơn năm tháng chiến đấu, ngày 16 tháng 9 năm 1972, Tiểu Đoàn 6 Thủy Quân Lục Chiến do Thiếu Tá Đỗ Hữu Tùng/ K16, Tiểu Đoàn Trưởng chỉ huy đã cầm được Quốc Kỳ VNCH trên thành phố Quảng Trị thân yêu. Thiếu Tá Đỗ Hữu Tùng được vinh thăng trung tá do công trạng này.

Ông đã được tưởng thưởng Đệ Tứ Đảng Bảo Quốc Huân Chương, 16 Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu, 2 chiến thương bội tinh... Chính phủ Hoa Kỳ cũng tặng thưởng cho Ông một Silver Star và 2 Bronze Star với huy hiệu chữ “V”.

Ở đâu có Nguyễn Xuân Phúc thì ở đó Nguyễn Hữu Tùng. Hai người bạn cùng khóa sát cánh bên nhau. Đến cuối đời, họ đã cùng nhau đến một miền miên viễn an lành?

* * *

b. Thảm họa xảy đến không thể tránh khỏi! Cuộc triệt thoái không thành công của Quân Đoàn 2 khối cao nguyên Trung Phần đã dẫn đến những thất bại to lớn sau này.

c. Đại Tá Nguyễn Hữu Thông K16, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 42 Bộ Binh được lệnh cho đơn vị lui đến Qui Nhơn để triệt thoái bằng tàu của Hải Quân. Trung Tá Lê Thành Uyển, Chỉ Huy Trưởng Hải Đội 3 Tuần Dương trên HQ08 đã nhiều lần thúc giục Đại Tá Thông lên tàu sớm, nhưng ông không chịu vì các đơn vị dưới quyền đang chiến đấu với Cộng Sản Bắc Việt. Nôn nóng, Trung Tá Uyển hỏi tại sao Đại Tá Thông không chịu lên tàu? Đại Tá Thông đã ôn tồn đáp:

- Tôi không thể ra với anh được. Lính của tôi có lẽ ra cũng gần hết rồi. Cám ơn anh. Tôi đi về đây!

Liên lạc cuối cùng với Đại Tá Thông chấm dứt. Theo lời của Đại Tá Nguyễn Thiệu K16, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 41 Bộ Binh thì Đại Tá Thông đã cùng vài binh sĩ của ông đã đi ngược về những ngọn đồi vô danh mà đơn vị đã từng chiến đấu với Cộng Sản Bắc Việt trước đây... Lúc đó, ông vừa tròn 38 tuổi đời.

Phóng viên chiến trường Phạm Huân đã viết:

“Sự hy sinh của một anh hùng, một đại anh hùng vào sáng ngày 2 tháng 4 năm 1975, đã bị rơi vào quên lãng và cũng là một thiệt thòi lớn lao cho đất nước! Đó là trường hợp của Đại Tá Nguyễn Hữu Thông, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 42...”

Ông viết tiếp:

“Tôi có thể quả quyết rằng trong 20 năm sau cùng của chiến tranh Việt Nam, không có một tướng lĩnh nào khi chỉ huy cấp trung đoàn hay lữ đoàn đã tạo dựng được những chiến công to lớn như anh hùng Nguyễn Hữu Thông. Những tướng Cộng Sản Bắc Việt chỉ huy Sư Đoàn 320 Điện Biên Phủ, Sư Đoàn 3 Sao Vàng trong những năm 73, 74, 75 cho đến bây

giờ và mãi mãi sẽ phải cúi mặt khi nhớ đến thảm bại nhục nhã trước sức chiến đấu của Trung Đoàn 42 do Đại Tá Nguyễn Hữu Thông chỉ huy tại Pleime, Đèo Nhông, và những ngọn đồi vô danh (cao điểm chiến lược 82 và 174)

ở Tây, Tây Nam Hoài Nhơn, Bình Định.” (Trích).



Đại Tá Nguyễn Hữu Thông, Trung Đoàn Trưởng TrĐ42/SD 22BB, tự sát vào cuối tháng 3, 1975 bị chôn trong nấm mộ tập thể tại Quy Nhơn.

Đưa những binh sĩ của mình còn lại về vùng an toàn rồi ông lững thững đi trở lại con đường cũ, về phía những ngọn đồi vô danh của chiến trường xưa... để cùng được nằm xuống bên cạnh những binh sĩ của mình đã Vị Quốc Vong Thân! Ôi! Con người và hình ảnh thật đẹp, thật phi thường, và cũng thật hào hùng biết bao! Công ơn ngàn trùng! Ngàn năm ghi nhớ! Chính khí sáng ngời! Để rồi, ông Phạm Huân kết luận:

“Nếu Hiệp Định Paris 27/1/1973 được ký kết trễ hơn khoảng 2 năm, miền Nam không bao giờ mất vào tay Cộng Sản. Bởi vì, đất nước và quân đội sẽ được lãnh đạo và chỉ huy bởi những tướng lĩnh anh hùng, có khả năng với đầy đủ Trí, Đức, Dũng. Ngày 2/4/1975, nếu anh hùng Nguyễn Hữu Thông

là Thiếu Tướng Nguyễn Hữu Thông thì chắc chắn cái chết của ông sẽ tạo thành một trận cuồng phong. “Trận cuồng phong” từ vùng đất linh thiêng của Quang Trung Đại Đế, sẽ làm quân thù khiếp sợ và gây được lòng tin tưởng, phấn khởi cho toàn Quân, toàn Dân ...” (Trích).

d. Từ cao nguyên di tản về vùng duyên hải, Thiếu Tá Phạm Văn Thái K20, Tiểu Đoàn Trưởng đã đưa đơn vị về đến Phan Rang. Trưa ngày 2 tháng 4 năm 1975, khi hay tin thành phố Nha Trang thất thủ, Thiếu Tá Thái đã tuần tiết tại tư gia.

e. Cuộc triệt thoái khỏi cao nguyên đã bị thất bại. Thiếu Tướng Phạm Văn Phú phải chứng kiến những tang tóc đau thương dành cho đoàn người, di tản vô tận từ Phú Bồn đến sông Đà Rằng, phải gánh chịu.

Trưa ngày 2 tháng 4, trên đồi “Lầu Ông Hoàng” thuộc tỉnh lỵ Phan Thiết, Tướng Phú chờ đợi bàn giao những phần đất còn lại của Quân Khu 2 cho Quân Khu 3. Bên cạnh ông chỉ còn có Đại Tá Đức, và các Thiếu Tá Huấn, Vinh, và Hoá.

Hình ảnh bên ngoài của Tướng Phú giờ đây đã hiện rõ là hình ảnh của một ông già ốm yếu, tiêu tụy!!! Thiếu Tá Hoá đến trình cho Tướng Phú rằng trực thăng của Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu K3, Tư Lệnh Phó của Quân Đoàn III sắp đáp xuống để nhận bàn giao... Khi nghe đến đây bất ngờ, Tướng Phú vội vã rút điều thuốc xuống đất rồi rút ngay khẩu súng ngắn nòng ra khỏi vỏ! Một tiếng hét kinh hoàng:

- Thiếu Tướng.

Tay của Đại Tá Đức gạt mạnh, khẩu súng rơi xuống đất!

Về đến Sài Gòn, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú phải vào Bệnh Viện Cộng Hòa dưỡng bệnh! Trong những ngày Mỹ lập kế hoạch di tản, nhân viên của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ đến nhà và đề nghị Thiếu Tướng Phú và gia đình đến định cư tại Hoa Kỳ. Tướng Phú đã từ chối. Ngày 29 tháng 4, Thiếu Tướng Phú “mượn” một liều thuốc cực mạnh thay cho viên đạn cuối cùng! Được các bác sĩ cứu chữa tận tình, trưa 30 tháng 4 năm 1975, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú tỉnh dậy, thều thào với phu nhân:

- *Tình hình đến đâu rồi?*

Bà Phú buồn rầu, thôn thức:

- *Cộng Sản đã vào đến Sài Gòn!*

Ông từ từ nhắm mắt lại. Thiếu Tướng Phú đã giữ trọn lời hứa khi ông xin tử thủ Pleiku cho đến hơi thở cuối cùng!

f. Khi được tin Thiếu Tướng Phú đã tuân tiết, Đại Tá Phạm Tường Chinh đã đến viếng linh cửu của Tướng Phú, quản tại chùa Vĩnh Nghiêm. Trở về nhà, ông cũng tuân tiết. Tuy nhiên, Cộng Sản đã bắt gia đình của ông phải nộp thuế chết mới cho an táng và giấy khai tử đề ngày chết là ngày 16 tháng 5 năm 1975.



***Thiếu Tướng Phạm Văn Phú,
 Tư Lệnh Quân Đoàn II, 1975.***

g. Trong những ngày cuối tháng Tư năm 1975 oan nghiệt ấy, còn rất nhiều cấp chỉ huy cùng đơn vị của mình tiếp tục chiến đấu:

Thiếu Tá Tôn Thất Trân K20, là một tiểu đoàn trưởng của một đơn vị tác chiến, không chịu buông súng.

Với tình cảm Võ Bị thân thiết, Thiếu Tá Tô Công Thất, K16 đã khuyên Thiếu Tá Trân bình tĩnh nhưng, “*Trân không trả lời, chỉ bước tới, bước lui, mặt tái đi, mắt long lên, môi mím lại...*”

Rồi ông lại thổ lộ với Thiếu Tá Thất về cuộc đấu khẩu với tên chỉ huy của Cộng Sản Bắc Việt.

- “*Tên này lập luận hồ đồ, mở miệng là em quạt liền... Nó tức em lắm, muốn bắn em cho hả dạ. Em cũng muốn nó bắn em đi. Nếu không, chúng còn làm nhục em nữa...*”

Sau đó, khi tên chỉ huy khác của Cộng Sản đến, Thiếu Tá Trân đã bảo:

- “*Các anh không có chính nghĩa.*”

Thiếu Tá Tôn Thất Trân đã bị Cộng Sản thủ tiêu sau đó.

h. Thiếu Tá Huỳnh Túy Viên K20, Quận Trưởng kiêm Chi Khu Trưởng Đầm Dơi, đã rút quân về hướng Hòa Thành, tiếp tục chiến đấu... Đơn vị hết lương thực, đạn dược nên ông bị bắt... Cộng Sản đã lột hết quần, áo chỉ trừ chiếc quần lót rồi trói ông vào cột cờ của quận cho muỗi đốt suốt nhiều ngày đêm... Một tháng sau, chúng đã bắn ông tại sân vận động Cà Mau.

(còn tiếp)



Thằng Anh Đi Câu

Kim Cao, 25/1

Hôm nay tôi nhận được cuốn Đa Hiệu khiến lòng tôi tràn niềm cảm phục vì trong lúc ‘cô vung, cô vít’ đang tấn công trên các vùng chiến thuật, thế mà các chàng Võ Bị trong ban “báo chí” vẫn ngang nhiên phát hành cuốn Tập San Đa Hiệu. Đúng là các anh đa năng. Đúng là các anh luôn mang trên mình trách nhiệm Tự Thắng.

“Đa Hiệu”. Tôi dân ngu, dân thường chỉ biết đa là nhiều, hiệu là tên, là hiệu năng, là hiệu quả là... là có nghĩa Võ Bị làm được nhiều chuyện, làm đâu ra đó, là ngon hơn người, như chồng tôi hay nói “thằng anh này ngon nhất đời mà em”. Một trong những câu chuyện thường ngày để chứng minh các quan Võ Bị ngon. Vì thế, tôi xin kể hầu quý anh chị câu chuyện “Thằng Anh Đi Câu”.

Đường đường là các quan nhớn, các anh đa hiệu đa năng từ Cali sang Florida đi câu cá. Các quan có dịp trở tài cho dân tình biết mặt. Các ông là ông cựu Tổng Hội Trưởng Tổng Hội Võ Bị, ông cựu Hội Trưởng Hội Võ Bị Utah, ông cựu Hội Trưởng Hội Võ Bị Sacramento, và ông đương kim Hội Trưởng Hội Võ Bị Sacramento nữa. Chưa hết, còn có các quan đàn em đi theo nữa thế là đủ hội trưởng hội viên. Trong nhóm

các quan, đương nhiên có các “mợ” theo để giữ túi nâng khăn. Thân phận các mợ là phải níu theo quan mới được cái chức bà nhớn, bà quan. Tội cho các mợ, nâng khăn giữ túi mấy chục năm vẫn không lên được chức nào cao hơn cả. Mấy quan không lên lon thì các mợ cố níu mấy cũng chừng ấy thôi. Dầu sao làm vợ Quan Võ Bị cũng ngon rồi, đót đuốc tìm sao cho ra một “thằng anh” ngon thế. Phúc nhà các mợ đấy nhé. Có mợ nhỏ than thở:

- “Các anh là quan, còn chồng em chưa phải là quan mà lúc nào cũng tưởng mình là quan mới chết thiên hạ chứ.”

Mợ nhỏ có biết đâu, qua khỏi cổng Nam Quan là các đảng Nam Nhi đã mộng làm tướng rồi chứ gì quan Hai, quan Ba sá chi mà mộng. Ngon như Võ Bị mà.



Từ trái sang: Đàm Văn Phương K25, Nguyễn Đình Hạnh K19, Cao Văn Hải K25, Nguyễn Hàm K25.

Ngày 1: Vừa tới Destin, Florida, các quan dẫn mợ đi ra bên cảng nhìn tàu thiên hạ trở về từ biển. Mở to mắt xem người Mỹ làm cá mới thấy trời đãi nước Mỹ như thế nào. Mấy con cá mú, cá hồng to đùng đùng mà họ chỉ lấy phần thịt hai bên và phần còn lại họ bỏ vào thùng “rác”. Nói thực thì cũng không phải thùng rác vì trong thùng chỉ toàn đầu cá, đuôi cá. Một quan nhìn thấy đầu cá mà tiếc của đời, nhưng đường đường là quan nhớn từ Cali qua mặt mũi nào mà đi moi thùng rác chứ. Khổ ơi là khổ! Không khéo người ta bỏ xuống biển thì chao ôi tiếc đứt ruột. Mỗi cái đầu cá mú hương ở chợ phải tốn chừng

40 – 50\$. Trong thùng có chừng hơn 30 cái đầu cá như cá thu, cá mú, cá hồng, lấy hết mỡ đầu thì ngon rồi. Về California tha hồ trở nên giàu có nhé. Khôn thay, quen thói làm quan, ta tha câu lấy mà ăn chứ không làm ‘cái bang’. Suy đi nghĩ lại không đành bỏ đi nên một quan lên giọng:

- “Chị muốn lấy thì hỏi nhanh đi không thì họ đổ mắt.”

Không cần quan nhắc, các mợ cũng đã dùng thùng to bao nhỏ để hốt sạch. Đầu cá làm sạch đem nướng thoa mỡ hành, đậu phộng, trong khi thân cá nạo xương mót thịt làm chả. Các quan được các mợ thết một bữa linh đình. Đánh chén anh chén em mà vẫn ngại ngần nhắc:

- “Con bà nó, ở Cali qua mà đứng xếp hàng đi lượm đầu cá, thật không ra thể thống gì.”

Ngày 2: Mang dép Nhật lợi bùn bắt ốc, các quan đi bắt con sò mai. Đúng là quan. Một quan, bị sò cắn dưới bàn chân một đường ngang dài, mang sẹ về Cali làm kỷ niệm. Quan được huấn luyện là phải thuộc nằm lòng câu, “Chúng tôi không tìm an lạc dễ dàng” nên chẳng hề than thở. Mợ thấy máu me đóng váng lớp lớp hàng hàng nhưng lại nghe quan đàn em phán, “nhảm nhò gì niên trưởng. Nước mặn diệt trùng”.

Võ Bị ngon thật rồi, ngon từ xưa còn trẻ, đến già vẫn còn ngon. Quên “mẹ” nó vết thương đi, sò mai nướng mỡ hành ăn chung với chén cháo hàu, cháo cá đầy tiêu hành cay thơm. Cốc rượu ly bia hết đầy lại voi làm câu chuyện thêm dòn. Quay đi quần lại cũng là chuyện cũ trong trường, kể mãi vẫn chuyện mới như hôm qua tình tự thương yêu. VB hai thứ tóc trên đầu nhưng vẫn ngon như đang huấn luyện đàn em. Chén anh gọi niên trưởng, chén em nhường niên đệ. Thương làm sao tình tự Võ Bị. Các mợ nói với nhau:

-“Mình có phúc mới kiếm được chồng ngon như thế.”

Một quan nghe được nên đồng dạc:

- “Các chị đúng. Đi đâu mà kiếm được một thằng anh ngon

vậy chứ.”

Ngày 3: Các quan đi câu. Thuộc say sóng uống trước vài liều để ra khơi, nhưng quan nhà này thấm thuốc ngủ ngon nên cá tha hồ tung tăng. Quan vượt toàn cá to nên mang mấy con cá mồi để làm mồi về cho vợ kho mặn. Lần này thì các quan hết ngon được rồi. Dân Florida câu được toàn cá to để dân Cali “nhặt” đầu. Dân Cali tự đi câu thì có nòi cá kho đủ ăn với cháo trắng. Có một điều phải công nhận là các quan Võ Bị khéo chọn vợ. Các quan đa hiệu nhưng các vợ đa năng. Cháo trắng ăn cá kho, chồng ăn vợ gắp gật gù khen ngon. Không có các vợ theo thì chắc “không có cháo để húp” nhé. Các quan cứ mang chiến lợi phẩm về và các vợ tha hồ chế biến thành cao lương. Đầu đàn là vợ Phương quen thói chủ nhà hàng chủ chợ nên tha hồ bày biện. Mấy vợ còn lại nhặt rau rửa chén mà lòng vui như mở hội.

Ngày 4: Trời chưa sáng hẳn mà các quan đã khấn gó lên đường xuống tàu ra khơi. Chuyến này thì quan nhất định phải kéo được con cá to nhất đại dương cho chúng biết. Trời biết, ta biết, và vợ ta biết. Các quan trở về với mấy con cá còm thảm thương. Nhan sắc các quan phai tàn thiếu nã với làn da rám nắng. Vợ ta không nhận ra ta nhưng có người ở bên cạnh xầm xì, “Oh hey, Amigo”. Chuyến này không dám nói Võ Bị ngon nữa rồi. Thương thì thương mà đành phải chấp nhận các ”thằng anh” này không sống qua cơn phong ba trên biển lặng nước xanh. Thôi đành thôi, chuyến này lại đành đoạn tìm về nơi cũ để moi đầu cá.

Khiêng cái đầu cá của người mà thấy túi thân. Một cái đầu cá nặng hơn cả thùng cá của các quan. Quan anh lôi, quan em kéo. Chí còn mong tiến bước nhưng sức chỉ chừng ấy thôi. Quan Cường 30, thay vì làm đầu cá, làm luôn đầu ngón tay. Máu người trộn lẫn máu cá. Ngay bên tàu không có dụng cụ cầm máu. Một vợ chỉ chiêu cho anh cuốn ngón tay vào vạt áo để cầm máu trước. Quan em từ chối vì không muốn làm bản áo vợ mua. Bó tay với quan. Đúng là Võ Bị ngon. Lần này thì

quan Phương 25 lên tiếng:

- “Đẹp đầu với đuôi, cá với tôm. Bỏ biển hết đi.”

Ồ, thì ra các quan bênh nhau. Anh xót cho em đến thế đấy. Thương các quan Võ Bị nhất ở điểm này. Anh thấy đàn em đau bèn “mắng” các mợ tội tham lam vác đầu cá về gây nên tội tình.

Ngày 5: Cạch vào, chả câu chả kéo nữa. Chẳng ốc cũng chẳng cua. Quan mệt phờ người rồi. Biển xanh sóng lặng quan cũng chẳng thềm bơi. Cát trắng thông xanh quan ta cũng chẳng màng ngắm. Đường phố thơ cho khách bộ hành quan cũng chối từ cất bước dạo bộ.

Quan uống cà phê. Quan chê cơm, yêu chè, thích ăn donut rồi uống thuốc tiểu đường. Mỗi quan mỗi nắm thuốc khác nhau. Viên xanh viên đỏ, gói nâu gói trắng được các mợ xếp theo bữa sáng trưa chiều tối. Quan quên uống thuốc hay cô tình quên chỉ quan biết. Cái chi ngọt, nơi nào êm quan dành hưởng hết. Các mợ nhìn các quan mà lòng ngổn ngang. Còn đâu “thằng anh” oai phong ngày nào. Quan đầu bạc, mợ da nhăn. Quan ôm một đồng tuổi, mợ ôm một gánh thuốc nhuộm tóc. Quan quên đường trước, mợ lạc ngõ sau. Có điều là tiếng gọi “*mình ơi, anh ơi*” quan còn nghe rõ. Cám ơn giới!

Hình ảnh “thằng anh” oai hùng trong bộ quân phục, đến “thằng anh” tả tơi, tơi tả trong bộ đồ rách nát chôn lao tù, rồi đến “thằng anh” trong những ngày vất vả, tay quờ quạng chân liêu xiêu trên đất khách vì ngôn ngữ văn hoá bất đồng. Quan quên hẳn mình là quan để lẫn mình vào các công việc nặng nhọc cùng mợ dựng nghiệp nuôi con. Chỉ một “thằng anh” mà mang trên người nhiều gánh kiếp. Thương quan từ thuở xa xưa hện hò. Thương quan những ngày gian nan cùng mợ vượt qua sóng đời. Thương quan bầy chừ tóc bạc răng long, thương quan ngủ mà há miệng khoe hàm, thương quan cười đưa răng chiếc mất chiếc còn, thương quan nói trước quên sau. Và thương “thằng anh” cho tới cuối cuộc đời vẫn giữ được

hứa thề khi còn son.

Ngày 6: Các quan hôm nay nghĩ ngợi đúng nghĩa của “nghĩ mát” nên không có gì để viết về các quan. Tối đây thì cây viết của người viết bài bị “tịt ngòi” vì hết ý. Muốn viết dài thì chỉ thêm uu..a..a.. mượn chuyện thiên hạ may ra kiếm được thêm vài trang. Quan 30 Cường và Lợi đã lên đường về lại quê hương nên các quan không còn hội viên để được nghe tiếng gọi niên trưởng nữa. Cũng may còn quan 19 Nguyễn Đình Hạnh



*Nguyễn Hàm, ..., và Cao Văn Hải
(từ trái)*

để các quan gọi ‘niên trưởng’ ngoài tiếng mày tao. Trời Florida nóng hầm không thua gì Sacramento, California. Các quan rảnh rỗi nên mỗi quan một phone, đọc email...

Tôi nghe tiếng thở dài. Tôi cảm thấy được nỗi buồn vây kín. Các quan trở nên trầm ngâm... Lại tin không vui. Lại có những quan bỏ cuộc chơi, bỏ gia đình bạn bè. Chỉ trong vòng vài ngày mà tin xa tới tập buồn. Khoá 4, 10, 13, 16, 18, 19, 25, 26 đầy những phần phân ưu. Sáng nay lại thấy Khoá 23 mất đi một quan.

Tôi biết anh Huỳnh Hương, K23 qua câu chuyện về những đặc biệt của gia đình anh. Một gia đình hiếm có thời VNCH có tất cả những người con đều gia nhập trường Võ Bị. Gia đình đã mất đi người em út cũng là quan nhỏ Võ Bị, mất quan Võ Bị 25 Huỳnh Thương, bây giờ người quan Võ Bị lớn nhất trong anh em là quan Võ Bị 23 Huỳnh Hương lại ra đi. Ngậm ngùi, thương tiếc.

Mới đây không lâu, quan nhà tôi có nhắc chuyện quan

Hương lúc còn ở trong trại tù cải tạo. Anh là người có chí khí, dám làm dám chịu. Anh bao che đàn em trong hoàn cảnh khốc cùng của tận cùng vô vọng. Lòng kính trọng đối với anh Hương không hẳn chỉ là huynh đệ đồng môn mà còn là bạn tù anh hùng chí khí. Tôi có lần theo chồng thăm vợ chồng anh Hương. Vợ chồng anh chị tài sắc vẹn toàn. Mắt anh đen và sáng khiến cho người đối diện nhìn thấy anh là người cương nghị.

Chúng tôi đã nhiều lần hứa sẽ về thăm vợ chồng anh nhưng tiếc thay chúng tôi đã mất cơ hội thăm anh sau này cho đến lúc chỉ còn hồi tiếc trong cuộc đời. Từ những mắt mắt dồn dập của những bạn bè, niên trưởng, niên đệ của chồng đã ra đi, lòng tôi chùng sâu nỗi đau, nuối thương trộn lẫn sợ hãi.

Hãy cho nhau bàn tay

Tay nắm chặt tay khi còn có thể.

Hãy tìm đến nhau

Chung sức mình cố níu lại thời gian

Hãy cười với nhau

Để thay lời hồi tiếc khi chẳng còn nhau.

Hãy về với nhau

Vì ngày không đợi, giờ không hẹn tới.

Công Nam Quan đổi chủ.

Trường Võ Bị thay tên

Trai Võ Bị không quên mình đệ trưởng anh em

Giọt mồ hôi những ngày huấn nhục

Mặn chát trên môi nhớ lời niên trưởng

Trên chiến trường khốc liệt

Máu em tuôn xót dạ đàn anh.

Giờ nếu còn nhau.

Mặc tay run mặc chân rẩy

Xin cho nhau vòng tay ấm, lời thân thiện ngọt ngào

Vì những ngày trước mặt mắt dần và giờ đến thật gần

Xin đừng chờ vì phải hồi tiếc chưa nói lời thân thương.

*Những ngày vui qua mau
Những ngày buồn dai dẳng vì mắt mát vì chia xa.
Xin hãy đến với nhau khi còn có thể...*

Chuyện “Thằng Anh Đi Cầu” của các quan nhà đã cho chúng tôi những giây phút tuyệt vời bên nhau. “Thằng anh” bước vào cổng Nam Quan đã mang cho mình chức quan để các mợ mê mẩn từ lúc tóc còn xanh xanh. “Thằng anh” bước ra cổng Nam Quan mang theo tình sâu huynh đệ, ***một ý chí Tự Thăng Đẳng Chỉ Huy, một tinh thần Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm***, như lời một nhà văn đã nhắc:

- “*Thời buổi đất nước tương tàn, thân phận tù đầy, quân lệnh vô phèng mà máy ông Võ Bị vẫn một lời niên trưởng, hai lời niên đệ. Phục thật!*”

Đúng là “thằng anh ngon” nhất đời. Tôi sợ khoảng thời gian trước mặt không đợi một ai và ngày không còn dài. Tôi tự nhủ:

- *Còn cười được cứ cười. Còn vui được cứ vui. Chân một ngày sẽ rã rời, tay một mai sẽ run rẩy. Đường còn đó nhưng sức không còn để bước thì vẫn còn hình ảnh những ngày tình tự bên nhau để nhớ. Tuổi đếm thêm “một đống” thì có biết đâu ngày nào đó lại nhìn nhau gật gù, “Chú là ai? Chị là ai?”*

Ngày còn đây thì hãy đến với nhau vì tình tự. Tình tự Võ Bị thiêng liêng. Tình tự được hiểu ngầm là yêu thương, là kính nhường. Ước chi tôi được nghe mãi câu chuyện Võ Bị mới như mùi áo mới quân trường. Ước chi tôi còn nghe được tiếng gọi niên trưởng niên đệ mãi đây áp kính thương. Ước chi tôi được ôm mãi hình ảnh thân thương ấy những ngày bên nhau, và ước chi tôi được nhiều lần nữa viết về các quan Võ Bị.

June 2021



“Thôi Về Đi Con”

Cao Xuân Thanh Ngọc, K14/2

Thế là công dân của cả tiểu bang California trong tình trạng gần như bị động. Đường phố thì vắng vẻ, nhà hàng đóng cửa và chỉ cho phép mọi người vào mua thức ăn nhanh rồi đi chứ không được ngồi vào bàn ăn uống như xưa. Hạn chế ra đường và nếu có đi thì mọi người phải giữ khoảng cách 6 feet (khoảng 2 mét). Tôi vì làm cho bệnh viện, cho nên vẫn phải tiếp tục đi làm bình thường.

Vì bệnh viện xa nhà cho nên tôi thường đi vào sáng thứ Hai, ở lại khách sạn cho đến thứ Sáu tôi mới về nhà. Khách sạn phải đóng nửa phần và đã cho 20 nhân viên nghỉ việc. Chỉ vì trận đại dịch Vũ Hán vì rút cho nên không còn ai đi chơi, không còn ai ở khách sạn, ngoại trừ những người làm việc trong những ngành nghề quan trọng (essentials) như nhân viên công ty điện lực, y bác sĩ, nhân viên các chợ hay nhân viên lao công làm trong các bệnh viện!

Ngày xưa, ai cũng phàn nàn đi đâu cũng kẹt xe, đi đâu cũng phải đợi phải chờ, trong đó có tôi. Nhưng thời gian gần đây, mỗi lần lái xe mỗi chuyến cả 145 miles mà chỉ tốn 2 tiếng đồng hồ, trong khi ngày xưa gần 3 tiếng! Chạy bon bon, không một chút kẹt xe, tự nhiên tôi lại thèm cái không khí tấp

nập, cái không khí vội vã và cái cảnh kẹt xe trên xa lộ! Quy cho cùng, tôi cảm thấy cô đơn vì đơn phương đồng hành trên con đường phục vụ cho tha nhân!

Con đại dịch vi rút Corona bắt nguồn từ thành phố Vũ Hán Trung Quốc vào tháng 11 năm 2019. Từ đó, nó bùng phát một cách đáng sợ và lây sang những thành phố xung quanh, vì có tới năm triệu người dân Vũ Hán trốn chạy khi họ phong phanh nghe thành phố sẽ bị cách ly. Bên cạnh đó, số người dân Mỹ đi du lịch từ vùng Vũ Hán trở về lại nước Mỹ không nhỏ. Cho nên, con đại dịch đã nhanh chóng lan chuyễn đi khắp thế giới! Không ngoại lệ để giờ đây, nước Mỹ đã có số người bị nhiễm vi rút Vũ Hán cao nhất thế giới. *(Còn Trung Quốc báo cáo số đúng hay không thì có trời mà biết!)*

Bệnh viện tôi đang làm, tuy cách xa những thành phố sầm uất náo nhiệt, nhưng cũng không tránh khỏi không có bệnh nhân lây nhiễm con vi rút này! Chỉ trong vòng một tuần mà bệnh viện tăng từ một ca lên sáu ca. Theo dự đoán, trong vòng vài tuần tới (giữa tháng 4) là số lượng những ca nhiễm tại tiểu bang California sẽ tăng vọt. Chúng tôi đã được báo trước để chuẩn bị. Thuốc men, dụng cụ y tế bị thiếu trầm trọng. Chuyện này cũng dễ hiểu vì có rất nhiều hãng thuốc và dụng cụ y tế đều có chi nhánh sản xuất tại Trung Quốc. Khi đại dịch bị bùng nổ tại đó thì tất cả đều bị trì hoãn!

Đây là tình trạng chung cho mọi nơi!

Mẹ và cả nhà lo lắng cho sức khỏe của tôi, khi nhiều ca nhiễm lại càng tăng và chưa có dấu hiệu thuyên giảm. Mẹ cứ gọi tôi mỗi ngày. Tôi thì không dám tâm sự với Mẹ nhiều vì tôi biết tính của Mẹ hay lo. Cho nên mỗi lần Mẹ gọi, tôi vẫn giữ thái độ lạc quan, dặn chừng Ba Mẹ không được ra ngoài vì tuổi tác đã cao mà lại mang trong người các thứ bệnh khác, đó là cách tự bảo vệ cho mình và cho mọi người trong nhà!

Tôi nào dám nói với Mẹ là bệnh viện thiếu dụng cụ y tế, thuốc và thiết bị để chữa trị cho bệnh nhân! Mỗi lần nói chuyện

với Mẹ, Mẹ đều nói:

- “Thôi bỏ hết, về nhà đi con!”

Tôi biết Mẹ thương tôi và mấy đứa cháu ngoại, cô út ở nhà một mình với chồng tôi, Mẹ sốt ruột nên mới nói vậy, tuy nhiên Mẹ thừa biết tính tình của đứa con gái út này... Mẹ hiểu tôi hơn ai hết và biết tôi rất yêu công việc của tôi! Khi bệnh viện càng ngày càng có thêm ca nhiễm, tôi biết đã đến lúc tôi cần phải tự cách ly mình với gia đình, với chồng và ba đứa con thơ, vì nếu lỡ tôi bị nhiễm trong lúc làm việc thì ít nhất gia đình tôi được an toàn!

Tối hôm trước, tôi đã chuẩn bị tâm lý cho ba đứa nhỏ, chia sẻ với tụi nhỏ là Mẹ chắc không về nhà vào cuối tuần trong thời gian tới, và trong vòng vài tuần nữa. Nhân viên bệnh viện sẽ rất bận rộn vì số người bị nhiễm có thể sẽ lên cao nữa. Và lại, tất cả các bệnh viện trên khắp tiểu bang California đã chia sẻ thông tin với nhau, nếu họ thấy bệnh viện nào còn trống giường là máy bay y tế quân đội Mỹ sẽ chuyển bệnh nhân bị nhiễm đến bệnh viện đó để được chăm sóc!

Josephine - bé gái chị hiểu chuyện hơn, ôm Mẹ khóc nức nở. Chloe lúc đầu chưa biết chuyện gì xảy ra, khuôn mặt bí xị, nhưng khi chị Josephine nói là Mẹ sẽ tạm không về nhà cuối tuần, thế là oà lên khóc! Anh Anthony điềm tĩnh hơn, chỉ hỏi Mẹ sẽ ăn uống ra sao? Tiểu bang có tất cả bao nhiêu ca rồi? Bệnh viện Mẹ làm có đầy đủ thuốc men, dụng cụ không? Đúng là “ông cụ non” bác sĩ tương lai của Mẹ!

Tôi cũng chia sẻ quyết định của tôi cho Mẹ tôi biết. Mẹ im lặng hồi lâu rồi dặn dò tôi từng ly từng chút!

- “Con nhớ uống nước chanh với mật ong; con nhớ ăn uống đầy đủ...”

Quả thật đây là một sự thử thách to lớn cho nước Mỹ, cho những gia đình, nhưng cũng giúp chúng ta yêu thương nhau hơn, đến với nhau trong tình thương yêu nhân ái!

Tháng Tư đen từ sau năm 1975 luôn buồn... vậy mà cũng đã 45 năm... Ngày Ba đi tù, tôi chỉ được 2 tháng, tôi lớn dần trong vòng tay yêu thương của Mẹ và anh chị trong nhà...

Lúc đó, tôi vừa chập chững bước vào ngưỡng cửa tiểu học ở Long Khánh, Việt Nam. Chúng tôi, những đứa con “ngụy” đều phải cất cao tiếng hát, hát một cách máy móc, vô tri vô giác về những bài hát của kẻ cầm quyền Công Sản!

Từ lớp một, chúng tôi đã bị nhồi nhét vào đầu những hình ảnh xấu xa của Đế Quốc Mỹ. Có thời gian, tôi đã từng giận Ba tôi, tại sao lại đứng cùng người Mỹ để gây ra chiến tranh, để rồi bị tù tội! Sau này khi khôn lớn, tôi mới biết đó là Ba tôi, là những vị quân nhân cán chính đáng kính của Việt Nam Cộng Hoà! Chính họ mới là những người đã hy sinh cả mạng sống, cũng như tuổi thanh niên để chiến đấu chống bè lũ Cộng Sản, để bảo vệ dân chúng miền Nam, trong đó có gia đình của tôi.

Mẹ, vì kẻ sinh nhai và lo cho cả đàn con dại, cũng không có thời gian để nói cho mấy đứa con biết sự thật. Thương Mẹ lắm, thân gầy gò, đội nắng dầm sương để lo cho con, rồi cho chồng trong tù... Ngay từ nhỏ, hình ảnh của mẹ luôn là hình ảnh của một phụ nữ kiên cường và mạnh mẽ. Dáng dấp gầy gò, nhỏ bé nhưng cánh tay của Mẹ luôn giang rộng đủ để che chở cho đàn con. Ngày xưa đã vậy, bây giờ tuy cánh tay đã mệt mỏi, đã nhăn nhúm theo năm tháng nhưng Mẹ vẫn không ngại che chở cho con, dù con đã đủ lông đủ cánh để có thể tự lo cho mình...

Tháng Tư năm nào cũng ảm đạm, đau buồn nhưng năm nay lại càng nã nề hơn vì cả nước Mỹ, cũng như thế giới đang bị trận đại dịch hoành hành! Mọi việc đều bế tắc! Mọi việc đều bị trì trệ... Rồi đây, khi mọi chuyện trôi qua, tôi bảo đảm nước Mỹ và thế giới sẽ không bỏ qua giả thuyết về tội ác diệt chủng mà Trung Cộng đã gây ra cho nhân loại! Ngay từ khi trận đại dịch bắt đầu bùng phát và lây lan, nếu Trung Cộng trung thực về con số, chia sẻ chi tiết về tầm nguy hiểm của con vi rút này,

cũng như cho phép nhân viên y tế của nước Mỹ và thế giới đến để hiểu biết thêm về tình trạng lây nhiễm, tôi nghĩ cả thế giới sẽ có sự chuẩn bị thích đáng hơn, để giảm bớt chết chóc và lây lan cho người dân của mình...

Mẹ à, Mẹ nhắc chị Hai không cần phải mua nhiều thức ăn đâu nha, Mẹ! Ở Mỹ mình không bao giờ đói đâu! Chắc Mẹ coi tin tức trên Tivi, cũng thấy cảnh người dân xếp hàng dài tại các chợ để mua thức ăn và đồ dự trữ. Tình trạng này đã dẫn đến thiếu thốn vì người dân đi mua quá đông! Không cần phải sợ hãi và quính lên như vậy, Mẹ à! Mẹ đừng lo cho con, con rất tin tưởng vào ngành y tế của nước Mỹ!

Chắc có lẽ 5-6 tháng tới chúng ta sẽ có ngựa tiêm chủng cho con Coronavirus. Mẹ yên tâm nha! Chúng con sẽ không sao, mọi chuyện rồi cũng sẽ qua và con biết chắc chắn là chúng ta sẽ mạnh mẽ hơn trước. Có một điều con biết chắc chắn rằng sau trận đại dịch dịch này, chúng con biết thương yêu nhau hơn, biết quý trọng nhau hơn vì dù sao đi nữa, chỉ có niềm tin và tình thương yêu sẽ giúp chúng ta làm được rất nhiều chuyện phi thường mà con tưởng chừng như không bao giờ làm được!

Tháng Tư năm 2020

Chú thích: Bài này được viết khi các loại vaccine của Pfizer, Moderna, Johnson & Johnson đang được nghiên cứu, chưa được chấp thuận cho sử dụng tại Hoa Kỳ.



Một Chút Mây

Nguyễn Văn Ngọc, K26

Khi đang theo học tại trường Võ Bị, vào năm thứ tư hấn được phép mặc thường phục đi dạo phố Đà Lạt.

Một sáng Chủ Nhật đầu mùa Hè, hấn tình cờ giúp một cô gái gắn lại cái dây sên bị sút của chiếc xe đạp mini, mà cô đang dắt bộ bên bờ hồ Xuân Hương.

Thế là hấn đã quen cô.

Mỗi dịp được ra phố, như một thói quen, hấn thường ghé quán Mekong, gọi tách cà phê đen và cái bánh pâté chaud, ngồi nhâm nhi, nhìn thiên hạ qua lại bên ngoài cửa kính, giết thời giờ.

Sau này, thỉnh thoảng có cô cùng ngồi, nói chuyện gẫu, hấn thấy vui vui.

Có lần cô nói tựu trường sắp đến, cô được lên lớp đệ Nhị trường Bùi Thị Xuân.

Có lần cô hỏi trong các thứ bánh thì hấn thích ăn bánh nào nhất. Sẵn có cái bánh pâté chaud trước mặt, hấn nói bừa rằng hấn thích bánh này.

Lần gặp mặt trước, cô có cho hấn biết là thứ Bảy tuần kế

tiếp là sinh nhật của cô và mời hẳn ghé nhà vào buổi trưa để cùng cô mừng sinh nhật.

Hắn đến nhà cô hơi trễ vì phải chờ đợi mới xin được giấy phép xuất trại. Khi tới nơi, hẳn không thấy ai, ngoại trừ một người giúp việc. Bà cho biết ba má cô đã đặt nhà hàng chiếc bánh sinh nhật thật lớn nhưng cô muốn tự tay làm thêm bánh pate chaud để đãi ai đó, nên sáng sớm đạp xe đi mua nguyên liệu. Không may, một chiếc xe hơi đã tông vào cô trên đường vào chợ. Giờ đây, xác cô đang nằm trong bệnh viện.

Trời ơi, Tiểu Vân, tên cô gái, đã qua đời trong ngày sinh nhật của mình khi vừa mười bảy tuổi.

‘Một chút mây’ trên bầu trời Đà Lạt như chưa bao giờ tan mất trong lòng hẳn, từ đó!

2.

Chiếc xe bus chở sinh viên sĩ quan Võ Bị ra phố Đà Lạt vừa ngừng bên hông khu Hội Trường Hòa Bình là hẳn vội vã bước xuống, băng qua đường vào Mekong.

Mới hơn 9 giờ sáng Chủ Nhật mà quán đã có khá đông khách.

Rất may còn hai cái bàn trống phía ngoài, sát vách kính, hẳn tới chiếm lĩnh một cái rồi nhìn quanh. Có lẽ hẳn là gã sinh viên Võ Bị đến quán đầu tiên buổi sáng hôm nay. Gọi tách cà-phê phin đen như thường lệ, hẳn ngồi nhâm nhi chờ đợi Tiểu Vân.

Chừng mười lăm phút sau, hẳn nhác thấy dáng cô bên kia đường.

Bữa nay cô bé diện áo đầm màu hồng nhạt có điểm những bông trắng nhỏ xíu, quán Mekong như thêm bừng sáng khi cô bước chân vào.

Hắn kéo chiếc ghế đối diện cho cô ngồi. Chưa kịp an vị, Tiểu Vân đã chu mỏ:

- “Em có quà đặc biệt tặng anh nè.”

Vừa nói, cô vừa mở cái bóp quàng vai, lấy ra một bông hoa có nhiều cánh trắng nõn, thon dài đang hé nở, đặt vào chiếc đĩa lót tách cà-phê rồi đẩy về phía hắn:

- “Em mới hái trong vườn trước khi đến đây. Đồ anh hoa này là hoa gì?”

Hắn cầm lấy bông hoa đưa lên mũi mình. Hương hoa quyện cùng mùi cà-phê thơm diu diu. Hắn đâu có lạ gì bông hoa này, nhưng giả bộ:

- “Bông biếc anh mù tịt, mà phải công nhận bông này thơm thiệt.”

Cô gợi ý:

- “Hoa này có tên anh trong đó đó. Nhớ ra chưa?”

Hắn vẫn cố tình:

- “Anh chịu thua.”

Cô tài lanh:

- “Ba má đặt tên cho em là Tiểu Vân, nếu đặt là Tiểu Lan thì lấy tên anh, tên em ghép lại sẽ thành tên hoa này.”

Hắn làm như ngạc nhiên:

- “Bông ngọc lan? Giờ anh mới biết. Bông đẹp và dễ thương giống em.”

Cô xí hắn một tiếng rõ kêu rồi nói:

- “Anh bỏ hoa vào túi áo đi, để giữ hương thơm, để tôi về thấy hoa mà nhớ em.”

Thấy cô nhỏ có vẻ vui vui, hắn gợi chuyện:

- “Giữa hai cái tên Tiểu Vân, một chút mây và Tiểu Lan, một bông lan nhí hay là một cánh lan gầy, em thích tên nào?”

Cô ngẫm nghĩ chừng một phút:

- “Em thích tên Tiểu Lan, vì ít ra tên em và tên anh đem

ghép lại sẽ mang một ý nghĩa nào đó, chẳng hạn là tên của loại hoa này. Nhưng mà em đâu có gầy.”

Hắn ghẹo cô:

- “Ừ ờ, em chỉ thua cái thùng tô-nô chút xíu, ha ha.”

Mặt cô xịu xuống, trả đũa:

- “Còn anh thì cao lêu nghêu như cây tre, hi hi.”

Sau đó, hắn và cô rời quán, cùng nhau đi dạo quanh bờ hồ Xuân Hương rồi ngược lên Đồi Cù.

Từ ngày tình cờ làm quen với cô bé học trò lớp Đệ Tam trường Bùi Thị Xuân này, những lần được xuất trại cuối tuần của hắn đã không còn tẻ nhạt.

Buổi tối, hắn ép bông ngọc lan dưới tấm nhựa mê-ca ở bàn học rồi nói thầm, “Nhớ em rồi, cô nhỏ ơi!” Hình bóng Tiểu Vân cùng một ngày rong chơi hạnh phúc đã theo hắn vào giấc ngủ êm đềm nơi quân trường.

3.

Một buổi trưa Chủ Nhật, hắn và Tiểu Vân ngồi giải khát ở nhà Thủy Tạ. Cô chậm rãi ăn từng muỗng nhỏ kem hạnh nhân, còn hắn nhâm nhi cà-phê đá.

Chợt có hai sinh viên sĩ quan Võ Bị mặc quân phục dạo phố mùa Hè bước vào quán. Họ đồng loạt dơ tay chào theo kiểu nhà binh trước khi dỡ mũ cát-két cầm tay rồi tiến đến một cái bàn trống. Bởi ngồi không xa, nên hắn biết đó là hai sinh viên khóa đàn em đang học năm thứ hai và năm thứ ba, vì một người mang an-pha một gạch còn người kia mang an-pha hai gạch vàng trên nền cầu vai đỏ.

Thấy cử chỉ nghiêm trang của hai người sinh viên, cô ngạc nhiên hỏi hắn:

- “Ừa anh? Hai người kia chào ai vậy? Họ chào anh hả?”

- “Không phải. Anh đang mặc thường phục, họ đâu biết anh

là ai mà chào.” Hấn trả lời.

Cô lại hỏi:

- “Như vậy họ chào người nào?”

Hấn giải thích:

- “Họ chào mọi người tới trước trong quán này, kể cả em. Đó là quân phong, quân kỷ bắt buộc mà tụi anh được học trong trường.”

Cô thắc mắc:

- “Nhưng hồi nãy vào quán, em đâu thấy anh chào?”

Hấn cười cười:

- “Tại anh không mặc quân phục. Mặc thường phục như hôm nay thì anh tạm thời làm người dân thường như em, nên được miễn chào.”

Không đợi cô có thêm ý kiến, hấn nói tiếp:

- “Ở doanh trại, khuôn viên trường thì tụi anh phải chào tay gần như cả trăm lần mỗi ngày. Này nhé: Đàn em chào mình, mình phải chào lại; chào khi bước vào lớp học, thư viện, câu lạc-bộ, hội quán, phạn xá... Dĩ nhiên khi gặp cấp chỉ huy như sĩ quan cán bộ, huấn luyện viên; sĩ quan giảng viên văn hóa vụ... càng phải chào kính nghiêm chỉnh.”

Cô nhăn mặt:

- “Eo ôi! Chào như vậy mỗi tay chết!”

Hấn cà rờn rồi gọi chuyện:

- “Nhằm nhò gì, dù tay bị liệt cũng phải ráng mà đưa lên ngang trán. Nhưng thôi mình nói chuyện khác đi. Nhạc phẩm cô thân ngân đang cho khách nghe có nội dung buồn quá phải



không?”

Cô ngó chiếc Akai đặt trên kệ phía sau quầy, nơi phát ra tiếng hát trầm bổng của Thái Thanh, suy nghĩ:

- “Thỉnh thoảng em có nghe bài hát này trên ra-dô, ti-vi, nhưng không nhớ tên. Bài gì vậy anh?”

Hắn mau mắn giải đáp:

- “*Em lẻ chùa này*. Nhạc sĩ Phạm Duy phổ thơ của Phạm Thiên Thư. Em nghe kìa...`*tàn mùa Đông vào Chùa bõ ngõ, tiễn đưa em trong áo quan này...*’. Tội nghiệp cô gái vẫn số!”

Cô trầm ngâm:

- “A, em nhớ rồi. Theo em, đây là một chuyện tình buồn lãng mạn của thơ văn. Họ đã có bốn mùa tuyệt vời hạnh phúc bên nhau, như vậy cũng đủ mãn nguyện. Chết trẻ dù với bất cứ lý do gì, vẫn hơn chết già bất hạnh, anh ơi.”

Hắn trêu cô:

- “Đẹp và dễ thương như em thì muốn chừng nào sẽ nghĩ thờ?”

Cô nhanh nhẩu:

- “Em há, em không thích mai kia già nua lụ khụ, đứt hơi rồi chết. Nếu phải chết, em muốn được chết khi mình chưa quá già!”

Hắn lại trêu cô:

- “Liệu mà giữ mồm giữ miệng nghe cô bé. Coi chừng đến phút lâm chung sẽ có người dốc tàn hơi thều thào rằng,”*Tôi còn yêu cuộc đời này lắm, chưa muốn ra đi bây giờ...*”

Cô cười mỉm rồi đưa tay xem đồng hồ:

- “Em phải về kẻo ba mẹ mong. Như mấy lần trước, anh chỉ cần đưa em tới đầu nhà ga cũ, nha. Thứ Bảy tuần tới là sinh nhật em, anh cố gắng xin phép ra dự và cũng để diện kiến ba mẹ. Nhớ nha anh.”

Những cơn gió dịu mát ngày Hè thổi bay bay hai vạt áo dài màu thiên thanh nhạt khi cô bước đi. Hấn vẫn đứng yên, ngó theo Tiểu Vân khi dáng cô khuất sau một lối rẽ.

4.

Doanh trại trường Võ Bị trở nên vắng lặng hơn vào ngày Chủ Nhật vì đa số những sinh viên sĩ quan không có nhiệm vụ trực, gác, ứng chiến, phòng thủ trên đồi Đồng Quan... đã được xe bus chở ra phố Đà Lạt lúc 8 giờ.

Sáng nay, người bạn cùng phòng cũng đã xuất trại từ sớm còn hấn thì lại tự cấm trại mình. Tiểu Vân bắt ngờ ra đi miên viễn, bây giờ hấn ra phố để làm gì?

Đi lang thang ngoài bờ hồ Xuân Hương ư? Không đâu. Hấn sợ phải nhìn thấy cái băng ghế kỷ niệm, nơi mà hấn và cô đã ngồi chuyện trò khá lâu, sau khi hấn sửa giúp cô chiếc dây sên xe đạp bị sút.

Vào Mekong uống cà-phê ư? Không đâu. Hấn sợ phải ngó thấy bánh pate chaud, mà có lần hấn nói thích nhất, không ngờ đã dẫn đến cái chết thảm khốc của cô trong khi hấn là một gã tạp ăn.

*Đến Thủy Tạ ăn kem, nghe nhạc ư? Không đâu. Hấn sợ phải vô tình nghe lại bài hát *Em lẻ chùa này rồi* nhớ mấy lời nói gỡ của cô:*

- “Chết trẻ dù với bất cứ lý do gì, vẫn hơn chết già bất hạnh, anh ơi!”

Lặng lẽ cắm điện nấu nước sôi, pha một ly trà Lipton rồi hấn bung đến ngồi vào bàn học. Đóa ngọc lan cô tặng hấn đã đổi màu vàng héo dưới tấm nhựa mi-ca. Lời cô nhắn nhủ hôm nào lại âm vang trong đầu hấn:

- “Anh bỏ hoa vào túi áo đi, để giữ hương thơm, để tối về thấy hoa mà nhớ em.”

Hấn thì thầm với cô:

“Chỉ còn không đầy năm tháng nữa anh sẽ rời quân trường này ra mặt trận. Bông ngọc lan dù có mang theo rồi cũng sẽ phai tàn, vụn vỡ cùng thời gian. Tuy nhiên, Tiểu Vân ơi! Anh sẽ mãi mãi không quên em.”

Hớp một ngụm trà nguội lạnh, hắn cảm thấy vị đắng chát nơi cổ họng.

Mùa Hè chưa qua hết mà Tiểu Vân, ‘một chút mây’ đã bay xa, mất hút trên bầu trời Đà Lạt!

Nhớ Về Đà Lạt

*Dương Đình Bộ
K10 Trần Bình Trọng*

*Sương mù giăng mắc muôn nơi
Rừng thông phủ kín núi đồi xa xa
Sinh viên Võ Bị nhà ta
Trau dồi văn võ sớm trưa nhọc nhằn
Lang thang tản bộ cuối tuần
Con đường Cầu Queo* nhớ từng bước đi
Xuân Hương in bóng một thì
Cam Ly Than Thở tình như gợn sầu*

**Đường Cầu Queo: Cong và dốc, nói Phan Đình Phùng và chợ Đà Lạt.*

Những Giọt Nước Mắt Cho Sài Gòn

Trường Thúy, K20/1

Nghe tiếng diên thoại reo, tôi vội nhấc máy, là cuộc gọi từ Việt Nam

- Nga đây, chị Hạnh ơi. Hôm nay em đi chợ để nấu cơm từ thiện, chiều tối sẽ đi phát cho bà con lao động đang bị thiếu thốn. Chị có muốn góp phần với tụi em nữa không?

- Ủa, em mới phát hôm thứ Bảy đây mà, hôm nay mới thứ Hai đã làm lại. Sao hăng thế, không mệt à?

- Làm từ thiện đâu có mệt, trái lại vui nữa là đằng khác. Với lại Sài Gòn nay mai bắt cách ly cấm ra đường, rồi làm sao mà giúp cho ai được, nên em phải làm gấp chứ. Chị biết sao em gọi cho chị không? Hôm qua Chi với Ngọc hai đứa trong tổ nấu ăn từ thiện của em, đi xuống Bà Quẹo, thấy mấy em nhỏ bới thùng rác, ngó tội quá. Sau khi mua đồ ăn cho mấy em đó xong, hai đứa về cứ nhất định hôm nay là phải nấu cơm để mang đến giúp cho những người nghèo này. Hết cách thôi, em nghĩ đến chị hay làm từ thiện, nên rủ chị, “zìt kiu” Mỹ giàu lắm mờ, hi hi hi...

- Giàu cái đầu em đó, khỉ ạ. Sáng mai chị sẽ đi gửi tiền cho Nga, bây giờ thì tối rồi...

- Không sao, không sao, em ứng trước như mọi lần nha. À, mà kỳ này phải trả tiền lời đó nhe, thời buổi cô vít kiếm tiền khó quá, phải có lời mới sống được chứ, hì hì.

- OK, chuyện nhỏ, cứ vậy đi, chị cúp máy đây.

Tắt điện thoại xong, tôi ngồi thu mình trong ghế sofa, mà hình ảnh mấy em nhỏ, gầy gò, nhếch nhác, đang moi thùng rác kiếm ăn cứ luẩn quẩn mãi trong đầu. Tôi thấy tim mình nhói lên một nỗi xót xa. Con cháu của tôi bên này, không thiếu thốn một thứ gì cả, trong khi các em bé, đồng bào của tôi đó, sao lại phải chịu một cuộc sống khốn khổ cùng cực đến như thế? Càng nghĩ tôi càng thấy căm hận lũ chính quyền Cộng Sản vô lương, vì tội nó không phải là con người, chỉ là một loài quỷ dữ, chuyên lo vợ vét của người dân đến tận cùng xương tủy, bằng mọi cách, mà không hề biết lo cho dân, nhất là trong thời buổi dịch bệnh này.

Đã hơn một năm tự nhốt mình trong nhà vì dịch Cô Vít, tôi và có lẽ nhiều người cũng cứ tưởng rằng con dịch bệnh này rồi cũng dần dà sẽ yếu đi và bị tiêu diệt khi có vaccine. Nhưng không, con vi rút này, chẳng những không có dấu hiệu gì cho thấy sự suy yếu của nó, mà trái lại nó càng hung hăng nhiều hơn, biến chủng mới của nó lây lan nhanh trong không khí, mặc dù ở các quốc gia trên thế giới như Mỹ, Canada v...v... vaccine đã được chích cho khá nhiều người. Số người chưa chích ngừa bị mắc cô vít đã đành, mà ngay cả người đã tiêm chủng rồi cũng vẫn bị mắc bệnh, nhưng tương đối nhẹ hơn.

Cả thế giới nghiêng ngả vì con Cô Vít 19 này, và giờ đây Sài Gòn thân yêu của tôi cũng đang quần quại trong đau thương vì nó.

Sài Gòn đói ăn, Sài Gòn thiếu thuốc. Chăm quyền Cộng Sản đã làm được gì để cứu giúp dân, hay chỉ biết ngồi trong phòng máy lạnh ra hết nghị quyết này đến chỉ thị khác để hành khổ dân, hết Chỉ Thị 16 chưa xong lại đến Nghị Quyết 19. Dân đâu cần đến những cái đó, cái dân cần là làm sao để sống

sót, không phải chết đói vì không có lương thực, thực phẩm, không phải chết bệnh vì mắc Cô Vít mà không có vắc xin, có thuốc, trong thời gian dịch bùng phát nặng.

Dân cần mà nhà nước làm ngơ, thì dân tự cứu vậ. Để cứu đói cho Sài Gòn, nhiều tỉnh thành phía Nam đem lương thực đến tiếp tế, thế mà tới cửa ngõ thành phố lại bị cấm không cho vào, để đến khi sữa tươi bị chua, đồ cả ngàn lít, rau trái củ quả, bị thối rữa, phải đem bỏ cả mấy trăm tấn một cách phí phạm, trong lúc Sài Gòn mong chờ từng cọng hành, từng trái dưa leo. Vài lít sữa cho trẻ em, vài viên thuốc cho người ốm, cũng không có. Thành phố lại bị phong tỏa khắp nơi, các cửa hàng, các chợ bị đóng, cấm bán buôn. Làm chính quyền khiếu gì mà thấy dân đói không hề thương xót và hỗ trợ một chút gì là sao? Tiền hỗ trợ nghe nói toàn là tiền tỷ, nào là 62 tỷ, rồi 26 tỷ, 886 tỷ. Ôi, tiền nhiều quá đi, vậy nay tiền ấy biến đâu để dân phải đói khổ đến vậy? Chắc chúng muốn giết chết hết dân miền Nam để lấy chỗ đưa bọn Tàu phù vào? Thật đau đớn và bất hạnh cho người dân VN phải sống dưới sự kềm kẹp của một lũ vừa bất nhân, vừa ngu dốt.

Chính phủ khôn nạn đã không nuôi dân trong những ngày dịch bệnh, mà cũng không nghĩ ra được một phương cách nào để cho dân không bị đói, không bị khổ, đúng là một lũ óc bả đậu, chỉ biết nghĩ cách moi tiền dân là giỏi. May quá người dân miền Nam thông minh còn nhớ đến câu “lá lành đùm lá rách, lá rách đùm lá tả tơi” và họ đã áp dụng thật triệt để và hữu hiệu câu tục ngữ này.

Khắp nơi ở Sài Gòn, người người rủ nhau ra tay cứu giúp người cùng khó. Các hội đoàn tư nhân, nhà thờ, chùa chiền, cá nhân tự nguyện, (Trong này không hề có bóng dáng của chính quyền, của các cán bộ tai to mặt mẽt, cũng như lớp người miền Nam Mới nha.) Chỗ nào người dân cũng được cứu đói tận tình. Chỗ phát cơm từ thiện, nơi phát gạo, phát rau miễn phí, quán cơm không đồng, bánh mì, nước uống để dọc đường không người trông, ai cần thì lấy...

Những hình ảnh yêu thương đó đã được truyền tải qua mạng xã hội, những hình ảnh đẹp mà có lẽ không nơi nào trên thế giới có được. Sự đùm bọc, sự xót chia không tính toán, không vụ lợi mới quý làm sao, mới đáng khâm phục làm sao. Những người Sài Gòn của chúng tôi đó, chúng tôi luôn hãnh diện vì quý vị. Xin cảm ơn những tấm lòng quảng đại và từ tâm này.

Có nhìn thấy cảnh người người chen chúc nhau xếp hàng để nhận cơm từ thiện mới thấy dân mình sao lại khổ như vậy, sao lại nghèo như vậy. Trong một clip được xem trên youtube, tôi rớt nước mắt khi thấy một cô bé đã hai ngày không có gì ăn, ngồi xiu ngay trong hàng chờ phát cơm vì quá đói. Khi nhận phần cơm trong tay anh tình nguyện viên, cô bé đã ngấu nghiến ăn một cách thật tội nghiệp.

Đó là những gì đã xảy ra trước ngày Sài Gòn bị “giãn cách”, đến khi phong tỏa Sài Gòn thì cuộc sống người dân mới thật sự là thảm thương. Muốn đi ra ngoài thì phải có giấy phép, không có sẽ bị phạt từ 1.000.000\$ đến 3.000.000\$. Giấy phép ghi địa điểm đến là A mà đi lạc đến B cũng bị phạt từ một đến ba triệu. Nghe đến điều khoản phạt này, tự dung tôi thấy tội cho dân Sài Gòn. Tính xem đi, lớp người giàu, có được bao nhiêu phần trăm dân số Sài Gòn, mà cái gì cũng xài bằng tiền triệu thì dân nghèo, dân lao động phải sống làm sao.

Ngoài ra điều này còn cho tôi có một ý tưởng khác nữa là công an VN kiếm tiền quá dễ, chỉ cần ngày phạt vài cú là tiền triệu đầy túi ngay, chả mấy chốc mà thành tỷ phú, quá đã. Nhất là thời gian dịch bệnh này lại là cơ hội bằng vàng để chúng kiếm tiền vô tội vạ từ người dân. Có một clip quay cảnh một người dân hết tiền xài, ra ATM rút 1.000.000\$ để mua thực phẩm cho con đang đói, mua thuốc cho mẹ già đang đau, thì bị lũ bò vàng chặn lại làm tiền, phạt 3.000.000\$ vì lý do đi rút tiền không phải là việc thiết yếu. Tiền không thiết yếu thì cái gì mới là thiết yếu? Không có tiền thì làm sao mà đi mua gạo, mua thuốc.

Điều nghịch lý nữa ở đây là chỉ có một triệu mà phạt ba triệu thì chi đào ở đâu ra số tiền sai biệt kia để nộp cho chúng? Mà nếu chịu phạt một triệu thì còn tiền đâu để nuôi con đói, mẹ ốm. Cuộc sống khốn khổ như thế khác gì của thời phong kiến. Thật bó tay với lũ bò tăn tặn lương tâm này. Chẳng bù cho dân của thế giới tư bản, tiền chính phủ hỗ trợ trong mùa cô vít xài không kịp.

Đi ra ngoài phải có lý do chính đáng. Lý do này được chấp nhận là chính đáng hay không là tùy thuộc vào bọn Bò Đò, Bò Vàng đứng chặn đường. Chả thế mà có huyền thoại “Bánh mì không phải là lương thực”. Bánh mì không phải là lương thực thì là gì? Chúng nó có ăn bánh mì không? Ồ há, bò đâu có ăn bánh mì, chúng nó ăn cỏ không hà. Đúng là đồ con bò, ngu hết chỗ nói, đã ngu lại còn ác.

Sài Gòn “giãn cách” chẳng dây khắp nơi. Dân nghèo kiếm ăn hàng ngày, có đồng nào, xào đồng nấy, làm gì có tiền để dành. Dân không được đi ra ngoài kiếm tiền, lấy tiền đâu mà đi chợ. Vậy phát phiếu đi chợ để làm gì? Nhốt họ cũng tốt thôi để tránh lây nhiễm, nhưng cũng phải tiếp tế cho họ chứ, ai cũng cần ăn để sống, “không thực làm sao vực được đạo”. Khi cuộc sống bình thường, người dân đi làm kiếm tiền đóng thuế cho nhà nước, bây giờ dân đói nhà nước phải lo cho dân chứ.

Tiền hỗ trợ Cô Vít thế giới cho để lo cho dân đâu hết rồi? Ngân sách Sài Gòn làm ra nghe nói đem hết ra Bắc tới 80% chỉ còn chừa cho miền Nam từ 15% đến 20% thôi. Sao kỳ vậy, bộ chỉ có dân miền Nam mới biết lao động thôi sao, còn dân Bắc (trừ dân Bắc lao động chân chính, không phải loại óc bã đậu, ngồi phòng máy lạnh, chỉ tay năm ngón) ngồi không chẳng làm gì chờ lấy của dân miền Nam đút vào mồm, ngồi chờ sung rụng hả. Hô hào lao động là vinh quang, sao không lao động đi, chỉ giỏi đánh võ mồm.

Lên youtube, tru mồm ra chê dân miền Nam lười biếng, Hà Nội “oai hùng” lắm, sao không tự lực, tự cường đi mà lại ngửa

tay lấy tiền của Sài Gòn nhục thật. Bây giờ Sài Gòn gặp nạn, không một thằng ăn bám nào nhúc nhích, chỉ thấy dân miền Nam tự cứu nhau mà thôi. Càng nói lại càng buồn và tức.

Bây giờ không còn cảnh xếp hàng chờ nhận cơm từ thiện nữa, thì các tình nguyện viên phải xách xe chạy vòng vòng thành phố, gặp ai cùng khổ thì gọi lại, vội vội, vàng vàng trao vào tay họ một gói cơm với lời nhắn gửi, mời chào thật lễ phép và đầy tình người:

- Bác ơi, chú ơi, cô ơi, dạ con có cơm gà nè, cơm thịt nè, cô, chú, bác ăn đi cho nóng...

- Cám ơn con. Trời mưa con đi cẩn thận nhe.

Lời biết ơn cũng đầy ngọt ngào, yêu thương.

Chiếc xe gắn máy cùng chàng trai hay cô gái đáng yêu nào đó, lại lao vút đi để đem đến chút đỡ lòng cho những người cùng khổ khác, trên khắp nẻo đường của thành phố Sài Gòn tan tác, tàn tạ hôm nay. Không phải chỉ có một tình nguyện viên như vậy, mà nhiều lắm. Những con người với trái tim của Lòng Chúa Thương Xót, với tấm lòng của Đức Phật Bồ Tát, đang di chuyển khắp nơi trong thành phố tang thương vì dịch bệnh này, mà không nê hà nắng mưa, sớm tối.

Nhưng coi chừng đó, ra đi làm từ thiện thì phải lén lút, phải tránh tụi bò đõ, bò vàng, để chúng bắt được là tiêu đời. Có giấy phép mà quên mang theo hay vì quá hăng say với nhiệm vụ mà đi lạc đường thì: một triệu, hay ba triệu rút ra đưa đây. Đi làm từ thiện ư, thì đây cũng là từ thiện vậy. Khốn nạn chưa, đã không giúp dân thì chớ, lại còn tìm mọi cách moi đến đồng tiền cuối cùng của người dân, trong khi tiền hỗ trợ thì làm khó, làm dễ để người dân nản mà rút lui. Sau đó thì tiền biến mất luôn, dân không được một đồng xu teng.

Dù nhiều khó khăn, nhiều ngăn cản nhưng với lòng từ tâm, yêu thương đồng bào của người dân Sài Gòn, những điều đó không làm họ chùn bước. Hình ảnh người đàn bà ăn mặc thật dân dã, tay cầm một sấp tiền, đứng trên đường phân phát cho

những người dân rời thành phố trở lại quê nhà như để giúp họ chút lộ phí, làm mọi người chứng kiến đã rất ngạc nhiên và cảm phục. Chưa hết, câu chuyện kể về một người tài xế đã tình nguyện chở miễn phí cho những bệnh nhân xa nhà không có tiền về quê, mà ngay cả với những người đã nằm xuống anh cũng không ngần ngại chở họ về, để được chôn cất nơi cô quận. Rồi những chuyến xe chở gạo, mì, thịt heo, thịt gà cùng rau củ quả đến tiếp tế cho những nhà bị cách ly. Tình nguyện viên phải trang bị đồ bảo hộ từ đầu tới chân như những phi hành gia, mang lương thực đến để trước cửa từng nhà.

Nhìn những hình ảnh ấy mà thấy ám áp làm sao! Nói đến lòng thương người, hy sinh vì đồng bào, chúng ta không thể không nhắc đến các vị bác sĩ, y sĩ, y tá, y công, các tình nguyện viên trong bệnh viện. Họ đã hy sinh bản thân và gia đình, kể cả tính mạng để tận tâm, tận lực chữa trị, cứu sống các bệnh nhân. Ôi, với những tấm lòng quảng đại, tấm lòng vàng như thế, chúng ta không đủ ngôn từ để nói lên hết lòng biết ơn, sự thán phục và niềm kính trọng đối với họ. Chỉ cầu xin ơn trên ban cho họ sức khỏe và bình an để phục vụ cho mọi người, đang cần đến họ.

Trong khi đó một hành động của cầm quyền Cộng Sản VN làm cho người dân Sài Gòn thấy đắng lòng. Hình ảnh hai ông lớn của VN và Cuba hoan hỉ bắt tay nhau trong lễ chuyển giao 10.000 tấn gạo. Đáng lẽ số gạo này phải trao cho dân Sài Gòn đang sắp chết đói, lại được biếu tặng cho dân Cuba. Sao vậy? Người VN không biết ăn hay không cần ăn, hơn dân Cuba sao? Hay dân VN còn cần phải khắc phục, khắc phục nhịn đói nhiều hơn nữa. Nghe mà nóng tiết.

Người trong nước giúp đỡ đồng bào như thế, còn kẻ tha hương thì sao? Tất nhiên họ không thể khoanh tay đứng nhìn, họ sẵn sàng tiếp với tay người trong nước. Tiền bạc, hàng hóa từ khắp nơi trên thế giới nghìn nghịt đổ về VN. Những mặt hàng như thuốc tây: Tylenon, Vitamin C, Zinc, B complex ..., như Ham, saucisse, đồ hộp... ở Costco, Walmart, Target...

bên Mỹ bị người Việt mua đến hết sạch hàng. Thế mới biết tình yêu thương, sự lo lắng của những người con tha phương vẫn luôn hướng về nơi quê cha đất tổ, gửi một chút quà, mong xoa dịu đi phần nào những thống khổ mà đồng bào họ đang gánh chịu nơi quê nhà.



Công Ty Xây Dựng Sắt Đại Dương bị giữ lại sau giờ làm việc vì COVID.

Nói đến quà gửi về, người tha phương vẫn có chút lo lắng quà không tới tay người nhận thì thật hao phí tâm huyết của mình, nhưng bà con hải ngoại đừng lo, chỉ cần gửi đúng “các công ty của Hoàng Gia”(các công ty của nhà nước trá hình tư nhân hoặc của các cháu ông nội, hay chú bên ngoại) thì sẽ bảo đảm quà sẽ được “dân triều đình” mang đến tận cửa. Họ có dấu hiệu riêng, mấy con bò không dám đụng tới.

Tuy nhiên, những sự giúp đỡ này chỉ như là những gáo nước nhỏ hắt vào một đám cháy lớn. Người dân miền Nam cần sự giúp đỡ có hệ thống của cầm quyền Cộng Sản, chỉ có họ mới có đủ quyền lực, nhân lực cũng như tài lực để giúp dân thôi. Nhìn ra thế giới, rồi quay đầu lại mà thấy thương dân VN. Chính phủ các nước khác lo cho dân thật tận tình, tiền bạc cũng như lương thực, dân chúng được cung cấp tận nơi và tận tay, còn cầm quyền CSVN, đến tiền hỗ trợ thế giới cho còn

không cho dân thì cầu mong điều gì khác nơi họ nữa, bó tay với loại vô lương tâm này.

Chưa ở đâu lại có cảnh nhốt dân như nhốt tù, người không bệnh cũng như kẻ có bệnh chung đưng, hỗn độn. Đã vậy vào nơi này là bị móc túi ngay, không cần biết nếp tẻ ra sao: 1.000.000\$ một người trong đó 500.000\$ là tiền trả cho một bộ quần áo bảo hộ và xét nghiệm là 500.000\$ một lần. Tuần lễ xét vài lần là chết dân rồi, có là tỷ phú như Bill Gate sống ở VN, trong tình trạng này cũng có ngày ra găm cầu mà ở.

Nếu nói về kỳ thị thì không nơi nào hơn VN. Sự kỳ thị này không phát xuất từ trong tầng lớp dân chúng mà chính từ nơi chính phủ. Xin đọc một vài bài thơ sau đây thì mọi người sẽ rõ được sự suy nghĩ của người dân thời cô vít này:

*Khi xưa đất nước chia hai
Sài Gòn thân Mỹ, thủ đô thân Tàu
Hôm nay nhập vắc xin vào
Thủ đô chọn Mỹ, Tàu nhường cho Nam*

Khuyết danh

*Pfiser là cửa vua quan
Moderna là cửa trung gian nịnh thần
Astra là cửa thương nhân
Sino là cửa nhân dân anh hùng.*

Nguyen Jung

*Vắc xin tư bản cho ta
Đảng gom tất cả đem ra Bắc phần
Nói rằng ngoài ấy rất cần
Chích cho cán bộ ban ngành đảng ta*

*Sau đó chích tiếp người nhà
Con cháu cán bộ, đảng già, đảng viên
Một số thì cất dấu riêng
Đem ra cung cấp nhân viên chợ trời*

Miền Nam ngồi đó chờ chơi

*Vắc xin tàu cộng có rồi chích không
Vắc xin Mỹ để đừng hòong
Nếu Mỹ cho tiếp cũng không tới phân!!!!!!*

Sát Cộng

Chua chát không, mia mai không? Bọn cầm quyền Bắc Cộng (Bắc Cộng là từ của youtuber N10TV) không hề coi người dân miền Nam là con người. Chúng chỉ coi họ như một công cụ kiếm tiền, làm ra của cải, tài sản để chúng vor vét, bóc lột mà thôi. Bây giờ cháy nhà mới lòi ra lũ mặt chuột. Bao nhiêu vắc xin Mỹ gửi giúp dân trong vùng dịch nặng, chúng đem hết ra miền Bắc, để chích cho họ hàng hang hóc của chúng. Dân chúng miền Nam không có một mũi, ngoại trừ lũ cán bộ tai to, mặt mẽt trong Nam và gia đình, con cháu, họ hàng thân thuộc cùng tay chân của chúng được Bắc Cộng bố thí chút đỉnh. Có thêm một lớp người nữa được chích và phải trả tiền là thương gia, dân có tiền, dân có viện trợ từ ngoại quốc, thế thôi. Còn dân nghèo, lao động thì đừng có mong.

*Vắc xin Mỹ để đừng hòong
Nếu Mỹ cho tiếp cũng không đến phân.
Đau thay cho dân miền Nam.*

Số vắc xin chúng xài còn dư thay vì chích cho người dân, chúng lại dùng để bán buôn dưới chiêu bài cho mượn, mà trên văn bản không hề có điều khoản là bao giờ sẽ hoàn trả và trả bằng loại vắc xin gì. Đó là trường hợp của Vingroup mượn 5.000 liều vắc xin Moderna. Nếu có một nơi mượn thì cũng sẽ có nhiều nơi khác mượn. Mượn theo kiểu này thì chính quyền giàu to, và dân thì chết sớm vì không được chích vắc xin ngừa bệnh. Cho dù chính phủ Mỹ có cho thêm bao nhiêu triệu liều vắc xin nữa thì chỉ làm cho hàm kho nhà tụi cầm quyền tiền, vàng càng đầy thêm thôi, ngoại trừ đích thân tòa đại sứ kiểm soát và điều khiển cuộc chích ngừa cho người dân Sài Gòn thì may ra.

Nếu kể đến những nỗi thống khổ của bà con miền Nam

trong thời dịch bệnh này thì kể sao cho xiết. Chỉ nội hình ảnh của một cô bé đơn độc, khoảng năm sáu tuổi trong bộ đồ bảo hộ màu xanh, rộng thùng thình, dè dặt bước lên chiếc xe bus một mình để đi đến phòng cách ly đã khiến tôi rớt nước mắt thương cho em. Ba mẹ em đâu? Sao để em bơ vơ như vậy? Ở trong phòng cách ly, em được chăm sóc như thế nào?

Nước mắt đâu chỉ rõ cho một hình ảnh đau thương này đâu. Hình ảnh cậu bé chừng bốn năm tuổi, vừa khóc nức nở vừa xụp xuống lạy người công an đừng bắt bố em, vì bố em quên không mang khẩu trang, cũng làm tôi không cầm được những giọt nước mắt rơi xuống má mình. Tôi không biết mình phải khóc bao nhiêu lần nữa cho những cảnh tượng cay đắng, đau lòng mà mà đồng bào tôi đang gánh chịu.

Biết bao giờ dân chúng miền Nam mới thoát khỏi những gì mà người dân đang phải chịu đựng trong vòng kiểm tỏa của loài quỷ đỏ, của lũ sâu dân, một nước Cộng Sản đáng kinh tởm này?

“Trải qua bao cuộc biến đau, những điều trông thấy mà đau đớn lòng”, lời của văn hào Nguyễn Du xin được dùng để thay cho lời kết.

Tucson- AZ- 6/8/2021



Một Lần Đến Rồi Đi

Giang Văn Nhân, D22

Ánh nắng ban chiều nhạt dần cùng với gió mát từ vịnh Galveston len vào cái hiên phía sau nhà. Thảo có cái thú ngồi ở đây mỗi chiều cuối tuần với tách cà phê sữa, miệng nhâm nhi, mắt nhìn giàn cây lủng lẳng các trái bầu hồ lô, khổ qua và mướp hương, bên dưới mặt đất là rau thom, hẹ, ngò gai, lá lóp. Về hưu gần mười năm, mỗi buổi sáng Thảo ra chăm sóc vườn rau sau nhà cho tâm hồn tươi mát cùng niềm vui gặt hái cái thành quả để dặm thêm cho vài bữa canh đậm bạc trong tuần.

Mấy hôm rày bão đang đi vào Vịnh Mễ Tây Cơ và trung tâm bão đổi hướng vào bờ Tây của tiểu bang Florida. Bầu trời hướng Đông chợt chuyển màu đen, gió mạnh hơn, tia sáng ngoằn ngoèo theo sau là tiếng gầm dữ dội. Vài hạt mưa lộp độp trên mái hiên, rồi phút chốc nước đổ ào xuống. Bụi nước như sương nhẹ bay và bám vào người làm Thảo thấy lạnh lạnh và thích thú, cảm giác này gợi nhớ lúc Thảo lái chiếc ghe

trong bóng đêm, mũi ghe chẻ sóng biển tạo nên bụi nước phủ quanh người.

Từ khi nhận tay lái từ Bác Năm Ghên bên ngoài khu vực Hòn Khoai của tỉnh Cà Mau, Thảo nhắm thẳng về hướng sao Nam Tào, dự trừ 30 giờ sau đổi hướng Tây Nam, chắc chắn gặp bờ biển của Mã Lai. Tưởng tượng giờ phút đó mà lòng dạt dào với bao ước mơ tìm lại được Tự Do đánh mất ngoài ý muốn. Lúc bấy giờ chung quanh là bóng đêm, chỉ có sao trong bầu trời, ánh sáng lấp lánh trên đầu con sóng đập vào mạn ghe át mất âm thanh động cơ. Cảnh trời nước cùng bóng đêm rất ghê rợn, nghĩ tới cuộc phiêu lưu sinh tử đầy sự quyến rũ, thu hút, đã vùi dập hàng chục ngàn người mà cho đến nay cũng chưa có tài liệu chính xác nào.

Cả gia đình 9 người của Bác Năm Ghên đã ngủ vùi, thoảng lời ca từ bờ môi Thảo như tăng thêm sức mạnh trong khung cảnh hải hùng đó.

*Thân lạy Nữ Vương, mẹ thấu tình con
Sóng va từ bề thuyền con sắp chìm hầu theo nước xuôi dòng.
Thân lạy Nữ Vương, mẹ thấu tình con
Giúp con yên hàn chèo bơi bát cạy mẹ thương đến con cùng.*

Xế trưa một tàu buôn hiện ra nơi chân trời, Hận và Dũng phát cao cái áo trắng, nhưng nó từ từ mất bóng về hướng Tây.

Khoảng giữa đêm ngày thứ nhì, ánh đèn từ một đoàn tàu đánh cá ở ngoài khơi Thái Lan, mọi người hoảng sợ chui xuống nằm sát lườn mà bên trên được lưới đánh cá phủ kín, vài chiếc tàu rọi đèn pha về chiếc ghe, Thảo vẫn giữ hướng đi của mình và đoàn tàu đó càng lúc càng xa dần về hướng Tây.

Bình minh ló dạng, Thảo đổi hướng 230 độ, khoảng 10 giờ sáng, một tàu đánh cá đang tiến lại gần. Thảo chăm chú nhìn màu sắc chiếc tàu và 2 ngư phủ có màu da đen sạm cùng quần áo trên người, Thảo nhận biết là người Mã Lai. Do khác biệt ngôn ngữ, Thảo cố gắng dùng hai tay diễn tả ý muốn của mình. Ngư phủ Mã Lai nhìn gia đình Bác Ghên, họ đã hiểu

ra và phát âm chữ Pulau Bidong. Chờ tàu đánh cá cặp vào ghe, Thảo bước vội qua tàu. Thảo nhờ kéo ghe vào đảo Pulau Bidong, rồi sẽ cho họ lưới đánh cá, mấy thùng nhiên liệu. Ngư phủ Mã Lai ưng thuận, họ quăng dây kéo qua cho bác Ghên, bác hiểu ý cột chặt dây vào mũi ghe, tàu khởi chạy với tốc độ thật nhanh kéo theo ghe cùng hướng đi mà Thảo dự tính.

Khoảng 4 giờ sau tàu chậm lại rồi dừng hẳn. Ngư phủ Mã Lai chỉ hòn đảo lớn xa về phía trước, đó là Pulau Bidong. Họ cho biết Police Mã Lai cấm tất cả tàu người Mã Lai đến gần đảo, nên họ phải dừng tại đây. Sau khi xác định trên hải đồ, Thảo trở về ghe cho bác Ghên biết mọi chi tiết và giúp họ chuyển qua tàu những gì đã hứa.

Càng gần đảo, bác Ghên càng lo sợ đã bị ngư phủ Mã Lai lừa đảo, hòn đảo lớn chỉ thấy núi được rừng cây bao phủ, không có dấu vết sự sống. Thảo trấn an bác và cố gắng giải thích vì trên bản đồ, sinh hoạt ở phía bên kia của đảo. Khi chạy vòng qua phía sau, hiện rõ bãi cát trắng, những mái nhà trên sườn núi, cả gia đình bác Ghên mỉm cười, riêng Thảo sung sướng vì đã tìm thấy Tự Do.

Thảo nhắm hướng cầu tàu và giảm dần tốc độ, người đứng ló nhỏ trên bãi cát trắng, khi ghe vừa cặp vào cầu tàu, Hận nhảy lên và cột chặt dây vào thành cầu, lúc đó hai Cảnh Sát Mã Lai và người Việt thông dịch bước tới. Gia đình bác Ghên và Thảo đứng trên cầu, hai Cảnh Sát xem xét từng túi xách, riêng bình mỡ to trong giỏ thực phẩm của bác Ghên gái bị tịch thu, họ thả bình mỡ xuống biển rồi dùng cây chọc cho nó bể và chìm xuống. Anh thông dịch cho biết người Mã Lai cấm kỵ thịt heo, nên những gì thuộc về con heo không được đem lên đảo.

Sau khi làm xong thủ tục tại văn phòng RB (1), mọi người trên chiếc ghe được mang ký hiệu “MB512”. Kể từ đó mỗi khi nghe loa phóng thanh gọi tàu “MB512” phải có mặt ở văn phòng RB, hoặc văn phòng Task Force, hay Hội Trường của đảo là phải đến nơi đó đúng giờ. Trong lúc phỏng vấn ở

phòng RB, người thanh niên hỏi Thảo mấy câu về binh chủng TQLC và nghe Thảo trả lời chính xác. Đó là Thiếu Úy Nguyễn Ngọc Toàn, Tiểu Đoàn 8 Ó BIỂN, cùng trại tù với Lữ Đoàn 147 TQLC. Anh dẫn Thảo về ở chung nhà, còn gia đình bác Ghê ở chung với các gia đình sinh sống tại Cà Mau.

Thiếu Úy Toàn hướng dẫn Thảo gửi thư báo tin ngay cho



Trại Tỵ Nạn Pulau Bidong, Malaysia (1978 - 1991).

gia đình qua Hội Hồng Nguyệt (2) của Mã Lai. Thảo đi vòng quanh xem sinh hoạt trên đảo. Những người đến trước đã tạ ơn bằng xây chùa, đúc tượng Phật to ngồi trên niết bàn, người Miên cũng có đầu của tượng Phật 4 mặt, nhà thờ Thiên Chúa có Cha Sở người Pháp cử hành thánh lễ, bên dưới mấy bậc thang là khoảng trống, nơi đây nhìn ra biển khi hoàng hôn xuống tuyệt đẹp. Trại tỵ nạn Pulau Bidong được chia ra theo thứ tự A, B, C, D, E, F. Những căn nhà hai tầng bằng gỗ trên sườn núi, một số thuyền nhân chưa có phái đoàn nước nào để mắt tới, đã tận dụng khoảnh đất nhỏ để trồng rau, cải, đem bán kiếm ngân phí. Khu F là nơi an nghỉ vĩnh viễn của thuyền nhân.

Tài công mỗi chiếc tàu đều phải đến phòng Cao Ủy gặp bà Đan trình bày mọi chi tiết như xuất phát từ đâu? Đường đi

chuyển trên biển, hướng và thời gian, nơi nào bị hải tặc tấn công, bao nhiêu người bị bắt cóc, và bị giết. Phòng Cao Ủy sẽ truy tìm hải tặc và người bị bắt cóc. Chuyến đi của Thảo may mắn, an toàn và chỉ có 44 giờ để vượt đoạn đường từ Mũi Cà Mau đến Pulau Bidong.

Trạm xá Sick Bay khám sức khỏe và cấp thuốc cho người bệnh, săn sóc sản phụ. Rất nhiều em bé mở mắt chào đời tại đây. Tiếng trẻ em tập đánh vần từ lớp Việt Ngữ rất dễ thương, xa xa giọng phát âm Anh và Pháp Văn của người lớn. Thuyền nhân nào biết chút ít tiếng Pháp sẽ được Phái Đoàn Pháp nhận ngay. Phần lớn thuyền nhân bị các phái đoàn từ chối chỉ còn hy vọng cuối cùng phải cố gắng học bập bẹ tiếng Pháp. Phái Đoàn Úc cần có giấy bảo trợ của thân nhân, hoặc bạn bè. Bà Jones Campbell phụ trách các lớp dạy Anh Ngữ là người Úc, ai chịu khó trau dồi sinh ngữ này, chắc chắn bà Jones sẽ giúp khi gặp phái đoàn Úc. Thảo thường gặp bà Jones vào mỗi thánh lễ. Bà vui vẻ, dễ mến lắng nghe khi trò chuyện, bà rất cảm kích nhận Cây Thánh Giá bằng Gỗ được Thảo làm trong trại tù tặng.

Vài ngày sau khi thuyền nhân làm xong thủ tục tại phòng RB, họ sẽ đến phòng Task Force chụp hình làm thẻ tỵ nạn. Hội trường lúc nào cũng bận rộn, hầu hết thuyền nhân đều đến điền các mẫu đơn (3) để được phái đoàn Mỹ phỏng vấn. Phái đoàn Hoa Kỳ đến thường xuyên mỗi 2 tuần, ngoài ra còn có Phái đoàn Hoa Kỳ phỏng vấn đặc biệt, trường hợp thiếu giấy tờ chứng minh, nghi vấn cần minh xác thêm. Gia đình bác Ghên có con gái ở Hoa Kỳ nên chuyển trại trước, Thảo không có giấy ra trại cải tạo, không hình ảnh, giấy tờ là quân nhân QLVNCH nên chờ phỏng vấn đặc biệt. May mắn chỉ tuần lễ sau, phái đoàn tới và Thảo được xác nhận rồi chuẩn bị chờ danh sách rời đảo.

Hai ngày cuối cùng ở Pulau Bidong, Thảo nhờ em trai nhỏ mua đùm ciment, phụ đem cát từ bãi biển lên khoảng trống dưới chân nhà thờ. Được sự trợ giúp đó, Thảo đã hoàn thành

tượng Chúa chịu nạn trước sự chứng kiến của Thầy Sáu. Thầy hứa sẽ giao tượng cho Cha sở.

Mờ sáng hôm sau, đoàn người ra cầu Jetty, tàu chở vào Terengganu rồi chia thành từng toán lên xe bus. Khi bước qua cửa xe mọi người nhận một túi nylon thực phẩm do các nữ nhân viên của Hội Hồng Nguyệt phân phát. Những thuyền nhân đến Sungai Besi (4) tràn đầy triển vọng định cư quốc gia đã nhận họ, riêng Hoa Kỳ vào lúc này nhất thiết phải qua được cuộc phỏng vấn quyết định sau cùng của Phái Đoàn Mỹ (INS).

Pulau Bidong kỷ niệm quý báu trong cuộc đời, vì nơi đó Thảo tìm lại được Tự Do.

(1) Truy tìm người hoạt động cho CSVN lẫn trong thuyền nhân tỵ nạn.

(2) Malaysian Red Crescent.

(3) các loại đơn như cho Cô Nhi, thân nhân đang ở Mỹ, quân nhân QLVNCH, nhân viên sở Mỹ trước năm 1975....

(4) Trại tỵ nạn chuyển tiếp, cách Terengganu 450 km.

Một Hình Ảnh Đáng Nhớ Chi Hội CSVSQ/ TVB tại Garlang

*Từ trái: Rót (19), Xua (28), Dung (10), Quốc (27), Toại (17),
Miên (20), Châu (16), Ân (29), Tân (29), Phước (30), vợ của
Phước, Phụng (27), chị Hoa (vợ anh Nga, 16), Thúy (27), vợ
của Thúy, Dy(23), Lộc (27), Hoàng (29), Khả (25).*

Garlang, ngày 27 tháng 12 năm 1989.



Sau 33 năm với biết bao thay đổi, một vài người trong trong hai tấm ảnh này hiện giờ ở đâu? Cháu gái (đứng bên trái) trẻ nhất trong hình giờ này cũng gần 40 tuổi. Cháu trai lớn nhất giờ này cũng khoảng 45.

MÓN NỢ CÒN LẠI

BCD LÊ ĐẮC LỰC

*“Buông tay súng, mà máu trào thành lệ,
Lệ tuôn trào, lệ biến cả mệnh mông..”*

Lính Dù Lê Lộ Đức

Là một sĩ quan Chiến Tranh Chính Trị, tôi có thì giờ và có nhu cầu theo dõi tình hình quân sự và chính trị nhiều hơn. Ngoài những hành động gây chiến giành dân lấn đất, bọn Cộng Sản đang thăm dò thái độ của Mỹ sau khi họ ký Hiệp Định Paris năm 1973.

Trước chủ trương “thay đổi màu da trên xác chết”, Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa càng ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn về tình hình chiến đấu và tiếp liệu. Việc “một đổi một” không được thi hành vì theo lệnh của Ngũ Giác Đài, Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ cho VNCH. Tình hình chính trị kể từ đầu năm 1975 càng xáo trộn hơn, nhiều phong trào nảy sinh nhằm hạ uy tín của không những cá nhân Tổng Thống mà toàn bộ Chính Quyền Miền Nam. Đó là mục đích của Phong Trào Phụ Nữ Đòi Quyền Sống, Ký Giả Đi Ăn Mày và Phong Trào Chống Tham Nhũng được tổ chức toàn cõi VNCH.

Dĩ nhiên, tình hình xáo trộn này ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu của Binh Sĩ VNCH, khiến họ phải suy nghĩ về việc

làm của họ. Không lý họ chiến đấu cho một chính quyền tham nhũng, đang bóc lột người dân mà họ đang bảo vệ.

Quan trọng hơn nữa, viện trợ ảnh hưởng đến khả năng tác chiến của binh sĩ. Vì đạn dược, xăng nhớt thiếu nên khả năng vận chuyển binh lính bị hạn chế. Tình trạng này ảnh hưởng trực tiếp đến các đơn vị Nghĩa Quân, Địa Phương Quân, các sư đoàn Bộ Binh, gây ảnh hưởng nhiều đến các lực lượng Tổng Trừ Bị, trong đó có Biệt Cách Nhảy Dù. Trong giai đoạn này, câu binh thư “Thực túc binh cường” ám ảnh trí óc tôi không ít. Binh sĩ của Liên Đoàn còn đủ “thực túc”, nhưng gia đình họ gặp khó khăn không ít trong đời sống hằng ngày.

Sau khi chiếm Phước Long ngày 6 tháng 1 năm 1975, quân Cộng Sản chiếm Ban Mê Thuột ngày 10 tháng 3 cùng năm đó. Rõ ràng, đánh Phước Long là chúng thăm dò phản ứng của Mỹ. Thấy Mỹ bất động, lại còn cắt viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa, Cộng Sản thấy thời cơ đã tới, làm tới luôn, mở đầu chiến dịch tổng tấn công miền Nam bằng trận đánh lớn kế tiếp: Ban Mê Thuột.



Đại Đội 4 Xung Kích của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù tại một mặt trận gần Biên Hòa năm 1973.

Mặc dù tình hình chiến sự căng thẳng, ngày càng nặng nề, hoạt động của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù vẫn bình thường. Theo lệnh của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, Đại Tá Phan Văn Huan đã cho rút Bộ Chỉ Huy nhẹ của Trung Tá Nguyễn Văn Lân, từ Tây Ninh về lại Căn Cứ Hành Quân Biên Hòa, để lại Biệt Đội 813 do Trung Úy Lại Đình Hợi chỉ huy,

tăng cường phòng thủ cho chiến trường Tây Ninh. Điều động Bộ Chỉ Huy 3 Chiến Thuật, do Thiếu Tá Phạm Châu Tài chỉ huy, gồm ba Biệt Động 811, 817, và 818 đến bảo vệ Bộ Tổng Tham Mưu.

Tại Căn cứ Hành Quân Suối Máu Biên Hòa, Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn do Đại Tá Phan Văn Huân chỉ huy và hai Bộ Chỉ Huy Chiến Thuật 1 và 2, với quân số các Biệt Động còn lại lên tới 2,000 binh sĩ, vẫn bố phòng ở mặt Bắc Phi Trường Biên Hòa, sẵn sàng chiến đấu. Các Toán Thám Sát vẫn được thả vào Chiến Khu D để do thám, thu nhật tin tức các hoạt động của địch.

Trưa ngày 28 tháng 4, Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư Lệnh Quân Đoàn III họp tất cả đơn vị trưởng, chỉ huy trưởng các đơn vị đang đồn trú ở địa phương. Trong buổi họp, Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn thông báo tình hình quân sự tuyệt vọng ở Quân Khu III, và ra lệnh tất cả các đơn vị rút về phòng tuyến mới, dọc theo Xa Lộ Đại Hàn, Thủ Đức, để bảo vệ Thủ Đô Saigon. Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù là đơn vị rút cuối cùng, có nhiệm vụ bảo vệ Cầu Biên Hòa, trên Quốc Lộ 1, gần ngã ba đường đi vào Núi Bửu Long, để toàn bộ binh sĩ rút qua khỏi cầu này được an toàn. Cũng trong ngày hôm ấy, Bộ Tổng Tham Mưu hầu như có kế hoạch cho trực thăng đến đón các cấp chỉ huy di tản khỏi Việt Nam. Nhưng đối với Đại Tá Huân thì Ông đã từng tuyên bố khẳng định:

- “Tôi có vợ và tám con. Tôi có thể bỏ lại Gia Đình, nhưng không thể bỏ lại hai ngàn Chiến Sĩ của tôi để ra đi trong hoàn cảnh như thế này được.”

Đại Tá Phan Văn Huân đã ở lại với Binh Sĩ của Ông, cho đến giây phút cuối cùng, khi có lệnh buông súng đầu hàng của tân Tổng Thống Dương Văn Minh, Tổng Tư Lệnh Tối Cao Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Ngay trong đêm 28 tháng 4, Đại Tá Phan Văn Huân ra lệnh cho Biệt Động 812 Xung Kích, đến canh giữ cầu Biên Hòa, ngăn

cản đường tiền quân của giặc Cộng và không cho bọn chúng phá sập. Sáng sớm hôm sau, khi Liên Đoàn rời khỏi Căn Cứ Hành Quân Suối Máu, vừa khi đoàn quân vừa rút qua khỏi cầu, thì cũng vào lúc đó qua làn sóng Đài Phát Thanh Sài Gòn, phát lệnh của Tân Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu, người vừa lên thay thế cho Ông Trần Thiện Khiêm đã sang Đài Loan, yêu cầu toàn thể người Mỹ phải cấp tốc rút ra khỏi miền Nam Việt Nam trong vòng 24 giờ. Tin tức này đã gây hoang mang không ít đến tinh thần chiến đấu của binh sĩ trong đơn vị.

Đoàn quân Biệt Cách Nhảy Dù theo thứ tự được phân định, từ từ di chuyển trên Quốc Lộ 1, hướng về Sài Gòn. Đến gần xế chiều, khi cánh quân vừa đến Tân Vạn, thì trời sập tối. Mặc dù, đang đứng trước tình

hình bi đát, Đại Tá Phan Văn Huân vẫn liên tục dùng máy truyền tin liên lạc nhiều nơi, từ Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, tới Bộ Tổng Tham Mưu, cũng như các đơn vị bạn ở địa phương. Vô tuyến vẫn hoàn toàn im lặng không một ai phản hồi. Như “rắn mất đầu”, Đại Tá Huân ra lệnh cho Bộ Chỉ Huy và các Biệt Đội rút vào đóng quân qua đêm trong rừng Cù Mi, chờ lệnh thượng cấp. Suốt đêm lặng lẽ trôi qua, vẫn chẳng có một tín hiệu liên lạc nào cả.

Sáng hôm sau, ngày 30 tháng 4. Đại Tướng Dương Văn Minh ra lệnh cho Quân Đội VNCH buông súng đầu hàng. Đại Tá Huân liền cho đơn vị rời khỏi Rừng Cù Mi, băng rừng, vượt đồi, tiếp tục chạy theo Quốc Lộ 1, di hành theo hướng Nam đến Quân Ly Thủ Đức. Trên trục đường này, Liên Đoàn đã phát giác, từ hướng Sài Gòn về Biên Hòa, rất nhiều toán



*Đại Tá Phan Văn Huân,
Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn
81 Biệt Cách Nhảy Dù, từ
1970 đến 1975.*

thanh niên chỉ mặc áo lót, quần “xà lỏn”, tay cầm giấy tờ tùy thân, chạy chân đất hót ha hót hải.

Chặn một vài người lại hỏi mới biết họ là lính Bộ Binh và Địa Phương Quân, bị Việt Cộng bắt tước vũ khí, cởi bỏ quần phục, mũ nón, giày vớ, mới thả cho về nhà. Sự kiện này làm cho tinh thần binh sĩ Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù dao động! Là một đơn vị Quân Đội thiện chiến và kỷ luật nên tất cả vẫn giữ nguyên đội ngũ. Từ Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn đến các Biệt Đội, bốn hàng dọc ngay hàng thẳng lối chậm rãi bước đi. Từng đoàn xe Molotova, chở đầy bộ đội Việt Cộng chạy song hành. Chúng nhìn các Chiến Binh 81 Biệt Cách Nhảy Dù với những ánh mắt đầy kinh ngạc, sùng sốt, lạ lùng.

Là một cấp chỉ huy gương mẫu, giữ kỷ luật nghiêm minh, Đại Tá Phan Văn Huấn chấp hành lệnh của Tổng Tư Lệnh Tối Cao Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, sau khi đã họp tất cả các cấp Chỉ Huy Liên Đoàn, để cùng đi đến một quyết định chung.

Đoàn quân 81 Biệt Cách Nhảy Dù vẫn hiên ngang tiếp bước trên Xa Lộ Đại Hàn. Đến gần trưa, khi qua khỏi Lăng Chủ Hỏa chừng 100 mét, trong khi dừng lại nghỉ ngơi gần ngã tư Thủ Đức và Xa Lộ Đại Hàn, thì một đơn vị bộ đội Việt Cộng đã đến gặp Đại Tá Phan Văn Huấn để nhận giao nạp vũ khí. Đại Tá Huấn đã nói với họ:

- “Chúng tôi đã ra đến nơi đây là chấp nhận đầu hàng. Chúng tôi sẽ bàn giao vũ khí, nhưng các Ông không được bắt buộc chúng tôi phải cởi bỏ Quân Phục như một số Quân Nhân các đơn vị bạn đang chạy qua đây...”

Họ chấp nhận yêu cầu. Thế là từng Chiến Binh một tự tước bỏ vũ khí, đạn dược, nón sắt vào khu vực được chỉ định. Sau đó, họ ôm choàng nhau, siết chặt nhau, nhiều người đã bật khóc, để rồi lẳng lặng, ngậm ngùi, chia tay mỗi người mỗi ngã.

Trước một đơn vị Quân Đội hơn một ngàn người, giữ kỷ luật, trật tự cho đến giây phút chót trong đời quân ngũ, quân

Cộng Sản không thể không tỏ lòng kính trọng và nể phục. Một cấp chỉ huy của họ đến gặp Đại Tá Huấn, đề nghị để họ cho xe đưa các sĩ quan của đơn vị về Sài Gòn. Không muốn để cho các sĩ quan của mình đi thất thủ trên đường về nhà trên một lộ trình quá xa và đầy rủi ro, Đại Tá đã đồng ý nhận lời.

Vài ba chiếc xe Molotova được điều động đến, tất cả các sĩ quan cùng một số binh sĩ lên xe. Đến Làng Đại Học Thủ Đức, Đại Tá Huấn nghĩ lại, không thể để sĩ quan của mình vào Sài Gòn bằng xe Molotova của địch. Việc ấy có thể gây hiểu lầm và cũng không về vang gì cho kẻ “đầu hàng”. Do đó, Ông yêu cầu dừng lại, các sĩ quan, binh sĩ rời khỏi xe, cùng ôm chặt lấy nhau lần cuối, rồi tự động tản hàng, với nỗi đốn đau ê chề bất tận.

Vậy là chấm dứt hai mươi năm quân ngũ, một đời chiến đấu vì Dân vì Nước của Ông Thầy tôi. Tôi cảm thấy hãnh diện vì Ông. Đại Tá Phan Văn Huấn, xuất thân Khóa 10 Trần Bình Trọng, Võ Bị Đà Lạt, là cấp Chỉ Huy mà tôi đã được phục vụ trong suốt quãng đời Binh Nghiệp, trong một đơn vị kiêu hùng, thiện chiến của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Đó là Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù.

* * *

Sau khi quân thù giặc Cộng đã cưỡng chiếm Miền Nam, vẫn còn những người Lính Biệt Cách Dù hoạt động trong lòng địch. Họ chiến đấu cô đơn, âm thầm, để hoàn thành sứ mạng Thượng Cấp giao phó, dù Thượng Cấp đã không còn ai và cũng không ai còn để cho họ được nhắc lại lần cuối cùng câu tâm niệm: “TỔ QUỐC - DANH DỰ - TRÁCH NHIỆM”.

Không ít người đã hy sinh vào giờ thứ 25.

Đó là “Món nợ còn lại” mà những người còn sống phải trả cho họ.

Cho dù sau hơn 38 năm cuộc chiến đã trôi qua và cũng đang dần dần chìm vào quên lãng theo với dòng chảy của thời

gian, nhưng đối với những Chiến Binh cầm súng chiến đấu để tiêu diệt quân thù, bảo vệ Tổ Quốc, trong đó có những Chiến Sĩ Biệt Cách Dù đã vào sinh ra tử, trên khắp các chiến trường, mật khu, căn cứ địa của địch, thì đó là một vết thương nặng, sẽ mãi mãi âm ỉ cháy bất tận, trong đáy lòng họ. Bởi vì, có biết bao Đồng đội, Chiến hữu của họ đã hy sinh, đã trở thành



phế binh, đang sống cuộc đời còn lại trong tận cùng bất hạnh, đau thương, khốn khổ và tủ nhục. Bởi vì, chính họ đã dâng hiến tuổi trẻ, xương máu, mạng sống, để bảo vệ tiền đồ Tổ Quốc, nhưng cuối cùng, họ phải đành buông súng đầu hàng, trở thành kẻ chiến bại trước một bọn người vong bản, vô thần và vô nhân tính.

Trong cuộc sống lưu vong nơi đất khách quê người, cứ mỗi lần tình cờ, coi lại những tấm ảnh cũ trong Đời Binh Nghiệp, với Bộ Áo Hoa Rừng ngụy trang, với Chiếc Nón Xanh huyền thoại, với bảng Phù Hiệu Con Đai Bàng khắc lửa, sải rộng cánh, bung móng vuốt tung hoành, tôi cảm thấy tự hào, hãnh diện vì mình đã từng được chiến đấu trong một đơn vị thiện chiến, hào hùng: “Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù”.

Nhưng rồi, kèm theo đó, một niềm xúc cảm lạnh buốt, từ từ lan rộng khắp cùng trong cơ thể tôi. Trước mắt tôi hình ảnh của những Anh Linh Tử Sĩ như:

“Lê Như Tú, Nguyễn Văn Tùng, Từ Bá Thọ, Hoàng Xuân Cường, Đặng Thiện Chân, Trần Phụng Tiên, Lương Hữu Yên, Lưu Huyền, Nguyễn Ích Đoan, Mã Thế Kiệt, Phan Ngọc Trường, Trịnh Văn Huỳnh, Nguyễn Quang Khánh, Phạm Văn Cứ, Khuru Công Quý, Nguyễn Phiêu, Nguyễn Văn Thủy, Mai Xuân Hùng, Nguyễn Văn Dục, Nguyễn Kim Long, K. Tông, Đỗ Nguyên Sanh, Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Hữu Lộc, Phạm Việt Khải, Nguyễn Văn Thích, Nguyễn Xuân Ánh, Trần Ngọc Bửu, Vũ Huy Cần, Trương Cự Chính, Nguyễn Văn Chuyên, Phạm Văn Chuyên, Trần Thanh Đồng, Nguyễn Văn Giông...”

Còn còn nữa làm sao tôi kể hết, khi ký ức lần lượt hiện về. Họ nhìn tôi trong nỗi buồn cảm thông, nhưng không thiếu trách móc, khi tôi vẫn sống sót mà không bảo vệ được Tổ Quốc, không trả được món nợ máu mà quân thù đã mang đến cho họ: những Đồng Đội, Chiến Hữu của tôi.

*...”Tôi cũng biết...
Dù các Anh đã chết...
Nhưng nỗi căm hờn còn mãi ở tâm linh,
Xin một mai khi Đất Mẹ thanh bình,
Tôi nhớ mãi mỗi hờn được tô vào nơi mặt chí!!!”*

Và... đó cũng chính là “Món nợ còn lại” mà tôi, một Chiến Binh 81 Biệt Cách Nhảy Dù còn sống đang và sẽ phải tiếp tục trả cho họ.

*“Là người lính Biệt Cách Dù,
Chưa bao giờ sợ mình cô đơn trong chiến đấu.
Nhưng tại sao bây giờ,
Lại sợ mình che dấu nỗi niềm riêng!
Sợ phải cru mang bao nỗi muộn phiền!!!
Sợ phải sống trong triền miên khiếp sợ????”*



Bạn và Tôi

Tina Hong, K19/1

Để kính tặng những người trai trẻ của một thời đã bỏ lại một phần thân thể của họ ở chiến trường.

Khi bạn đang bị nhức chân,
Tôi không còn chân để biết.
Khi tai bạn hơi bị điếc.
Tai tôi đã hỏng từ lâu.

*Khi bạn cảm thấy buồn rầu.
Tôi chỉ cầu mong khỏi đói.
Khi bạn bực dọc tức tối.
Tôi chỉ mong có người thương.*

Khi bạn ấm êm trên giường.
Tôi đây màng sương chiếu đất.
Khi bạn dư của để cất.
Tôi chỉ ao ước áo lạnh.

*Khi còn là trẻ sơ sanh.
Thân tôi rất là toàn vẹn.
Gia đình có đủ Mẹ Cha.
Tuổi thơ chú tâm miệt mài*

Đèn sách đẹp lòng Cha Mẹ
Lỡ làm thân trai thế hệ.

Khi đất nước bị chia đôi.
Tôi phải tòng quân diệt giặc.

*Số Tôi quá kém may mắn.
Bị thương tại trận chiến đầu.
Ngã gục có biết gì đâu.
Tình giặc, phủ phàng đối mặt.*

Đôi chân không cánh mà bay.
Cánh tay vải băng quấn chặt.
Hoảng hốt quờ quạng trong không.
Mờ lệ Mẹ tôi đến gần.

*An ủi bảo tôi còn sống.
Là nhờ phước đức ông bà
Tôi muốn kêu thét gào la.
Phế nhân sao là có phước!*

Lòng đau Mẹ tôi sụt mướt.
Con ơi! Mẹ phải làm sao?
Tôi đã cố sức kêu gào.
Nhưng tôi không còn đủ sức.

*Hằng đêm tôi khóc rầm rức.
Than trách số phận hẩm hiu.
Xuất viện vào một buổi chiều.
Trời mưa như cơn thác lũ.*

*Tâm tư ủ rũ muôn điên.
Nhưng rồi thấy mắt Mẹ hiền.
Ánh lên trăm nghìn cay đắng.
Thân tôi tàn phế đã đành.*

*Tóc Mẹ tôi vẫn còn xanh.
Bao nhiêu oan khiên dồn dập.
Trữ nặng lên cánh vai gầy.
Thương Mẹ tôi dặt từ đây.*

*Vươn lên trong niềm hy vọng.
Thế rồi tôi tiếp tục sống.
Trả nghiệp hết kiếp phê nhân.
Nước mắt tôi phải vụn lặn.*

*La lét tám thân tàn phế.
Bởi không còn người Mẹ trẻ.
Người đã rời bỏ cõi trần.
Sau cơn bạo bệnh mất thân.*

*Trên đường kiếm cơm để sống.
Và nuôi đứa con bất hạnh.
Tật nguyên ở tuổi hai mươi.
Tôi vẫn cầu xin Phật Trời.*

*Hãy thương để tôi nhắm mắt.
Để hết lụy phiền khổ đau.
Khi bạn vẫn còn có nhau.
Hãy nên vui hưởng kẻ phôi.*

*Đã có phút tôi ước chỉ
Có được mái ấm gia đình.
Có được những đứa con xinh.
Thế mà tôi không hề được.*

*Chiến tranh vô tình cướp đoạt.
Quyền sống của tôi bạn ơi!
Bắc thang hỏi được ông Trời.
Tôi đây làm chi nên tội.*

*Mà phải sống kiếp đọa đày.
Nhục nhằn, đắng cay, nghiệt ngã!!!*

Người Thăm Nuôi

Trần Xuân Hiền, Văn Hóa Vụ

*Em vẫn đoan trang từng lông trúc,
Vút roi quật ngã kẻ thù chung.*

Cung Trầm

Trời mới đổ tối, cơn mưa chiều mới tạnh, rừng núi Xuân Lộc đắm chìm trong một màu tím thẫm, sương chiều buông xuống phủ kín cánh rừng hai bên con đường xe lửa. Mảnh rừng bị đẵn phá và đốt cháy. Ở đây, trên mấy ngàn sào quan bị tù đầy trong các trại học tập Trảng Táo đang khai phá bìa rừng ở hai bên con đường rầy suốt mấy chục cây số để trồng khoai mì và bắp. Tiếng giun đẻ và côn trùng kêu inh tai, hòa lẫn với tiếng ếch ương tạo thành một bản hòa tấu thê lương. Thỉnh thoảng tiếng cắc kè kêu đầu đây trong bụi rậm khiến cảnh núi rừng càng tăng thêm vẻ hoang vắng.

Ga Trảng Táo dưới ánh đèn vàng vọt thu mình nhỏ bé cạnh bìa rừng. Trên sân ga vài người hành khách nằm ngủ, cuộn mình trong tấm vải nhựa trong đã biến thành màu vàng dơ bẩn, để chờ chuyến tàu chợ xuôi Sài Gòn sáng mai. Trong góc dưới mái hiên, Kim nằm ngủ thiếp cạnh một cặp vợ chồng già còn ngồi thức. Bà già phe phẩy chiếc quạt đuổi muỗi cho Kim

vừa nói nhỏ với chồng:

- “Tội nghiệp quá! Thấy tình cảnh cô này tôi thương xót đứt ruột. Hồi nãy nghe cô nói nhảy tàu xuống đây để nộp đơn bảo lãnh cho chồng về sớm. Chắc chồng cô không là sĩ quan thì cũng là công chức bực thời trước.”

- “Quốc nạn của dân chúng miền Nam.” Ông già chép miệng thở dài. “Gia đình nào cũng có con em đi học tập.”

Kim nằm thiếp đi và mơ thấy chồng đang bị cơn rét hành hạ trên cái chõng tre trong túp lều lụp xụp tối tăm, thân hình xanh xao gầy yếu trong bộ đồ tác chiến bạc màu

Kim kêu lớn:

- “Minh ơi! Sao vậy?”

- “Cô! Cô hôn mê rồi.” Bà già khẽ lay Kim.

Choàng mở mắt Kim ngỡ ngác hỏi:

- “Cháu đang nằm ở đâu bác?”

- “Hồi chiều cô nhảy tàu xuống đây và té ngất xỉu. Hai vợ chồng tôi dìu cô vào đây và thoa bóp cho cô. Cô còn thấy nhớ nói gì nữa không?”

Kim thấy ê người và ráng ngồi dậy nhìn đôi vợ chồng già hiền lành tốt bụng, với lòng biết ơn. Kim nhớ lại hồi sáng rời ga Sài Gòn trong toa xe hạng ba. Sau ngày Sài Gòn mất, tàu lửa là phương tiện duy nhất để đi các tỉnh miền Trung. Trên toa xe lửa cũ mèn còn sót lại từ thời Đại Chiến Thứ Nhì, hành khách ngồi nệm chặt dây ghế hai bên, ngồi trệt cả giữa lối đi cùng với những quang gánh, giỏ tre, cang xé... Họ phần đông là dân buôn thúng bán mẹt. Len lỏi giữa đám hành khách một em bé đội chiếc nón khaki lưới trai mang khay thuốc lá trước ngực chưng bày đủ hiệu thuốc lá làm ở Chợ Lớn đang mời khách; vài em bé áo quần sờn chỉ nhón người bên ngoài cửa toa mời hành khách những xâu mía hay ổi xá lị.

Kim đang bồi hồi nhìn quanh tìm chỗ ngồi thì một cô gái ở

băng ghế thấy Kim nét mặt hiền lành và cách ăn mặc không phải là phường bình dân nên không khỏi có cảm tình mới bảo các cô bạn bên cạnh ngồi xích lại để có chỗ trống, rồi mời Kim ngồi. Các cô gái này phần đông buôn bán đường Sài Gòn - Nha Trang. Tàu rời ga lúc 11 giờ sáng, Kim nhìn 3 đứa con đứng trên sân ga vẫy tay,

- “Me đi chóng về, con nhớ me lắm!” Dũng, đứa con trai đầu 12 tuổi, vẫy mẹ.

- “Me hôn ba dùm con.” Thu, đứa gái thứ nhì ghen ngào nước mắt.

- “Me tội nghiệp quá.” Trâm, đứa gái út nói khẽ, nước mắt trào lên mi.

Xe lửa rời ga chậm chậm. Hai bên đường nhà cửa tiều tụy, không ai còn tiền nghĩ đến chuyện tu bổ nữa. Tàu chạy chậm lại ở cổng Hòa Hưng. Dân chúng ở đâu dồn lại đông quá, áo quần lam lũ không còn thời trang như ngày xưa nữa, hầu hết quần áo bạc màu và cỡi xe đạp. Lô nhô giữa đám đông vài là chiếc nón cối bộ đội trông lạc điệu. Dân chúng Sài Gòn đông hơn trước, mỗi lần có chiến tranh dân chúng ở các nơi lại đổ dồn về nơi đây. Họ sống chui rúc trong những túp lều lụp xụp ở các vùng ngoại ô, hay ngủ la liệt trên các hè phố dưới thời tiết nắng gắt. Sài Gòn bao dung độ lượng. Các tên công an khu phố khi mới vào thì nhô vênh váo, rồi dần dần cũng được cảm hóa vì lòng hiền hòa của người dân.

Tàu ngừng lại ở các ga Sóng Thần, Thủ Đức, Biên Hòa, rồi Xuân Lộc. Từ đây, tàu chạy suốt không ngừng ở ga xép nữa. Nơi nào tàu ngừng, dân chúng cũng bu lại như đàn kiến thấy mồi.

Kim nhớ lại lần đầu tiên được thăm nuôi chồng ở trại Xuân Lộc, nàng chỉ mang theo gói quà ba kí theo quy định gồm đường thẻ, bột Bích Chi, và kẹo dừa. Nhưng khi đến nơi nàng thấy các gia đình khác mang từng bao tải mà chẳng bị làm khó dễ gì cả. Thế là từ đó mỗi lần nàng đi buôn hễ gặp đường trắng

Cuba, lương khô Trung Cộng, sữa đặc... là nàg thu mua hết và cất dành lần hồi cho đến khi đầy một bao tải 50 kí. Vì thế khi được thăm nuôi lần thứ nhì, nàg phải thuê người vác bao quà từ ga Xuân Lộc đến trại. Chồng Kim nhờ được thăm nuôi đầy đủ, nên lần thăm nuôi ở Trảng Táo, Kim mừng rỡ thấy chồng nay đã có da thịt.

Kim đã quen tiếp xúc với phường buôn bán bình dân, nên chẳng mấy chốc đã bắt chuyện được với họ. Họ kể với nhau những mảnh lối buôn đường, cà phê... từ miền Trung vào, cảnh rượt đuối của bọn công an, cảnh bị bắt nhốt trong đồn... Họ nói chuyện hồn nhiên vui vẻ và chẳng kiêng nể bọn Cộng Sản. Một cô trong bọn hỏi vờ một cách tiếu lâm:

- “Đố chị nào biết bảng đồ sao vàng là gì?” Rồi chưa ai kịp trả lời, cô ả nói tiếp, “Có gì mà không biết, bảng đồ là bỏ đảng, còn sao vàng là sang vào.”

Một có khác chẳng chịu thua kém lên giọng hát:

- “Đôi dép râu dầm nát đời son trẻ, Nón tai bèo che khuất nẻo tương lai.”

- “Hay quá! Hay quá!” Cả bọn reo lên.

Thấy vậy Kim quở:

- “Sao các cô bạo thể. Không sợ đi học tập hay sao?”

“Em coi thường bọn chúng.” Một cô khác trả lời, “Đôi khi gặp bọn công an mắng sữa, em đá lông nheo, bọn đó cũng có đũa chụ chơi.”

Cô ngồi cạnh thấy Kim ít nói và có dáng trầm ngâm mới bắt chuyện:

- “Chị đi thăm nuôi ông xã ở đâu?”

- “Tôi đi nạp đơn bảo lãnh nhà tôi ở trại Trảng Táo.” Kim trả lời.

- “Chuyến tàu ra này không ghé ga xếp thì làm sao chị xuống ga Trảng Táo được?” Cô bạn hỏi tiếp.

- “Có người mách tôi tàu hỏa khi đến gần ga Trảng Táo thì chạy chậm lại ở khúc quanh, cho nên có thể nhảy xuống được. Tôi cũng liều thử, bởi vì không nhảy xuống đây thì phải mất công đi tới ga Mùông Mán, rồi lại đổi tàu ngược trở lại, như vậy tính ra mất hơn 2 ngày. Tôi tính nhảy xuống ga Trảng Táo, nằm ngủ ở nhà ga đêm nay để sáng mai xin vào trại nạp đơn, rồi trở về Sài Gòn chuyển trưa,” Kim trả lời tiếp.

- “Bọn em quen nhảy tàu như cơm bữa, chỉ e ngại cho chị thôi. Nhưng được rồi, chúng em thuộc ngõ ngách con đường này. Khi nào tàu đến chỗ đó, chúng em sẽ dìu chị xuống.” Cô bạn đáp lại.

Kim cảm thấy mỗi lo âu nhẹ bớt một phần nào. Mọi người chung quanh lúc đó hỏi han Kim và tỏ lòng thương hại.

- “Sắp tới nơi rồi.” Một cô trong bọn với mình ra cửa toa nhìn về phía trước nói.

- “Ê! Bà con đang cửa lên xuống hãy nhích lại nhường chỗ để chúng tôi dìu chị Kim xuống.” Cô ngồi bên cạnh nói với về đằng trước.

Tàu hú còi chạy chậm lại và uốn mình theo khúc quanh. Kim vịn tay cầm toa xe lần bước xuống cầu thang. Đến bậc cuối cùng nhìn xuống đất, Kim thấy ngạc.

- “Chị Kim! Đừng có ngó xuống đất, hãy nhìn đằng trước. Em sẽ cầm tay chị thông chị xuống dần dần, khi nào gần chạm đất thì chị chạy về đằng trước. Chớ có đứng lại mà té nhào. Chị nghe chưa?”

Cô bạn nói sành sỏi như tuồng đã giúp nhiều người trước rồi. Bây giờ Kim mới thấy sợ, nàng nhắm mắt, miệng lâm lâm khẩn vái ông bà phù hộ.

- “Chị Kim! Chị hãy bình tĩnh! Nghe em đếm 2,3 là em buông tay chị,” Cô bạn nói tiếp.

Kim cả đời đâu biết nhảy tàu, nghe người ta nói nhảy tàu thì Kim tưởng dễ dàng. Gió bên ngoài thổi vào mặt, rồi tiếng

bánh xe nghiêng vào đường rầy kêu kin kít làm Kim rùng mình.

- “Đây rồi, chỗ đóng tranh khô. Em đếm hai, ba. Em buông tay, chị nhảy!” Cô bạn nói lời cuối cùng.

Kim rơi xuống đất thấy trời đất quay cuồng và cảm thấy đau buốt, rồi ngất lịm. Con tàu nhả khói và tăng tốc độ chạy ra khỏi khúc quanh. Một lúc sau, Kim mở mắt thấy ê ẩm ở lưng và thấy mình đang nằm trên sân ga bên cạnh một bà già ra chiều lo lắng, vừa phe phẩy chiếc quạt xua đuổi đàn muỗi.

- “Cô đã tỉnh chưa? Cô cảm thấy trong người thế nào? Cô nhảy tàu nguy hiểm lắm, may cô không hề hấn gì cả,” Bà già lo lắng hỏi han.

- “Lần sau cô chớ có nhảy tàu nữa, nguy hiểm lắm mà còn bị phạt nữa. Lần này tôi cảm thông cho cô.” Ông xếp ga hiên lành đứng gần đó nói vào.

Kim ngồi ở hiên ga nhìn ra cánh rừng dày đặc bóng tối rừng mình nhớ lại khi nhảy tàu hồi chiều. Giá như có tai nạn xảy ra thì ai biết là Kim? Ai lo cho mấy đứa con? Nàng thấy rã rời chân tay, rồi ngã mình xuống ngủ tiếp.

- “Cô xích vào trong này kéo sưng gió.” Bà già phe phẩy chiếc quạt, lòng đầy triu mến như một bà mẹ.

Sáng hôm sau khi nàng thức dậy, bà già đã dành sẵn cho Kim một tách trà nóng. Nàng cảm động và không biết nói thế nào để cảm ơn. Kim từ giã và hỏi đường vào trại học tập ở cách nhà ga không xa.

Tên bộ đội nhận đơn, và sau khi đọc xong thì hấn nói chẳng chút thương hại:

- “Tờ chứng nhận cũng tốt thôi. Nhưng chồng chị có tội thì phải học tập tốt và lao động tốt mới được về.”

Tức giận đến run người Kim không thềm van nài, vội quay gót trở lại ga để kịp chuyến tàu buổi sáng.

Chiếc xe cyclo ngừng lại trước nhà thì ba đứa con chạy ra

reo mừng:

- "Me về rồi! Me về rồi!"

Kim bước xuống xe ôm choàng lấy 3 đứa con vào lòng và hôn nựng từng đứa:

- "Me có mua cho 3 con một xâu chôm chôm ở ga Xuân Lộc."

- "Khi nào ba về?" Ba đứa con cùng hỏi.

"Ba sẽ về." Sợ làm buồn con Kim vội vàng trả lời vừa cảm thấy một nỗi buồn đau xót, bởi vì *người học tập thường hay lỗi hẹn.*



ĐOẠN ĐƯỜNG CHIẾN BINH

Nguyễn Văn Nam, K20

Trong Đại Hội Kỷ Niệm 42 Năm Ngày Khoá 20 Nguyễn Công Trứ Tốt Nghiệp, anh em có thực hiện quyển đặc san do bạn Thành Văn chịu trách nhiệm. Tôi có gửi đến bạn hai bài “Những Ngày Đầu Ra Đơn Vị và Giờ Thứ 25” để tùy bạn chọn lựa. Bạn Trương Văn Thành Văn có đề nghị với tôi, muốn gom hai bài viết lại thành một và đặt tên là “Đoạn Đường Chiến Binh” và bạn sẽ viết thêm phần mở đầu và kết luận cho bài này.

Thành thật cảm ơn bạn Thành Văn. Kính mời quý huynh đệ cùng chia sẻ để nhớ lại phần nào đoạn đường anh em mình đã trải qua, đầy gian nguy nhưng cũng rất đáng tự hào.

Hồi ở quân trường, trong môn chiến thuật, có bài học về Đoạn Đường Chiến Binh. Đây là một bài học ít thú vị và nhọc nhằn nhất. Bài “Đoạn Đường Chiến Binh” đúng là bài tiêu biểu thể hiện đúng nhất ý nghĩa của câu châm ngôn người lính “Thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu.” Chạy đoạn đường chiến binh trong quân trường tuy mất nhiều mồ hôi, nhưng thường thì ai cũng hoàn tất “đoạn đường” này. Ra trường, người ta mới thực sự chạy “đoạn đường chiến binh” cuộc đời. Ở đó mọi thứ mình bầy chông gai đều thật. Ở đó,

“địch” không phải là những hình nộm bằng “các tông”, hay những chú “lính cà” có nụ cười móm mém chân phương. Ở đó, chỉ có những thằng vixi bé loét choát như con chuột, răng hô mã tấu sắc lẹm, tay súng AK, B40 trên vai. Vẫn hao mồ hôi, nhưng còn hao cả xương máu. Nhiều người không “kham nổi đoạn đường”, nên nằm lại. Tôi cũng như các bạn cùng khóa đã khởi hành trên con đường ấy với đầy hào khí, đôi lúc có pha một chút ngây thơ, nghịch ngợm, chẳng biết sợ là gì. Mỗi người một cách chẳng ai giống ai.

1. NHỮNG NGÀY ĐẦU RA ĐƠN VỊ

Ngoại trừ những bạn chọn binh chủng Nhảy Dù và Sư Đoàn 5, Khóa 20 còn lại phải tiếp tục khóa học Rừng Núi Sinh Lầy tại Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ, một khóa Sinh Lầy đầy tai tiếng phá phách. Mãn khóa học mọi người đều hớn hờ cầm tờ giấy phép 15 ngày về ăn Tết trước khi ra đơn vị.

Trong số 60 chàng chọn binh chủng Biệt Động Quân, có vài chàng thích thú với khóa học này, nhất quyết phải học thêm liên tục vài khóa để trở thành cự phách trong binh chủng, dẫn đầu là Hoàng Đại Đồng. Về Tiểu Đoàn 30 BÐQ chỉ có Chu Văn Thiệp và tôi. Hết Tết, tôi mới tà tà ra trình diện hậu cứ tiểu đoàn tại Giếng Nước, Hóc Môn. Chộp được tôi, Thiếu Úy Lộc, chỉ huy hậu cứ tiểu đoàn mừng hết lớn. Ông ta bảo tôi:

- Ngày nào Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng cũng gọi máy về hỏi thiếu úy đã trình diện chưa. Thiếu Úy Thiệp đã về Đại Đội 1 bốn năm ngày rồi. Thiếu úy chịu khó ở đây chờ, sẽ có xe tiếp tế đưa thiếu úy ra tiểu đoàn.

Tôi cũng chịu khó chờ, nhưng đến chiều cũng chẳng thấy xe đâu cả. Tôi nhủ thâm, giờ này thì xe cộ gì nữa. Tôi chuẩn ra chợ đón xe vọt về Sài Gòn, sáng mai tính sau. Sáng hôm sau, khi tôi đến trình diện đã thấy Thiếu Úy Lộc đứng chờ sẵn. Anh lịch sự mời tôi lên xe và đưa ngay ra tiểu đoàn. Tiểu Đoàn 30 BÐQ là đơn vị nòng cốt của BÐQ Biệt Khu Thủ Đô,

với Bộ Chỉ Huy hành quân đóng tại Chợ Đệm. Tôi vào trình diện Trung Úy Phan Văn Sành -K17 , Xử Lý Thường Vụ Tiểu Đoàn Phó. Anh vui vẻ bắt tay tôi và xài ngay giấy 500:

- Dù mà, ăn Tết kỹ hỉ, Nam! Thăng Thiệp xuống Đại Đội 1 gần một tuần rồi. Mi chờ đây Ông Già đi họp về rồi tính.

Anh ngồi tán dóc với tôi và cho biết sơ qua tình hình chung của đơn vị. Đứa nào nghe nói Biệt Khu Thủ Đô cũng tưởng bở. Xung quanh Sài Gòn toàn là sinh lũy, dừa nước, và mặt khu VC, mìn bẫy dày đặc, lính tráng lơ là là tụi nó hốt ngay. Một tháng hoạt động đủ 31 ngày, hậu cứ để đó cho văn phòng làm việc, chưa bao giờ tiểu đoàn được nghỉ dưỡng quân. Đại đội nào cũng thiếu sĩ quan, Trong bốn đại đội trưởng chỉ có Thiếu Úy Lê Triệu Giur, Đại Đội 2 là Khóa 19, còn lại là 3 anh Thủ Đức. Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn hoạt động vùng này với 3 đại đội, và một đại đội tăng phái cho Tiểu Khu Gia Định. Tiểu đoàn hoạt động biệt lập vùng Tam Đa, Phú Hữu, mỗi tháng hoán chuyển một lần, các đại đội luân phiên nhau.

Đến trưa, Thiếu Tá Phạm Văn Phúc – Khóa10, tiểu đoàn trưởng đi họp về. “Ông già này tướng trông khắc khổ quá. Chắc cũng thuộc hàng hắc ám đây.” tôi tự nhủ. Ông bắt tay tôi, tự giới thiệu, xong nói với tôi:

- Cậu đi chơi đâu mà dữ thế! Bây giờ bắt tay vào việc nha.

Quay sang Niên Trưởng Sành, ông hỏi:

- Cậu cho nó về đại đội nào chưa?

-Tôi còn chờ quyết định của thiếu tá.

- Cậu hỏi xem nó muốn về đại đội nào?

- Khỏi cần hỏi nó cũng xin về Đại Đội 2.

- Ừ thì cho nó về ở với thằng Giur đi. Ráng nha cậu, thằng Giur cũng sắp đi học Mã Lai rồi. Lính Đại Đội 2 thiện chiến nhất tiểu đoàn hiện nay, nhưng cũng toàn những tay hảo hán, phá làng phá xóm... Tất cả được gom về cho thằng Giur uốn nắn. Cậu ráng học hỏi đàn anh, nương tay sau này không trị

nổi chúng nó đâu.

Anh Hạ Sĩ Quan Quân Số Tiểu Đoàn đưa tôi xuống Đại Đội 2 trình diện Thiế Úy Giur. Tôi đứng nghiêm chào Niên Trưởng Giur đứng lễ nghi quân cách. Mới một năm mà trông anh phong sương và già dặn quá. Anh bắt tay tôi và nói một dây dài như một bài thuyết trình, không để cho tôi chen vào được một câu.

- Nghỉ phép xong rồi phải không? Nghe nói mấy Ông học Sinh Lầy ba gai lắm hả? Ngồi đây chơi để tôi gọi hai ông chuẩn úy trung đội trưởng lên đây để các ông làm quen với nhau. Đại đội mình đang đóng chung với Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn, xem như là đang nghỉ xả hơi, công việc cũng nhàn hạ. Mỗi ngày mở đường từ đây ra Quốc Lộ 4, rải một hai trung đội giữ đường cho đến khi có lệnh rút về. Trung đội còn lại tuần tiễu xung quanh khu vực đóng quân. Phải ráng giữ lính đừng để tụi nó trốn về Sài Gòn, có lệnh đi hành quân bất thường thì kẹt. Hai ông chuẩn úy đều là Khóa 20 Thủ Đức. Họ ra trường chưa quá nửa năm nhưng cũng khá lắm, nhất là ông Dương. Ông Khen hơi công tử bột một chút, nhưng cả hai ông rất đàng hoàng.

Suy nghĩ một chút, anh nói tiếp

- Ông sẽ làm phó cho tôi kiêm Trung Đội Trưởng Trung Đội 1. Trung đội này hiện do Thượng Sĩ Triệu coi. Ông già này kinh nghiệm nhiều. Tôi sẽ để ông ở với ông một tuần cho quen, sau đó sẽ đem ông về đại đội coi trung đội súng nặng và làm trung đội trưởng lưu động. Tôi sẽ giữ trung đội ông ở gần đại đội một thời gian cho ông quen dần cách điều động đại đội khi mở đường, lúc tuần tiễu cũng như lúc hành quân.

Hai anh chuẩn úy trung đội trưởng bạn cũng trẻ măng như chúng tôi, vừa đậu xong Tú Tài I tình nguyện đi Khóa 20 Thủ Đức, cả hai đều là dân Vùng 4. Như vậy đại đội tôi có bốn sĩ quan độc thân, chưa anh nào tới 25 tuổi. Tôi nhìn một lượt và nói thầm trong bụng, “Có bốn đứa thôi mà đã thấy rõ hai phe

rồi.” Anh Giur và Dưỡng trông quá phong trần. Anh Dưỡng người hơi đen, hút thuốc Bastos xanh vàng cả răng, tu luôn cả rọu đế, còn Khen và tôi trông rất thư sinh.

Tuần nào tiểu đoàn cũng tham dự hành quân theo kế hoạch của Bộ Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô, khi thì vào mật khu Lý Văn Mạnh, lúc Cầu Tràm Cần Giộc, lúc vào rừng Sát, mật khu rừng Bảy Mẫu... Một hôm tiểu đoàn giao cho Đại Đội 2 hành quân vào vùng Bà Tà, Lý Văn Mạnh. Mật khu này thuộc loại “bất khả xâm phạm” của VC thời bấy giờ nên NT Giur rất thận trọng, dặn dò kỹ lưỡng. Đại đội chia làm 2 cánh, tiến quân dọc theo hai bờ kinh Xáng. Trung Đội 1 của tôi đi phía Nam bờ kinh, đại đội (-) đi phía Bắc.

Cánh quân tôi có địa thế tương đối dễ đi hơn, nên tôi báo với NT Giur. Tôi tiến quân trước anh không quá 100mét. Gần đến mé kinh Bà Tà bắt đầu vào mật khu Lý Văn Mạnh thì Trung Đội 3 đi đầu bên cánh quân NT Giur chạm súng. Lúc này Chuẩn Úy Khen đi phép, Thượng Sĩ Triệu, xử lý thường vụ. Lần đầu chạm súng với địch, đạn nổ vang rền, đạn thật của VC chứ không phải đạn mã tử của lính cả. Tôi nghe trống ngực đập thình thịch, nhưng cũng cố gắng lấy lại bình tĩnh, ra lệnh cho trung đội bố trí hình chữ U theo trục tiến quân, đề phòng và theo dõi tình hình.

NT Giur ra lệnh cho Trung Đội 3 tấn công mạnh và địch cũng phản công dữ dội. Tôi bên này bờ sông phát giác ra vị trí địch, binh sĩ tôi nhao nhao lên:

- Tụi nó đông lắm trong khu vườn bỏ hoang kia, thiếu úy.

Tôi ra lệnh khẩu trung liên BAR nhả đạn yểm trợ bạn. NT Giur báo cho tôi, trung đội ông Triệu bị thiệt hại đang khựng lại. Anh bảo tôi ráng yểm trợ hỏa lực, để anh đang điều động Trung Đội 2 lên tăng cường. Tôi báo cho anh:

- Tôi đã phát giác được vị trí VC rồi, đang yểm trợ hỏa lực. NT cứ cho ông Dưỡng lên đi.

Tôi chợt thấy có một cây rơm ở gần. Tôi bảo Hạ Sĩ Lê xạ

thủ trung liên, leo lên cây rom tác xạ xuống. Thật hữu hiệu, VC không dám ngóc đầu lên. Binh sĩ tôi vỗ tay vang rền, có cậu la lớn:

- Quá sướng như trực thăng võ trang, thiếu úy.

Tôi hùng chí theo anh em và chợt nghĩ ra thiếu rocket. Tôi quay sang chộp khẩu M79 mà Hạ Sĩ Nhánh đang sử dụng. Đây là khẩu M79 duy nhất của đại đội mà NT Giu giao cho trung đội tôi. Tôi nhảy phóc lên cây rom cùng Hạ Dĩ Lê, miệng la lớn:

- Tiếp tế đạn cho tôi, Nhánh.

Anh em hò reo “gunship, gunship” mặc cho hạ sĩ Nhánh kêu gào:

- Vừa thôi, thiếu úy ơi. Đạn M79 hiếm lắm, ông bắn như đại liên vậy, chết rồi.

Tôi vừa mải mê bắn M79, loại vũ khí hiếm mà hồi ở trường anh em chỉ được sờ thôi chứ không được bắn. Thành linh tôi nghe binh sĩ la ầm lên:

- Tụi nó bỏ vị trí chạy rồi, thiếu úy. Xung phong, xung phong, thiếu úy ơi!

Tôi ngừng bắn, nhìn xuống đã thấy hai, ba chiếc xuống tách bờ. Tôi la bài hải:

- Đợi tao với tụi bây. Tụi bây bỏ tao à?

Hạ sĩ Hải mang máy truyền tin cũng đứng sẵn trên xuống. Hải la lớn:

- Xuống lẹ lên thiếu úy.

Tôi nhảy phóc lên xuống vừa thở hổn hển vừa căn nhắc vu vơ:

- Xuống ở đâu tụi bây lấy lẹ vậy?

Khi tôi lên bờ thì chỉ còn kịp la lớn:

- Thôi mấy ông thần đừng có rượt nữa. Tất cả dừng lại,

dừng lại.

- Bắt được thằng Đục Xị rồi thiếu úy. Nó nổi tiếng vùng này. Vậy mà vợ nó cứ bảo là nó lên Chợ Lớn làm ăn lâu lắm không có về nhà.

Tôi cho gom chiến lợi phẩm và tài liệu tịch thu được, báo cáo cho NT Giur. Anh nói:

- Tụi này thuộc huyện đội Bình Chánh, mở đường trước cho Trung Đoàn 95A về đây đánh mình hay quận Bình Chánh không chừng. Mình phá hỏng kế hoạch tụi nó rồi.

Anh buồn rầu nói tiếp:

- Mình có 5 người bị thương trong, đó có ông già Triệu. Hạ Sĩ Lê Tòa chắc không tải thương kịp!

Mười phút sau anh Tòa thở hơi cuối cùng vì mất quá nhiều máu.

Đã 40 năm trôi qua, những vui buồn, lờ mờ của những ngày đầu ra đơn vị vẫn còn in đậm trong tâm trí tôi.



Trưa 30 tháng Tư, 1975 tại Sài Gòn

Cuối năm 1966, Tiểu Đoàn 30 BĐQ chúng tôi có một giàn cán bộ thật hùng hậu: Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Phạm Văn Phúc - Khóa 10, Đại Đội Trưởng ĐĐ1 là Trung Úy Hoàng Văn Trác - K16, tôi là Đại Đội Trưởng ĐĐ2, Đại Úy Phan Văn Sánh - K17 làm Đại Đội Trưởng ĐĐ3 (trước ngày đi học Mã Lai anh lên đại úy, đi học về làm Đại Đội Trưởng ĐĐ3, sau này là Tiểu Đoàn Phó rồi Tiểu Đoàn Trưởng TĐ30 BĐQ), Trung Úy Võ Văn Bảy - Khóa 18 làm Đại Đội Trưởng ĐĐ4.

Tôi là thằng đàn em nhí nhất, bây giờ cũng là người sau cùng còn lại. Bao nhiêu đàn anh, đàn em, bạn bè, đồng đội đã nằm xuống cho Tổ Quốc, cho Dân Tộc, cho Tự Do Dân Chủ được trường tồn. Thế mà 40 trôi qua “cuộc chiến vẫn chưa kết thúc”!

2. GIỜ THỨ 25

Đã đăng trong Đa Hiệu số 113, từ trang 189 tới 195. Độc giả cũng có thể tìm đọc bài này tại website:

- <http://tvbqgvn.org/dahieu5/noidungdahieu113/dahieu%201137.pdf>

- <http://tvbqgvn.org/dahieu/dahieu109-120.htm> → Đa Hiệu 113 → Chọn bài này ở trang 189.

* * *

Cuộc chiến đã đi qua hơn 30 năm. Đoạn cuối con đường chẳng có gì hào hứng. Chúng ta đã vượt qua chẳng những chông gai, lửa đạn mà chúng tôi còn phải vượt qua, cả sự phản bội, hèn nhát và ngu xuẩn, lẫn tàn bạo, phi nhân của những điều cực kỳ phi lý.

Sau cùng, chúng ta cũng hoàn tất đoạn đường chiến binh, thân thể te tua chẳng còn gì, ngoại trừ cái lý tưởng ban đầu chúng ta đem theo làm hành trang trong ba lô.

Để chấm dứt bài viết, tôi xin mượn ý thơ Vũ Đình Liên, để gởi lên các cấp chỉ huy của tôi, những bạn bè, những người lính thuộc cấp đã nằm lại trên suốt chiều dài của “của đoạn đường chiến binh” vài dòng thay một lời chiêu niệm, tiếc thương muộn màng:

“Những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ.”

Đức Quốc, tháng Tư.

“Vâng! Chúng Tôi Hãnh Diện Đã Có Một Cấp Chỉ Huy Như Thế!”

Phạm Tín An Ninh

(Viết để tưởng niệm Đại Tá Nguyễn Bá Thịnh)

Sau Tết Mậu Thân, khi vừa đánh thắng nhiều trận lớn, giải tỏa thành phố Phan Thiết trong vòng vây và tiêu diệt toàn bộ đám Cộng quân xâm nhập, đơn vị tôi đón mừng một vị trung đoàn trưởng mới. Ông được Đại Tá Trương Quang Ân, Tư Lệnh Sư Đoàn xin bổ nhiệm và đích thân đưa đến bàn doanh của Trung Đoàn tại Sông Mao, để bàn giao với vị tiền nhiệm. Ông đến nhậm chức với duy nhất một cái “xắc ma-ranh” vắt trên vai, trông giống như anh chàng tân binh vừa lãnh quân trang ở một quân trường nào đó.



Đại Tá Nguyễn Bá Thịnh

Buổi lễ bàn giao đơn giản nhưng rất trang nghiêm, dưới sự chủ tọa của vị Tư Lệnh Sư Đoàn. Sau khi tiễn đưa ông cựu trung đoàn trưởng theo ông Tư Lệnh lên trực thăng bay đi,

tất cả được lệnh “thao diễn nghi” để nghe vị tân Trung Đoàn Trưởng ban chỉ thị:

Điều trước tiên mọi người lưu ý là ông rất nhỏ con, nhưng đôi mắt sáng quắc, có nhiều uy lực, tướng đi nhanh nhẹn. Tóc cắt ngắn ba phân, để lộ từ trên đầu sau vành tai bên trái một vết sẹo lằng bóng làm tăng thêm cái uy dũng của một người từng dạn dày trận mạc.

Sau khi được vị trung đoàn phó trình diện hàng quân, ông đi quanh một vòng bắt tay các sĩ quan thuộc bộ chỉ huy trung đoàn và các đơn vị trưởng. Ông đi đứng, bẻ góc, dậm chân, đằng sau quay, và chào hỏi rất đúng quân cách. Bọn tôi không mấy ngạc nhiên vì đã được biết, trước khi thuyền chuyển về đây, ông từng là Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn SVSQ của Trường Võ Bị QGVN, một quân trường nổi tiếng tại Vùng Đông Nam Á. Nhưng ngay sau đó ông lại làm chúng tôi ngạc nhiên với câu hỏi đầu tiên của ông:

- Các anh có biết tôi đi lính từ cấp bậc gì không?
- Thiếu úy! Một sĩ quan lên tiếng.
- Sai!
- Trung sĩ! Một sĩ quan khác trả lời
- Cũng sai!
- Bình nhì. Một anh tiểu đoàn trưởng, tốt nghiệp từ Trường Võ Bị, tỏ ra biết ít nhiều về ông.

Nhưng rồi tất cả, từ quan tới lính, đều ngơ ngác khi nghe ông bảo:

- Cũng chưa đúng!

Im lặng một lúc, để gọi thêm sự tò mò, ông lên giọng nói lớn:

- Bình ba!

Rồi tự giải thích:

- Đúng như thế! Binh nghiệp của tôi đi lên từ cấp “binh ba”. Vì khi vào lính nhảy dù, tôi chưa được cho đi đánh nhau mà phải làm hỏa đầu quân, tức là thằng nấu bếp, rồi sau đó làm “ô đờ” cho ông Đại Đội Trưởng Đỗ Cao Trí.

Giải thích xong, ông ngẩng mặt lên và cao giọng:

- Tất cả các anh nên hãnh diện là đang có một cấp chỉ huy như thế!

Phải công tâm mà nói, từ khi ông về chỉ huy, Trung Đoàn đã thay đổi khá nhiều, từ cách tổ chức, sinh hoạt tới chiến thuật phòng thủ, hành quân. Nhưng song song với việc tạo cho đơn vị một khí thế mới để vươn lên, trở thành đơn vị ưu tú với nhiều chiến công hiển hách, ông cũng đã để lại rất nhiều giai thoại, mà đến hôm nay, mỗi lần anh em cùng đơn vị xưa có dịp gặp nhau luôn nhắc tới. Ngày xưa, đó chỉ là những mẩu chuyện vui để cùng cười, nhưng bây giờ tất cả trở thành những kỷ niệm mang theo nhiều cảm xúc.

Trước tiên phải công nhận là ông rất liêm khiết, công minh. Ngay cả cái xe jeep của ông cũng đích thân ông ký giấy nhận xăng, và mỗi khi xong công việc, tài xế đưa ông về trước tư thất rồi quay lại đậu trước văn phòng. Vợ con ông không được phép ngồi trên xe, chứ đừng nói đến việc sử dụng. Ông không hề dùng một người lính nào cho gia đình hay trong công việc riêng.

Trong đơn vị có anh Hoàng Văn An, sau khi tốt nghiệp Khóa 20 VB cũng được bổ sung về Trung Đoàn. Anh An là em (thúc bá) của vợ ông. Khi anh An còn là SVSQ thì ông đang là Liên Đoàn Trưởng LĐ/ SVSQ. Một lần đi phép về trễ một ngày, anh An bị ông gọi lên văn phòng bảo:

- “Nếu là SVSQ khác tôi tha, nhưng vì chú là em nên tôi phạt chú 7 ngày trọng cấm!” (Sau này anh An cho biết đó là 7 ngày trọng cấm duy nhất trong hồ sơ quân bạ của anh.)

Với các sĩ quan già, ông xưng hô “ông, tôi”, nhưng với mấy thằng sĩ quan trẻ như bọn tôi, ông chỉ gọi “mày” hoặc “chú

mày” và xưng “tao” như em út trong nhà. Sau một cuộc hành quân, ông thường mời tất cả sĩ quan thuộc BCH Trung Đoàn và các đơn vị đóng chung quanh, dùng cơm với ông. Điều đặc biệt là đích thân ông đi chợ, lựa và mua cá, mua rau. Món ông thích nhất là cá rô chiên. Được ông mời ăn cơm phải nói là một cực hình. Nhưng không ai có thể vắng mặt bởi ông sẽ điếm danh. Nói là mời nhưng phải xem đó là lệnh. Trong bữa ăn ông thường luận về các món ăn dân giả và cách nấu nướng. Có một lần anh đầu bếp không hiểu ý của ông, đánh vảy, chặt vi mấy con cá rô, chiên vàng xong mang bày lên bàn, bay mùi thơm phức, nhưng rồi bọn tôi bất ngờ tròn mắt, khi ông ném cả đĩa cá vào sọt rác và la cho một trận! Ông bảo, con cá rô mà mất vảy và cái vi thì còn ăn cái gì?

Lâu lâu ông cũng mời một số sĩ quan tham mưu cũng như các tiểu đoàn trưởng đến tư thất của ông dùng cơm. (Tư thất là một villa khá đẹp nằm trong doanh trại do Sư Đoàn 5 của Đại Tá Wòng A Sáng để lại). Các bữa cơm do chính tay vợ chồng ông nấu nướng. Điều làm chúng tôi ái ngại nhất, là phu nhân của ông không được ngồi chung mà là người hầu bàn. Hầu bàn chính hiệu chứ không phải làm cảnh. Bà đứng sau lưng, rót nước, xới cơm vào bát và đưa cả từng tấm giấy lau miệng cho “thực khách”. Bà là một người đàn bà có nhan sắc, phúc hậu và là một “phu nhân” hiếm hoi mà tôi đã gặp trong cuộc đời binh nghiệp. Bà không hề biết (và có lẽ không được quyền biết) bất cứ điều gì của đơn vị. Cả đám sĩ quan bọn tôi ngồi trong bàn ăn, bà không biết cả tên và ai đang giữ chức vụ gì. Chúng tôi rất nể phục bà, nhưng cũng thấy tội nghiệp cho bà. Lúc ấy tôi thâm nghĩ, giá mà vị “phu nhân” nào cũng như bà thì quân đội và đất nước mình có lẽ đã khá hơn.

Trong bữa ăn, ông cũng thường kể về cuộc đời và binh nghiệp của mình, đôi lúc có chút xúc động nhưng luôn với niềm hãnh diện:

- Các anh biết tại sao tôi nhỏ con như vậy mà được đi lính nhảy dù không?

- Có lẽ trung tá nhanh nhẹn và gan dạ! Một sĩ quan trả lời.

Ông cười, xuống giọng:

- Gan dạ cái con khi! Quê tôi ở tận Hòa Bình, ngoài Bắc. Lúc nhỏ nhà nghèo. Sau khi học hết bậc tiểu học, tôi phải tạm ở nhà phụ bố ra đồng. Một hôm, lúc trời chạng vạng tối, lùa trâu về chuồng, phải qua một con sông khá lớn. Khi ngồi trên mình một con trâu để nó bơi, tôi bất ngờ thấy một đám người lồ lộ ẩn núp dưới mây lùm cây bên bờ sông. Họ có cả súng. Tôi biết là đám Việt Minh, nên giả vờ la hét đàn trâu, như không nhìn thấy gì. Khi qua sông, tôi tìm đến cái đồn lính nhảy dù đóng bên kia, nói tiếng Tây với thằng lính gác, đòi gặp ông đồn trưởng.

Tôi báo cho ông biết là bên kia sông có rất nhiều lính Việt Minh, có lẽ họ chuẩn bị tấn công đồn lính nhảy dù của ông đêm nay. Tôi được ông quan ba trưởng đồn thưởng cho mấy thùng bánh biscuit và hỏi con cái ai, nhà cửa ở đâu. Tối hôm đó, tôi nghe tiếng pháo dội xuống bên kia sông. Sáng hôm sau nghe tin một số lớn lính Việt Minh bị chết, số còn lại bị quân nhảy dù vây bắt. Sau chiến thắng lớn này, tôi được ông quan ba đồn trưởng cho người gọi vào và bảo ông muốn thưởng công cho tôi, hỏi tôi thích cái gì ông sẽ cho. Tôi bảo, tôi chỉ muốn đi lính Nhảy Dù. Vậy mà ông gật đầu ngay.

Thế là tôi trở thành thằng lính Nhảy Dù! Sau đó, tôi được bổ sung về đại đội do một sĩ quan Việt Nam làm đại đội trưởng. Đó là Trung Úy Đỗ Cao Trí. Thấy tôi nhóc con, nên ông đại đội trưởng cho tôi vào toán đầu bếp, và sau đó lấy tôi theo làm “ô dô” cho ông. Trong một lần bị phục kích, địch tràn cả vào ban chỉ huy đại đội, tôi xông vào đánh cận chiến, giết chết mấy thằng, giải vây cho ông. Tôi được lên hạ sĩ và trở thành “gạc đờ co” của ông. Khi lên đại úy đi làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 19 Việt Nam (tiền thân của Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù), ông dắt tôi theo làm tiểu đội trưởng thám báo, đánh bao nhiêu trận ngon ơ, được lên hạ sĩ nhất, rồi trung sĩ. Sau này chính

ông giới thiệu, để tôi được nhận vào Khóa 9 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt.

Giống như Tướng Đỗ Cao Trí, ông rất lưu tâm tới hàng hạ sĩ quan (từ cấp bậc hạ sĩ). Ông gần gũi, chăm lo đời sống và thỉnh thoảng tập trung họ lại để nói chuyện, tâm tình, trao đổi kinh nghiệm chiến trường và việc chỉ huy tiểu đội. Ông thường bảo chúng tôi:

- Bọn mày phải nâng đỡ đám hạ sĩ quan này, nhưng cũng phải để ý học hỏi kinh nghiệm của họ. Chính cấp tiểu đội, trung đội mới quyết định chiến trường!

Ông nói tiếng Anh giọng Bắc, không giỏi lắm, bắt chắp cả văn phạm, nhưng các cố vấn Mỹ đều hiểu và nể ông ra mặt. Gặp ông là tất cả đứng nghiêm chào. Ông bảo gì họ cũng nghe. Có lần ông nói thẳng với mấy tay cố vấn Mỹ:

- Các anh đến đây là để giúp chúng tôi những gì chúng tôi cần, còn chuyện đánh nhau là chuyện của chúng tôi. Các anh đừng xía vào. Đánh bọn du kích VC mà đánh theo kiểu Mỹ của các anh là hỏng!

Ông ra lệnh tất cả sĩ quan phải nói được tiếng Anh. Không biết phải học. Nói sao cho Mỹ nó hiểu là được. Nhờ vậy mà anh Cố Vấn Trưởng nghe theo đề nghị của ông, tổ chức ngay một số lớp dạy Anh văn cho tất cả các sĩ quan, đặc biệt về phương pháp đàm thoại và cách liên lạc, hướng dẫn các phi công oanh tạc cơ của Hoa Kỳ.

Bản doanh Sông Mao nằm giữa Phan Rang và Phan Thiết, nhưng đường bộ mất an ninh. Ông muốn mỗi tuần phải có hai chuyến Chinook để chở lính đi phép và cho gia đình binh sĩ được ra phố mua sắm, học hành. Vậy mà chỉ mấy ngày sau là anh Cố Vấn Trưởng lo xong.

Không biết vì sao Tướng Peers, Tư Lệnh Các Lực Lượng Quân Sự Mỹ tại Cam Ranh, biết thành tích đánh giặc và cả sự liêm khiết của ông, nên lâu lâu ghé lại Trung Đoàn thăm và hàn huyên với ông. Tướng Peers thường đưa ngón tay cái lên

nói đùa với bọn tôi:

- Các anh có một ông “boss” rất tuyệt vời!

Đầu năm 1969, trong kế hoạch “tự lực tự cường”, Bộ Tổng Tham Mưu ban hành chỉ thị, mỗi đơn vị phải thành lập một trại chăn nuôi. Trung Đoàn có một trại chăn nuôi khá lớn, do một vị thiếu úy lớn tuổi (thăng tiến từ cấp binh sĩ) trông coi với hơn 20 lao công đào binh. Trại chăn nuôi thống thuộc Đại Đội Chỉ Huy Công Vụ.

Một hôm cả BCH Trung Đoàn và các sĩ quan từ cấp đại đội trưởng trở lên, được Ông Tỉnh Trưởng Bình Thuận mời khoản đãi vì Trung Đoàn vừa phối hợp với Tiểu Khu trong một chiến dịch bình định, đánh tan các đơn vị Cộng quân hoạt động trong phạm vi của tỉnh. Tất cả tập trung tại Căn cứ Trinh Tường (Trung Đoàn dùng làm hậu trạm) để đi đến tòa tỉnh. Trên đường đi, ông bất ngờ thấy bên vệ đường có một người đang thả heo giống. Ông ra lệnh dừng lại, xuống xe và đứng xem. Bọn tôi rất ngỡ ngàng còn ông thì cứ tỉnh bơ quan sát. Cuối cùng ông khen con heo (đực) tốt và ra lệnh cho anh trung úy đại đội trưởng Chỉ Huy Công Vụ thương lượng với người chủ để mượn.

Sau buổi tiệc ông dùng trực thăng cho anh đại đội trưởng chở con heo và người chủ bay về hậu cứ Sông Mao để gây giống cho trại heo. Chúng tôi có một trận cười đến nôn ruột, và thấy tội nghiệp cho anh đại đội trưởng rất “mô phạm” vì là một giáo sư trung học bị động viên vào Khóa 16 Thủ Đức. Nhưng sau này trại heo đã thu nhiều lợi nhuận vì sản sinh rất nhiều heo con béo tốt. Trại được chọn là trại chăn nuôi “kiểu mẫu” của Quân Đoàn II & Quân Khu 2, chúng tôi càng kính phục ông hơn.

Vào khoảng giữa năm 1969, Ban Truyền Tin nhận một cuộc điện thoại (qua hệ thống siêu tần số) trực tiếp từ văn phòng Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng, lệnh cho Trung Đoàn, cho xe ra sân bay Sông Mao để đón một vị trung

tá, thuyền chuyên đặt thuộc quyền xử dụng của Trung Đoàn. Thấy một việc bất thường, ông Trung Đoàn Trưởng gọi lại, thì được văn phòng Tổng Tham Mưu Trưởng cho biết:

- “Đó là Trung tá Đào Văn Hùng, Lữ Đoàn Trưởng Nhảy Dù. Ông uống rượu ngà ngà say, đến tìm Đại Tướng để phản đối về việc xử dụng Nhảy Dù của ông không đúng chỗ. Ông khá thân thiết và được Đại Tướng Viên trọng nể khi còn ở Nhảy Dù. Thấy ông say và lớn tiếng, Đại Tướng bỏ đi ra ngoài, ông Trung Tá Nhảy Dù (có lẽ do say quá) la hét một chặp rồi cởi



Trung Tá Đào Văn Hùng

bộ đồ nhảy dù vắt trên bàn bảo trả lại cho Đại Tướng. Đại Tướng giận quá, ra lệnh dừng máy bay riêng của Đại Tướng và cho hai Quân Cảnh “áp tải” ông thẳng ra Sông Mao giao cho Trung Đoàn. Lệnh bổ nhiệm sẽ do Phòng Tổng Quản Trị gọi đến sau. Máy bay đã cất cánh hơn nửa tiếng rồi.”

Ông Trung Đoàn Trưởng vội vàng ra lệnh cho các sĩ quan thuộc Bộ Chỉ Huy tháp tùng ông ra phi trường chào đón Trung Tá Hùng, ông cũng cho gọi cả anh lính kèn đi theo. Khi máy bay đáp xuống, Ông và tất cả sĩ quan đứng thành một hàng dọc, đích thân ông chỉ huy dàn chào, có cả kèn thổi “nghênh đón thượng cấp”. Điều đặc biệt làm chúng tôi ngạc nhiên hơn là ông đứng nghiêm trình diện Trung Tá Hùng, với cả cấp bậc, số quân, như một tân binh hay một SVSQ trong quân trường:

- Trung Tá Nguyễn Bá Thịnh, số quân 48/300340 trình diện Trung Tá!

Vẫn trong thế đứng nghiêm, ông mời Trung Tá Hùng lên xe ông, còn ông thì đi chung xe với chúng tôi về doanh trại. (Tôi chưa thấy ông lái xe bao giờ.) Đến nơi, ông hướng dẫn

Trung Tá Hùng lên nghỉ ngơi uống nước tại văn phòng Trung Đoàn Trưởng. Ra lệnh cho anh Đại Đội Trưởng Chỉ Huy Công Vụ sang tư thất của ông, cùng ông đích thân dọn dẹp và dành căn phòng của vợ chồng ông cho Trung Tá Hùng. Ông bà dọn sang phòng nhỏ phía sau. Nhưng khi ông sang mời Trung Tá Hùng về tư thất, thì Trung tá Hùng quyết liệt từ chối, bảo ông chỉ xin một cái ghế bố và sẽ ở trong Trung Tâm Hành Quân. (Trung Đoàn có một TTHQ khá lớn và kiên cố).

Bọn tôi bàn tán với nhau, không ai hiểu cung cách đối xử kỳ lạ của hai ông trung tá. Ông Trung Đoàn Trưởng thì lại đứng nghiêm đưa tay chào từ xa, mỗi lần gặp ông Trung Tá vừa thuyên chuyển tới đặt dưới quyền chỉ huy của mình. Ngược lại ông Trung Tá Nhảy Dù cũng một điều kính thưa, hai điều kính thưa ông Trung Tá Trung Đoàn Trưởng.

Đến chiều, Trung Tá Thịnh ra lệnh cho anh Đại Đội Trưởng Chỉ Huy Công Vụ đích thân sang tư thất của ông mang com chiều sang cho Trung Tá Hùng. Lúc ấy ông gọi chúng tôi lại để dặn dò:

- Các chú mày phải lễ phép và lo lắng thật chu đáo cho Trung Tá Hùng. Ông là ông Thầy của tao. Ngày trước khi ông là đại đội trưởng Nhảy Dù, thì tao là thằng hạ sĩ 1 mang máy và làm tiểu đội trưởng cho ông. Ông đánh giặc khỏi chê, nổi tiếng từ thời Pháp cho đến bây giờ. Mấy thằng Tây, kể cả sĩ quan, mà lòi thoi là bị ông chửi như tát nước vào mặt. Khi Đại Tướng Cao Văn Viên còn trung tá, làm Lữ Đoàn Trưởng Nhảy Dù thì ông Hùng đã là một tiểu đoàn trưởng xuất sắc mà ông Viên rất nể nang.

Ông không giao cho Trung Tá Hùng bất cứ công việc gì. Nhiều lần Trung Tá Hùng yêu cầu phải giao cho ông một công việc, bất cứ việc gì cũng được. Nhưng ông Trung Đoàn Trưởng lại đứng nghiêm:

- Xin Trung Tá làm cố vấn cho tôi.

Trung Tá Hùng lại dậm chân, than phiền:

- Tớ đi lính là để đánh giặc chứ đêch biết làm cô vấn cổ véo gì sắc! Trung Tá quên tớ là thằng “Cai Hùng” Nhảy Dù à?

Ông Trung Đoàn Trưởng lại đứng nghiêm:

- Thôi, xin Trung Tá thấy thích làm cái gì thì làm!

Cuối cùng Trung Tá Hùng nhận một công việc không có trong bản cấp số: Sĩ quan thường trực tại Trung Tâm Hành Quân. Ăn ngủ tại chỗ. Có mặt 24/24!

Kể từ hôm ấy, Trung Tá Thịnh cũng cho kê một cái ghế bô trong TTHQ để ngủ với Trung Tá Hùng.

Một hôm, vào khoảng 2 giờ sáng, Việt Cộng pháo kích vào BCH Trung Đoàn. Nhờ có máy nhắm hồng ngoại tuyến mới được trang bị, một vọng gác phát hiện đặc công xâm nhập vào doanh trại. Ông giao việc điều động cho Trung Tá Hùng, rồi đích thân chỉ huy hai toán Viễn Thám đi lùng, giết hơn 20 tên đặc công bằng lựu đạn và bắt sống 3 tên khác, đang tìm cách chui qua hàng rào phòng thủ. Trung Tá Hùng thì leo lên nóc TTHQ lắng nghe tiếng “depart” để xác định vị trí súng cối địch, cho Pháo Binh phản pháo chính xác, sau đó 2 chiếc cobra do cô vấn Mỹ điều động kịp thời đến mục tiêu xạ kích. Đại Đội Trinh Sát được lệnh truy kích, thu được 2 súng cối 82 ly, 2 ống phóng hỏa tiễn và một số súng cá nhân, hơn 15 xác địch còn bỏ lại trận địa. Trận phản công chớp nhoáng và chính xác với thắng lợi hoàn toàn, bên ta vô sự. Đúng là chiến công của hai ông trung tá gốc Nhảy Dù!

Những lúc tâm tình với chúng tôi, Trung Tá Hùng cũng đã hết lời ngợi ca Trung Tá Thịnh. Ông thường bảo:

- Ông Trung Đoàn Trưởng là một tay đánh giặc rất “lì” và chỉ huy rất “chì” trong binh chủng Nhảy Dù. Trong cấp tá, ông là người có nhiều huy chương nhất, chỉ sau ông Sơn Thương. Hình như trên 20 cái nhánh dương liễu, sao vàng sao bạc đếm không hết, còn chiến thương bội tinh thì cũng hơn 10 cái!

Rồi ông đùa:

- Bao nhiêu lần đã tưởng ông đi đứt, nhưng có lẽ nhờ nhỏ con quá nên đạn bắn không trúng!

Khoảng hai tháng sau, chiếc máy bay riêng của Đại Tướng Cao Văn Viên bay trở lại Sông Mao. Lần này thay vì hai anh Quân Cảnh, thì chở theo hai sĩ quan Nhảy Dù để đón Trung Tá Đào Văn Hùng về lại Sư Đoàn Dù. Nhưng chỉ sau đó một thời gian, (chính Trung Tá Thịnh cho biết), ông bị ra khỏi binh chủng, về một đơn vị Bộ Binh, rồi bị tai nạn xe hơi nên mù mắt và ngã bệnh đến gần như mất trí nhớ.

Sau này, bọn tôi được biết Trung tá Đào Văn Hùng cũng là một người rất đặc biệt đã tạo nhiều giai thoại trong binh chủng Nhảy Dù. Ông là sĩ quan lớn tuổi và rất thâm niên trong Nhảy Dù, thường thích nhận mình là “Cai Hùng”, như niềm hãnh diện về một thời trai trẻ khi còn là một anh hạ sĩ trong lực lượng nhảy dù Pháp, và người ta đặt thêm cho ông cái tên “Hùng Gà” vì ông rất mê đá gà. Những năm giữa thập niên 1960, ông đã từng là Lữ Đoàn Trưởng có tiếng của Nhảy Dù.

Thời Trung Tá Nguyễn Bá Thịnh làm trung đoàn trưởng, Tướng Trương Quang Ân là Tư Lệnh Sư Đoàn. Có lẽ vừa là niên đệ từ trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt lại vừa là đàn em trong binh chủng Nhảy Dù, nên ông rất kính nể và luôn đề cao Tướng Ân. Ngày 8.9.1968, khi Tướng Ân bị hy sinh cùng phu nhân trong một tai nạn phi cơ ở Đức Lập, BCH Trung Đoàn đang đóng ở Cà Ná, chỉ huy cuộc hành quân trong vùng ranh giới hai tỉnh Ninh Thuận- Bình Thuận. Khi nghe tin, Trung Tá Thịnh bật khóc và than thở tiếc nuối một vị tướng tài – chuyện rất hiếm hoi đối với một mẫu người cứng cỏi như ông. Thấy vậy, tôi an ủi:

- Thôi, trung tá đừng buồn tiếc nữa. Một con én đâu có làm được một mùa Xuân!

Ông tròn mắt, nhìn tôi, quát:

- Màý ngu thế! Ít ra trong mùa Xuân cũng còn có được một con én chứ!

Cả bọn chúng tôi bụm miệng cười. Lần đầu tiên nghe ông nói một câu văn hoa như thế!

Nhờ mắng tôi, nên ông hét khóc. Ông rủ tôi và anh trung tá cố vấn Mỹ, gọi mấy chú lính hộ tống, theo ông ra bờ biển phía trước, bên một ghềnh đá, mà ông bảo là vô số cá đang tập trung trú ẩn ở đó. Anh cố vấn Mỹ không tin và hỏi xin ông cho đích thân anh ném thử một trái lựu đạn. Ông lưỡng lự rồi gật đầu. Có lẽ đây là một quyết định ngoại lệ so với bản tính nghiêm khắc cố hữu của ông. Và quả đúng như ông nói, đám lính và cả anh trung tá Mỹ lặn xuống bắt cả mấy trăm ký cá mang về. Sau khi chia cho các tiểu đoàn, ông đích thân chỉ huy làm mấy món cá đãi cả BCH Trung Đoàn, Toán Cố Vấn Mỹ và Đại Đội Trinh Sát.

Sau ngày Tướng Trương Quang Ân mất, ông tỏ ra chán nản. Ông được Tướng Đỗ Cao Trí kéo về Quân Đoàn III/ Vùng 3 Chiến Thuật và dự định đề cử giữ chức tỉnh trưởng nào đó. Ông cho bọn tôi biết rồi bảo:

- Tớ có nhiều chữ nghĩa gì đâu mà làm quận với tỉnh. Đi lính là để đánh giặc. Trường Võ Bị có dạy ai đi làm tỉnh trưởng đâu. Tớ vẫn thích nắm trung đoàn.

Hôm rời Trung Đoàn, ông cũng chỉ vác theo một cái “xác ma-ranh” như hồi ông đến. Tất cả chúng tôi thật cảm động và tiếc nuối khi phải chia tay ông. Một cấp chỉ huy thanh liêm, bình dân, gan dạ. Khi bắt tay tôi, ông khen “chú mày khá lắm” và rom róm nước mắt. Trước đây, không ai nghĩ một người cứng rắn, đánh thép như ông lại giàu tình cảm với đàn em, thuộc cấp mà ông đã giấu kỹ trong lòng.

Sau đó, ông về làm Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 52, thuộc Sư Đoàn 18BB. Không biết ở đơn vị mới này ông có thay đổi ít nhiều gì không. Tôi chỉ còn nhớ, có lần báo Sóng Thần “đánh” Tướng Trí về một vụ gì đó. Ông lên tiếng hét mình bệnh vực và ca ngợi Tướng Trí, bị báo chí mỉa mai gọi ông là “Chuẩn Đại Tá”. Ông chửi thẳng thừng:

- Đám báo chí này bỏ láo! Chẳng biết tí gì về Tướng Trí, chỉ giỏi nằm nhà khoác lác! Với Tướng Trí thì đừng có giỡn mặt!

Mới biết ông, ai cũng nhìn thấy ở ông sự cứng cỏi, nghiêm khắc, nhưng khi đã thân tình mới biết là ông cũng rất vui, thích đùa cợt. Có lần anh Hoàng Văn An (Khóa 20VB) kể lại:

- Năm 1970, An đang làm việc tại Sài Gòn, được Trung Tá Thịnh cho vợ chồng anh được xử dụng căn cư xá của ông nằm trong Trại Đào Bá Phước, vì đơn vị của anh trú đóng gần nơi này. Một hôm Trung Tá Thịnh đến thăm và rủ An đến thăm Tướng Đỗ Cao Trí và ông cụ Đỗ Cao Lụa, thân phụ của Tướng Trí. Ông cụ quý mến Trung Tá Thịnh như là em út trong nhà.

Trên đường đi, Trung Tá Thịnh cười, bảo anh An:

- Hôm nay chú mày sẽ được Tướng Trí rót rượu mời đấy!

Biết tính ông anh rể của mình ưa đùa, anh An chỉ cười. Khi bước vào nhà Tướng Trí, chỉ có Cụ Lụa đón chào vui vẻ. Nói chuyện một chặp, Tướng Trí về với đầy đủ quân phục và cấp bậc 3 sao trên cô áo. Tướng Trí vừa chào ông cụ và hai người khách, ông cụ bảo:

- Trí! Mày đi rót mấy ly rượu mang đến đây.

Tướng Trí là một đứa con chí hiếu và lễ phép. Rót 3 ly rượu whisky mang đến mời ông cụ cùng cả Trung Tá Thịnh và anh An. An mặc thường phục và được Trung Tá Thịnh giới thiệu là em vợ. Anh An bắt tay Tướng Trí mà thấy “run” trong lòng.

Trên đường về, ông bảo An:

- Chú mày thấy tao nói có đúng không? Quan ba mà được Tướng Trí bung rượu mời, sướng nhé!

Một lần, nhân dịp anh cố vấn trưởng bay vào Sài Gòn họp, chúng tôi theo trực thăng đáp xuống thăm ông ở Đồi Phụng Vũ (Doanh Trại Trung Đoàn 52) sau khi ông vừa trở về từ chiến trường Cam Bốt. Ông mời bọn tôi uống rượu, khoe đây là loại rượu đặc biệt, hảo hạng, có tiền không mua được. Ông kể lại chuyện ông chỉ huy Chiến Đoàn 52, sang hành quân

“giải tỏa” Kampong Chàm. Thành phố sầm uất thứ nhì của Cam Bốt sau Nam Vang.

Khi chiến dịch kết thúc thắng lợi, ông được ông In Tam, thị trưởng (sau này có thời là Thủ Tướng của Cam Bốt) làm lễ đón tiếp ông long trọng như một vị anh hùng. Ông được mời vào dinh thết đãi, trước một đội vũ công toàn là những cô con gái đẹp. Ông thị trưởng In Tam bảo nhỏ, ông thích cô nào cứ chọn, ông nghiêm mặt lắc đầu. Ông thị trưởng cho cận vệ mang đến cho ông một xách Samsonite chứa đầy tiền. Ông bảo ông là một cấp chỉ huy của Quân đội VNCH thi hành nhiệm vụ, chứ không phải lính đánh thuê. Cuối cùng để làm vui lòng ông thị trưởng, ông theo xuống hầm rượu và lấy 6 chai rượu hảo hạng.

Ông kể lại rồi cười:

- Thấy gái đẹp và tiền từ trên trời rơi xuống thẳng nào chả ham, nhưng lỡ đã đóng vai anh hùng rồi mà đưa tay lấy thì còn ra thể thống gì!

Bọn tôi chọc ông, bảo là “Chef hơi quân tử tàu! Cứ xách cả hai thứ về đây thì bây giờ thầy trò mình lên hương và khảm khá rồi!” Ông vỗ đùi cười. Lúc này trông ông thấy hiền khô.

Ngày 23.2.1971 nghe tin Tướng Đỗ Cao Trí tử nạn, chúng tôi chặc chấn Trung Tá Thịnh buồn lắm. Không biết ông có khóc và tiếc thương như lúc ông nghe tin Tướng Trương Quang Ân hy sinh gần ba năm trước?

Vào đầu tháng 4.1972, tôi nghe tin ông chỉ huy Chiến Đoàn 52 (-) chỉ có 2 tiểu đoàn và đại đội Trinh Sát, đã rất khôn khéo và dũng cảm điều động phản công một cuộc phục kích qui mô của hơn hai trung đoàn địch tại khu vực Cần Lê (15 cây số Bắc An Lộc). Một cuộc phản công đẫm máu kéo dài gần bốn ngày trên một tuyến phục kích dài hơn ba cây số, mà địch chiếm hoàn toàn ưu thế về cả quân số cũng như địa thế. Cuối cùng Chiến Đoàn của ông đã gây tổn thất nặng nề cho địch và vượt khỏi vòng vây. Vị Trung Tá Cố Vấn Mỹ, tuy bị thương, nhưng không chịu tử nạn, ở lại bên cạnh Trung

Tá Thịnh, cùng chiến đấu và yểm trợ hết mình. Trên nhiều báo chí, có bình luận về chiến công này và đã dành cho ông nhiều lời khen ngợi:

“Trung Tá Nguyễn Bá Thịnh, gốc Nhảy Dù, là cấp chỉ huy tài giỏi, biết linh hoạt ứng phó trong mọi hoàn cảnh và trạng huống, về kỹ thuật lãnh đạo chỉ huy, ông rất được lòng các cấp dưới quyền và toàn thể các Cố vấn Mỹ thật tình kính nể mến thương. Trung Tá Walter D. Ginger, Cố Vấn Trưởng, dù đã bị thương, nhưng từ chối tản thương, vẫn tình nguyện ở lại sống chết với Trung Tá Thịnh cùng đơn vị bạn đồng minh của mình.”

Tháng 6.1972 ông được đặc cách thăng cấp đại tá và sau đó một thời gian nhận lệnh chuyển về Trường Võ Bị Đà Lạt để làm Tham Mưu Trưởng. Đến cuối năm 1973, ông lại nhận lệnh chuyển về Trường Chỉ Huy Tham Mưu đảm trách chức vụ Trưởng Khôi Giám Sát Các Lớp. Khi ấy, trường vừa ổn định sau khi từ Đà Lạt chuyển về Long Bình để tiếp nhận một khu doanh trại rất khang trang của Quân Đội Hoa Kỳ giao lại.

Đầu năm 1974, nhân dịp theo học một khóa tham mưu tại Huân Khu Long Thành, tôi đến thăm ông, và bất ngờ gặp thêm một ông trung đoàn trưởng cũ khác nữa, Đại Tá Trần Quang Tiến. Hai ông ở chung trong một cái bunker (rất đẹp và đầy đủ phương tiện của một sĩ quan cao cấp Mỹ để lại). Ông nhất định tự tay làm cơm đãi tôi. Tôi ái ngại, xin phụ một tay, nhưng ông nghiêm mặt trợn mắt nhìn tôi:

- Màylà khách của chúng tao. Chớ có lộn xộn.

Ông bảo Đại Tá Tiến nấu cơm và hái rau (do ông trồng), rồi rủ tôi mang cái vợt đi theo ông ra mấy trụ đèn điện phía trước để bắt con cà cuống. Ông bảo:

- Món này mà thiếu mấy giọt cà cuống là vớt đi!

Lúc nào cũng vậy, ông hãnh diện về cái tài nấu nướng còn hơn cả tài đánh giặc và chỉ huy đơn vị của ông.

Đúng là thức ăn ông nấu rất ngon, nhưng ngồi ăn với hai ông Thầy cũ tôi không thoải mái lắm. Nhớ tới ngày xưa, khi ông còn ở Trung Đoàn, mỗi lần được ông mời ăn cơm là bọn tôi cảm thấy như... hết đời!

Ông dặn tôi, cứ cuối tuần lại ở đây chơi với ông. Có hôm ông còn dắt tôi đến chào Tướng Phan Trọng Chinh, Chỉ Huy Trưởng. Đó cũng là lần duy nhất tôi được gặp vị Tướng nổi danh này. Cùng gốc Nhảy Dù, nên Tướng Chinh có vẻ rất thân thiện và quý mến ông.

Một thời gian, sau khi tôi rời khỏi Long Thành trở về đơn vị, thì ông cũng đi lãnh một trách nhiệm mới: Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Vạn Kiếp.

Năm 2003, nhân dịp từ Bắc Âu sang Cali thăm mấy đứa con đang theo học ở đây, tôi rủ vài thằng bạn cùng đơn vị cũ đến thăm ông. Ông vui lắm. Bây giờ tuổi đã khá cao, người ông trông càng nhỏ lại, nhưng tiếng nói vẫn đanh thép, đôi mắt vẫn sáng quắc, nhanh nhẹn như xưa. Và đặc biệt với phu nhân, ông vẫn tỏ ra uy quyền như lúc trước. Ông gọi bà từ nhà sau lên chào chúng tôi, rồi bảo:

- Bà xuống lo mấy cái mâm nhang đèn, chút nữa đi lễ chùa, để bọn tôi nói chuyện!

Vốn đã nghèo, sang Mỹ ông càng trắng tay. Dù khá lớn tuổi ông vẫn đi làm cho đến khi về hưu. Cũng như ngày xưa khi còn trong lính, bây giờ dù với những công việc rất tầm thường nhưng ông luôn vui vẻ và tận tụy làm tròn trách nhiệm. Với bất cứ ai ông cũng tỏ ra rất tư cách. Hầu hết đồng nghiệp trong sở nghe nói ngày xưa ông từng là đại tá chỉ huy một trung đoàn tác chiến, họ rất nể trọng.

Ông bảo bây giờ ông bà ăn chay. Ông còn mời chúng tôi ngày mai trở lại ông sẽ tự tay nấu mấy món chay đãi bọn tôi. Bọn tôi tin là ông nấu rất ngon, nhưng thấy tội nghiệp ông, nên tìm cách chối từ. Chia tay ông, lòng chúng tôi thấy thật buồn và có chút xót xa, thương cho một con người hiền gần cả một

đòi cho quân đội, tạo biết bao chiến công và bao lần sống chết với đất nước, để rồi về già vẫn phải vất vả với kiếp tha hương.

Không ngờ đó là lần cuối cùng tôi gặp ông. Ông qua đời sau đó vài tháng, ngày 16.05.2003.

Thời chỉ huy đơn vị chúng tôi, ông là một vị Trung Đoàn Trưởng tốt. Cương trực, liêm khiết, công minh, làm việc hết mình. Ông xem đơn vị như là nhà mình và đảm sĩ quan như là em út trong gia đình. Lâu lâu ông trợn mắt, hò hét la rầy, nhưng rất thương yêu và không hề phạt thuộc cấp. Điều đáng nhớ nhất, là ông để lại cho chúng tôi rất nhiều giai thoại, đề bây giờ, mỗi lần có dịp gặp nhau, nhớ tới ông bọn tôi thường kể lại như là những kỷ niệm vui, và cũng thật dễ thương của một thời binh nghiệp.

Nhớ hôm lễ nhậm chức, sau khi tự nhận binh nghiệp của mình đi lên từ cấp bậc “binh ba”, ông bảo:

- “Các anh nên hãnh diện đang có một người chỉ huy như thế!”

- Thưa vâng! Chúng tôi rất vui và cũng rất hãnh diện đã từng có một ông Thầy như thế.



VÕ BỊ MỘT NGÀY VÕ BỊ MỘT ĐỜI

Nguyễn Đức Thu, K16

Thế là đúng 50 năm qua đi kể từ mùa Thu năm 1971 khi tôi đến thăm Thủ Đô Hoa Kỳ sau lễ mãn khóa tu nghiệp Hải Quân. Nói đúng ra là chỉ 4 năm sau, năm 1975, tôi đã trở lại để nhận nơi này làm quê hương. Chắc hẳn phải có một lý do hay động lực nào đó đã ràng buộc tôi với nơi đây lâu dài như vậy, Trời lại bắt đầu sang Thu, mùa Thu năm 2021 tại Hoa Thịnh Đốn. Mùa Thu ở vùng Hoa Thịnh Đốn đẹp đẽ kiêu sa, đẹp rực rỡ đã lôi cuốn biết bao triệu người trên thế giới.

Nói như một du khách nào đó, đại khái là:

“...nếu bạn đã có một thời ngắm ngơ trước vẻ thơ mộng của con sông Avon ở Christchurch, England ngày nào, chắc bạn sẽ thích giòng sông Potomac. Giòng nước này chảy vòng quanh và xuyên qua Hoa Thịnh Đốn.

Phải ngồi trên du thuyền Odyssey lững lờ trên sông Potomac, tai nghe ban nhạc đại hòa tấu Washington hòa nhạc Mozart và Beethoven sống, mắt ngắm cảnh thành phố lúc chiều xuống, mới biết thế nào là thiên đàng hạ giới! Ở chỗ khác, nước sông chảy trũng mạnh xuống qua những tảng đá lớn thành những giòng thác hùng vĩ không khác gì những thác

nước nổi tiếng của Đà Lạt, ở cao nguyên Việt Nam.

Đà Lạt và Hoa Thịnh Đốn còn có chung một thứ đáng kể nữa là hoa anh đào. Lời bản nhạc ca ngợi Đà Lạt, “Ai lên xứ anh đào, đừng quên mang về một cành hoa...” có vẻ cũng thích hợp cho Hoa Thịnh Đốn vào tháng Tư mỗi năm.



Còn nếu bạn muốn ngồi uống cà phê, nhìn “dập dìu tài tử, giai nhân” ở hè đường vào chiều hay tối như ở Paris hay Sài Gòn, hãy đến khu Đại Học Georgetown, trung tâm sinh hoạt về đêm của Hoa Thịnh Đốn. Cuộc vui về đêm ở đây hấp dẫn đến độ một du khách, chỉ sau hai, ba lần đi chơi thử, đã khẩn gởi dọn luôn vào Georgetown ở, để tiện lợi thường trực tại chỗ, cả đêm lẫn ngày!

Thật đúng như vậy, Hoa Thịnh Đốn là Thủ Đô của Hoa Kỳ, được thành lập vào ngày 16 tháng 7 năm 1790, có tên là Washington, DC. Thành phố nằm rất thơ mộng bên bờ sông Potomac, có ranh giới với Tiểu Bang Virginia ở phía Tây Nam và Tiểu bang Maryland ở các phía còn lại. Washington DC là đô thành và là đô thị lớn thứ 8 tại Hoa Kỳ.

Từ tháng 6 năm 1975, một số rất nhỏ những người Việt tỵ nạn đến vùng Thủ Đô, trong đó có một vài CSVSQ và gia đình bắt đầu cuộc sống mới tại hai Tiểu bang Virginia và Maryland. Như các CSVSQ Đặng Sĩ (K7), Lê Văn Trang (K10), Trần

Dương (K10), Dương BìnhTuân (K11), Lâm Duy Tiên (K12), Nguyễn Ngọc Thạch (K14), Nguyễn Công Hiến, Cao Chánh Cương (K15), Nguyễn Đức Thu, Trần Khắc Thuyên, Trần Phát Đạt (K16), Nguyễn Nhật Tiến, Hoàng Trường Việt (K17), Trần Văn Thế (K19), Trương Văn Út (K22)... Sau đó, có nhiều Huynh Đệ khác tiếp tục đến định cư tại thủ phủ này.

Khó khăn lúc đầu rất lớn vì không có hệ thống truyền thông trên mạng. Muốn hội tụ anh em là cần phải có thời gian, có cơ hội gặp nhau để nhận diện nhau. Tuy nhiên, cuộc sống mới đầy gian truân và vất vả, khiến không ai nghĩ ngay đến chuyện này. Ngày 20 tháng 1 năm 1981, Thống Đốc Tiểu Bang California là ông Ronald Reagan, trở thành Tổng Thống Hoa Kỳ. Đây là cơ hội quý báu cho làn sóng tỵ nạn sau này được nhập cảnh Hoa Kỳ. Ưu tư đặc biệt của Tổng Thống Reagan và cũng là vị ân nhân của những tù nhân, đã giúp biết bao người trong các trại tù “cải tạo” được thở không khí tự do. Trong đó có rất nhiều Huynh Đệ của chúng ta...

Ngày 1 tháng 7 năm 1982, một viên chức Bộ Ngoại giao tuyên bố rằng:

- “Chính quyền Reagan đang làm việc với Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc để xác định xem Việt Nam có thực sự chuẩn bị thả những người bị giam cầm trong các trại “cải tạo” để họ đi định cư tại các nước tự do hay không?”

Đầu năm 1984, có tin vui chính thức là các cựu tù nhân chính trị có thể gửi đơn thẳng qua Tòa Đại Sứ Mỹ tại Thái Lan để được đoàn tụ hoặc xuất cảnh đến Hoa Kỳ. Đây quả thật là một nguồn tin làm phấn khởi mọi người tỵ nạn lúc đó. Mùa Xuân năm 1984, tôi đã đến nhà của một số Huynh Đệ để bàn luận là làm thế nào để có thể thành lập một Hội Ái hữu CSVSQ/ TVBQGVN tại Hoa Thịnh Đốn và vùng phụ cận để giúp đỡ nhau, giúp các Huynh Đệ đến sau, và những Huynh Đệ còn trong các trại tù cải tạo của Cộng Sản.

Mặc dầu chúng tôi biết có một số CSVSQ sống trong vùng,

tuy nhiên việc tìm kiếm họ rất khó khăn. May mắn thay, mùa Hè năm 1984, tôi gặp CSVSQ Trần Toán Em (K17) và được Anh Chị Em hỗ trợ hết mình trong vấn đề tìm kiếm các CSVSQ. Sau đó có các CSVSQ Trần Khắc Thuyên (K16), Trần Văn Thế (K19), Lê Văn Trang (K10), Lâm Duy Tiên (K12), Nguyễn Ngọc Thạch (K1)... Các Vị này cùng các phu nhân đã hết lòng khuyến khích tôi nên thành lập ngay Chi Hội Ái Hữu Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn và các tiểu bang phụ cận. Sở dĩ gọi là Chi Hội, vì lúc đó không có Tổng Hội mà chỉ có duy nhất một Hội Ái hữu CSVSQ/ TVBQGVN tại hải ngoại do Niên Trưởng Lâm Quang Thi điều hành.

Trung Tâm Eden tại thành phố Falls Church, Virginia cạnh ranh giới Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn hồi đó chưa thành hình và có tên cũ là Plaza Seven Shopping Center, nằm ở Ngã Bảy (Seven Corners) đầu đại lộ Wilson Blvd. Trung tâm này đã bị người Mỹ bỏ phế. Đầu năm 1984 được một luật sư và tổ hợp thuê lại, 20 căn đang được sửa sang, trong đó họ đã dành một căn cho các Huynh Đệ của chúng ta dùng làm nơi họp mặt tạm thời.

Từ đó, vào mỗi đầu tháng, CSVSQ Lâm Duy Tiên K12, Nguyễn Đức Thu K16, Trần Khắc Thuyên K16, Trần Toán Em K17, Hoàng Trường Việt K17, Trần Văn Thế K19 và một số các Huynh Đệ khác thường đến gặp nhau tại đây. Sau này, từng ngày, từng tuần, từng tháng, chúng tôi cũng đã dần dần tìm lại được các anh em “thất lạc”, hay mới đến định cư từ các trại tỵ nạn. Việc âm thực thường được các phu nhân cung cấp. Càng ngày càng có nhiều CSVSQ tham dự.

Mùa Xuân năm 1985, hầu hết các Huynh Đệ đã đến với nhau, không những chỉ để đón Xuân, nhưng để làm hai việc quan trọng:

- Bầu vị chi hội trưởng đầu tiên của Chi Hội Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. CSVSQ Lâm Duy Tiên (K12) do CSVSQ Nguyễn Đức Thu K16 đề cử và được đại đa số đồng ý. Các CSVSQ

Nguyễn Đức Thu đảm nhiệm chức vụ Tổng Thư Ký, Trần Văn Thế K19, Trưởng Ban Truyền Thông & Báo Chí. Chỉ trong vòng một tháng sau, bản tin Tự Thắng được ra đời, được phổ biến rộng rãi trên toàn quốc và các trại tỵ nạn. Vì thế đã có rất nhiều Huynh Đệ mới nhập vùng tìm đến. Mỗi CSVSQ mới đến đều được đón tiếp nhiệt tình với chút quà bằng hiện kim do những Huynh Đệ hội viên tình nguyện đóng góp. Những buổi tiệc mừng đón này, thường được tổ chức tại tư gia của NT Lâm Duy Tiên, tân Chi Hội Trưởng.

- Tham dự Lễ Thượng Quốc Kỳ VNCH lần đầu tiên tại Trung Tâm Người Việt EDEN CENTER, danh xưng mới thay thế tên cũ Plaza Seven Shopping Center. Từ đó Quốc Kỳ VNCH được tung bay ngày đêm trên bầu trời Falls Church, Virginia.

Năm 1986, Ban Chấp Hành Chi Hội (CSVSQ Lâm Duy Tiên, Nguyễn Đức Thu, Trần Khắc Thuyên, Hoàng Trường Việt) đã đến tham dự Đại Hội Hội Ái hữu CSVSQ/ TVBQGVN toàn quốc tại Bắc California. Đại hội quyết định nâng Hội Ái Hữu lên hàng Tổng Hội, do NT Bùi Đình Đạm điều hành của, thay thế NT Lâm Quang Thi, với danh xưng mới: Chủ Tịch Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN. Chi Hội Ái Hữu Hoa Thịnh Đón cũng được đổi danh là Hội CSVSQ/ TVBQGVN Hoa Thịnh Đón & Phụ Cận.

Trong giai đoạn phôi thai 2 năm đầu, Hội chỉ có khả năng sinh hoạt như là một hội ái hữu. Nhưng đầu năm 1987, Hội bắt đầu hỗ trợ những công việc đúng và khẩn thiết cho các hội đoàn bạn, như Nghị Hội Người Việt, Hội Nhân Quyền cho Việt Nam, Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị và một số hội đoàn Quân Bình Chung mới thành lập.

Ngày 30 tháng tư năm 1987, Ban Chấp Hành Hội CSVSQ/ TVBQGVN HTĐ đã đến tham dự một buổi tiếp tân rất quan trọng tại phòng khánh tiết của Thượng Viện Hoa Kỳ tại điện Capitol, Washington DC. Bồi tiếp tân này nhằm xúc tiến dự

luật do Bộ Ngoại Giao của Tổng Thống Reagan, đề nghị từ năm 1982, yêu cầu Quốc hội chấp thuận cho tất cả cựu tù nhân “cải tạo” đến Hoa Kỳ định cư (khoảng trên 100,000 người).

Các thượng nghị sĩ và dân biểu của Lưỡng Viện Hoa Kỳ tham dự rất đông. Thành phần người Việt chỉ gồm các đại diện các hội đoàn. Ông Nguyễn Ngọc Bích trong vai trò MC, bà Khúc Minh Thơ, Trưởng Ban Tiếp Tân. Phái đoàn của Chi hội CSVSQ/ TVBQGVN gồm có: CSVSQ Lâm Duy Tiên (K12), Nguyễn Đức Thu, Trần Khắc Thuyền (K16), Trần Văn Thế (K19) và các phu nhân. Các phu nhân Võ Bị trong đồng phục áo dài vàng đã làm cho buổi tiếp tân thêm phần đẹp mắt và trang trọng. Thượng Nghị Sĩ Edward Kennedy và TNS Bob Dole là hai ứng cử viên Tổng Thống sáng giá của hai đảng Cộng Hòa & Dân Chủ hồi đó, cũng đã đến tham dự từ đầu.

Trong phần mạn đàm, CSVSQ Nguyễn Đức Thu cũng đã hỏi TNS Kennedy có xem bản tin năm 1984 của các phóng viên Đài Truyền Hình Hoa Kỳ, phỏng vấn một cựu sĩ quan (CSVSQ Lê Hữu Cương, K16, cựu Quận Trưởng Quận Củ Chi). CSVSQ Lê Hữu Cương là người tù độc cước trong trại giam Z30D Hàm Tân. Ông đã trả lời toàn bộ cuộc phỏng vấn bằng tiếng Anh, yêu cầu Tổng thống Reagan can thiệp, giải thoát và trả tự do cho các tù nhân trong các trại tù “cải tạo”. Không lường lự, Thượng Nghị Sĩ Kennedy mỉm cười gật đầu. Trước khi bắt tay từ giã, ông đã nói như một lời hứa hẹn:

- I'll do my best. (Tôi sẽ làm những gì tốt đẹp nhất.)

Như một sự tình cờ, nghị quyết S.RES.205 đã ra đời vào đầu tháng 5, 1987. Title: “A resolution calling for the release of political prisoners by the Government of Vietnam.” Nghị quyết này được 6 thượng nghị sĩ bảo trợ trong đó có các Thượng Nghị Sĩ Bob Dole và Edward Kennedy. Ba tuần sau đó, ngày 26 tháng 5 năm 1987, một nghị quyết tương tự khác mang số H.RES.212 do Dân Biểu Bob Dornan và 58 dân biểu khác bảo trợ. Title: “Resolution concerning the release of political

prisoners by the Government of Vietnam” cũng được đệ nạp đến lưỡng viện Quốc Hội.

Trong thời gian này, đã có rất nhiều các Huynh Đệ đến với Hội, từ Khóa 2 đến Khóa 30. Cũng có các niên trưởng cao niên, đã thường xuyên tham dự với Hội như các NT Võ Đại Khôi, Lữ Lan K3. Sau này có NT Huỳnh Văn Cao K2. Đặc biệt các NT Lữ Lan, Nguyễn Văn Y (K3), Đặng Sĩ (K7) và các phu nhân hầu như ít khi vắng mặt trong những sinh hoạt của Hội.

Các NT trên, cũng như NT Lâm Duy Tiên (K12) thực sự đã đem lại cho anh em hình ảnh gương mẫu và tình Huynh Đệ, sự tương kính và rất đoàn kết. Ngoài ra còn có sự khuyến khích và tham dự của các NT Trần Đình Thọ (K6), Phạm Ngọc Thiệp (K7), Trương Như Phùng, Đào Mộng Xuân (K8), Chu Xuân Viên, Trần Dương (K10), Dương Bình Tuân (K11), Nguyễn Ngọc Thạch, Lê Văn Trọng, Tôn Thất Hoàng (K14), Cao Chánh Cương, Nguyễn Hữu Công, Nguyễn Thành Khiết, Nguyễn Công Hiến, Cao Văn Kiêm, Trương Đình Quý (K15).

Kể từ K16 về sau, đã có những Huynh Đệ đến sinh hoạt với Hội.

K16 gồm Trần Ngọc Toàn, Phạm Kim Đan, Trần Phát Đạt, Nguyễn Hưng, Trần Châu Rết, Hồ Trang, Trần Khắc Thuyền, Lê Văn Ánh, Hoàng Văn Chung, Nguyễn Thanh Xuân, sau này có thêm Nguyễn Văn Thuận, Nguyễn Xuân Thắng, Trần Ngọc Lượng, Nguyễn Thiệu.

Khóa 17 gồm Huỳnh Châu Báo, Trần Toán Em, Ngô Nhơn, Nguyễn Văn Thịnh, Trần Văn Thuận, Nguyễn Nhật Tiến, Hoàng Trường Việt.

Khóa 18 gồm Trần Văn Cẩn, Nguyễn Chánh Dật, Trần Ngọc Huế, Nguyễn Thanh Liên, Lại Đình Đán từ Lancaster, Pennsylvania.

Khóa 19 gồm Tôn Thất Ban, Trần Thanh Huyền, Phạm Như Đalac, Trần Thiện Đấu, Phạm Đình Long, Nguyễn Văn

Tâm, Trần Văn Thế, Cao Văn Tinh.

Khóa 20 gồm Nguyễn Gia Hân, Phạm Văn Mai, Võ Nhân.

Khóa 21 gồm Trần Quang Duật, Nguyễn Ngọc Tùng.

Khóa 22 gồm Trương Văn Út (Út Bạch Lan), Quách Vĩnh Hòa, Nguyễn Như Lâm, Trương Văn Minh, Mai Vĩnh Phú, Trần Văn Tâm, Đỗ Đức Thắng, Nguyễn Đình Thọ.

Khóa 23 gồm Nguyễn Văn Thế, sau này có Nguyễn Tiến Việt.

Khóa 24 gồm Vũ Xuân Đức, Cao Minh Tâm, Nguyễn Trọng Tường.

Khóa 25 gồm Nguyễn Huỳnh Kinh, Lưu Đức Tờ, Trần Ngọc Tý.

Khóa 26 gồm Huỳnh Bá Long, Huỳnh Văn Tốt.

Khóa 28 gồm Nguyễn Văn A, Trần Văn Lý, sau này có Trần Lương.

Khóa 29 gồm Nguyễn Duy Hoàng.

Khóa 30 gồm Trần Ngọc Lạc, sau này có thêm Nguyễn Minh Ngọc...

Điều hành hội trong 9 năm, NT Lâm Duy Tiên tuyệt đối và hầu như không để bất cứ điều gì có thể gây ra tranh cãi nhau. Thái độ tương kính rất truyền thống giữa các Niên trưởng và “Đàn Em” các khóa hầu như là điều kiện tiên quyết trong mọi sinh hoạt. Chính cái Truyền Thống cao đẹp này của Trường Mẹ và hào quang của những Anh Hùng xuất thân từ TVBQGVN, đã tạo nên lòng ngưỡng mộ và kính trọng của biết bao nhiêu người trong Cộng Đồng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, vào lúc đó.

Ngày 2 tháng 7 năm 1989, Hội trên đà lớn mạnh, đã đứng ra tổ chức Đại Hội Thường Niên tại Thủ Đô, với sự tham dự của trên 100 CSVSQ, đại diện 8 hội địa phương và 21 khóa trên toàn quốc.

Đại hội đã diễn ra trong một bầu không khí rất truyền thống

Huynh Đệ, hào hứng và nhiều lúc thật cảm động, vì sự đóng góp nhiệt tình của một số CSVSQ mới tới định cư tại vùng đất tự do tham dự đại hội lần đầu.

Dưới sự chủ tọa của NT Bùi Đình Đạm, Đại Hội đã biểu quyết chấp thuận mục tiêu thứ tư, hoàn toàn phù hợp với đường lối sinh hoạt chính của Hội CSVSQ Thủ Đô từ năm 1987:

“Tích cực tham gia vào việc vận động định cư cho đồng bào tại các trại tạm cư Đông Nam Á và bè bạn, còn bị giam cầm cũng như đã được trả tự do ở quê nhà.”



Đêm Lâm Viên 2019 - Hội Võ Bị Washington DC và Phụ Cận.

Lại như một sự tình cờ, vào cuối tháng 7 năm 1989, Chính Phủ Hoa Kỳ và Cộng Sản Việt Nam đã ký một thỏa hiệp để trên 3000 tù nhân “cải tạo” và gia đình sẽ được rời Việt Nam đến định cư tại Hoa Kỳ trước cuối năm 1989. Trong số 3000 nói trên, có rất nhiều Huynh Đệ của chúng ta. Sau đó hàng loạt tù nhân được thả và đa số đã đến định cư tại Hoa Kỳ.

Cũng trong năm này, để có sự tiếp tay mừng đón các Huynh Đệ nhập vùng, CSVSQ Nguyễn Đức Thu đã “tái định cư” được CSVSQ Hồ Trang (K16) từ Baltimore, Maryland đến Falls Church, Virginia. CSVSQ Hồ Trang và một số Huynh Đệ tình nguyện, đã làm việc hầu như không ngừng nghỉ ngoài giờ để giúp đỡ, cố vấn, chuyên chở, tìm việc cho các anh em

mới đến, cho đến ngày ông vĩnh viễn từ già cõi đời. Ông đã để lại biết bao thương tiếc trong tâm hồn của mọi người.

Cũng trong thời gian này, đã có nhiều buổi văn nghệ bỏ túi tại nhiều nơi khác nhau để giúp anh em tạm quên những nỗi lo buồn do các Huynh Đệ Hoàng Trường Việt (K17), Trương Văn Út (Út Bạch Lan, K22) và một số phu nhân tình nguyện tổ chức, trong đó chúng ta không thể quên được tiếng hát trầm, tình tự của chị Nguyễn Gia Hân K20, của lính dù Út Bạch Lan qua những tình khúc quê hương, đời lính đã làm âm lòng biết bao nhiêu CSVSQ vừa mới định cư.

Đã đến lúc phải vinh danh các Huynh Đệ đã bỏ mình vì Tổ Quốc, vinh danh Trường Mẹ với những ký ức buồn vui một thời, và để cho mọi người trong cộng đồng Thủ Đô hiểu rõ hơn về TVBQGVN. Một “Đêm Truyền Thống” đã được tổ chức trọng thể tại Trường Luật Khoa, Đại Học George Mason, Virginia vào ngày 16 tháng 11 năm 1991. Hầu hết các cựu Tướng Lãnh Hải Lục Không Quân, các Huynh Đệ thuộc 30 Khóa tại Thủ Đô và các tiểu bang phụ cận và gần 1000 quan khách đến tham dự.

Có thể nói đây là Đêm Truyền Thống đầu tiên với số người tham dự lớn nhất Hoa Thịnh Đốn. Niên Trưởng Trung Tướng Lữ Lan (K3) đã chủ tọa buổi lễ đặc biệt này.

Ban Tổ Chức bao gồm các CSVSQ Lâm Duy Tiên, Trương Ban Tổ Thức; Nguyễn Đức Thu, Điều Hành Tổng Quát; Hoàng Trường Việt, Trưởng Ban Văn Nghệ; Trần Văn Thế, Điều Khiển Chương Trình. Rất đông các phu nhân Võ Bị trong đồng phục áo dài vàng. Các ca sĩ đến từ nhiều thành phố lớn Miền Đông Hoa Kỳ.

Đặc biệt có sự đóng góp của nữ ca sĩ một thời nổi tiếng Thái Ninh Virginia, nữ ca sĩ của “Nhân quyền và tự do cho quê hương” Nguyệt Ánh, ái nữ của CSVSQ Nguyễn Văn Y (K3) cùng các bạn hữu. Đặc biệt có sự xuất hiện xuất hiện lần đầu của cô Lữ Anh Thư, thuộc thế hệ thứ hai, ái nữ của NT

Lữ Lan. Sau này cô đã trở thành một trong những người tiên phong trong chiến dịch dựng lại ngọn Cờ Vàng và một thời, là người đầu tàu của Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.

Đêm Truyền Thống TVBQGVN với nghi lễ chào cờ trang trọng, chưa từng thấy ở Thủ Đô, đã làm cho biết bao người rơi lệ. Tiếp theo lời chào mừng của NT Lâm Duy Tiên là CSVSQ Nguyễn Đức Thu đọc bài Tiểu Sử của TVBQGVN. Hầu như đây lần đầu tiên, đa số quan khách Thủ Đô được nghe về lịch sử của Ngôi Trường này, ngôi trường duy nhất Đông Nam Á, đào tạo Sĩ Quan Hải, Lục, Không Quân hiện dịch cho Quân Lực VNCH trước năm 1975.

Ngôi trường một thời nổi tiếng về *Truyền Thống Huynh Đệ, phương pháp huấn luyện, lãnh đạo chỉ huy, tinh thần sẵn sàng phục vụ và hy sinh cho Tổ Quốc.*

Bài tiểu sử cũng vinh danh một số những anh hùng của những anh hùng xuất thân từ Trường VBQGVN trong suốt cuộc chiến và sau này trong những trại lao tù. Từ đầu cho đến cuối, cử tọa gần 1000 người đã im lặng, hoàn toàn im lặng lắng nghe cho đến khi một tràng pháo tay nổi lên, thật lớn, thật lâu, có lẽ để thay lời cảm ơn và sự ngưỡng mộ.

Tiếp theo là những bản hùng ca do các phu nhân và các CSVSQ. Một số, trong những quân phục Hải Quân, Không Quân, TQLC, Nhảy Dù, Biệt Động Quân..., cùng hợp ca đã tạo nên những tràng pháo tay không dứt. Phần trình diễn của Nguyệt Ánh đã làm rung động trái tim người nghe khiến tất cả cùng đứng dậy và cùng hát theo cô. Những hoạt cảnh kế tiếp dưới sự đạo diễn của CSVSQ Hoàng Trường Việt (K17), những bài ca, tiếng nhạc và kết thúc bằng hoạt cảnh “Cờ Bay” đẹp và hùng tráng như chưa từng thấy đã làm mọi người cùng đứng lên, cùng thấy khắp hội trường, cờ vàng tung bay trên bức phong “Cờ Thành Quảng Trị”.

Đêm Truyền Thống đầu tiên tại Thủ Đô đã để lại tiếng vang rộng lớn khắp Vùng Thủ Đô và đã đem lại lòng hãnh diện cho

những người con xuất thân từ Trường Mẹ. Mỗi hai năm, Đêm Truyền Thống được tiếp tục, sau này đổi tên là Đêm Lâm Viên và được tổ chức hàng năm.

Thời gian cứ âm thầm trôi nhanh, những mùa Thu cũng qua mau không đợi không chờ. Một số CSVSQ đã rời Thủ Đô để định cư tại các tiểu bang khác. Một số CSVSQ đã vĩnh viễn ra đi, để lại bao nhiêu thương tiếc cho mọi người. Đời người của chúng ta cũng như lá vàng mùa Thu, một sáng một chiều nào đó cũng sẽ rơi rụng. Có những chiếc tan biến theo lòng đất, có những chiếc quện vào nhau trên rừng chiều thay lá đẹp muôn màu. Có những chiếc tạo nên âm thanh xào xạc dưới chân nai vàng ngơ ngác. Cũng có những chiếc lá vàng bay la đà rồi trôi lững lờ trên hồ Thu xanh đẹp, để cho người đời đưa vào thơ văn lãng mạn, vào nhạc tình ngàn đời không quên.

Một lần nữa mùa Thu đang đến. Hôm nay tôi trở lại hồ Tidal Basin Hoa Thịnh Đốn trên dòng sông Potomac này. Tự nhiên những ký ức đẹp của những mùa Thu trong những năm tháng theo học tại Trường Võ Bị lại hiện về. Nơi này và Hồ Xuân Hương Đà Lạt đều có vẻ đẹp mơ màng và thơ mộng giống nhau. Cảnh vật hầu như không thay đổi nhiều, nhưng thời gian thì thật sự đã đổi thay và tuổi già không đợi mà cứ đến.

Dù thời gian có làm chúng ta thật sự đổi thay thì lời thề non hẹn biển năm nao vẫn sẽ theo chúng ta mãi mãi.

“Chúng tôi không tìm an lạc dễ dàng, mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm.”

Hôm nay thử hỏi chúng ta còn lại được gì ngoài tình gia đình, tình thân hữu và may mắn thay, vẫn còn lại chút tình Huynh Đệ Võ Bị.

Với tôi, Võ Bị một ngày, vẫn là Võ Bị một đời.

Hoa Thịnh Đốn, sắp vào Thu 2021



VÀO LÍNH

Hồi ký của Lê Quốc Toản, K20

Năm hai mươi tuổi khi còn đang theo học ở trường Đại Học Huế, chúng tôi toán MGP, tôi và Trương Ngọc Toàn tự nhiên trở chúng không muốn học nữa. Chúng tôi muốn vào lính, và muốn gia nhập vào Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Có rất nhiều nguyên nhân, nhưng lý do chính là hai chúng tôi muốn góp phần cùng các chiến sĩ thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa tiêu diệt quân xâm lược Cộng Sản, do Hà Nội cầm đầu.

Tôi thì có thêm một lý do thâm kín khác. Tôi còn muốn vào Đà Lạt để được gần gũi cô láng giềng tôi yêu đang theo học tại trường Nữ Trung Học Bùi Thị Xuân ở trên đó. Đúng là nhất cử lưỡng tiện, vừa tròn việc nước vừa được việc nhà. Toàn hiểu ước vọng của tôi nên dục tôi làm đơn gia nhập trường Võ Bị không được chần chờ.

Toàn cũng trạc tuổi tôi nhưng tướng bậm trự lăm, ra vẻ nhà binh lăm. Chưa kể anh lại là con của một vị trung tá về hưu. Vì

thế, việc gia nhập trường Võ Bị của anh thật là quá thích hợp. Ở đời mọi việc đều do duyên mà ra. Nếu tôi không quen anh thì tôi chẳng biết mô tê gì về quân đội, nói chi đến ngôi trường Võ Bị, nơi đào tạo ra các sĩ quan tài ba chỉ huy ba quân đội lẫy lừng trên bốn Vùng Chiến Thuật một thời. Cho đến nay, tôi vẫn tin một niềm tin sâu sắc rằng nếu đồng minh không bội ước bỏ ta nửa chừng, thì cục diện ngày nay đã khác. Bên thua cuộc không phải là chúng ta, không phải là quân dân miền Nam Việt Nam!

Tôi quen Toàn ở một hoàn cảnh hy hữu, mà nói đúng hơn là cái duyên. Hồi đó, vào năm 1963, tôi và anh học tại Đại Học Huế, cùng học chứng chỉ toán MGP (Mathematique General and Physic). Biết tôi nhà nghèo từ quê lên tỉnh bươn chải để học hành, nên Toàn đã kéo tôi về nhà anh để giúp đỡ ăn ở. Khi gặp cả gia đình, tôi thấy mẹ anh rất nhân hậu và các em của anh chân tình y như anh nên tôi bớt ngại ngùng mà về tá túc với gia đình anh. Thành thử cái gì khởi đầu cũng tự chữ DUYÊN. Cái duyên gặp Toàn kéo theo cái duyên gia nhập Võ Bị Quốc Gia và kéo theo cái duyên sau này là cô hàng xóm trở thành bà xã của tôi, sau ngày tốt nghiệp Võ Bị.

Trước khi vào Đà Lạt trình diện quân trường, tôi về quê tôi ở chợ Sịa trước là nói lời từ biệt cha mẹ bà con thân yêu, sau là thăm lần cuối các cảnh cũ đã đi qua quãng đời thơ ấu của tôi. Đặc biệt, tôi đi thăm phá Tam Giang, nơi tôi đã vẫy vùng trên các làn sóng biển suốt ngày tháng Hè trong tuổi ấu thơ. Cũng cần nói rõ là con phá Tam Giang đã đi vào lịch sử của đất nước và thi ca, như là:

*“.....Thương em anh cũng muốn vô
(nhưng mà) Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang.”
Nhưng mà, anh ơi đừng lo, bởi vì:
“Phá Tam Giang ngày rày đã cạn
Truông nhà Hồ nội táng Tống-Nguyên.”*

Ai đã một lần ghé qua con phá thì suốt đời không quên,

dù kẻ đó là lũ khách đường xa, hay cả người lính chiến. Chắc chúng ta không quên ca khúc “Chiều Trên Phá Tam Giang” do Trần Thiện Thanh đã sáng tác, khi tình cờ một chiều hành quân ngang qua nơi này. Quê tôi quê nghèo thời đó, nhưng cảnh non nước hữu tình thì làm sao kể hết.

Hai hôm sau, tôi từ giã cha mẹ lên Huế chờ ngày trình diện quân trường. Trong lúc tiễn đưa, mọi người tỏ ra rất ngậm ngùi. Tôi linh cảm thấy rằng sau này tôi khó lòng gặp lại cha mẹ tôi. Ngay lúc này, binh lửa đã gieo rắc một vài nơi theo gót giày xâm lược của Cộng Sản Bắc Việt. Tôi như cảm thấy tương lai đất nước không mấy sáng sủa và trách nhiệm đang đè nặng trên vai của thế hệ trẻ chúng tôi.

Trở lại Huế, tôi nhân tiện sắp xếp thời gian đi thăm các ngôi trường tôi đã từng học qua, cũng như thăm các thầy và bạn bè một thời gắn bó thân quen. Ngôi trường đầu tiên tôi đến là trường Trung Học Công Lập Đệ Nhất Cấp Nguyễn Tri Phương. Đối với tôi, ngôi trường quá lớn, quá đẹp so với ngôi trường ở làng quê tôi với mái tranh vách đất. Phương pháp dạy dỗ ở hai nơi lại càng khác xa. Tôi nhớ đến thầy Tùng dạy Sử Địa, cụ Huy dạy Toán ở năm đầu tôi học lớp Đệ Thất.

Tôi nhớ đến người bạn Lê Huân, vì anh có hoàn cảnh giống tôi, cùng là con nhà nghèo từ quê lên tỉnh học, cùng dạy kèm để kiếm cơm ăn học. Tôi nhớ nhất là các sáng mùa Đông, hai đứa tôi (hồi đó rất nhỏ, khoảng 13, 14 tuổi) mang toi, đội nón từ Gia Hội lội bộ đến trường. Khi qua cầu Trường Tiền, gió mạnh quá khiến tôi phải gồng người cho khỏi té. Cái rét rét quá chừng như xát vào mặt, mà trong bụng lại đói meo vì làm nghề dạy kèm kiếm cơm chỉ được ăn hai bữa. Chúng tôi bước qua đoạn trường này gần ba năm trời. Hiểu nhau đồng cảnh ngộ nên hai đứa tôi thân nhau, mặc dầu chúng tôi mang hai cá tính khác nhau, như mặt trời mặt trăng. Tính tôi thì nguội, tánh Huân thì nóng như lửa đốt. Anh thích tôi vì tôi hay nói về văn chương. Vì thế, hễ khi nào anh nổi giận, mặt đỏ như gấc thì tôi vội lái câu chuyện sang làm bàn thơ văn. Lúc đó, anh dụ dằng

trở lại. Cũng vào một sáng mùa Đông năm ấy, năm chúng tôi học lớp Đệ Ngũ, bỗng nhiên tôi không còn gặp Huấn nữa. Anh đã bỏ học mà tôi chẳng hiểu vì lý do gì.

Mãi sau này, khi tôi đã trở thành một sinh viên sĩ quan của trường Võ Bị tôi mới biết được Huấn đã là niên trưởng của tôi. Anh đã tốt nghiệp Khóa 18, đang chiến đấu ở miền hòa tuyến. Lần theo đường binh nghiệp của Huấn, tôi được biết chỉ sáu năm sau ngày ra trường anh đã được phong chức thiếu tá, là một tiểu đoàn trưởng giỏi của Sư Đoàn 1 thiện chiến. Hai năm sau, anh được thăng chức trung đoàn trưởng. Anh giỏi binh thư lại can đảm chiến đấu, anh chỉ có tội tính nóng như Trương Phi thời Tam Quốc mà thôi. Huấn đã hy sinh tại Đường 9 Nam Lào, bỏ thân tại chiến địa. Tưởng nhớ đến lòng can trường, tận tụy phục vụ trong quân đội của anh, chính quyền địa phương đã đặt tên Lê Huấn cho một con đường tại Quảng Trị, trước năm 1975.

Ngôi trường tiếp theo tôi ghé thăm là trường Quốc Học. Khi tôi đang theo học thì trường được gọi là Trường Quốc Học Ngô Đình Diệm. Theo sử liệu lưu lại, trường do chính phủ thân Tổng Thống Diệm, là ông Ngô Đình Khả, xây dựng theo chiếu chỉ của vua Khải Định. Các học giả, các giáo sư, và các nhà yêu nước tiếng tăm như giáo sư Hoàng Xuân Hãn, Đào Duy Anh... đã theo học tại trường này. Năm 1962, tôi học Đệ Nhất B1. Dạy lớp này có giáo sư Hồng Dzũ Lưu dạy Toán, giáo sư Cao Hữu Hành dạy Pháp Văn, thầy Lê Khắc Phò dạy Sử Địa... Lớp tôi học có các bạn Nam Thi, Nghị, Thủy...

Nhưng người tôi ngưỡng mộ nhất chính là Đinh Thị Quý Hương. Khi chúng tôi cùng học tại Đại Học Huế, chúng chỉ MGP, chỉ mình Hương đậu trong một lớp có cả trăm sinh viên. Điểm đặc biệt là Hương đang mang bầu đứa con đầu lòng khi đang theo học. Các nam sinh, trong đó có tôi, nghĩ cũng mắc cỡ.

Chiều về, tôi rời trường đạp xe thẳng lên ga xe lửa Huế.

Qua những cái vẫy tay chào tạm biệt của người ở lại và kẻ ra đi, tôi không khỏi bồi hồi xúc động. Trước đây tôi có thói quen lên ga Huế nhìn những cảnh chia tay như thế này. Nhưng đây là lần cuối, vì mai một kia tôi cũng sẽ từ sân ga này đáp tàu đi xa, vào ngôi trường mới. Nơi tôi sắp đến khác với Nguyễn Tri Phương hay Quốc Học, vì nơi đây đích thực là ngôi trường đời đầu tiên của tôi khi bước vào tuổi thanh niên. Tôi sẽ được thụ huấn tại trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Chúng tôi sẽ là những quân nhân hiện dịch, chết sống vì quân đội, vì tổ quốc. Cũng có thể tôi sẽ gặp hồi kết hiên ngang như các đàn anh của tôi, như Lê Huân.

Ngày 20 tháng 10 năm 1963, tôi và Toàn cùng mười mấy anh em nữa trình diện Quân Vụ Thị Trấn Huế để đáp tàu lửa lên Đà Lạt. Khoang tàu của chúng tôi được một tiểu đội Địa Phương Quân tháp tùng bảo vệ. Tối đó, trong khi nằm trên tàu xe lửa, lòng tôi ngổn ngang suy nghĩ. Tôi nghĩ đến cha mẹ già yếu ở quê nhà, đến tương lai đời mình ngày mai sẽ ra sao? Cô hàng xóm mình yêu có còn chung thủy nữa hay không? Liệu mình có chịu đựng nổi ngày tháng dài tại thao trường đầy gian khổ? Đang miên man suy nghĩ, tôi dụi mình vì tiếng súng và tiếng la của các anh lính Địa Phương Quân,

- “Có địch xâm nhập. Hãy nằm im tại chỗ!”

Lần đầu tiên tôi nghe như vậy cũng làm tôi “ớn” thật. Nhưng may mắn không xảy ra chuyện gì, phút chốc mọi chuyện đã trở lại bình yên. Tôi ngủ thiếp đi. Không biết từ lúc nào sáng ra xe đã đến ga Phan Rang. Chúng tôi thức dậy và chuyển qua tàu khác có trang bị bánh sắt răng cưa để leo đồi, vượt núi lên Đà Lạt.

Khoảng bốn giờ chiều ngày 21/10/63, chúng tôi đến sân ga Đà Lạt. Tại đây cũng đã có sẵn mấy chục anh em từ địa phương khác nhập đoàn cùng chúng tôi để lên xe vào trình diện Trường Võ Bị. Đón chúng tôi là các sinh viên khóa trước chỉnh tề trong bộ lễ phục bốn túi, có chút uy nghi nhưng pha

lẫn tình thân ái. Trên đường tới trường, chúng tôi được đi qua một số danh lam thắng cảnh. Đến nơi đâu họ cũng vui vẻ giới thiệu. Tôi vừa cảm kích mà vừa phấn khởi quên cả hành trình vất vả hai ngày một đêm từ Huế vào nơi đây. Tôi chạnh nghĩ đến các anh Võ Bị này,

- “Cách đây một năm họ cũng giống như mình bây giờ.”

Mà sao chỉ qua một năm được trường huấn luyện, làm cách nào mà nay trông họ dày dặn, nghiêm trang lại vừa hoạt bát như vậy. Bất giác tự nhiên trong tôi lóe lên niềm kiêu hãnh. “Năm sau mình sẽ cũng giống các anh chàng Võ Bị này.” Nghĩ đến đó tôi lại vui trong dạ dù biết rằng phía trước con đường gian nan đang chờ. Tôi nhìn qua Toàn, anh mỉm cười. Chắc anh cũng nghĩ như tôi rằng con đường mình đang đi là đúng. Mai đây, mình sẽ trở thành người trai Võ Bị, một người lính trung kiên phục vụ Tổ Quốc.

Sau một vòng đi thăm vài danh lam thắng cảnh, như thác Pren và Hồ Xuân Hương, chúng tôi được đưa tới trường. Trước tiên họ cho chúng tôi ghé vào câu lạc bộ. Các sinh viên đàn anh vẫn nói cười thân thiện, nhưng lại dạn dỏ ăn uống ít thôi. Điều này làm tôi hơi tò mò. Khoảng nửa giờ sau, các sinh viên này bảo toán chúng tôi ra tập hợp hai hàng dọc trước sân cỏ, rồi bàn giao chúng tôi cho nhóm sinh viên khác. Nhóm này coi bộ “ngầu hơn”, mặc bộ quần áo kaki vàng gọn gàng và đầu đội nón nhựa. Chúng tôi được điểm danh kỹ trước khi tiến vào cổng trường Võ Bị. Đây là ranh giới giữa cái cũ và cái mới, giữa tự do và kỷ luật, giữa vô tư và trách nhiệm.

Vừa qua khỏi cổng trường các sinh viên đàn anh bắt đầu ra uy. Họ hò hét tung trời dục chúng tôi chạy bộ. Tôi tưởng họ chỉ “dõn” thôi, có ai thay đổi thái độ từ thân thiện qua cộc cằn nhanh như vậy. Nhưng sự thật là như vậy đó. Chiều hôm đó chúng tôi bị bắt chạy nhiều vòng, một vòng dài hàng trăm mét. Các sinh viên cán bộ, tức là các đàn anh đội nón nhựa, kèm chúng tôi vừa chạy, vừa la hét om sòm. Ai chạy không

kip thì bị phạt bỏ. Cả sân trường rộng mênh mông nay toàn kẻ bỏ, người lết vô cùng thê thảm.

Chúng tôi đưa nào trông cũng te tua. Chưa chùng có đưa ‘vãi’ trong quần (đùa thôi). Thảo nào khi còn ở trong câu lạc bộ, các sinh viên đàn anh dặn dò chúng tôi ăn uống ít thôi. Tối đến đoàn “tân binh” đưa nào cũng như cái mền rách, vừa mệt vừa hoang mang. Được đưa đi hớt tóc, nạo gần như trọc, tôi nghĩ trong đầu có lẽ trường muốn chúng tôi từ nay khi rờ trên đầu ý thức rằng mình là người lính, phải bỏ thói lè phè, cũng như các thầy tu khi rờ lên đầu mình ý thức mình là ông thầy tu phải giữ tam quy ngũ giới, chưa kể ít tóc thì ít vương trong lúc tập luyện ở thao trường.

Chúng tôi chịu đựng gian khổ như vậy suốt tám tuần “tân khóa sinh“, trước khi trở thành một sinh viên sĩ quan của trường Võ Bị Quốc Gia. Tất cả chúng tôi chẳng bao giờ than vãn về nỗi khổ nhục trong tám tuần sơ khởi này, bởi nhờ vậy chúng tôi mới gạt bỏ được tác phong lè mè, cá nhân của đời sống dân sự để trở thành một sĩ quan có nhuệ khí, có kỷ luật khi ra trường chỉ huy đơn vị. Lối huấn luyện rèn luyện cả thân và tâm này của trường Võ Bị đã sản sinh cho quân đội các sĩ quan tài ba phục vụ đất nước, đơn vị, có tiến mà không có lùi.

Cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cũng được đào tạo từ tiền thân ngôi trường Võ Bị này. Ông đã có hoài bão đào tạo các sĩ quan xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia thành các sĩ quan có được khả năng cả quân sự lẫn hành chánh. Lúc đất nước có chiến tranh thì các sĩ quan này có tài cầm quân dẹp giặc, lúc đất nước thanh bình thì họ có tài bình định phát triển. Vì thế nên các khóa sau Khóa 20 đều có chương trình học bốn năm, thành thạo binh thư chiến pháp, lại có trình độ văn hóa đại học.

Tôi được phân phối về Đại Đội D, Toàn về Đại Đội B. Trong suốt thời gian tám tuần sơ khởi chúng tôi không được gặp nhau. Có chăng, chúng tôi chỉ nhìn nhau qua ánh mắt thay

vì tiếng nói. “Bạn có khỏe không? Ráng chịu đựng đi, gian lao rồi cũng qua đi thôi. Chúng ta nhất định sẽ thành công. Trước mắt, chúng ta sẽ trở thành một sinh viên sĩ quan có tác phong mạnh mẽ trong tám tuần tới.”

Trong giai đoạn đầu trình diện, chúng tôi vinh dự có vị chỉ huy trưởng là Đại Tá Trần Ngọc Huyền. Ông như một tác nhân tài ba đã cải tổ trường về mọi phương diện, đặc biệt nhắm vào tác phong và phẩm chất của người sinh viên kể cả đức dục và thể dục. Tám tuần sơ khởi là tác phẩm của Ông. Cách đứng cách đi, kể cả cách ăn cách uống của một sinh viên sĩ quan cũng phải văn minh tinh tế, trước khi thành một sĩ quan tài ba có dũng khí khi chỉ huy ba quân ngoài trận mạc. Hiểu về truyền thống Võ Bị như thế nên mọi sinh viên, kể cả tân khóa sinh chúng tôi, đều hăng hái rèn luyện với tinh thần tự giác.

Tiết thay, sau khoảng hai tháng Khóa 20 chúng tôi tựu trường, Đại Tá Huyền được chuyển chuyên về trung ương đảm nhiệm chức vụ quan trọng trong Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời. Khóa 20 đã chứng kiến biết bao vụ chỉnh lý, các tướng đảo chánh thay đổi chính phủ. Cứ mỗi lần như thế chúng tôi lại có một vị chỉ huy trưởng mới.

Khóa 20 có cả thầy năm vị chỉ huy trưởng. Đầu tiên là Đại Tá Trần Ngọc Huyền (?), tiếp theo Thiếu Tướng Trần Tử Oai, Trung Tướng Trần Văn Trung, Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Kiểm, kế đến Đại Tá Lâm Quang Thọ. Khóa 20 có trên bốn trăm cánh chim từ bốn phương trời tụ lại, mang màu sắc rực rỡ của văn hóa đa diện từ mọi miền đất nước. Cũng như mọi khóa, chúng tôi tụ lại với mỗi tình đoàn kết keo sơn, trước hết thỏa nguyện chí trai đạt tương lai binh nghiệp, cùng chí nguyện dẹp hết quân thù Cộng Sản, xây dựng một quê hương Việt Nam tươi đẹp.

Tôi về Đại Đội D, nơi quy tụ đủ Nam Trung Bắc. Tôi hòa mình vào sinh hoạt hài hòa của đồng đội, phản ảnh qua giọng nói, tiếng cười và các câu chuyện. Cả trong tám tuần sơ khởi

huấn nhục, các bạn không tỏ ra nao núng, có dịp vẫn tiết ra tính chất trào lộng thâm trầm đáng yêu. Nhờ thế, tôi yêu mến các khóa sinh đồng đội mới quen biết rất nhanh chóng.

Thuộc Trung Đội 12 ở tuốt Lầu 3, tôi ở chung với Lê Trực từ khi vào trường đến khi ra đơn vị. Chúng tôi chia sẻ những vui buồn đặc biệt trong tám tuần huấn nhục. Tôi khuyến khích và an ủi Trực mỗi khi anh tỏ ra bi quan sợ không qua nổi tám tuần gian khổ. Mà thực ra tôi cũng chẳng hơn gì anh về thể lực, mà có khi còn thua. Nếu có hơn anh là vì tôi đã quen chịu đựng khổ nhọc ngay từ thời ấu thơ.



Đà Lạt trước năm 1975

Sau này có dịp về Cali họp khóa, nhắc lại kỷ niệm xưa, Trực hơi mắc cỡ đáp lại bằng nụ cười hiền lành dễ thương, khác xa với Trực ngoài đơn vị, “dữ dằn” lắm đó. Tôi với anh cùng ở chung miền quê Sịa bên phá Tam Giang. Anh, hơn tôi một tuổi, phát xuất từ gia đình khoa bảng có tiếng. Tôi coi Trực như đàn anh, nhưng anh lại xem tôi như người bạn đồng tuổi chia sẻ vui buồn. Anh luôn kết thúc câu chuyện bằng nụ cười hiền lành đôn hậu. Nhưng nay anh đã ra đi rồi!

Đại Đội D của tôi vui lắm. Cùi nào cũng có một nick name như Thuyền cùi ruồi, bởi vì anh chàng này khi nào cũng cười ngay cả khi đại đội bị các cán bộ niên trưởng phạt tối tăm mặt mày. Dù như vậy khi được gọi lên trình diện trước hàng quân,

anh vẫn nở nụ cười mặc dầu nói không ra hơi. Thương thay Thuỳên yếu mệnh. Ra đơn vị chỉ một tháng sau là tôi nghe tin Thuỳên hy sinh!

Đại đội tôi có các cùi trong ban văn nghệ thỉnh thoảng trình bày lời ca, tiếng nhạc trên đài phát thanh Đà Lạt. Đó là các cùi Quách Vĩnh Trường, Nguyễn Văn Tuấn, Trần Đình Trọng. Có Nguyễn Mạnh Tông với bài thơ ‘*Đưa Tay Lên Ta Nắm Lấy Thiên Đường*’. Ngoài ra có Lê Văn Triết to con, mặt mày như ông kẹ. Hồi mới vào tôi và Triết cùng ở chung đại đội D. Thấy anh, tôi hơi ón. Về sau, cùng ở chung lâu ngày, tôi mới thấy anh hiền như ông Phật, tính tình rất chi là dễ thương không mất lòng ai.

Đặc biệt trong Đại Đội D, tôi nhớ nhất là cùi Vũ Phúc Sinh, vì Sinh có những điểm giống tôi. Lúc 10 giờ ngày 25 tháng 10 năm 1965 chúng tôi mang lon thiếu úy thì 4 giờ chiều cùng ngày chúng tôi làm lễ thành hôn với người đẹp xứ hoa đào. Mãi ba năm về sau vào dịp Mậu Thân 1968, hai đại đội thuộc Tiểu Đoàn 3 thuộc Trung Đoàn 44 Sư Đoàn 23 Bộ Binh, do tôi và Sinh chỉ huy, đã hợp đồng tiêu diệt hầu như toàn bộ Tiểu Đoàn 481 Đặc Công Cộng Sản vào ngày 27/2/1968 tại lao xá Phan Thiết.

Kỷ niệm với anh em Đại Đội D thuộc Khóa 20 nói sao cho hết. Trong khuôn khổ hồi ký ngắn gọn này tôi chỉ nêu ra vài cá nhân tiêu biểu của một thời, để nhớ.

Trước năm hôm mãn khóa, trường mời Chuẩn Tướng Bùi Đình Đạm lên thuyết trình. Trước khi mở đầu bài nói chuyện, ông ngồi nhìn xuống chúng tôi, cười nhẹ trong lúc thỉnh thoảng im phăng phắc lắng nghe bản nhạc Anh Đi Chiến Dịch của nhạc sĩ Phạm Đình Chương, qua tiếng hát của nữ danh ca huyền thoại Thái Thanh.

Bài hát gợi cho tôi nỗi buồn vì chỉ còn mấy ngày nữa tôi sẽ xa mái trường Võ Bị đầy ắp kỷ niệm với bạn bè thân yêu. Bài hát như nhắc nhở tôi mai này khi ra đơn vị chúng tôi phải hoàn

thành trách nhiệm Tổ Quốc giao phó. Trường mẹ Võ Bị Quốc Gia luôn theo dõi sát các bước chân hành quân của những đứa con vừa xuất thân, dù ở góc biển chân trời, rừng núi hay nơi sinh lũy. Hãy tiến lên, anh em tân sĩ quan chúng ta ơi!

Hai tiếng đồng hồ trôi qua nhanh chóng vì chúng tôi bị mê hoặc với nội dung bài nói chuyện và thuyết trình viên. Bài nói chuyện như một hồi còi xung trận, thích hợp với tâm trạng của chúng tôi lúc bấy giờ.

Đọc đến đây chắc có người hỏi, trong phần đầu tác giả có viết trước là vào Võ Bị, sau nữa để gặp cô hàng xóm yêu dấu. Suốt câu chuyện chẳng nghe kể gì đến cô hàng xóm. Thế rồi phút chốc lại kể rằng lễ thành hôn được tiến hành vài giờ sau lễ gắn lon thiếu úy tại vũ đình trường. Thế cô dâu là cô hàng xóm, hay là một bóng hồng nào khác, mà tác giả đã quen cả người tình xưa?

Xin thưa cô dâu chính là cô hàng xóm năm xưa. Mỗi tình của chúng tôi có lắm thử thách tưởng chừng không qua nổi. Cô hàng xóm này cũng như cô hàng xóm trong thơ của Nguyễn Bính, nhưng có khác vì cô hàng xóm Nguyễn Bính chỉ có trở ngại vì đậu mỏng toi mà thôi:

*“Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Cách nhau cái đậu mỏng toi xanh rờn
Già đờng có đậu mỏng toi
Đêm nào tôi cũng sang chơi bên nàng.”*

Còn chúng tôi bị ngăn cách, vì bức tường giàu nghèo. Cô hàng xóm tôi yêu đẹp như một bông hoa, kẹt một nỗi nhà cô giàu lắm, giàu nhất tổng Sịa bấy giờ. Cô lại là con gái quý, độc nhất trong một gia đình chỉ có mấy anh trai. Còn nhà tôi thì nghèo. Tôi phải dạy kèm kiếm cơm khi đi học, thành ra mình chỉ yêu thầm, ngại nói ra. Cho đến mùa Hè năm 1963, cô nàng từ Đà Lạt ra thăm quê Sịa và dự định nghỉ ba tháng Hè tại quê nhà. Dịp này cô ngỏ ý nhờ tôi đến nhà để kèm cô học thi bằng Tú Tài 1. Thời đó tôi có khiếu dạy luyện thi các lớp concourt

(đề vào Đề Thát công lập), Tú Tài 1 và 2. Đậu xong tôi mới lấy tiền nên lớp học vì thế có uy tín. Tôi nghĩ có khi vì vậy mà cô hàng xóm năm xưa để mắt xanh chọn tôi kèm học.

Mẹ mất sớm nên cha cô rất thương cô. Nhà giàu nên ông mua cho cô ba cái nhà, một ở Huế, một ở Đà Lạt, một ở Sài Gòn. Cô chọn Đà Lạt vì khí hậu mát mẻ tiện cho việc học hành. Buổi đầu hạnh ngộ sau gần mười năm xa cách. Cô bây giờ là một thiếu nữ xinh đẹp, bình dị, dễ mến, biết thương và giúp đỡ những người nghèo khó. Chính điểm này đã làm tôi cảm kích. Và rồi chúng tôi không biết đã yêu nhau tự lúc nào.



Hình ảnh của tôi và vợ, vốn là cô hàng xóm cũ.

Hết hè cô hàng xóm tôi yêu phải trở lại Đà Lạt học hành cô lấy cho được bằng Tú Tài 1 khiến chúng tôi lại xa nhau. Tôi buồn và cảm thấy cô đơn. Không biết ra đi cô có buồn như tôi không? Mấy tuần đầu hai chúng tôi gửi đều thư cho nhau, nhưng về sau nhạt dần.

Tôi vào Võ Bị bị trước để thỏa chí trai, phục vụ Tổ Quốc, sau cũng có ý gán gửi người tôi yêu. Thế nhưng sau tám tuần sơ khởi, tự tôi cảm thấy không nên tiếp tục gắn bó với nàng nữa. Suốt cả một năm trời tôi ít khi ra phố Đà Lạt dạo chơi như các bạn sinh viên khác. Chủ Nhật tôi đến câu lạc bộ trường tập

đợt đàn piano, cây đàn bỏ không ít ai đụng đến. Cứ như vậy tôi vui với hoàn cảnh mới, ít khi nghĩ đến cô láng giềng, quyết chí rèn luyện dù ở thao trường hay trong lớp học văn hóa.

Thời gian thấm thoát thoi đưa. Mới ngày nào đó chúng tôi là những tân khóa sinh e ngại khi lần đầu tiên vào lính, cố gắng vượt qua tám tuần huấn luyện, nay chúng tôi đã trở thành các sinh viên đàn anh gạo cội của trường. Ngày Khóa 19 đàn anh ra trường, chúng tôi cảm thấy trống vắng và luyến tiếc như mất mát một cái gì quen thuộc và thân thiết. Mặc dù cách đây một năm thôi, số đàn anh đội nón nhựa làm cán bộ cho Khóa 20 được chúng tôi gọi đùa là ‘hung thần’.

Khóa 19 đi rồi, Khóa 20 lại tiếp đón Khóa đàn em 21. Chúng tôi huấn luyện họ có phần thoải mái hơn. Họ bị thọ phạt ít hơn, không như chúng tôi chỉ một năm trước đây chịu đựng nặng nề hơn. Được như vậy vì đây là ý muốn của vị tân chỉ huy trưởng, lúc đó là Thiếu Tướng Trần Tử Oai. Vì thế thành thử truyền thống huấn luyện tân khóa sinh của Đại Tá Trần Ngọc Huyền một phần bị giảm nhẹ, không biết các khóa sau thì thế nào. Riêng đối với tôi dù đã trải qua thời huấn luyện gian nan, tôi vẫn cho rằng truyền thống trường Võ Bị do Đại Tá Huyền gây dựng là rất cần thiết, để huấn luyện các tân sĩ quan có đủ bản lĩnh một mai ra gánh vác đơn vị.

Những ngày sắp ra trường chúng tôi vừa vui, vừa buồn, vừa có chút lo âu. Vui vì sắp đạt được kết quả ước mong, buồn vì mai một đây chúng tôi sẽ người một ngã khó được gặp nhau, lo âu rằng mình có gánh vác nổi trách nhiệm của đất nước giao phó hay không? Riêng tôi, tôi mang hoài bão một khi tôi chỉ huy đơn vị dù lớn hay nhỏ, tôi sẽ nói cho toàn thể lính của tôi hiểu vì sao ta chiến đấu, cho lính của tôi hiểu chiến đấu là vinh dự, giang sơn chỉ được an bình chỉ khi nào Cộng quân bị tiêu diệt. Lính của tôi khi cầm súng xung trận phải vững tin vào điều đó. Trên thực tế tôi đã làm điều này. Tôi thường cho binh sĩ học tập chính trị sau mỗi chuyến hành quân trở về. Tôi mang ước vọng huấn luyện lính đơn vị của tôi trở thành các

chiến sĩ thiện chiến, đoàn kết trong đơn vị và được dân chúng kính trọng.

Chuyện ngắn, chuyện dài về những ngày trui luyện trong trường mẹ nói sao cho hết. Đến đây, tôi xin nói về đoạn kết có chút lãng mạn của cuộc tình của tôi và cô hàng xóm, thay đoạn kết của bài hồi ký VÀO LÍNH này.

Số là, Tết năm 1964 đa số sinh viên sĩ quan Khóa 20 được trường cho nghỉ phép về ăn Tết với gia đình. Riêng tôi thì quê nhà ở xa xôi quá. Cố nén nhớ thương, tôi ở lại trường ăn chung cái Tết xa nhà với các bạn đồng đội cùng cảnh ngộ. Qua đêm mùng hai Tết, buồn quá nên tôi ra quán cà phê Thu Thu và rủ một cô bạn đi ăn hũ tiếu đêm, sau nhà hàng Shanghai. Khoảng mười một giờ đêm, tôi bất ngờ trông thấy hai cô gái vừa từ ngoài đường kéo nhau vào ăn. Nhìn kỹ, tôi thấy cô trẻ và đẹp hơn lại chính là cô hàng xóm năm xưa của tôi. Sau khi nhìn thấy tôi, cô bật khóc và ù chạy ra khỏi quán.

Tôi biết rằng tôi có lỗi. Chính cử chỉ vừa chạy, vừa khóc của nàng đã nói lên nàng còn yêu thương tôi. Chỉ vì tôi quá tự ty mà gần một năm trời ở tại Đà Lạt tôi chẳng một lần đến thăm. Bất giác tôi chạy theo và bắt kịp nàng tại góc đường Phan Đình Phùng. Tôi riu rít xin lỗi và nói cho nàng biết rằng hơn một năm qua tôi tự làm khổ tôi. Vì mặc cảm đến nỗi tôi không ra thăm nàng. Kể từ giây phút đó, chúng tôi không để mất cơ hội, gắn bó cho đến hôm nay.

Thế là vào ngày 25 tháng 10 năm 1965, cùng một lúc, tôi đã nhận được hai niềm hạnh phúc lớn nhất trên đời: Vừa trở thành một tân thiếu úy của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, xuất thân từ trường sĩ quan Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, lại vừa có cô hàng xóm xinh xinh tôi hằng mơ ước làm vợ hiền. Đám cưới của chúng tôi có Lê Trục và Trương Ngọc Toàn làm phụ rể. Làm sao tôi có thể kể hết niềm hạnh phúc này!

PORTLAND - OREGON, đêm 31/5/2021.

Em Chỉ Là Dâu Võ Bị

Lê Kim Nga, K27/1

Em chỉ là dâu Võ Bị thôi!
Bao năm lắm lối bước theo người
Ngọt bùi cay đắng đều ôm đủ
Cảm nhận tình xưa của một thời

*Em chỉ là dâu Võ Bị thôi!
Tình yêu duy nhất vẫn trên ngôi
Yêu người từ thuở ngày xưa ấy
Đỏ rục alpha đẹp tuyệt vời!*

Em chỉ là dâu Võ Bị thôi!
Thế thời thời thế gió mưa rơi
Trái tim sùng bái đầy kiêu hãnh
Võ Bị trong em mãi rạng ngời

*Em chỉ là dâu Võ Bị thôi!
Băn khoăn ngờ ngác chuyện bên trời
Trường xưa chuyện cũ rồi bao chuyện
Trăn trở cùng ai những miêng lời*

Em chỉ là dâu Võ Bị thôi!
Khát khao mong ước tiếng reo cười
Lâm Viên hạnh phúc lời tình tự
Võ Bị vang danh đến vạn đời





Mùa Vu Lan Nhớ Mẹ

Song Vũ, K17

Năm 1965 trong một trận đánh tại Thạnh Phú Kiến Hòa, tôi bị thương suýt chết. Trong lúc cho dừng đơn vị để xác định lại điểm đứng trên bản đồ dưới một gốc dừa thì một tiếng nổ xé xẹt qua. Tôi chỉ kịp nhìn thấy một búng máu tung tóe lên tấm bản đồ hành quân 1/50 ngàn tôi đang mở rộng ra xem, Hạ Sĩ Mùi mang máy đứng sát bên cạnh tôi kêu: “Chết em rồi” và ngã đổ lên gốc cây dừa. Tôi nhìn lại thấy ngực mình bật máu, chiếc túi áo trận rách toạc chỗ gần trái tim. Cùng lúc có tiếng la lớn của Trung Đội 2 ở phía bên cánh phải:

- ”Nó đeo trên cây dừa bên hông kia kia!”

Cùng lúc tiếng súng tiểu liên và garant vang lên. Tên du kích cùng cây súng bá đờ rơi từ trên cây xuống rớt thẳng vào mương nước như một bịch đất. Thì ra tôi chính là mục tiêu bắn tỉa của hắn.

Vết thương thoát nhìn có vẻ nguy hiểm chết người, nhưng khi y tá cắt áo lau chùi băng bó thì không đến nỗi nào. Viên đạn xẹt ngang ngực vì tên bắn tỉa và tôi trên cùng một bờ mương. Sống chết rõ ràng có số mệnh. Phải chi mục tiêu của tên du kích khờ khạo kia nằm vuông góc với cây súng. Viên

đạn sẽ xuyên qua tim. Năm Quân Y Viện 7 hai tuần, xuất viện nghỉ thêm một tuần nữa, tôi trở về Sài Gòn thăm mẹ. Khi thấy tôi về, bà cười tươi, nét mặt rạng rỡ hẳn lên. Vì tôi không báo tin bị thương nên bà cũng không biết, cho đến lúc về nhà, tôi cũng dấu vết. Tôi thầm nghĩ, mọi việc đã qua rồi có nói ra chỉ làm thêm phiền muộn lo lắng cho mẹ. Câu đầu tiên mẹ hỏi:

- Con nghỉ phép hả?

- Dạ, thưa mẹ con được nghỉ một tuần

- Chà! Sao kỳ này được nghỉ nhiều thế?

- Vì đơn vị con đi hành quân liên miên ba tháng rồi nên được nghỉ bù.

- À thì ra thế.

Rồi mẹ hỏi tôi muốn ăn món gì để đi chợ mẹ nấu cho ăn. Tôi hững hờ:

- Mẹ cho con ăn món gì cũng được. Mẹ nấu món nào cũng ngon mà! Rồi tôi nói thêm.

- Cha bố anh chỉ được cái nịnh mẹ.

Nhìn mẹ mái tóc đã bạc màu theo thời gian, những nét nhăn trên trán trên hai khóe mắt ngày càng rõ ràng hơn. Mới đó mà cũng đã 5 năm rồi từ ngày tôi vào lính; hình ảnh không xóa nhòa trong tôi là buổi trưa khi mẹ đưa chân tôi ra cửa với chiếc túi xách nhỏ trong đó có vài bộ đồ lót, đồ vệ sinh cá nhân. Mẹ còn bỏ vào đó vài trái cam lo đi đường khát nước. Trình diện Quân Khu Thủ Đô lúc 3 giờ chiều rồi ngồi chờ đông đủ các bạn khác đang lục tục kéo tới, sau đó lớp lính mới chúng tôi lên xe GMC để chở ra ga đi xe lửa lên Đà Lạt. Khởi đầu một vòng quay của định mệnh. Tôi vào lính. Thế mà cũng đã 5 năm tính cho đến giờ phút này.

Bạn gái hậu phương cũng có một hai cô nhưng cô nào cũng ở xa tít tắp, liên lạc qua thư từ hình ảnh sưng vey thoi, nên khi về Sài Gòn tôi thường la cà các tiệm sách Khai Trí, hoặc Xuân Thu để tìm sách đọc. Mẹ tôi có lúc nhắc khéo:

- Sao con không kiếm cô nào về sanh cho mẹ một đứa đích tôn?

Tôi lảng tránh:

- Thời buổi chiến tranh lung tung thế này, vợ con làm gì cho vương bận hả mẹ?

Cuộc chiến cứ mỗi lúc một tăng thêm cường độ. Những cuộc hành quân ban đầu phần lớn là đi tìm diệt các toán du kích hoặc các đơn vị địa phương. Giờ đây chúng tôi đã bắt đầu chạm súng với các đơn vị chủ lực Miền gồm lính chính quy được trang bị vũ khí hiện đại từ miền Bắc xâm nhập. Tình hình chính trị đáng lý cần sự ổn định thì ngược lại ngày càng be bét, nay đảo chính mai chính lý. Người lính chiến đấu nào có chút ít ý thức chính trị đều không khỏi băn khoăn lo lắng cho vận mệnh đất nước.

Hai

Chủ Nhật tôi tính đi xem phim thì mẹ bảo:

- Chú Thuần tháng trước có tới thăm mẹ và hỏi thăm con. Nếu rảnh con cũng nên ghé thăm chú.

- Vâng, để chiều nay xem phim xong rồi con ghé. Tôi nói.

Chú Thuần là bạn vong niên của thầy tôi. Chú kém thầy 5 tuổi. Chú là con cụ Bá Nghi cùng gốc Hà Nam với thầy. Khi thầy tôi lên Hà Nội học có ở trọ nhà cụ Bá, thành ra quen biết khá thân với chú. Khi thầy học xong và ra làm công chức ở Hải Phòng, chú bỏ học ngang đi làm tàu viễn dương của Pháp. Tính chú sôi nổi thích ngao du đây đó, cuộc sống cũng khoáng đạt rộng rãi nên rất quảng giao. Thỉnh thoảng khi tàu hàng của chú về cập bến Sáu Kho Hải Phòng, chú thường về nhà tôi ăn uống nghỉ ngơi. Cuộc đời của chú cứ lang thang bất định như thế cho tới tận năm 1952 chú mới lập gia đình chính thức. Lúc đó chú cũng đã ngoài 50. Nhà chú ở ngõ Đội Có Phú Nhuận.

Khi tôi tới thăm chú thím đang ngồi tính toán sổ sách xuất

nhập hàng. Chú thím mở một tiệm chế biến bột nhi đồng ở ngay tại nhà trong hẻm để kiếm sống.

Thấy tôi chú mừng lắm, chú hỏi tôi đủ thứ chuyện từ gia đình tới xã hội làm tôi cũng lúng túng không biết phải trả lời câu nào trước câu nào sau. Khi hỏi tình hình chiến sự, tôi cho chú biết là Cộng Sản ngày càng trắng trợn vi phạm hiệp định Genève. Chúng dùng quân chính quy xâm nhập từ miền Bắc vô để trực tiếp chiến đấu chống lại quân đội ta. Chú suy nghĩ rồi nói:

- Trước sau gì thì tình hình cũng sẽ như vậy thôi. Vì nền tảng chính trị của chúng ta quá bấp bênh, trông nhờ dựa dẫm vào ngoại nhân nên không thể vững vàng được. Còn Cộng Sản thì chúng khôn khéo hơn chúng ta nhiều. Chúng dựa trên cái nền Cộng Sản toàn thế giới nhất là Nga và Tàu đứng đằng sau hỗ trợ hết mình nên càng khó trị. Thêm vào đó, Cộng Sản chúng chịu khổ giỏi hơn chúng ta, chúng hầu như chẳng có gì để mất nên chiến đấu kiên cường hơn chúng ta.

Tôi nói với chú:

- Cái khổ nạn của đất nước chúng ta có lẽ là bắt nguồn từ đây. Chúng ta luôn sẵn sàng chấp nhận làm lính tiên phong cho tất cả các mặt trận. Chúng ta không có ý thức sinh tồn trong tư thế của một dân tộc độc lập. Lịch sử cha ông để lại chỉ rõ, vì quyền lợi của dòng họ, vùng miền, mỗi lần chúng ta cầu viện ngoại bang sang giúp là thêm một lần mất nước. Giờ đây cộng sản Miền Bắc đang lập lại lỗi lầm tày đình đó. Cái họa diệt vong luôn đến từ bọn Tàu phương Bắc đã bị phủ mờ trước tham vọng của giới lãnh đạo Cộng Sản cuồng tín tin vào một thế giới đại đồng ảo tưởng.

Hai chú cháu ngồi nói chuyện một lát thì chú bảo:

- Cháu chiều nay ở lại đây ăn cơm với chú thím.

Tôi định thoái thác, có vẻ chú biết ý bảo:

- Ở đây chơi đi, chả có thời gian nào chú cháu mình có dịp

tâm sự, nhân tiện để chú giới thiệu cháu với ông bạn hàng xóm của chú. Ông này coi tử vi hết sảy, xem vận hạn của cháu ra sao.

Nghe nói tới xem tử vi, tôi nổi máu tò mò. Hồi còn nhỏ nghe mẹ tôi kể lại, ông nội có lấy một lá số bằng chữ nho cho tôi và bảo rằng tôi có số sống xa quê hương. Khi gia đình vào Nam tôi nghĩ có lẽ điều ấy ứng với số tôi rồi. Khi ra trường tôi đôi khi cũng có ý tìm tòi học hỏi môn tính toán này. Cuốn sách tôi có thời điểm đó là cuốn Tử Vi Đẩu số của Vân Đằng Thái Thứ Lang. Nhưng rồi tính tôi lười nhác đọc đầu quen đó và không chú tâm học nên cũng chẳng thu thập thêm được gì ngoại trừ những câu đoán vô thưởng vô phạt chung chung khiến tôi không còn thích thú với môn này cho lắm.

Bấy giờ tối, ăn cơm nước xong hai chú cháu tôi mới qua nhà ông bạn của chú Thuàn. Ông tên là Quốc. Người chung quanh đó gọi ông là thầy Quốc. Lúc chúng tôi sang tới nơi ông cũng vừa tiễn một người khách có lẽ tới hỏi việc. Thấy chú Thuàn, ông Quốc đơn đả chào mời vào nhà. Chú giới thiệu tôi với ông, nhưng chú giấu không nói tôi là một quân nhân. Chú chỉ nói đây là cháu của chú, đang đi học và nhờ thầy xem số mạng của cháu sau này ra sao, nên học ngành gì...

Thầy Quốc quan sát tôi rất kỹ trước khi hỏi ngày sinh tháng đẻ của tôi. Tôi nói đầy đủ các thông tin cần thiết sau đó thầy bấm tay tính toán. Trầm ngâm một lát rồi ông nói:

- Lạ thật, số này đáng lý cậu phải đi lính rồi mới đúng chứ. Nếu còn đi học thì cũng sẽ phải bỏ ngang thôi.

Rồi ông ngưng không nói nữa hình như để thăm dò phản ứng của tôi. Tôi đưa mắt hỏi thăm ý kiến của chú Thuàn. Chú Thuàn đỡ lời:

- Cháu nó cũng đang tính bỏ học để đi làm.

Tôi gật gù như về đồng ý.

Ông Quốc nhìn tôi rồi nói tôi phải cẩn thận trong tháng 5

này vì có một tai nạn lớn với tôi. Tôi giật mình.

- Tai nạn có sao không thầy? Tôi giả tảng hỏi.

- Không sao, có bề trên giúp đỡ rồi qua khỏi thôi. Nhưng mà số của cậu này cao lắm không chết được đâu mà sợ. Cuộc đời của cậu luôn đi trên vách vôi sinh tử, sơ sẩy là lọt hố tử thần. Nguy nan trùng trùng nhưng may mắn thoát nạn là nhờ hồng phúc ông bà tổ tiên.

Chú Thuần hỏi:

- Sau này cháu nó có ăn nên làm ra không thầy?

Thầy Quốc bảo số này có số xuất ngoại đây, cuộc sống không thiếu thốn gì nhưng bảo là giàu có thì không. Tôi vẫn lần thân với ý tưởng xuất ngoại là từ Miền Bắc vào Nam sau lần vượt Vĩ Tuyến 17 nên cũng không thắc mắc gì thêm. Cả ba ngồi nói chuyện tán dóc thêm một hồi rồi chú Thuần rút bóp lấy tiền trả cho thầy Quốc. Thầy gạt đi, ông với tôi mà tiền bạc gì. Và lại những lời đoán đó là tổng quát thôi còn lấy tử vi vận mạng cả đời thì mới tính.

Ngoài ra thầy Quốc còn nói với tôi:

- Ngày sinh tháng đẻ của cậu gồm toàn Hỏa và Thổ. Kim cường thổ mạnh nên quá cứng rất dễ gãy. Tôi cho cậu một lời khuyên: Một câu nhịn là chín câu lành, dù có ai khích bác gì thì ráng mà chịu, trong giao dịch làm ăn đừng bốc đồng kéo rước vạ vào thân.

Tôi cảm ơn ông. Chú cháu tôi chào từ biệt ra về. Trên đường về chú Thuần hỏi tôi sao ông ấy đoán ra sao? Tôi giấu chú về vụ bị thương mới đây nên nói:

- Cũng khá đúng, chú à.

Đêm hôm đó về nhà tôi thao thức quá nửa đêm không ngủ được. Chẳng lẽ con người ta có số phận thật sao? Và nếu có thì chẳng lẽ mọi sự phấn đấu vươn tới của con người là vô ích sao? Sau này khi kinh qua nhiều thăng trầm khác của cuộc đời hai chữ định mệnh đối với tôi trở nên quen thuộc và dễ hiểu

hơn nhiều.

Sáng hôm sau tôi có kể lại câu chuyện lời thầy Quốc với mẹ. Mẹ tôi bảo lúc tôi mới sinh ra được mấy ngày, ông nội có lấy cho tôi một lá số tử vi bằng chữ nho nên cả nhà cũng chẳng ai đọc được. Ông nội tôi nói số thầy này sau khi lớn lên thân lập thân, bố mẹ chẳng để lại cho nó thừa hưởng được cái gì. Mà có để lại nó cũng không hưởng được. Thầy tôi nghe nói vậy không tin vì lúc đó ngoài là một công chức ở tòa án Hòa Giải Hải Phòng, ông còn là một thương gia xuất nhập khẩu có tiếng. Ông thường nói với mẹ tôi sau này lớn lên sẽ cho các con đi du học.

Đùng một cái, chiến tranh Pháp Việt nổ ra trong năm 1946. Nhà tôi nằm ngay trên đường Admiral Courbet - sau này gọi là Cầu Đất - chạy song song bên hông nhà Hát lớn Hải Phòng. Cả gia đình chạy tản cư về quê nội ở Hà Nam Phủ Lý rồi sau đó đi qua Vĩnh Bảo. Trên đường từ quê nội đi qua Vĩnh Bảo, đến Quỳnh Côi em gái tôi - cô Tuyết sinh năm 1946 - bị sài uồn ván mà mất, em gái tôi lúc đó được 6 tháng tuổi! Của cải nào có mang theo được gì vì chạy loạn nên cuộc sống quá chật vật gian nan.

Thầy tôi mất năm 1949 vì bệnh thương hàn khi em trai tôi mới chập chững biết bò. Lo ma chạy xong, mẹ dẫn hai anh em chúng tôi hồi cư. Đầu năm 1950, mẹ tôi mua căn nhà đường Phan Bội Châu và mở tiệm vàng Quảng Khánh. Tôi bắt đầu đi học lại. Năm 1953 tôi lên Hà Nội trọ học tại nhà ông bác rể ở đường Đặng Tất gần Hồ Tây. Năm 1955, cuộc chiến tranh Pháp Việt chấm dứt. Cộng Sản tràn vào tiếp quản thành phố, phát động chiến dịch đánh tư sản, gia đình tôi lại một lần nữa trắng tay.

Vì tin rằng sẽ có tổng tuyển cử thống nhất vào năm 1956 nên mẹ tôi không đi Nam. Cũng phải nói thêm, cả họ hàng nội ngoại hầu như đều ngại phải lập nghiệp tại một vùng đất mới trong khi đã có cơ ngơi ổn định tại đây. Gia đình tôi hầu như

mất sạch sau chiến dịch đánh tư bản đỏ. Còn chút vốn liếng giấu được, mẹ tổ chức vượt tuyến từ Đồ Sơn bằng thuyền vào năm 1957. Chẳng có chút kinh nghiệm hải hành nào trong hơn hai chục người ra đi, chiếc thuyền buồm bị lạc vào gần hòn Ông Hồ cửa Tùng. Cũng may chiếc thuyền buồm do Cộng Sản đuổi theo dùng súng bắn nhiều phát lên thuyền chúng tôi mà không trúng ai.

Đoàn người vượt tuyến bị bắt giữ ở gần sông Gianh. Cả đoàn chúng tôi được giải giao về nhà lao Trần Phú ở Hải Phòng. Gia đình mẹ con tôi bị nhốt ở đó hơn 2 tháng thì được tại ngoại hậu tra. Anh em tôi bị đuổi học. (Lúc đó tôi đang học lớp 9 tương đương với lớp đệ nhị trước đó, tại trường Việt Đồng - nằm trong khuôn viên chùa Quán sứ Hà Nội - còn em trai tôi đang học lớp ba trường Hưng Đạo, Hải Phòng.)

Trong hoàn cảnh quần bách đỏ mẹ quyết định sống chết cũng vượt tuyến lần nữa. Trước Tết Mậu Tuất 1958 vài ngày gia đình chúng tôi lại ra đi lần thứ hai. Lần này thuyền vượt qua sông Bến Hải tấp vào quận Hương Điền. Chúng tôi được chở về Ty Công An Thừa Thiên ở đó chờ điều tra mất gần 2 tháng thì di chuyển vào Trung Tâm đón tiếp đồng bào vượt tuyến ở gần ngã Năm Bình Hòa, Sài Gòn. Tại đây làm thủ tục và điều tra an ninh mất gần hai tháng nữa.

Tháng 5 cả gia đình tôi được gia đình con bà chị ruột của mẹ tôi đón về. Mẹ cũng kể tôi nghe trước chuyến đi sinh tử lần này mẹ có đi nhờ người quen đưa tới một vị thầy bói mù ở đường Cát Dài để hỏi ý kiến thì vị này sau khi gieo quẻ phán rằng Tết này xuất hành giờ Tý đêm giao thừa về hướng Nam thì nhất bản vạn lợi. Sở dĩ ông nói thế vì khi hỏi mẹ tôi nói với ông là đi buôn hàng chuyến. Đêm giao thừa năm Mậu Tuất cả gia đình tôi xuống thuyền cùng một gia đình ngụ ngay cạnh nhà và một số người quen biết khác gồm toàn bộ 26 người kể luôn hai ông lái thuyền, một ông tên Vĩ và ông kia tên tôi quên tên. Riêng ông Vĩ sở dĩ tôi nhớ vì sau này ông làm nghề lái taxi thỉnh thoảng có ghé nhà thăm gia đình tôi còn ông kia

sống và tiếp tục làm nghề cá ở Vũng Tàu với người quen cùng làng. (Khi kể lại câu chuyện này, em trai tôi còn nhớ tên ông thứ hai tên Nghĩa.)

Cuộc sống mới vùng đất Phương Nam cho dầu có gặp nhiều khó khăn lúc đầu nhưng chắc chắn gia đình mẹ con chúng tôi có cơ hội để sống cuộc sống tự do hạnh phúc thay vì tiếp tục bị lao tù trong chế độ cộng sản Miền Bắc trước đó. Mẹ trở lại nghề nghiệp sửa chữa buôn bán vàng bạc, khởi đầu mở tiệm tại Ngã Ba Ông Tạ. Hơn năm sau mẹ dọn qua Xóm Chiếu Quận Tư. Từ hè năm 1961 trở đi sức khỏe của mẹ yếu dần vì căn bệnh phổi trước đó. Cả đời mẹ là chuỗi ngày gian nan lận đận với gia đình. Tôi có cảm giác cuộc đời mẹ chắc chắn có ngày nào kêu là hạnh phúc. Khi thầy tôi mất, mẹ mới 34 tuổi. Mẹ chấp nhận ở vậy nuôi con vì lời hứa với thầy tôi trước khi nhắm mắt. Câu nói nhắc nhở thường xuyên với anh em chúng tôi là các con phải cố gắng học hành cho nên người để giữ đúng lời mẹ đã hứa với thầy trước khi lâm chung.

Năm 1960 khi hoàn cảnh kinh tế gia đình lâm vào thế bế tắc, và sức khỏe của mẹ cũng không được như xưa, tôi xin phép mẹ gia nhập quân đội. Bà buồn lắm. Tôi phải thuyết phục bà rằng trường Võ Bị tiếp tục cho học hành chữ nghĩa 4 năm theo chương trình đại học bà mới nguôi ngoai. Hôm chia tay khi tôi xách khăn gói lên đường, mẹ quay mặt đi vào trong nhà gạt thẳm nước mắt khiến tôi bịn rịn ngần ngừ.

Gia đình tôi bên nội chẳng có ai theo võ nghiệp. Bên phía ngoại có bác Giang, ông anh ruột lớn của mẹ là một pilot lái máy bay “bà già” ở phi trường Cát Bi. Sau này ông đi học trường Không Quân rồi ở lại luôn bên Pháp không về.

Năm 63 khi tôi tốt nghiệp ra trường, nhìn tôi cứng cáp khỏe mạnh mẹ mừng lắm. Điều quan tâm duy nhất của bà đối với con cái là sự bình an khỏe mạnh; đó là lý do tôi luôn giấu mẹ những chuyện hiểm nguy tôi từng gặp trên bước đường hành quân. Cả hai lần bị thương tôi đều không để bà hay, thậm chí

khi tôi xuất viện trở về nhà thăm bà tôi cũng không hề hé môi. Tôi rất sợ hình ảnh mẹ ngồi khóc thầm một mình vì thương con.



Khi tôi học xong khóa Chỉ Huy Tham Mưu Trung Cấp cuối năm 1968 rồi nhận được lệnh chuyển ra Sư Đoàn 23, tôi rất buồn. Ở Sư Đoàn 7 hai ba tháng tôi còn có dịp ghé thăm nhà, giờ đây xa xôi đường xá khó khăn chắc hẳn cả năm chưa chắc có được ít ngày về thăm mẹ. Mẹ hiểu ý tôi nên trong suốt thời gian nghỉ phép thấy tôi thẫn thờ lo nghĩ bà mạnh dạn bảo:

- Con cứ đi đi, nếu con không về được, mẹ sẽ ra thăm con lo gì.

Khi tôi tỏ ý lo ngại với môi trường làm việc mới, núi non hiểm trở không biết địch tình ra sao, mẹ bảo:

- Cấp trên cho con đi chắc họ cũng nghĩ là con thích hợp với nơi mới. Biết đâu vùng đất mới con lại có dịp thành công mới, cũng như mẹ con ta đời bỏ quê hương vào Nam, cuộc sống tương lai tươi sáng hơn con thấy không? Cứ yên tâm mà đi, vợ con tạm thời cứ ở với mẹ, khi nào ổn định tình hình thì mẹ sẽ cho ra đoàn tụ với nhau.

Lần chia tay này tôi không còn thấy mẹ buồn nhiều như lần tôi vào lính. Tôi làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2/44 từ tháng 10/1968 sau gần hai tháng chờ đợi lệnh bổ nhiệm và một chút trục trặc vì tính tôi bốc đồng không dễ chịu sự xúc phạm - cho dù của thượng cấp. Điều này đã từ xảy ra một lần khi tôi còn là Đại Đội Trưởng Đại Đội 1, Tiểu Đoàn 3/11 trong năm 1963. Lúc đó Đại Úy Ch. là tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó là Đại Úy Đặng S. Khi tiểu đoàn kéo quân về đóng tại Thủ Thừa sau hơn 3 tháng rông rã hết hành quân ở Vũng

Liêm, Vĩnh Long - quê hương Tướng Nguyễn Khánh - lại đi Vĩnh Bình, Cầu Kè Ô Lắc... rồi trở về Định Tường hành quân vùng Cổ Cò.

Tại Thủ Thừa Đại Úy Ch. cho phép các đại đội trưởng luân phiên nhau đi phép thăm gia đình trong ngày. Đến phiên tôi, trong lúc Đại Úy Ch. về Mỹ Tho họp hành quân và nhận lệnh, Đại úy tiểu đoàn phó không cho tôi đi vì lý do vợ vẫn là sợ tôi không về kịp trong ngày. Lý do thực sự tôi thừa biết cũng chỉ vì hiểu nhầm khi tôi đóng quân gần nhà một “hoa khôi” Cao Lãnh mà ông ta theo đuổi nhưng không được và cô gái bỏ đi Sài Gòn vì... sợ!

Khổ nỗi là bà già cô ấy lại tìm tới tôi giải bày hỏi ý kiến làm sao khuyên ông ấy đừng sẵn đuổi cô gái để cô ta về tiếp tục đi học. Bất ngờ trong lúc bà già đang ngồi nói chuyện với tôi thì Đại Úy S. bước vào! Tôi đứng dậy chào đón còn bà già hốt hoảng trở về nhà cách đó 2 căn. Tôi nhìn nét mặt ông sa sầm, tôi biết là có chuyện. Thực tình tôi cũng không biết phân bua ra sao. Ông bắt tôi phải thay đổi vị trí đóng quân bằng cách di chuyển sang bên kia sông có cây cầu tình lộ từ Cao Lãnh đi Giáo Đức (?).

Khi đơn vị về tới Long Định nghỉ một đêm hôm sau hành quân trực thăng vận vùng Cổ Cò. Đại Úy S. dùng đại đội tôi đi đầu trong suốt cuộc hành trình trong khi theo điều động thông thường các đại đội tác chiến luân phiên nhau (để tránh làm mệt các binh sĩ vì phải thường trực cảnh giác lục soát mục tiêu trong thời gian quá lâu).

Tôi giận quá nói với thiếu úy đại đội phó của tôi trực đại đội, tôi ra ngã ba Thủ Thừa đón xe đò về Sài Gòn thăm mẹ. Khoảng 6 giờ chiều khi tôi đi ngang qua BCH/ TĐ, Đại Úy S. nhìn tôi nét mặt hầm hầm rồi bỏ đi vào trong nhà. Tám giờ tối. Đại Úy S. kêu máy bắt tôi ra trình diện ông. Tôi từ chối vì lý do an ninh và đường xa, nếu cần ông cho xe jeep vào đón tôi sẽ đi. Cuộc hẹn được dời vào 8 giờ sáng hôm sau tại chỗ đóng

quân của ông.

Sau khi làm đầy đủ thủ tục trình diện, tôi đứng nghiêm chỉnh chờ lệnh.

Đại Úy S. hỏi tôi:

- Ai cho phép thiếu úy dù về Sài Gòn?

Tôi ôn tồn trả lời:

- Tôi được biết Đại Úy TĐT cho các đại đội luân phiên về thăm gia đình trong ngày và các Đại Đội Trưởng 2, 3 và Chỉ Huy đã thi hành đúng như thế. Riêng tôi, tôi đã cho đại đội phó của tôi đi về trước rồi khi anh ta trở lại đại đội tôi mới đi.

- Thiếu Úy có biết ai là chỉ huy tiểu đoàn không?

- Tôi biết, Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng đi phép và Đại Úy “xử lý thường vụ”.

- Thế tôi có cho phép Thiếu Úy đi không?

- Không, nhưng tôi có hỏi và Đại Úy trả lời sợ chiều muộn tôi về lại đơn vị không kịp!

Nói đến đây bỗng dung ông ta đứng bật dậy và chỉ thẳng vào mặt tôi chửi thề:

- Đ... má mày ba gai phải không?

Ông tính ra tay đánh tôi nhưng tôi nhanh hơn gạt tay ông ta và nhân tiện xô ông ngã ra phía sau ghế. Ông chụp cây súng còn đang đeo trên dây đeo mắc trên ghế. Tôi nhanh tay hơn rút cây súng colt gài ngang hông và cho ông ta biết chỉ cần ông ta cầm vào súng tôi sẽ bóp cò!

Chuẩn Úy Th., sĩ quan an ninh, ngồi góc xa thấy thế sợ quá chạy lại can ngăn. Đại Úy S. cũng xanh máu mặt không ngờ phản xạ của tôi liều mạng và nhanh như thế. Cũng phải nói thêm ông này nổi tiếng đánh lính trong đơn vị - Một vài sĩ quan khác trong BCH/TĐ cũng chạy tới kéo tôi ra đường. Trên đường đi bộ về lại đại đội tôi nghĩ rằng chắc chắn tôi sẽ phải trả giá cho hành động nóng nảy của mình. Cũng may Đại

Úy S. không nắm được cây súng, nếu không chưa biết chuyện gì sẽ xảy ra. Nhưng có điều bảo đảm khả năng sử dụng súng colt ông ta không thể bắn chính xác hơn tôi.

(Thời gian đi theo bảo vệ kinh sáng Đông Tiến, suốt ngày buồn quá chẳng biết làm gì ngoài lang thang trên đồng bắt cá và tập bắn súng colt nên tôi mới mạo muội nói ra điều này!)

Tôi vẫn nghĩ, ông ta có thể rầy la thậm chí phạt trọng cấm, hoặc bãi chức vụ chỉ huy của tôi nhưng ông không thể xúc phạm tới mẹ tôi được. Mẹ tôi đối với tôi có sự tôn kính tuyệt đối và không ai được quyền xúc phạm tới sự thiêng liêng ấy.

Dĩ nhiên hệ quả của sự việc khiến tôi bị phạt 15 ngày trọng cấm và chuyển qua Tiểu Đoàn 2/11 sau khi cuộc Cách Mạng 1/11 tại Sài Gòn thành công. Sau khi đơn vị rút ra khỏi Sài Gòn, tiểu đoàn tham dự ngay ngày hôm sau một trận đánh lớn tại Dương Điền khiến Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng bị thương nặng, Đại Úy S. không được lên thay thế mà Đại Úy Phạm văn N. từ Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 2 qua thay Đại Úy Huỳnh văn Ch. còn Đại Úy S. vẫn tiếp tục làm phó. Khi đơn vị trở về chùa Vĩnh Tràng nghỉ ngơi bổ sung quân số tôi bị kêu lên trình diện Thiếu Tá Trung Đoàn Trưởng Hứa Yến L.

Tôi trình bày đầu đuôi câu chuyện và Thiếu Tá L.. bảo tôi, dù muốn dù không hành động của tôi vẫn là sai. Nhưng ông cảm thông và sẽ chỉ gia tăng hình phạt từ 8 ngày lên 15 ngày trọng cấm mà không xin gia tăng tiếp theo, cộng thêm biện pháp tôi phải chuyển qua một đơn vị khác. Tôi cảm ơn ông và xách balô ra đi. Mười lăm ngày trọng cấm với lý do bất tuân lệnh thượng cấp là số ngày bị phạt của tôi được ghi trong hồ sơ binh nghiệp cho tới ngày mất nước.

Lần thứ hai lại có sự hiểu lầm khác khi tôi trình diện Chuẩn Tướng Trương Quang Ân, Tư Lệnh Sư Đoàn 23. Mọi việc hầu như suôn sẻ nếu tôi tốt nhện bởi vì sự vụ lệnh của Tổng Tham Mưu tôi mang theo khi trình diện có ghi rất rõ: Bổ sung sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn theo yêu cầu của đơn vị. Nhưng khi

tướng Ân nói rằng ông không muốn sĩ quan ở các đơn vị khác đến đơn vị ông để cướp cơm chim của lính thì tôi không chịu nổi sự sỉ nhục này. Tôi chưa hề bao giờ có ý nghĩ sẽ cướp cơm chim của bất cứ ai vì theo tôi, chỉ huy một đơn vị là cùng đơn vị chia sẻ khó khăn đồng cam, cộng khổ với đơn vị để hoàn thành nhiệm vụ được giao phó, mà nói cho thực tình ở một đơn vị tác chiến cấp tiểu đoàn có “cơm” cháo gì mà cướp?

Tôi thẳng thắn trình bày ý nghĩ trong sáng của mình và ông tư lệnh coi sự trình bày thẳng thắn của tôi là biểu lộ của một thứ thuộc cấp cứng đầu khó chỉ huy nên giao tôi về Trung Đoàn 44 với một sự vụ lệnh mới: Bổ sung sĩ quan tùy theo khả năng đề cử chức vụ! Câu chuyện chưa chấm dứt ở đây vì sau khi trình diện Trung Đoàn 44, vị Trung Tá Chỉ Huy Trung Đoàn lúc đó lại là Trung Tá Nguyễn Bá Th. - là trưởng khoa tác chiến khi tôi còn là một sinh viên sĩ quan trong trường Võ Bị. Trung Tá Th. hỏi tôi lý do sao lại có chuyện kỳ cục này. Tôi ngòai kể hết đầu đuôi cho ông nghe.

Sau đó một tuần, khi trung đoàn tổ chức hành quân vùng núi Đá Bạc Phan Rang. Tướng Ân tới thăm Bộ Chỉ Huy Hành Quân đóng tại Cà Ná, thấy tôi đứng xơ rớ quanh đó, ông hỏi Trung Tá Th. rằng sao không cho tôi ra đơn vị tác chiến? Trung Tá Th. trả lời muốn cho tôi làm quen với tình hình của đơn vị ít ngày rồi sẽ bổ nhiệm sau. Tướng Ân ra lệnh dùng trực thăng của ông đưa tôi ra ngay chỗ Tiểu Đoàn 1/44 đang tạm dừng quân trên một mỏm núi cao. Tôi được trực thăng chỉ huy của ông thả xuống một bãi trống nhỏ trên đồi và chiếc sac marin mang theo trên lưng vì chưa được lãnh quân trang dụng nào khác! Thiếu Tá A., Tiểu Đoàn Trưởng, cũng ngạc nhiên khi thấy tôi xuống chiến trường với chiếc sac marin lòng thòng không súng ống gì hết. Ông đành nói một chú lính mang máy tháo cây súng colt cho tôi mượn tạm để phòng thân - thậm chí tôi cũng chẳng có lệnh lạc là sẽ làm gì khi tới đơn vị này!

Giờ đây ngòai viết và nhớ lại những kỷ niệm này chỉ làm cho lòng tôi buồn thêm, vì về sau đó tôi đã gặp gỡ khá nhiều

các bạn cùng trang lứa cùng chung lỗi lầm vì tính thẳng thắn và trọng danh dự của một người lính. Thậm chí có những bạn vì bị hiểu nhầm chỉ vì dừng xe nói chuyện với bồ nhí của xếp mà bị đi đến mức mất cả mạng sống!

Mẹ ra thăm tôi lần cuối vào tháng 10 năm 1969 tại Phan Thiết. Mẹ ở lại với vợ chồng tôi ba ngày. Nhìn cảnh sống đơn sơ đạm bạc tạm bợ của các cháu bà rất buồn. Khi hai mẹ con ngồi tâm sự mẹ bảo sao con không tìm một chỗ ở nào cố định để cho con đi học hành tử tế chứ cứ sống vất vưởng thế này làm sao tụi nó học hành gì được.

Tôi trả lời mẹ rằng tôi đã có xin được một căn nhà trong khu cư xá sĩ quan ở Sông Mao, chừng cuối tháng này khi đơn vị trở về lại hậu cứ sẽ ở đó cố định và lo cho các cháu đi học.

Tôi không để ý tới việc mẹ tôi bảo nhà tôi lấy giấy bút ra viết ngay giỗ chạp của ông bà nội và thầy tôi trước khi lên xe đò ra về lại Sài Gòn. Sau này tôi mới nghe nhà tôi kể chuyện đó và khi mẹ mất vào cuối năm 1970 tôi hiểu ra chuyện đi thăm gặp tôi là mục đích trao lại trách nhiệm cúng giỗ ông bà trong phần hành trai trưởng của tôi. Chắc hẳn mẹ đã cảm thấy một điều gì đó không hay nên mẹ ra thăm gặp để dặn dò con cháu bồn phận với dòng họ. Ngày mẹ mất tiểu đoàn tôi đang bận hành quân vùng Tam Giác Sắt, Phan Thiết nên mãi hai ngày sau tôi mới xin được phép theo máy bay C47 trở về nhìn mặt mẹ lần cuối cùng.

Những chăm lo của mẹ đối với anh em chúng tôi còn được thể hiện bằng việc làm cuối cùng trước khi mẹ ra đi sang thế giới bên kia; mẹ mua sẵn hai phần quà một cho tôi và một cho em trai tôi để sẵn trong tủ thức ăn chờ chúng tôi về lấy mang đi. Số là hàng tháng tôi gửi ít tiền về biểu mẹ chi tiêu bằng cách gửi một chú lính có quê ở Sài Gòn nhân tiện nghỉ phép tiện ghé qua nhà đưa cho mẹ. Lần đó là Hạ Sĩ Quách Văn L. L. hẹn với mẹ sẽ qua lấy vào trưa hôm sau để ra trả phép rồi mang cho tôi. Còn em S. đang theo học khóa sĩ quan Hải Quân

hiện đang dự một lớp quân sự ở gần Sài Gòn cũng sẽ về nhà hôm ấy.

Mẹ tôi luôn có thói quen chăm nom con cái từ miếng ăn tới việc học hành. Tôi nhớ tới những ngày trọ học tại Hà Nội. Tháng tháng mẹ lên nhà ông bác rêu của tôi để thanh toán tiền trọ học và tiền ăn. Mỗi lần đi như thế mẹ chẳng bao giờ quên mang theo vài ký tôm cua bẻ đặc sản của Hải Phòng để một phần biếu cho gia đình bác H., một phần hai mẹ con dùng bữa trưa tại một quán cơm tám giò chả phố Hàng Buồm. Tôi nhớ có lần mẹ thấy móng tay tôi có vết than bùn bám trên các khớp móng tay, bà hỏi tôi lý do. Tôi thành thật kể mẹ nghe, nhà Bác H. nấu ăn bằng lò than. Để tiết kiệm, bác mua than vụn về trộn cùng bùn, nắm lại phơi khô để nấu. Tôi thấy vậy, lúc rảnh rỗi phụ bác ngồi nắm than nên tay bị tro than bám. Mẹ rung rung nước mắt bảo mẹ không muốn tôi làm chuyện đó, thậm chí còn bảo nếu tôi thích mẹ có thể mượn nơi khác cho tôi trọ học.

Cũng vì chuyện đó mà bà quyết định tôi không ăn cơm ở nhà bác H. nữa mà ghi tên ăn cơm tháng tại quán Phở Hối phố Bà Triệu - nói là để cho tiện việc học hành - còn thực chất là để tránh tình trạng phải phụ làm những việc vặt trong nhà, cho dù những việc tôi làm là hoàn toàn tự nguyện chứ không có lời yêu cầu nào của gia đình bác H. cả.

Mẹ tôi ra đi một mình vì các con đều bận việc nhà binh không có mặt trong lúc mẹ mất đột ngột vì bệnh tim mạch và phổi.

Suốt cả đời mẹ dành cho con cháu. Niềm vui của mẹ là mong con cháu nên người, không phụ lời bà từng hứa với thầy tôi trước đây. Bà từ chối tất cả hạnh phúc của riêng mình để toàn tâm toàn trí lo cho tương lai các con. Hai cháu nội đầu lòng của vợ chồng tôi đều được bà bông bế nâng niu. Gánh nặng trách vụ khiến tôi không chăm sóc được cho bà lúc tuổi già sức yếu làm tôi day dứt nhất trong đời. Điều an ủi là tôi đã mang tro cốt của bà về lại xum họp cùng thầy tôi trong nghĩa

trang của bên ngoại trong khuôn viên Hội Đồng Thiện Hải Phòng trong năm 1993.

Mẹ tôi sống rất chu đáo trọn nghĩa với gia đình bên nội. Khi thầy tôi mất năm 1949, mộ ông chôn ở Thôn Cúc Thủy Vĩnh Bảo. Ba năm sau cải táng, hai mẹ con dắt díu nhau đi mang tro cốt thầy tôi về lại Hải Phòng. Mẹ mua một mảnh đất trong khuôn viên chùa Đồng Thiện để xây mộ cho thầy. Năm 1956 khi Cộng Sản phát động cải cách ruộng đất đầu tổ địa chủ, bà nội tôi lúc đó đã trên 85 bị quy là địa chủ cũng bị lôi ra hành hạ và tước đoạt hết nhà của ruộng vườn của thầy tôi biếu cho ông bà lúc sinh thời. Bà được con cháu cất một căn chòi nhỏ sau góc vườn nhà cũ để ở. Mẹ về đón bà ra Hải Phòng ở chung được hơn một năm, bà nội đòi về sống và chết ở quê cùng dòng họ bên nội.

Khi được hỏi bà có mong muốn điều gì, bà nội chỉ ước ao có được một tấm áo quan gỗ quý cho bà khi lâm chung. Mẹ tôi làm đúng ước muốn của nội; mua cho cụ một quan tài gỗ hương theo ý cụ. Quan tài được mang ra chiếc chòi ngoài vườn, bộ ván gỗ của cụ được kê trên chiếc quan tài ấy. Mẹ lo liệu tiền bạc gói lại chăm nom bà nội tôi trước khi quyết định vượt tuyến vào Nam. Tôi biết một điều chắc chắn là cả họ bên nội tôi ai cũng nể mẹ và yêu thương mẹ qua trách nhiệm bổn phận dâu con và cung cách cư xử rộng rãi sẵn sàng giúp đỡ anh chị em mỗi khi có yêu cầu.

Mộ mẹ tôi được chôn ở Giồng Ông Tố phía bên Thủ Thiêm. Cho dù hoàn cảnh kinh tế khó khăn, cứ đúng ngày giỗ nhà tôi cùng các cháu lại kéo nhau qua sửa sang chùi rửa cúng bái bà. Nhà tôi còn kể mẹ linh lắm, lâu lâu trong lúc ngủ chập chờn thấy bà nội từ trên lầu xuống vén rèm nhìn các cháu ngủ rồi lên lầu trở lại. Riêng phần tôi, trong thời gian lao tù tôi mơ thấy mẹ hai lần, một lần vào năm 1980 trước khi chuyển trại từ Vĩnh Quang đi Nam Hà và một lần vào năm 1981 trước khi chuyển trại về Nam.

Khi tôi được về nhà vào tết Mậu Thìn 1988, theo thông tục hàng năm, ngày lễ Thanh Minh và giáp Tết vợ chồng con cái lại kéo nhau qua thăm mẹ. Năm 1993 sau khi qua Hoa Kỳ một năm, khu đất Giồng Ông Tố có lệnh giải tỏa, tôi nhờ người chị bà con sang cải táng và đưa tro cốt của mẹ trở lại Hải Phòng cùng chung nghĩa trang với thầy tôi. Cũng may mắn là bên ngoài có mua một miếng đất để táng cho những người thân trong họ nên mẹ tôi được xếp nằm chung với các bác và dì bên ngoài. Sau này vào các năm 1994 và 2005 khi trở về thăm quê, tôi có lo sửa sang lại mộ của thầy và mẹ. Bỏ quê hương miền Bắc dẫn con cái lập nghiệp phương Nam, chắc mẹ chẳng bao giờ nghĩ sẽ có một ngày trở lại quê cũ đoàn tụ trở lại với thầy. Cuộc đời của mẹ quá nhiều gian truân khổ nạn, lúc mẹ mất, hầu như con cái chưa thực sự phụng dưỡng được gì cho bà. Niềm an ủi duy nhất của mẹ là con cái đều được học hành tử tế, nên người hữu dụng. Vật chất không giàu có, nói đúng hơn bà đã từng giàu có, nên bà chỉ cần niềm vui khi nhìn con cái khôn lớn nên người.

Mẹ tôi ra đi sớm quá, khi mẹ mất, bà mới 56 tuổi. Mẹ tuổi Bính Thìn hơn tôi đúng hai con giáp. Nhưng ngồi nghĩ lại, giả định mẹ tôi còn sống sau ngày 30 tháng 4 năm 75 chắc hẳn mẹ sẽ đau lòng nhiều hơn khi nhìn thấy con cái đưa đi tù, đưa lang thang rong ruổi nơi xứ người, cháu chắt bị phân biệt đối xử, hành hạ bữa đói bữa no và nhất là cái họa cộng sản mà bà đã cố né tránh giờ đây lại phủ trùm xuống số phận của gia đình. Nhưng biết đâu, nếu bà còn sống, có thể bà đã bằng mọi cách đôn đốc chúng tôi dứt khoát giữ áo ra đi, bỏ lại tất cả giống như bà đã từng làm một lần? Thực sự không ai biết được.

Năm nay, tôi ngồi viết lại những dòng chữ này để tưởng nhớ tới mẹ tôi trong đau buồn và có chút hối hận vì đã không chăm sóc mẹ nhiều hơn khi mẹ còn sống. Tôi đã làm nhiều điều khiến mẹ phải buồn lo khi con cứ miệt mài chiến đấu trong nguy hiểm nơi chiến trường mà không quan tâm tới mẹ nhiều hơn.

Mọi ăn năn đều đã quá muộn. Tôi vẫn biết như thế. Nhưng sẽ tệ hại hơn nếu không có lần ân hận về một điều gì đó mình đã không làm một cách đúng mức trong đời. Viết ra không phải để con xin mẹ tha thứ vì con biết rằng mẹ luôn tha thứ cho mọi lầm lỗi của con. Viết ra để cho lòng con nhẹ bớt những ân hận lúc cuối đời.

Mẹ đã sống một đời sống hết lòng cho gia đình con cái. Con tin mẹ đang yên vui ở một thế giới khác hoan lạc, yên bình chẳng còn những khổ đau như cõi nhân gian này. Trái tim nhân hậu Bồ Tát của mẹ xứng đáng với kết cục như thế.

Trích đăng từ tác phẩm “Một Thời Chinh Chiến” của tác giả Song Vũ.



BUỒN VUI QUANH CHIẾC KHẨU TRANG

Nguyễn Diễm Nga - K17/2

*Khẩu trang buồn như một chiếc khăn tang
Thâm tiễn biệt bao nhiêu người xấu số
Che khuất nụ cười còn đang dang dở
Héo hắt dần theo cơn số tăng nhanh*

*Khi khắp nơi cơn đại dịch hoành hành
Mỗi mái ấm trở thành nơi trú ẩn
Khi thế giới bỗng chìm trong hoạn nạn
Mỗi bàn tay gom góp chút niềm tin*

*Khẩu trang buồn, tiếng nói cũng lặng im
Trong tâm thức kẻ vọng lời kinh khỏ
Hãy đeo lấy như một lời nhắc nhở
Mến yêu thêm từng hơi thở yên bình*

Là một vật thể biểu tượng cho cơn đại dịch Covid quả là một nỗi khổ tâm, cho dù bạn có là vật cứu cánh đi nữa, cảm giác cũng không dễ chịu chút nào!

Đó chính là tôi! Kẻ đã mang thân phận một chiếc khẩu

trang trong mùa dịch.

Tôi chỉ là một trong muôn muôn triệu những mảnh che chắn trên gương mặt loài người kể từ cuối năm 2019 khi dịch Covid xuất hiện.

Thật ra chúng tôi đã hiện hữu trong cõi đời này từ rất lâu rồi!

Từ những ngày mà ông cố, ông sơ của dòng tộc siêu vi khuẩn Corona này xuất hiện trên quả địa cầu này, thì tổ phụ của chúng tôi cũng đã có mặt để chế tài không cho chúng tác ai, tác quái. Tổ phụ của chúng tôi có mặt trong lĩnh vực y khoa, trong các phòng thí nghiệm, các phòng mổ, các phòng khám để thực hiện nghĩa vụ của mình.

Còn nhớ trong những bộ phim cổ trang, khi có những trận đánh xáp-lá-cà bao giờ bạn cũng thấy có một giàn những chiếc khiên đồng sáng loá, đúng không nào? Nhiệm vụ của những chiếc khiên này là che chắn cho người chiến sĩ tránh được những mũi gươm giáo của đối thủ đâm vào tử huyệt bảo vệ mạng sống. Nghĩa vụ của chúng tôi cũng thế, có khác chăng là bạn không thể thấy được đối thủ Covid bởi vì chúng vô hình.

Sự vô hình khiến cho cuộc chiến càng gay go và khó khăn hơn. Càng nguy hiểm hơn nữa khi đối thủ vừa có phép “tàng hình” lại vừa có thuật “thần thông biến hoá” từ dạng này sang dạng khác. Khi tôi viết bài này thì Covid biến dạng “Delta Variant” đang hoành hành tại Ấn Độ và lây lan nhanh sang các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, đang hứng chịu đau thương.

Trở lại với thân phận mỏng manh mềm yếu của chúng tôi, tuy không cứng cáp như đồng như thép kia, nhưng chúng tôi có thể dịu dàng ôm lấy gương mặt người từ vùng xoang má, qua sống mũi thanh cao và bao trọn xuống vùng cằm để cương quyết không cho vi khuẩn Covid xâm nhập qua tử huyệt mũi-họng đi vào buồng phổi.

Trộm nghĩ, chúng ta cũng nên nhắc lại sự khác biệt trong

nhân và thái độ của con người đón nhận chiếc khẩu trang vào đời sống ở những nơi chốn khác nhau trên quả địa cầu một chút!

Ở các nước Đông Nam Á do đã quen bị “hù dọa” bởi những đợt cúm SARS lây lan trước đó, và nhất là do môi trường đông dân, bị ô nhiễm bởi bụi bặm và khói xe, nên hầu hết người dân đều tự nguyện và quá quen thuộc với việc đeo khẩu trang để tự bảo vệ mình. Vì vậy, nay có phải đeo khẩu trang để chống Covid thì cũng là điều tất yếu nên làm và chẳng phiền hà gì.

Ở các nước Trung Đông nơi có nhiều tín đồ Hồi Giáo thì việc mang khẩu trang cũng không khác mấy so với việc phải mang mạng che mặt chỉ chừa ra hai con mắt, cho nên họ cũng chẳng mấy câu nệ.

Tuy nhiên, ở các nước Âu Tây, phải gắn một thứ che gần hết khuôn mặt của mình và ảnh hưởng đến hơi thở, giọng nói thì lại là một phần xâm lấn tự do cá nhân đáng kể đối với khối dân tự do vốn yêu chuộng và tôn thờ chủ nghĩa cá nhân. Chính vì vậy, để có thể dễ dàng chấp nhận việc đeo khẩu trang, họ phải tự thay đổi ý thức hệ của mình bằng nhiều cách, kể cả sáng tạo.

Điều này dẫn đến một bước ngoặt thú vị trong “kiếp khẩu trang” của chúng tôi, bởi vì đời sống của chúng tôi từ một mảnh vải y tế đơn điệu, tầm thường, xài xong một lần là “disposable” nay bỗng chốc ...lên hương...thăng hoa góp mặt trong ngành thời trang của loài người.

Chất liệu làm nên chúng tôi cũng muôn hình vạn trạng.

N95 được biết đến như là một phiên bản sáng giá, đúng nghĩa nhất, chuẩn mực nhất trong gia tộc khẩu trang chống Covid được dùng trong nhà thương và những cơ quan y tế chính thức. Còn lại là cả một bầu trời sáng tạo nghệ thuật dành cho những người dân trong đời sống riêng.

Chúng tôi bỗng chốc được biến hoá thành muôn màu ngàn sắc và thêm nhiều ý nghĩa. Người đeo khẩu trang có thể qua

chúng tôi để biểu hiện nhân sinh quan, niềm tin tôn giáo, xu hướng chính trị, có khi kể cả những lời thổ lộ tình yêu nữa qua những họa tiết, ngôn ngữ... trưng đầy hết lên trên vuông vải mềm che ngang mặt!

Chúng tôi có thể từ màu đen trang nhã xếp ly theo kiểu đai lưng Tuxedo cho đến ton-sur-ton nền nã đồng màu với từng bộ trang phục, hay trở nên lung linh đom hoa kết bướm, hoặc có khi lóng lánh “sương sa hạt lựu” dưới ánh mặt trời là đều tùy thuộc vào gu thẩm mỹ và ý thích chọn lựa của người đeo mask.

Những thương hiệu thời trang nổi tiếng trên thế giới như Chanel, Gucci (you name it!) bạn đều thấy có những mẫu thiết kế khẩu trang như một mặt hàng mới nóng hổi được yêu thích. Với chủ đích viết bài này, tôi bèn các có vào thử trang shopping online của thương hiệu Dolce & Gabbana thuộc dòng thời trang Saks Fifth Avenue/ New York xem sao thì tìm thấy một phiên bản khẩu trang lộng lẫy như tranh thêu, được làm từ khăn quàng cổ tuyệt đẹp bán với giá 90 đô-la. Hmm... liệu con siêu vi khuẩn Covid có phân biệt được giá trị vật chất của từng chiếc khẩu trang để tránh xa không nhỉ! Hi hi... có lẽ là không. Nhưng quý cô nếu được tặng chiếc khẩu trang xinh đẹp này thì chắc sẽ mang nó ngay cả khi đi ngủ!

Còn nhớ những ngày đầu mùa dịch vô cùng khan hiếm khẩu trang khắp mọi nơi, tôi biết có những tiệm nails của người Việt Nam phải đóng cửa, chủ tiệm (là một vài cô chú trong đại gia đình Võ Bị của tôi) và toàn bộ những người thợ trong tiệm của mình đã chuyển qua ngồi may mask, làm “hậu phương” sản xuất theo dây chuyền để may được thật nhanh, thật nhiều mask hầu gửi đến tiếp tế đến “tiền tuyến” chống Covid tại các bệnh viện vùng ổ dịch. Ôi! thật cảm động biết bao.

Tôi cũng biết một chị bạn trong suốt mùa dịch đã ở nhà, mỗi ngày cầm cùi bên chiếc máy may để tạo ra những chiếc khẩu trang với những họa tiết như một bức tranh nghệ thuật,

rồi lặng lẽ gửi tặng cho bạn bè và người thân như gửi sự quan tâm và tấm lòng thương mến của mình đến từng người nhận.

Chính những điều trên làm cho thân phận khẩu trang của chúng tôi thêm ý nghĩa khi được người ta nâng niu mỗi khi dùng đến, rồi lại giặt giũ sạch sẽ, kéo dài đời sống ngắn ngủi của chúng tôi vốn dĩ vẫn bị lạnh lùng “disposable” sau một lần sử dụng như trước kia. Tâm lý của người mang khẩu trang cũng dần dà biến chuyển từ “bị” sang “được” mang trên gương mặt những chiếc khẩu trang xinh đẹp thích hợp với ý thích của mình. Chúng tôi che khuất đi nụ cười của họ, nhưng chúng tôi đã khiến cho ánh mắt của họ hân hoan hơn vì sự hiện diện của chúng tôi trên gương mặt thay cho sự miễn cưỡng u buồn.

Dần dà, theo chiều dài thời gian của cơn đại dịch kéo dài hơn cả năm, hầu như tất cả mọi người trên thế giới đều đã “chấp nhận” việc đeo khẩu trang. Đối với một số người, khẩu trang được xem như một thứ khiên, giáp... vâng, một thứ “áo giáp” giúp cho họ mặc vào phòng thân và cảm thấy yên tâm.

Khẩu trang trở nên một thứ “vật bất ly thân” của tất cả mọi người. Đi đến bất kỳ nơi công cộng nào mà thiếu khẩu trang là không xong. Thậm chí ở một số tiểu bang trong tâm dịch, ai không đeo khẩu trang nơi công cộng là bị ghi giấy phạt. Khi bạn bay đến những tiểu bang khác trong thời dịch, mỗi tiểu bang luôn yêu cầu bạn phải điền vào một tờ đơn online ghi rõ ngày giờ đến và đi và nhắc nhở bạn phải tuân thủ luật lệ đeo khẩu trang của tiểu bang đó.

Có một giai đoạn mà CDC (Centers for Disease Control - một cơ quan của chính phủ đặc trách việc phòng chống bệnh truyền nhiễm) đã chính thức khuyến khích người dân nên đeo không những chỉ 1 lớp khẩu trang mà còn nên đeo thêm 2-3 lớp để gia tăng sự an toàn. Làm sao để thở, và làm sao để nói cho rõ bỗng trở thành kỹ năng cá nhân mà mỗi người phải tự rèn luyện cho mình trong mùa Covid.

Vì vậy, các nhà thiết kế không những chú trọng đến “hình

thức” đẹp đẽ của chiếc khẩu trang, mà họ còn chú trọng đến “độ thoải mái” của người đeo khẩu trang. Hầu hết các nhãn hiệu khẩu trang được sản xuất hàng loạt đều có phần kềm mỏng để nâng cao nơi sóng mũi định vị trên gương mặt. Phần 2 quai đeo khoác vào tai cũng được chế biến bằng loại dây thun mềm mại nhất để không bị cọ sát làm đau vành tai mỏng. Nhiên liệu vải để làm khẩu trang cũng mỏng hơn, nhẹ hơn cho... dễ thở, nhưng phải đảm bảo có độ thanh lọc vi khuẩn cao hữu hiệu hơn.

Tuy nhiên, nếu khẩu trang là mặt hàng bán chạy như tôm tươi trong mùa Covid, thì lại có những mặt hàng khác bị rơi vào tình trạng ảm đạm “ê sặc...”. Việc đeo khẩu trang vô hình trung đã gây ảnh hưởng khá bất ngờ đối với ngành mỹ phẩm. Nhu cầu son môi trên thị trường giảm thiểu đến mức báo động, bởi đâu ai còn tha thiết...

*Em về điểm phấn tô son lại
Ngạo với nhân gian một nụ cười
(Trích “Cảnh Đoàn Trường” - Thơ Thái Can)*

Ngược lại, nhu cầu về mascara chải lông mi, bút chì kẻ chân mày, lông mi giả ...vv...lại gia tăng đáng kể. Bởi vì người ta cho rằng “đôi mắt” nay mới có cơ hội để trở nên đúng nghĩa là “cửa sổ tâm hồn” (mà không còn sợ sự cạnh tranh của “nụ cười nghiêng nước nghiêng thành” nữa). Đây là nơi duy nhất để ta đọc được chút phản ứng trên gương mặt bị bít bùng của người đối diện. Có giả thiết còn cho rằng, khi đeo khẩu trang, người ta nhìn vào mắt nhau một cách tập trung, thẳng thắn và chân thành hơn. Vì vậy nhu cầu làm đẹp của hơn phân nửa nhân loại nay đổ dồn về việc trang điểm thật kỹ càng và thật đẹp cho đôi mắt để còn có những đôi mi chớp chớp, những ánh mắt liếc đong đưa xoa dịu tâm hồn người trong mùa Covid “... may mà có em đời còn dễ thương!”

Thế nhưng, chắc ít ai có thể ngờ là khẩu trang cũng có thể suýt trở thành nguyên nhân “làm chia ly đôi lứa chúng mình.”

Tôi biết có một cặp vợ chồng gắn bó với nhau đã lâu. Anh chồng làm việc tại một trung tâm sửa sang bảo trì xe hơi nên vẫn phải làm việc suốt mùa dịch vì nhu cầu phục vụ “essential needs”. Anh rất nghiêm túc trong việc đeo chiếc khẩu trang trông khùng khiếp như mặt nạ phòng hơi độc của anh trong suốt mùa dịch.

Chị vợ, ngược lại, rất ít khi phải mang khẩu trang vì chỉ làm việc một mình trong văn phòng riêng.

Một hôm họ nhận được quà tặng từ một người bạn là một đôi khẩu trang thiết kế theo kiểu “Tình Nhân” tuyệt đẹp màu đỏ có đính những hạt đá kim sa lóng lánh theo một thiết kế rất mỹ thuật.

Chị vui lắm, tíu tít bắt anh cũng phải đeo vào cho đủ đôi rồi lăng xăng đòi chụp hình selfie đem khoe bạn để cảm ơn. Anh miễn cưỡng làm theo lệ vì đàn ông đàn ang, ai lại đeo khẩu trang đỏ loe đỏ loét thế này trông thật chẳng giống ai!

Chợt giữa tháng 6 có một buổi họp mặt nhỏ giữa vài người bạn. Chị hân hoan loan báo: “Hôm đó em sẽ mặc chiếc áo đầm đỏ, đeo mask màu đỏ, anh cũng vậy nhé cho ton-sur-ton.”

Anh nghe bỗng lạnh gáy, rợn da gà!

Vốn biết vợ mình rất mê bài hát “Lady In Red” (của nhạc sĩ Chris De Burgh) từ lâu, nhưng cái viễn ảnh phải đóng bộ làm một “cặp đôi màu đỏ... kể cả cái mỏ” đi dự tiệc khiến anh... rùng mình toát mồ hôi, không biết cách nào thoái thác mà không làm cho vợ giận.

Đúng lúc đó, ngày 15 tháng 6, pháp lệnh đeo khẩu trang tại nơi công cộng được huỷ bỏ (lift off) cùng lúc với lệnh mở cửa trở lại của toàn tiểu bang. Trong niềm vui hân hoan đó, anh đã thoát nạn!

Kể lễ đông dài với bạn đọc những buồn vui của thân phận của chúng tôi - những chiếc khẩu trang thời Covid - để bạn thấy rằng cuộc sống của con người luôn luôn thay đổi cũng

như quan niệm và ý thức hệ dành cho mỗi vấn đề.

Ngày nay, người ta không còn bị chính thức bắt buộc phải đeo khẩu trang nữa, nhưng đây vẫn là chọn lựa của những ai lo lắng và muốn bảo vệ sức khoẻ của mình. Nghiên cứu cho thấy rằng “Delta Variant” vẫn có thể “break-thru” những người chưa chích ngừa đầy đủ và vẫn có thể gieo rắc mầm bệnh nguy hiểm đến cho cộng đồng. Vì vậy, chúng tôi vẫn luôn trong tư thế sẵn sàng phục vụ

Xin hãy ý thức được điều trên và xin hãy cầu nguyện cho những biến hoá của siêu vi khuẩn Covid ngừng thay đổi và ngừng lây lan trên khắp thế giới thì mới là lúc mà chúng tôi - những chiếc khẩu trang - mới thật sự vui vẻ hoá kiếp. Mong lắm thay!



Một Góc Trời Quê Hương

Vi Vân, K20/1

Những tin tức từ Việt Nam tiếp tục bay sang hằng ngày về tình hình dịch bệnh, về tình trạng thành phố bị phong tỏa, dân chúng thiếu thực phẩm đói khát khôn khổ vô cùng. Lòng Hằng quặn thắt thương xót đồng bào mình nạn kiếp triền miên, không biết bao giờ mới được như các quốc gia khác trên thế giới.

Tuy Hằng đang sống trên một đất nước tự do, sung túc nhưng niềm hoài vọng cố hương luôn ấp ủ trong lòng. Đã mấy mùa Hè rồi Hằng thất hứa với đứa con trai là sẽ đưa con về thăm quê mẹ, nhưng lần lựa mãi mà vẫn chưa thực hiện được. Hằng đưa mắt nhìn ra ngoài sân, hoa phượng tím nở rực suốt con đường. Mùa Hè Cali gợi nhớ những mùa Hè ngày xưa ở quê hương làm sao! Hằng thở dài buồn bã, bỗng có tiếng hát của Jason phát ra từ phòng cậu bé:

“Chưa bao giờ về Hà Nội. Chưa bao giờ ghé Sài Gòn. Chưa bao giờ thăm xứ Huế. Chưa bao giờ biết Việt Nam.

Tôi là con chim lạc bầy từ một chiều xưa. Tôi là mây bay ngàn đời bên trời tha phương. Quê mẹ trong tôi chỉ là vãn chương.

Ôi! Quê hương tuyệt vời nằm trên trang giấy. Qua lời ca dao mẹ hời ru nhẹ chiêm bao, nghe nặng nỗi đau biển gọi sóng gào...”

Hằng hiểu được nỗi lòng của con mình, chính Hằng cũng đang nghe hồn quê thôi thúc réo gọi trở về thăm lại chốn xưa nơi mà bao kỷ niệm chưa phai mờ, nơi có hình ảnh, bóng dáng người anh trai, bạn bè và có anh đang ở một góc trời nào đó trên quê hương mình. Hằng chợt thấy mắt mình cay cay, rồi một vùng trời quá khứ bỗng hiện ra rõ rệt như một cuốn phim đang chiếu trước mắt...



Sông nước miền Tây của Việt Nam.

Hằng lớn lên ở miền Tây sông nước, trên một thành phố hiền hòa trầm lặng, dạt dào tình cảm: Thành phố Cần Thơ. Có một ngày vào mùa Hè anh trai Hằng dẫn về nhà một người bạn và nói với mẹ Hằng là anh ta muốn xin ở trọ nhà Hằng để học luyện thi Tú Tài phần 1. Mẹ Hằng rất thương những người hiếu học nên bà nhận lời ngay. Thế là từ đó trong nhà Hằng có thêm người anh trai, không khí gia đình vui vẻ ấm áp hơn trước. Anh ấy tên Đoàn Văn Quân, các bạn anh hay đùa gọi anh là Quân Đoàn. Gia đình anh ở Long Xuyên (An Giang). Ba anh gửi anh học xa nhà vì anh không hợp với mẹ kế của anh. Tuy vậy ba anh rất thương và lo lắng cho anh nhiều. Ông chủ cấp tiền bạc và thư từ thăm hỏi anh thường xuyên nên anh

cũng được an ủi phần nào nơi xa nhà, xa người thân.

Suốt mấy tháng Hè hai anh chăm chỉ học hành nên không ai dám làm phiền các anh. Rồi mùa thi đến với kết quả tốt đẹp: cả hai anh đều đậu. Trước khi Quân về Long Xuyên, mẹ Hằng đã làm một bữa tiệc mừng cho hai anh. Vài bạn bè của hai anh cũng đến, một ngày vui nhộn đáng nhớ. Các anh cùng ăn uống, ca hát, phá phách, vui cười thỏa thích. Quân chỉ về quê có một tuần rồi trở lên nhà Hằng ngay. Quân nói anh không muốn ở nhà ba anh, Quân thích nhà Hằng với không khí ấm cúng, vui vẻ, đầy tình nghĩa. Quân xin mẹ Hằng cho anh ở luôn niên học tới.

Thời gian sao nhanh như nước chảy qua cầu, một năm dài trôi qua trong êm đềm thâm lặng, Trong khoảng thời gian đó Quân và Hằng có bao kỷ niệm khó quên. Hằng tuy mới 17 tuổi nhưng tâm hồn đã biết mơ mộng. Cô rất thích thơ, nhất là thơ tiền chiến của Nguyễn Bính, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Tản Đà... Quân thì trái lại rất giỏi Toán Học. Nhận thấy môn Toán của Hằng gần đội sổ trong lớp Quân đề nghị kèm Toán cho Hằng.

Quân có vẻ chỉ dẫn tốt hơn anh trai của Hằng vì khi dạy cho Hằng anh hơi nghiêm khắc. Sau ba tháng môn Toán của Hằng có tiến bộ, tuy không giỏi lắm nhưng ít ra Hằng đã được điểm trên trung bình. Cả nhà Hằng càng quý mến Quân hơn. Cũng trong khoảng thời gian này một thứ tình cảm lạ len lỏi vào tâm hồn cô bé. Mỗi lần sau giờ tan học hoặc Quân đi đâu về trễ là Hằng nôn nóng không yên. Nàng hay nghĩ ngợi, tưởng tượng Quân đang đi chơi, hẹn hò với cô nữ sinh nào đó. Ý tưởng Quân đã có người yêu rồi làm tim Hằng chọt đau nhói. Hằng thường tự hỏi và tự trả lời:

- “Tại sao vậy? Hay là mình đã thương anh ấy rồi? Không đâu, mình chỉ xem anh ấy như anh trai mình thôi...”

Quân biết thổi sáo trúc và đàn guitar như nhiều thanh niên miền Tây khác, vì thời đó phương tiện giải trí ở tỉnh rất hiếm.

Ngoài quán cà phê và rạp xi nê ra, các chàng chỉ giải trí bằng cách chơi đá banh, đàn guitar, thổi sáo trúc... thế thôi. Một hôm Hằng thấy Quân rất buồn, nét mặt đăm chiêu như có tâm sự khó nói ra. Anh ôm đàn và hát:

“Đời là vạn ngày sầu, biết tìm vui chốn nào? Ta quen nhau bao lâu nhưng tình đã có gì đâu. Nhiều khi anh cũng muốn biết, biết bao giờ hoa nở tình yêu cho lòng anh bớt quạnh hiu khi bóng chiều buông xuống tịch liêu...”

Hằng nghe như có đũa vỡ nào đó trong tâm hồn anh. Rõ ràng anh đã có người yêu và đang nhớ đến nàng ấy, rồi đây mình sẽ mất anh vĩnh viễn. Không kềm hãm được mình Hằng chạy đến bên Quân hỏi anh:

- Anh Quân, anh đã có người yêu rồi phải không? Anh đang buồn vì cô ấy phải không?

Quân quay sang nhìn Hằng:

- Hằng hiểu lầm anh rồi. Anh đang buồn vì còn hai tháng nữa là đến kỳ thi Tú Tài phần 2. Dù đậu hay rớt anh đều phải xa căn nhà này, xa những người mà anh rất trân quý và nhất là... em.

Hằng mở to mắt nhìn Quân:

- Tại sao vậy?

- Vì nếu thi đậu thì anh phải lên Sài Gòn học, vì ở đây chưa có trường đại học. Nếu thi rớt thì anh phải đi lính, dù thế nào cũng phải xa em thôi.

- Anh nói thật chứ? Em quan trọng với anh vậy sao?

Quân nhìn Hằng lắc đầu:

- Em còn ngây thơ quá, chính vì vậy mà anh không muốn tâm hồn em vương vấn bất cứ điều gì.

Hằng lờ mờ hiểu được ẩn ý của Quân, nàng giục:

- Anh hãy nói rõ cho em biết đi. Đừng để em hoang mang, nghĩ ngợi.

Quân dò xét:

- Hằng biết được ý anh rồi sao?

Hằng gật đầu rồi bỗng òa khóc:

- Tại sao anh không nói cho em biết là anh thương em để cả hai đều khổ như vậy?

Quân đưa tay kéo Hằng vào lòng, vỗ nhẹ vào đầu và lau nước mắt cho cô. Thật lâu Quân lên tiếng:

- Anh thấy em còn trẻ quá, sợ nói ra sẽ làm xáo trộn cuộc sống và việc học hành của em nên anh đành câm lặng.

- Anh định đến khi nào mới nói ra, hay để đến lúc anh có một bóng hình nào khác rồi quên em luôn?

- Không có chuyện đó đâu.

Tình yêu của Hằng bắt đầu từ đó, trong gia đình không ai có thể ngờ được. Có những lần lén nhìn trộm Quân cặm cụi bên trang sách, Hằng biết chàng đang cố gắng học để có kết quả tốt. Tuy vậy Quân vẫn không quên mỗi buổi chiều đến lớp Hội Việt Mỹ đón Hằng về. Những buổi chiều thần tiên đó vẫn còn hằn sâu trong ký ức của cô.

Hai người đi bộ, lang thang theo bờ sông để nhìn hoàng hôn đang dần xuống. Dòng Bassac mênh mông bát ngát, từng cơn sóng nhỏ vỗ nhẹ vào mạn thuyền bè trên sông tạo nên một thứ âm thanh êm êm, triu mến khó tả. Ánh tà dương từ từ lặn xuống bên kia bờ xa, phản chiếu xuống dòng nước. Mặt trường giang bây giờ chỉ còn là một màu vàng lấp lánh tuyệt diệu. Những lúc đó Hằng cảm thấy cuộc đời sao đẹp quá, có Quân bên cạnh nàng được chở che, bảo vệ, chăm sóc ân cần... Ôi! Tình yêu đầu đời của mình sao quá tốt đẹp. Cảm ơn Thượng Đế.

Rồi mùa thi lại đến, Quân và cả anh trai Hằng đều đậu rất cao. Năm nay khác hẳn năm trước, dù hai anh đều đậu nhưng không khí gia đình lại u buồn lặng lẽ vì ai cũng biết là hai anh sẽ lên Sài Gòn học tiếp. Riêng Hằng càng thấy não lòng hơn vì

cô biết Quân đi rồi sẽ không có ngày về lại sống trong gia đình cô nữa. Đêm cuối cùng trước khi chia tay, hai người thức suốt đêm tâm sự. Quân tặng cho Hằng một sợi dây chuyền có mặt hình trái tim với hình của hai đứa. Hằng hốt hoảng hỏi Quân:

- Hằng đâu có chụp hình chung với anh, sao lại có tấm hình này?

- Anh nhờ tiệm chụp hình họ ghép. Em cứ giữ để nhớ anh trong những ngày mình xa nhau. Nếu sau này vì lý do gì chúng ta không sum họp thì em hủy nó đi để chồng em không thắc mắc.

Hằng không biết nói gì chỉ gục đầu vào Quân mà khóc và linh cảm rồi nàng sẽ mất Quân mãi mãi.

Đêm âm thầm trôi, họ ngồi dưới gốc cây ngọc lan ngạt ngào hương thơm nhưng liệu tình yêu này có thơm nồng như hương ngọc lan không? Trời sắp sửa vào Thu, trăng hạ tuần mờ nhạt lơ lửng giữa đỉnh trời, như cũng u buồn thương cảm cho giây phút chia ly của đôi tình nhân trẻ. Dưới ánh sáng mờ ảo, huyền hoặc liêu trai, từng cơn gió nhẹ rít qua kẽ lá tàng cây, tiếng nỉ non của côn trùng hòa theo từng hơi thở tức nghẹn trong lồng ngực của hai người trong cuộc. Ngàn câu muốn nói nhưng chẳng thành lời, vạn nẻo đường đời ai biết ngày sau sẽ ra sao! Thôi phó mặc cho định mệnh, cho duyên số đưa đẩy.

Hôm sau Hằng tiễn chân Quân và anh trai mình ra tận bến xe về Sài Gòn. Tháng Chín trời mưa buồn lất phất, cơn gió lạnh len vào tận tâm hồn người đi, kẻ ở. Xe lăn bánh lâu rồi Hằng vẫn đứng bất động nhìn theo con đường hun hút chạy về xa...

Hai anh lên Sài Gòn không được bao lâu thì nghe tin cả hai cùng nhập ngũ. Hai anh vào thẳng quân trường, mọi sự phân trần, giải bày chỉ bằng những lá thư viết vội vã. Hằng và gia đình chỉ biết cầu nguyện, cầu xin cho hai anh được mọi sự bình an. Những ngày tháng này đối với Hằng vô cùng buồn khổ, vừa lo lắng vừa nhớ thương. Cô bé ngày thơ bỗng chốc

trở thành chinh phụ luôn dõi mắt trông về một phía trời xa, theo dấu từng bước chân anh trên vạt nẻo sông hồ dung rui. Những năm tháng đó là khoảng thời gian khốc liệt nhất của cuộc chiến Việt Nam. Anh trai Hằng tử trận, mẹ nàng như điên như dại khóc thương con. Còn Quân thì bật vô âm tín.

Tin tức từ các đài phát thanh loan truyền làm kẻ ở hậu phương biếng ăn mất ngủ. Nào là những trận đánh của Mùa Hè Đỏ Lửa, trận tái chiếm cố thành Quảng Trị, trận An Lộc - Bình Long,... Hằng chỉ biết Quân đang được tăng viện ra Vùng 1, nhưng không biết ở đâu. Nàng cứ trông đợi một lá thư, một tin tức từ chàng nhưng cánh chim trời còn bay mãi tận phương nào.

Giữa năm 1974, ba Quân mất, anh được mấy ngày phép đặc biệt về tiễn ông đi. Quân ghé qua thăm Hằng và gia đình nàng một đêm rồi vội vã lên đường ngay hôm sau.

Một đêm quý báu của hai người sau mấy năm thương nhớ, trông đợi mỗi mòn, biết bao điều cần tâm sự với nhau. Vẫn vàng trắng năm xưa đó, vẫn hương thơm ngọc lan nhẹ nhẹ tỏa ra nhưng sao nổi sầu càng trĩu nặng. Nắm tay Hằng, Quân không nói lời nào. Chàng lặng lẽ nhìn lên bầu trời bàng bạc hơi sương như đang mang tâm sự u buồn khó tả. Hằng biết rằng đất nước đang trong tình trạng nguy cấp, mất hay còn chưa biết. Ngoài kia súng nổ, đạn rơi, hỏa châu bùng sáng giữa đêm đen, từng đoàn công-voa nối tiếp lên đường... Ai biết rồi anh sẽ ra sao, sẽ thế nào giữa cuộc chiến hãi hùng này?

Thật lâu Quân lên tiếng:

- Anh không biết bao lâu nữa mới được gặp lại em. Những người lính như anh không quyết định được gì cho riêng mình cả em à.

- Em hiểu chứ, em không kỳ vọng gì ở anh đâu. Em chỉ mong anh được mạnh khỏe, bình an ngoài chiến trường, qua được giai đoạn khó khăn này thôi. Em cũng biết anh không có thì giờ để nghĩ đến một người con gái khác ngoài em. Hằng

tin tưởng nơi anh mà.

Quân nhìn Hằng trĩu mến và khẽ gật đầu. Đêm chìm sâu trong tĩnh mịch đến rợn người, một vì sao vừa rụng xuống cuối trời xa, mắt Hằng chợt ướt...

Sau ngày đó Quân trở về đơn vị và cũng là lần cuối cùng Hằng không còn gặp Quân nữa.

Tình hình chiến sự càng căng thẳng, gay gắt, bi đát cho đến cuối tháng Tư 1975 thì mọi sự đã đổi thay. Miền Nam thất thủ, Hằng cùng mẹ và các em theo người cậu di tản sang Hoa Kỳ. Từ đó đôi bờ đại dương ngăn cách, Hằng không biết tin tức gì về Quân cả. Nàng vẫn mang trong lòng nỗi nhớ thương về người cũ dù không biết anh đã ra sao. Hằng nhờ người bạn quê ở Long Xuyên tìm kiếm gia đình Quân nhưng họ không còn ở đó nữa. Không ai biết họ về đâu!

Nơi xứ người Hằng miệt mài làm việc để nuôi mẹ và các em. Mỗi độ Hè về nàng không khỏi ngậm ngùi nhớ về những mùa Hè năm xưa, thật đẹp, thật nên thơ, ngọt ngào, êm đềm, mát dịu như dòng nước quê hương. Hy vọng gặp lại Quân không còn nữa, Hằng vâng lời mẹ lập gia đình với Huy. Huy cũng từng đi tù và trước 75 chưa lập gia đình nên giờ này vẫn còn độc thân. Huy cũng có người yêu cũ nên anh thông cảm cho nỗi lòng của vợ, không tỏ vẻ ghen tương gì với quá khứ của Hằng. Hằng và chồng có một đứa con trai tuấn tú, đáng yêu là Jason. Cậu bé hay hỏi mẹ, hay tìm hiểu về quê hương Việt Nam bên kia bờ đại dương. Qua lời mẹ, Jason rất yêu mến quê mẹ và luôn mơ ước một ngày được nhìn thấy Việt Nam. Cậu học tiếng Việt, nói rất rành, ca tiếng Việt cũng rất hay.

Một chiều Chủ Nhật đi lễ nhà thờ, Hằng tình cờ gặp lại một người bạn cũ, cô ấy biết rõ về gia đình Quân. Cô ta cho biết Quân vẫn còn sống và hiện đang cư ngụ trong một quận thuộc tỉnh Hậu Giang. Anh trai cô ấy ở gần nhà Quân và thân thiết với Quân lắm. Nhân cơ hội này, Hằng xin địa chỉ của Quân và

viết liền một lá thư cho chàng. Một tháng sau Hằng nhận được bức thư hồi âm của Quân. Rất nhiều năm rồi, giờ nhìn thấy nét chữ quen quen ngày xưa Hằng vô cùng xúc động, ngực như nghèn nghẹn, tim hồi hộp bấn loạn, tay run run mở thư Quân ra đọc.

Trong thư Quân kể rằng khi miền Nam thất thủ anh đang ở miền Trung. Vất vả, khó khăn lắm anh mới tìm đường về quê Long Xuyên của anh. Từ nhỏ Quân ở xa nhà nên hàng xóm không biết nhiều về anh. Gia đình anh nói với mọi người anh chỉ là lính thôi nên Cộng Sản không để ý đến anh và anh cũng không phải đi “học tập cải tạo” như bao sĩ quan QLVNCH khác. Anh từng lên Cần Thơ tìm Hằng nhưng gia đình Hằng đã di tản rồi nên anh chọn quận Phụng Hiệp của tỉnh Hậu Giang ở luôn nơi đó vì có gia đình Di của anh. Hai lần Quân vượt biên định ra nước ngoài tìm Hằng nhưng đều thất bại. Không còn hy vọng gì anh đành bắt đầu cuộc sống của một nông dân cho qua ngày tháng. Vì Quân trốn không đi tù nên anh cũng không có cơ hội đi Mỹ theo diện HO.

Tuyệt vọng, chán nản Quân ngậm ngùi với số phận và thầm cầu mong cho Hằng sớm quên chàng mà sống vui vẻ. Để vơi bớt buồn đau vì thời cuộc, vì lạc mất người yêu, anh mở lớp dạy đàn guitar cho các em học sinh nơi đây cho khuây khỏa. Nhờ vậy cũng có một số người gọi anh bằng thầy, điều đó cũng an ủi phần nào cho anh nông dân bất đắc dĩ. Quân cũng đã thành hôn với một cô gái địa phương và có hai con trai. Cuộc sống tạm yên ổn nhưng vẫn không thể phôi phai hình ảnh người yêu. Giờ liên lạc được nhau thì đã quá muộn màng nên Quân bảo Hằng hãy xem anh như anh trai ngày xưa và mong em, cháu có dịp về thăm quê hương một chuyến, anh sẽ chờ Hằng.

Đọc thư Quân Hằng an tâm và vui mừng không xiết. Thế là mọi sự đều tốt đẹp, Hằng có được người chồng đáng kính, một đứa con ngoan; Quân cũng có vợ hiền, con giỏi thì còn gì hơn?

Chuyện ngày xưa như con nước trôi theo dòng, xa bờ bên rồi không bao giờ quay về chốn cũ được. Giờ chỉ còn là những kỷ niệm đẹp để làm hành trang trong cuộc sống. Hằng rất cảm động vì biết rằng nơi đó, ở một góc trời xa xôi đó anh đang sống, đang dùng những tiếng đàn trầm bổng du dương cho tâm hồn lắng dịu nỗi xót xa, đau buồn để sống với vợ con trong những tháng ngày còn sót lại. Hằng biết rằng trong tim anh vẫn có một khoảng dành cho nàng nhưng bổng phận, trách nhiệm hiện tại anh không thể nào chối bỏ. Hằng lẩm bẫm:

- Anh an tâm, em vẫn là em gái của anh ngày nào. Ngày đó mình bắt đầu bằng tình anh em, rồi sau đó thành tình yêu, bây giờ trở lại vẫn là tình anh em. Em sẽ về thăm anh, thăm vùng trời quê hương sau bao năm xa cách.

Tiếng hát của Jason vẫn còn vang vang:

“...Ai về quê hương nhật giùm vài ba nhánh lúa. Ôm chặt trong tay bồi hồi nghe lòng say say. Quê mẹ tôi đây, quê mẹ tôi đây.

Chưa bao giờ về Hà Nội. Chưa bao giờ ghé Sài Gòn. Chưa bao giờ thăm xứ Huế. Nhưng tôi là... người Việt Nam...”

Hằng bước tới cửa phòng Jason nhìn con mỉm cười thầm nói:

- Mẹ sẽ đưa con về thăm Việt Nam vì ở một góc trời quê hương đó có một người đang trông ngóng, mong đợi chúng ta về từng ngày, từng giờ. Mẹ sẽ đưa con về, Jason ạ!

Cali mùa Hè 2021

CÁC SƯ ĐOÀN BỘ BINH QLVNCH

Bùi Quyền, K16

(tiếp theo)

5. Sư Đoàn 2 Bộ Binh:

Sư Đoàn 2 Bộ Binh được thành lập ngày 1/2/1955, theo các Nghị Định 041-QP/ND ngày 10/2/1955, và các Sắc Lệnh TTM 1,065/TLM/DEQK/1/5 ngày 21/1/1955 và 0821/TTM/1/1/SC 14/2/1955.

Sư Đoàn 2 là hậu thân của Liên Đoàn 32 Lưu Động được thành lập tại miền Bắc Việt Nam vào ngày 3/11/1953. Sau Hiệp Định Genève vào tháng 7 năm 1954, Liên Đoàn gồm 3 tiểu đoàn, các đơn vị pháo binh yểm trợ, cùng các đơn vị phụ thuộc các Ban của Bộ Tư Lệnh được hải vận từ Hải Phòng đến Nha Trang, rồi đến Đà Nẵng. Mặc dầu không xác định được văn bản thành lập Liên Đoàn 32, Liên Đoàn 32 Lưu Động được chính thức giải tán vào tháng 12 năm 1954, trên thực tế.

(Hai liên đoàn lưu động khác là Liên Đoàn 21 và Liên Đoàn 31 đã được giải tán ngày 15/12/1954.) (Độc lịch sử của



Sư Đoàn 1 Bộ Binh để biết chi tiết.)

Trung Tá Tôn Thất Đình, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 32 Lưu Động trở thành vị Tư Lệnh đầu tiên của tân Sư Đoàn 32 Dã Chiến mà cốt lõi là Bộ Chi Huy và các đơn vị khác của liên đoàn lưu động cũ. Một số các đơn vị khác di tản từ miền Bắc vào cũng được sát nhập vào sư đoàn. Mặc dầu sắc lệnh thành lập định rõ là ngày 1/2/1955, nhưng một trong các sắc lệnh xác định ngày 1/1/1955 là ngày chính thức.

Sư Đoàn 32 được cải danh thành Sư Đoàn 32 Dã Chiến vào ngày 1/8/1955. Ngày 1/11/1955, Sư Đoàn 32 Dã Chiến trở thành Sư Đoàn 2 Dã Chiến. Lần đổi tên chót là vào tháng 1/1959 khi Sư Đoàn trở thành **Sư Đoàn 2 Bộ Binh**.

Khởi thủy Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn nằm tại Đà Nẵng, nhưng sư đoàn đã sớm tham dự cuộc Hành Quân Giải Phóng (“Liberation”) (Tên gọi cuộc hành quân của quân đội Quốc Gia Việt Nam, vào thời gian này.) Trong cuộc hành quân Giải Phóng, sư đoàn dành quyền kiểm soát các tỉnh phía Nam Quảng Ngãi và Bình Định (Liên Khu 5 Cộng Sản), qua chín giai đoạn, kể từ 22/4/1955 và kết thúc ngày 17 tháng 5.

(Cuộc hành quân diễn ra một cách êm ả, căn cứ theo Nghị Định Thứ 27, Hiệp Định Genève.)

Về phần mình, Sư Đoàn 32 đổ bộ xuống hải cảng Quảng Ngãi của Sa Huỳnh, và sau đó dành quyền kiểm soát các khu vực từ Tam Quan đến Phù Cát của tỉnh Bình Định.

Sư Đoàn 2 thông thường hoạt động tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, và Quảng Tín (tách ra khỏi Quảng Nam năm 1962), mặc dù năm 1963 Trung Đoàn 4 được gửi xuống vùng châu thổ sông Cửu Long vài tháng. Trong quá khứ, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn luân phiên đóng giữa Đà Nẵng và Quảng Ngãi. Tháng 5 năm 1965, Bộ Tư Lệnh di chuyển từ Đà Nẵng xuống Quảng Ngãi. Cuối cùng đầu năm 1972, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn đã di chuyển từ “thành lũy” (một căn cứ quân sự cổ xưa

- “citadel”) Quảng Ngãi tới một căn cứ Chu Lai của Mỹ trước đây, phía Nam tỉnh Quảng Tín.

Các Trung Đoàn 4, 5, và 6 Bộ Binh (*vào trước tháng 11 năm 1955 là các Trung Đoàn 32, 155, và 31*) là các đơn vị phụ thuộc của Sư Đoàn 2 từ năm 1955. Tiểu Đoàn 1 của Trung Đoàn 6, cùng với 2 tiểu đoàn hiện đang thuộc Sư Đoàn 21 Bộ Binh được tin rằng là đơn vị lâu nhất của quân lực VNCH. Lúc đầu, Tiểu Đoàn 1 mang tên Đệ Nhị Tiểu Đoàn Việt Nam, được thành lập vào ngày 1/10/1949 tại Thái Bình, Bắc Việt.

Danh tính các vị Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh:

- Đại Tá Tôn Thất Đính:	1/01/1955	2/11/1956
- Trung Tá Đặng Văn Sơn:	2/11/1956	14/06/1957
- Trung Tá Lê Quang Trọng:	14/06/1957	23/08/1958
- Đại Tá Dương Ngọc Lắm:	23/08/1958	8/06/1961
- Đại Tá Lâm Văn Phát:	8/06/1961	18/06/1963
- Đại Tá Trương Văn Chương:	18/06/1963	6/12/1963
- Chuẩn Tướng Tôn Thất Xứng:	6/12/1963	30/01/1964
- Chuẩn Tướng Ngô Dzu:	30/01/1964	29/07/1964
- Đại Tá Nguyễn Thanh Sảng:	29/07/1964	15/10/1964
- Th. Tướng Hoàng Xuân Lãm*:	15/10/1964	10/01/1967
- Thiếu Tướng Nguyễn Văn Toàn:	10/01/1967	22/01/1972
- Chuẩn Tướng Phan Hòa Hiệp:	22/01/1972	27/08/1972
- Chuẩn Tướng Trần Văn Nhựt:	27/08/1972	30/04/1975

* *Đồng đảm nhiệm chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn I từ 30/5/1966.*

6. Sư Đoàn 22 Bộ Binh:

Sư Đoàn 22 Bộ Binh được thành lập ngày 1/4/1959, theo các Sắc Lệnh TTM/ 5116/ TTM/ 1/1/MK 12/12/1959 và Sắc Lệnh TTM/1029/TTM/1/1/MK 28/2/1959)

Sư Đoàn 22 Bộ Binh là một trong 3 sư đoàn bộ binh được thành lập năm 1959 theo kế hoạch dẹp bỏ các sư đoàn khinh chiến và dã chiến để thay thế bằng các sư đoàn đúng với tiêu

chuẩn ấn định của một sư đoàn bộ binh. Sư Đoàn 22 Bộ Binh được hình thành từ 2 Sư Đoàn 12 và 14 Khinh Chiến. Hay nói một cách khác thì Sư Đoàn 22 Bộ Binh chính là hậu thân của Sư Đoàn 14 Khinh Chiến.

Vào ngày 1/8/1955, sáu sư đoàn khinh chiến chính thức thành hình với các trung đoàn hầu như đã có sẵn các tiểu đoàn hiện diện. Bản doanh Sư Đoàn 2 Khinh Chiến được đặt tại KonTum ở cao nguyên Trung Việt. Tuy vậy, từ khởi thủy 8 trong 9 tiểu đoàn nằm trong 3 Trung Đoàn 103, 104, và 105 đã được thành lập tại vùng châu thổ sông Cửu Long.

Vào ngày 1/11/1955, Sư Đoàn 2 Khinh Chiến biến thành Sư Đoàn 12 Khinh Chiến. Các Trung Đoàn 103, 104, và 105 được sửa đổi tên thành các Trung Đoàn 34, 35, và 36. Sư đoàn này và các trung đoàn phụ thuộc đã được giải thể vào năm 1959, vì thế các trung đoàn này được sát nhập vào tân Sư Đoàn 22 Bộ Binh.



Sư Đoàn 4 Khinh Chiến cũng đã được thành lập ngày 1/8/1955. Hậu cứ ban đầu của sư đoàn đặt tại thị xã Ban Mê Thuột của tỉnh Đắk Lắk, nhưng sau một thời gian ngắn đã chuyển về thành phố ven biển Qui Nhơn. Hầu như các quân nhân trong sư đoàn đều có gốc gác từ vùng cao nguyên. Vào ngày 1/11/1955, Sư Đoàn 4 Khinh Chiến được đổi số lại thành Sư Đoàn 14 Khinh Chiến và các Trung Đoàn 401, 402, và 403, sau đó đổi tên thành các Trung Đoàn 40, 41 và 42.

Đầu năm 1956, sư đoàn đã tham dự và đạt thắng lợi trong cuộc hành quân tại vùng châu thổ sông Cửu Long nhằm diệt trừ các lực lượng võ trang của “Tướng” Ba Cụt Lê Quang Vinh và các lãnh tụ Hòa Hảo chống đối chính phủ.

Kế hoạch thành lập Sư Đoàn 22 Bộ Binh khởi sự từ năm

1958. Đầu năm 1959, hậu cứ Sư Đoàn 14 Khinh Chiến và Trung Đoàn 41 nằm tại KonTum. Trung Đoàn 40 nằm tại DakTo, 45 km Bắc KonTum, trong khi Trung Đoàn 42 nằm tại Phú Thạnh trên Quốc Lộ 1 và ở phía Tây Qui Nhơn 15km. Vào ngày 31/3/1959, Sư Đoàn 12 Khinh Chiến chấm dứt sự hiện diện. Ngày hôm sau Sư Đoàn 14 Khinh Chiến chính thức đổi thành Sư Đoàn 22 Bộ Binh.

Tháng 11 năm 1960, sư đoàn được giao phó trách nhiệm giữ an ninh hai tỉnh PleiKu và KonTum. Hậu cứ sư đoàn tiếp tục đặt tại KonTum. Vì tình hình quân sự thay đổi, sư đoàn được chuyển về vùng duyên hải trong tháng 3 năm 1965 và được trao trách nhiệm bảo vệ các tỉnh Bình Định, Phú Yên, và Phú Bổn. Bản doanh sư đoàn được chuyển về Bà Gi, nằm ở 15km phía Tây Bắc thị xã Qui Nhơn, tỉnh Bình Định.

Năm 1966, Trung Đoàn 47 Biệt Lập được sát nhập vào sư đoàn. Trung đoàn này hình như được thành lập vào đầu thập kỷ 1960 (*Trung Đoàn 47 trước đó, một bộ phận thống thuộc Sư Đoàn 16 Khinh Chiến tại Quảng Trị được thành lập ngày 1/11/1954 và bị giải thể ngày 31/3/1959.*) Tháng 4 năm 1962, Trung Đoàn 47 hoạt động tại tỉnh Phú Yên để yểm trợ Sư Đoàn 9 Bộ Binh. Tháng 4 năm 1963, một thành phần của Trung Đoàn 47 ở Quảng Ngãi hành quân hỗ trợ Sư Đoàn 25 Bộ Binh. Ngày 1/11/1963, Trung Đoàn 47 sát nhập vào Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Trung đoàn hoạt động biệt lập trở lại ngày 16/10/1965, nhưng sau đó đã sớm gia nhập vào Sư Đoàn 22 Bộ Binh.

Cuối năm 1965, Trung Đoàn 42 rời Sư Đoàn 22 Bộ Binh và sát nhập vào Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Tuy nhiên trung đoàn hoạt động biệt lập trở lại ngày 1/7/1966 và được đặt thuộc quyền Biệt Khu 24 tân lập (thuộc lãnh thổ tỉnh Kon Tum). Biệt khu bị hủy bỏ ngày 30/4/1970 và ngày hôm sau, Trung Đoàn 42 Bộ Binh gia nhập Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Tiền doanh của sư đoàn được đặt tại Tân Cảnh, DakTo trong tỉnh KonTum.

Đầu năm 1972, sư đoàn có 2 Trung Đoàn 40 và 41 tại Bình Định. Vì những biến chuyển dữ dội suốt giai đoạn CS tiến công năm 1972, tiền doanh của sư đoàn tại Tân Cảnh bị tràn ngập và vị tư lệnh sư đoàn bị mất tích trong khi giao tranh. Hai trung đoàn tại vùng cao nguyên được rút xuống Bình Định để tái trang bị cùng với hai trung đoàn đang trú đóng tại tỉnh này. Cả hai trung đoàn này cũng bị thiệt hại nghiêm trọng năm 1972.

Vào cuối năm 1972, Sư Đoàn 22 Bộ Binh sau khi đã tái trang bị liền tái khai thông hành lang Quốc Lộ 1 tới Bắc Bình Định. Đầu năm 1973, cả 4 trung đoàn đều nằm tại Bình Định. Tuy vậy vào cuối năm đó cả bốn trung đoàn đều được tái phối trí tại khu vực KonTum, PleiKu.

Kể từ đầu 1973, Sư Đoàn 22 Bộ Binh đã đặt bản doanh tại An Sơn, một căn cứ Đại Hàn trước kia nằm tại phía Tây Qui Nhơn chừng 15km.

Danh tính các vị Tư Lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh:

- | | | |
|--------------------------------|------------|------------|
| - Trung Tá Trần Thanh Chiêu *: | 1/04/1959 | 8/09/1959 |
| - Trung Tá Nguyễn Bảo Trị: | 8/09/1959 | 5/11/1963 |
| - Đại Tá Nguyễn Thanh Sảng: | 5/11/1963 | 5/02/1964 |
| - Ch. Tướng Linh Quang Viên: | 5/02/1964 | 7/9/1964 |
| - Đại Tá Nguyễn Văn Hiếu: | 7/09/1964 | 24/10/1964 |
| - Ch. Tướng Nguyễn Xuân Thịnh: | 24/10/1964 | 1/04/1965 |
| - Ch. Tướng Nguyễn Thanh Sảng: | 1/04/1965 | 28/06/1966 |
| - Ch. Tướng Nguyễn Văn Hiếu: | 28/06/1966 | 11/08/1969 |
| - Ch. Tướng Lê Ngọc Triển: | 11/08/1969 | 1/03/1972 |
| - Đại Tá Lê Đức Đạt**: | 1/03/1972 | 1/04/1972 |
| - Ch. Tướng Phan Đình Niệm: | 2/04/1972 | 30/04/1975 |

*Trung Tá Chiêu, Tư Lệnh Sư Đoàn 14 Khinh Chiến, tiền thân của Sư Đoàn 22 Bộ Binh, ngày 28/3/1958.

Các vị tư lệnh khác của Sư Đoàn 14 Khinh Chiến là Trung Tá Nguyễn Văn Chuân (1/8/1955), Trung Tá Lê Huy Duyên (19/2/1957), Trung Tá Hồ Văn Tô (14/6/1957).

** Thất tung ngày 22/4/1972.

7. Sư Đoàn 18 Bộ Binh:

Sư Đoàn 18 Bộ Binh được thành lập ngày 16/5/1965, theo Nghị Định 486-QP/ND 5/8/1965 và Sắc Lệnh 1,133/TTM/P3/4/QC/K 18/5/1965.



Sư Đoàn 18 Bộ Binh (*khởi thủy là Sư Đoàn 10 khi được thành lập năm 1965*) đã đặt ba trung đoàn biệt lập thành các đơn vị thống thuộc dưới quyền điều động của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn. Các trung đoàn này đã ngưng nhiệm vụ biệt lập kể từ ngày 16/5/1965 là lúc sư đoàn được chính thức thành lập trong lúc chờ nghị định ban hành (*mà mãi đến tháng 8 năm đó mới nhận được nghị định*).

Hậu cứ của Sư Đoàn được đặt tại Xuân Lộc, tỉnh lỵ của tỉnh Long Khánh, nằm cách Sài Gòn về phía Đông 70 cây số, mặc dù Sư Đoàn đôi khi vẫn duy trì một Bộ Tư Lệnh nhẹ nằm tại một căn cứ của cố vấn Hoa Kỳ tại Vùng 3 trước kia, kế cận căn cứ Long Bình. Sư Đoàn 18 Bộ Binh có ba trung đoàn, bao gồm: Trung Đoàn 43 tại tỉnh Long Khánh; Trung Đoàn 48 tại Tân Uyên, phía Bắc Biên Hòa 15 km; và Trung Đoàn 52 tại thị xã Bà Rịa, tỉnh Phước Tuy. (*Trong đó, một tiểu đoàn trực chiến tại phi trường Tân Sơn Nhất, Sài Gòn.*)

Muốn nói về tiểu sử của ba trung đoàn người ta phải kể lùi lại từ năm 1955. Trung Đoàn 43 chính thức ra đời vào ngày 1/8/1955, bắt đầu hoạt động tại Ninh Hòa, phía Bắc thị xã Nha Trang thuộc tỉnh Khánh Hòa 33 km. Lúc đó, Trung Đoàn 404 của Sư Đoàn 5 Khinh Chiến, sau đó trở thành Trung Đoàn 43 của Sư Đoàn 23 (*sau nhiều lần thay đổi về danh xưng*). (Tiểu sử của Sư Đoàn 23).

Vào ngày 1/11/1963, sau những lần điều chỉnh tên các Quân

Đoàn được và việc phân chia ranh giới các Vùng Chiến Thuật đã hoàn tất, Sư Đoàn 23 Bộ Binh trực thuộc Vùng 2. Tuy nhiên, Trung Đoàn 43 được tiếp tục duy trì tại Vùng 3, như là một trung đoàn biệt lập. Khu vực hoạt động của trung đoàn này tại Long Khánh và Bình Tuy, tiếp tục được coi là một phần lãnh thổ của Vùng 3 Chiến Thuật. Dù Trung Đoàn 48 được thành lập trong tháng 8 năm 1955, như một bộ phận của Sư Đoàn 16 Kinh chiến đã giải thể tại tỉnh Quảng Trị, Trung Đoàn 48 Bộ Binh hiện tại hoàn toàn không liên hệ với đơn vị trước trù tên giống nhau. Trung đoàn đích thực là Trung Đoàn 32 của Sư Đoàn 21 Bộ Binh với tên mới.

Từ năm 1961 đến đầu năm 1963, Trung Đoàn 32 đóng quân tại Tây Ninh. Cũng vào thời gian này ngày 16/3/1963, một tân Trung Đoàn 48 đã được thành lập, như một đơn vị biệt lập ở Ba Xuyên trong vùng châu thổ sông Cửu Long. Toàn bộ Sư Đoàn 21 được ấn định hoạt động tại khu vực châu thổ sông Cửu Long, cũng như tên của hai trung đoàn được đề nghị thay đổi, qua một nghị định của Bộ Quốc Phòng đề ngày 14/2/1963. *(Xin xem tiểu sử của Sư Đoàn 21 Bộ Binh để tìm hiểu thêm về nguồn gốc của Sư Đoàn này.)*

Trung Đoàn 52 khởi thủy là Trung Đoàn Địa Phương Quân 135, được thành lập ngày 1/8/1955 để phục vụ vùng Sài Gòn của Quân Khu 1 xưa kia (nay thuộc Quân Khu 3), hậu cứ nằm gần tòa tỉnh trưởng Gia Định ngay ven thành phố Sài Gòn. Lúc đầu, đơn vị này có nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, lính gác, tài xế và các loại nhân viên cho các doanh trại quân sự cũng như các cơ sở chỉ huy trong khu vực Sài Gòn. Trước năm 1963, trung đoàn này được nâng cấp lên dạng chính qui và đặt tên là Trung Đoàn 52.

Ngày 1/1/1967, Sư Đoàn 10 Bộ Binh được đổi tên thành Sư Đoàn 18 Bộ Binh, với lý do số mười mang nghĩa xấu. *(Theo phong tục Việt Nam, số 10 có nghĩa là bù, là zero, là chót bết, là thua hết.)* Khu vực trách nhiệm của Sư Đoàn 18 Bộ Binh chịu trách nhiệm vùng lãnh thổ phía Đông Quân Khu 3. Tuy

nhiên, đôi khi sư đoàn cũng được sử dụng tại các nơi khác trong vùng. Giữa năm 1972, Sư Đoàn 18 Bộ Binh đã được khai triển tại khu vực bao quanh thị trấn An Lộc của tỉnh Bình Long.

Danh tính các vị Tư Lệnh Sư Đoàn 18 Bộ Binh:

- Đại Tá Nguyễn Văn Mạnh: 5/06/1965 20/08/1965
- Chuẩn Tướng Lữ Lan: 20/08/1965 16/09/1966
- Chuẩn Tướng Đỗ Kế Giai: 16/09/1966 20/08/1969
- Thiếu Tướng Lâm Quang Thơ: 20/08/1969 4/04/1972
- Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo: 4/04/1972 30/4/1975

8. Sư Đoàn 9 Bộ Binh:



Sư Đoàn 9 Bộ Binh được thành lập ngày 1/1/1962, theo Nghị Định 004-QP/ND 2/1/1962 và Sắc Lệnh TTM 1637/TTM/1/1/K 9/12/1961.

Sư Đoàn 9 Bộ Binh là một trong hai sư đoàn Bộ Binh của Quân Lực VNCH (*Sư đoàn kia là Sư Đoàn 21 Bộ Binh*) đã được thành lập trong năm 1962 như là một phần nằm trong kế hoạch gia tăng lực lượng quân đội chính qui thêm 30.000 người. Sư đoàn 9 hoàn toàn mới mẻ và ngày 16/8/1962 đã hoàn tất xong giai đoạn tổ chức và huấn luyện.

Mặc dầu đã từng có thời gian quen thuộc khá lâu dài với đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, song Sư Đoàn không có gốc gác ở đây. Hậu cứ đầu tiên của Sư Đoàn là tại Phú Thạnh thuộc tỉnh Bình Định. Phú Thạnh tọa lạc trên Quốc Lộ 1 ngay khi rẽ khỏi Qui Nhơn nằm cách đó 15 cây số. Nhân lực của tân Sư Đoàn từ khởi thủy đã được rút ra các đơn vị bộ binh khác cũng như từ các quân trường và các trung tâm huấn luyện.

Trung đoàn đầu tiên của sư đoàn là Trung Đoàn 15, được thành lập ngày 5/3/1962 và được huấn luyện tại trung tâm Dục Mỹ thuộc tỉnh Khánh Hòa. Trung Đoàn 14 được thành lập ngày 2/4/1962. Trung Đoàn 13 thành lập ngày 7/5/1962 đã được huấn luyện ban đầu tại trung tâm huấn luyện riêng biệt của Sư Đoàn nằm tại Phú Thạnh.

Lúc đầu Trung Đoàn 13 đóng tại Phú Thạnh, Trung Đoàn 14 đóng tại Phù Cát, khoảng 39 cây số về phía Bắc, và Trung Đoàn 15 đóng tại Tuy Hòa trong tỉnh Phú Yên. Khu vực trách nhiệm của sư đoàn lúc đó là khu Chiến Thuật 21, lúc đầu bao gồm cả hai tỉnh Bình Định và Phú Yên. Vào tháng Giêng năm 1963, sư đoàn chịu trách nhiệm thêm tỉnh Phú Bổn (tháng 9 năm 1962).

Vì tình hình an ninh tại vùng châu thổ sông Cửu Long xấu dần nên Sư Đoàn 9 Bộ Binh được chuyển về phía Nam. Vào ngày 28 tháng 9, hậu cứ của Sư Đoàn được đặt ở Sa Đéc (*lúc đó là một phần đất của tỉnh Vĩnh Long*). Cùng lúc, hai Trung Đoàn 14 và 15 được tàu thủy và phi cơ đưa về dàn trải tại hai tỉnh Vĩnh Bình và Kiến Hòa. Đầu tháng 10, Trung Đoàn 13 nổi gót theo, lúc đầu được đưa tới Kiên Giang.

Trong lần đảo chính tháng 11 năm 1963, các thành phần đơn vị của Sư Đoàn 9 Bộ Binh đáng lẽ đã tiếp cứu Tổng thống Diệm. Tuy nhiên, Đại Tá Nguyễn Hữu Có nắm giữ quyền chỉ huy Sư Đoàn 7 Bộ Binh tại Mỹ Tho đã ra lệnh các phà phải neo ở bờ phía Bắc sông Cửu Long, đã ngăn Sư Đoàn 9 Bộ Binh không cho vượt sông. Là một sĩ quan trung thành với Đế Nhất Cộng Hòa nên sáu ngày sau, Đại Tá Bùi Dzinhh, Tư Lệnh Sư Đoàn 7, phải ra trước Hội Đồng Kỷ Luật Quân Đội và bị cách chức, sau cuộc đảo chính lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Từ năm 1963, Sư Đoàn 9 Bộ Binh gần như đã mở các cuộc hành quân tại tất cả các tỉnh thuộc Vùng 4, lúc bấy giờ. Năm 1969, sư đoàn trở thành lực lượng lưu động cho Vùng 4, được

đưa đến các địa điểm xáo trộn trải dài từ Kiên Giang tới Định Tường. Tháng 4 năm 1970, Sư Đoàn 9 Bộ Binh đã vượt biên giới sang Cao Miên trong đợt đầu của hàng loạt các chiến dịch liên tục diễn biến suốt giai đoạn từ 1970 đến 1972.

Giữa năm 1972, Trung Đoàn 15 được đưa lên Vùng 3 để tham dự hành quân với ý định khai thông Quốc Lộ 13, dẫn vào thủ phủ An Lộc của tỉnh Bình Long. Tuy nhiên kế hoạch đã không thành công. Một thời gian tương đối ngắn ngủi sau đó, Sư Đoàn 9 đã quay về vùng châu thổ sông Cửu Long.

Vào ngày 5/4/1972, hậu cứ của Sư Đoàn 9 Bộ Binh đã chuyển từ Sa Đéc đến một cơ sở trước đây của Hoa Kỳ tại phi trường Vĩnh Long (*phía Tây của tỉnh Vĩnh Long*). Vào ngày 1/3/1967, Trung Đoàn 13 đã cải danh thành Trung Đoàn 16, để tránh con số 13 xui xẻo.

Danh tính các vị Tư Lệnh Sư Đoàn 9 Bộ Binh:

- | | | |
|------------------------------|------------|------------|
| - Đại Tá Bùi Dzinh: | 1/1/1962 | 7/11/1963 |
| - Đại Tá. Đoàn Văn Quảng: | 7/11/1963 | 9/02/1964 |
| - Chuẩn Tướng Vĩnh Lộc: | 9/02/1964 | 29/05/1965 |
| - Chuẩn Tướng Lâm Quang Thi: | 29/05/1965 | 3/07/1968 |
| - Thiếu Tướng. Trần Bá Di: | 3/07/1968 | 26/10/1973 |
| - Chuẩn Tướng Huỳnh Văn Lạc: | 26/10/1973 | 30/04/1975 |

(*còn tiếp*)



TÂM NGUYỆN

Minh-Nguyệt, K17/1
(Nam Sinh Tín)

Hôm nay là cuối tuần, thời tiết rất nóng, nhiệt độ lên đến trên 90 độ, tuy vậy tôi vẫn chuẩn bị đi đến thương xá để mua sắm, mong tìm được một món quà thích hợp tặng cha mẹ của tôi vào dịp lễ Vu Lan vào ngày mai. Theo thông tin giải thích, ngày lễ Vu Lan là một trong hai ngày lễ lớn nhất của Phật giáo, nhằm báo hiếu công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, nay không chỉ là ngày lễ của các Phật tử mà đã trở thành một lễ hội thể hiện tinh thần chung của xã hội, mang đến thông điệp về lòng biết ơn và đền ơn như một biểu hiện và cư xử văn hóa đáng được ghi nhớ. Trong truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây của dân tộc ta, báo hiếu, báo ân tổ tiên, ông bà, cha mẹ, là một trong những cảm ơn quan trọng nhất trong cuộc đời con người.

Trong mắt tôi, cha mẹ là người tuyệt vời nhất, là nguồn sống, là sức mạnh giúp tôi chống trội với phong ba bão táp ở ngoài xã hội. Trong cuộc đời này không ai tốt với mình hơn là mẹ. Tình mẹ cao như mây trời, rộng như biển cả. Mẹ là người có thể thay thế bất kể ai khác, nhưng không ai có thể thay thế được mẹ. Mẹ có thể hy sinh tất cả chỉ để con cái khỏe mạnh và khôn lớn từng ngày. Tôi luôn luôn ghi nhớ và tôn vinh cha

mẹ vì họ là người cho tôi sự sống, hy sinh cả cuộc đời cho tôi. Để bày tỏ lòng kính trọng công ơn sinh thành dưỡng dục, tôi đã viết tặng cha mẹ của tôi hai bài thơ sau đây vào dịp Lễ Cha và Lễ Tạ Ôn.

CẢM ƠN CHA

*Cảm ơn cha, đã cho con đời sống,
đã đi làm cực nhọc mỗi sớm mai,
rời chiều về, thở phào giang đôi tay
đón con trẻ vào lòng đầy âu yếm.*

Cảm ơn cha, đã khổ công dạy dỗ,
nuôi chúng con được thi đỗ thành tài,
đến một ngày cha nhẹ gánh đôi vai,
mừng con trẻ có tương lai tươi sáng.

*Cảm ơn cha, đã bên con ngày tháng,
chia sẻ nhiều những giây phút buồn vui,
để lòng con yên chí có nụ cười;
niềm hãnh diện bên cha luôn tỏa sáng.*

Mừng Lễ Cha tháng Sáu ngày mười tám,
chúc cha luôn vui vẻ sống an nhàn,
công ơn cha con trân quý vô vàn;
Cầu cha mẹ sống bình an đảm thắm.

CẢM ƠN MẸ

*Mẹ nuôi từ thuở sinh ra
Mặt xinh nụ cười thật là dễ thương
Bao năm con đã lớn khôn
Tuổi đời cũng đã lớn hơn hiểu nhiều*

Hôm nay kính mẹ mến yêu
Lời chúc tụng với muôn điều ghi ơn
Công sinh dưỡng dục vương tròn
Mẹ đã trao hết cho con nên người

*Mẹ nay tuổi xế chiều rồi
Mong mẹ luôn mãi vui tươi hưởng nhàn
Cầu mong mẹ vẫn an Khang
Cùng con cháu sống ngập tràn yêu thương*

*Gia đình hạnh phúc vô cùng
Tháng năm vẫn có mẹ thương yêu nhiều
Con nguyện bên mẹ sớm chiều
Mẹ luôn thanh thản là điều ước mong*

*Hôm nay ngày lễ Tạ Ôn
Con xin kính chúc Mẹ luôn an lành*



Từ thuở nhỏ, tôi thường theo cha mẹ của tôi đi sinh hoạt trong cộng đồng người Việt, như là dự những buổi họp mặt, họp khoá, hay dự tiệc quyên góp để có ngân khoản cứu trợ đồng bào miền Trung bị thiên tai bão lụt, và gửi những phần quà và thuốc men về cho các Thương Binh & Cô Nhi Quả Phụ, hoặc tham gia những buổi biểu tình yểm trợ dân trong nước chống chế độ Cộng Sản.

Ở hải ngoại, người dân Việt bỏ nước ra đi tìm tự do đã mang theo hồn Tổ Quốc, nên họ đã tổ chức nhiều buổi Lễ, như Giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ Hai Bà Trưng, v...v... Nhớ đến Ngày Quân Lực 19 tháng 6 vừa qua, do Liên Hội Cựu Chiến Sĩ long trọng tổ chức. Họ là những binh chủng trong QLVNCH, sau 44 năm, vẫn chưa được giải ngũ. Họ là những người lính chịu nhiều oan khiên sau cuộc chiến, tù đầy khổ sai, gia đình tan nát và lưu vong nơi xứ người. Qua những biến cố của chiến tranh vẫn không làm cho những người quân nhân này trong QLVNCH quên được ba chữ Tổ Quốc, Danh Dự, và Trách Nhiệm.

Mặc dù thời tiết rất nóng đỏ mồ hôi, nhưng gia đình tôi và rất nhiều đồng hương đã đến khuôn viên Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ, vinh danh và truy điệu hương linh các Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hoà thuộc mọi binh chủng đã hy sinh xương máu nơi chiến trường để bảo vệ miền Nam tự do cho dân chúng

được sống bình yên. Hiện diện có các dân cử, đại diện các binh chủng, và đại diện các cộng đồng.

Tôi nhìn chung quanh quan sát, có những vị cao niên khoảng 90 tuổi, mặc dù đi đứng khó khăn nhưng vẫn đến dự lễ. Các cựu quân nhân VNCH trong bộ quân phục tác chiến của một thời binh lửa, dù ở tuổi xế chiều, vẫn nghiêm nghị đứng hàng giờ để thi hành lễ nghi quân cách dưới ánh nắng gay gắt của ban trưa. Có một gia đình, vì muốn tham dự Lễ, đã phải bồng cả cháu nội đến, và trong thời kỳ phải ngăn ngừa dịch Covid-19, cháu bé 4 tuổi còn phải đeo khẩu trang, trông thật dễ thương. Các hậu duệ Việt Nam Cộng Hoà, với áo dài đồng phục màu trắng, đã bước song song rước cờ Vàng và cờ Mỹ thẳng tiến về phía bàn thờ Tổ Quốc làm tăng thêm vẻ tôn vinh của buổi lễ.

Trước tiên là phần phát biểu của chủ toạ và khách danh dự, sau đó là lễ nghi Truy Diệu Chiến Sĩ Trận Vong theo phương thức cổ truyền. Sau cùng, quan khách và đồng hương lên thắp hương trước bàn thờ Tổ Quốc trang nghiêm với những vòng hoa tưởng niệm và ghi ơn.

Chiều hôm nay, sau khi đi thương xá về, tôi đi thẳng đến bàn giấy mà Cha tôi thường ngồi trầm ngâm viết bài hoặc sáng tác thơ. Không thấy Cha tôi ngồi ở đó, tôi vội lấy gói quà mua về và phong bì đựng thiệp chúc mừng Lễ Vu Lan đặt xuống bàn, đúng lúc đó tôi thấy một bài thơ mà có lẽ Cha tôi vừa mới viết, tôi cầm lên đọc.

TÂM TƯ

*Tha hương buồn giữa cõi đời
Viết dòng thơ gửi những lời ước mong
Từ ngày từ giã non sông
Tâm tư gói trọn vào trong vãn vãn*

Cũng vì yêu nước thương dân
Cầu mong thời cuộc sớm dần đổi thay
Cho người thoát cảnh bi ai

Nước non khổ lụy có ngày hồi sinh
Lưu vong một kiếp ba sinh
Ước mơ nhân loại chuyển mình vươn cao
Mong sao các thế hệ sau
Rạng danh nòi giống năm châu vang lừng
Quê hương khởi sắc tung bừng
Tự do no ấm vui mừng khắp nơi
Cha ông nở rạng nụ cười
Mẹ Việt hãnh diện với đời vì con

Thực ra, ước mơ của Cha tôi cũng giống như của những người khác. Tôi đã từng đọc thơ và bài viết của nhiều tác giả. Suốt gần nửa thế kỷ, họ luôn quan tâm về tình hình hiện tại của quê hương Việt Nam, và ước mong sao đất nước được khởi sắc vẹn toàn. Họ đều là những người đấu tranh chống chế độ Cộng Sản hèn với giặc ác với dân đang đọa đầy đàn áp dân trong nước. Tôi đã có dịp đọc một bài viết trên trang mạng xã hội Facebook của nhà thơ Cao Nguyên, và tôi rất lưu ý đến bài phát biểu của Trung Tá Tôn Thất Tuấn, một hậu duệ Việt Nam Cộng Hoà, trong cuộc hội ngộ các cựu chiến binh thuộc Tổng Hội Biệt Động Quân/ QLVNCH tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn ngày 17 tháng 7 năm, 2011. Bài phát biểu của anh có đoạn như sau:

...Những tháng vừa qua, chúng tôi đã được gặp gỡ và tâm sự với nhiều cựu chiến binh nên càng thêm kính phục những chiếc áo trận bạc màu sau bao nhiêu năm gian khổ, hiểm nguy và vào sanh ra tử của một đời binh nghiệp. Tôi tin rằng những thế hệ con em của chúng ta sau này sẽ luôn luôn kính phục sự hy sinh cao cả của quý vị và sẽ cảm nhận được thế nào là giá trị, thế nào là sức sống mãnh liệt trong lý tưởng tự do, thế nào là chân lý làm người và thế nào là tình yêu thương nhân loại trong niềm tin chân chính.

Chiến tranh ở bất kể thời đại nào đều để lại những nỗi buồn và đau thương, vì đây là tâm trạng hiển nhiên của những

người đã hy sinh rất nhiều trong cuộc đời. Những cảm giác này hầu như không có một khoảng thời gian nhất định nào để tự chúng có thể xóa đi được. Nhưng chúng ta có thể nhận định lịch sử một cách khách quan và phân tách rõ ràng những diễn biến trong hiện tại, để rồi những buồn phiền và đau thương không thể trở thành nhiều năm tiếc nuối.

Hai câu thơ “Mong sao các thế hệ sau, Rạng danh nòi giống năm châu vang lừng” trong bài Tâm Tư đã thúc đẩy tôi có quyết định như sau. Để không phụ công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ, và để tri ân công đức của các anh linh anh hùng hào kiệt đã chống ngoại xâm từ cổ chí kim để bảo vệ quê cha đất tổ bốn ngàn năm văn hiến, tôi nhủ lòng sẽ tiếp nối dân thân trên con đường chống Cộng, tranh đấu cho tự do no ấm, nhân quyền và bác ái, để hướng về một tương lai đổi mới.

Tôi sẽ học hỏi và trau dồi văn hóa sử Việt Nam, cái hay của một dân tộc chưa hề khuất phục ngoại bang. Tôi sẽ cố gắng làm một người hữu ích rạng danh cho quê hương yêu dấu và cội nguồn Việt Tộc. Với câu ca dao Có Chí Thì Nên, tôi tin rằng với ý chí và quyết tâm, tôi sẽ đạt được tâm nguyện.



BÀ MẸ QUÊ

Tô Văn Cấp, K19

Có nhiều cách gọi về song thân tùy theo địa phương, nhưng ở quê tôi, một vùng thuộc tỉnh Kiên An, Hải Phòng thì con gọi bố mẹ là thầy bu, vì thế tôi xin giữ hai danh từ này cho bài viết về mẹ tôi, một bà mẹ quê.

Thầy tôi qua đời ngày 15 Tháng Giêng năm 1947, hưởng dương 41 tuổi. Ông cụ mất đi khoảng sau hai tháng bị bệnh mà thườ ấy người vùng quê chỉ biết gọi là bệnh “thương hàn” (?). Những ngày thầy tôi lâm trọng bệnh và khi các con tiền chân ông cụ ra cánh đồng thì nay tôi không còn nhớ gì nữa. Kỷ niệm duy nhất còn sót lại trong đầu tôi là khi ông cụ tháo vai cày ra khỏi cổ con trâu rồi đưa sợi dây thừng cho tôi dẫn nó đi ăn, đang gặm cỏ. Khi đến bên bờ hồ trước cửa nhà thờ thì nó nhào xuống nước, ngược mũi lên thở phì phò. Còn tôi, một thằng bé chăn trâu mới 6 tuổi, không thể kéo nó lên được nên tôi đành buông dây thừng, đứng trên bờ mà khóc vì sợ con trâu sẽ chết đuối.

Với bu tôi, một bà mẹ quê, thì tôi nhớ nhiều, nhưng tôi chưa một lần nhắc lại những kỷ niệm này với anh chị em và con cháu. Khi thầy tôi mất thì bu tôi mới 43 tuổi với một nách bảy đứa con. Tất cả cùng sống trong căn nhà tranh vách đất

ba gian hai chái, một mảnh vườn với dăm ba sào ruộng thuộc làng Cựu Viên, tỉnh Kiến An, thành phố Hải Phòng, và chỉ cách hai nơi này chừng hơn 3 cây số.

Một hình ảnh tuy đã hơn 60 năm rồi mà tôi vẫn còn như đang thấy trước mắt, đó là cảnh vào lúc hoàng hôn, bu tôi đứng ở góc vườn, sau lũy tre, hướng ra nghĩa trang mà kêu tên thầy tôi trong tiếng nấc, sau khi đã chôn cất thầy tôi xong.

Bu tôi cả ngày phải chân lấm, tay bùn với ruộng lúa vườn rau, mỗi buổi chiều về, sau khi thổi cơm cho con, nấu cám cho lợn (heo) xong thì mặt trời đã lặn. Giữa lúc tranh tối tranh sáng ấy, bà lẳng lẳng ra góc vườn, lúc thì ngồi ngắt đọt khoai lang, khi thì đứng hái lá chè mà thút thít khóc, trong khi các con không hay biết.

Một buổi chiều tối, khi chim đã về tổ, tôi leo lên cây cau góc vườn để bắt ỏ chim sáo đen khi nghe chim con “chíp chíp” mà tôi đã rình từ lâu, tôi thất kinh suýt rơi xuống đất khi bất chợt thấy một bóng đen đứng khóc ở góc vườn. Nhưng tôi hoàn hồn ngay khi nhận ra tấm khăn tang trắng vắt trên đầu, hai đuôi khăn chạy dọc sống lưng của bu tôi. Tôi vội tụt xuống định chạy vào nhà, nhưng rồi khựng lại, ngồi thụp xuống bên gốc cây cau vì nghe tiếng bu tôi khóc:

- *“Ôi ông ơi! Trời đã tối rồi, ông đi đâu mà sao không về ăn cơm uống nước với các con, ông ơi!”*

Tuy tuổi lên 6, tuổi nghịch ngợm của trẻ nhà quê không biết sợ ma nhưng tôi rùng mình nổi gai ốc khi nghe bu tôi kêu lên như thế. Bà khóc trong nấc nghẹn, cổ kềm trong họng không cho ra tiếng vì sợ các con nghe được, bà cam chịu đau khổ thương nhớ một mình, không đành chia nỗi buồn với các con. Các anh chị em chúng tôi không ai hay biết việc này, vì sau một ngày quần quật với công việc ruộng lúa, vòng khoai thì tất cả đã mệt nhoài. Mọi người đi nghỉ sớm để sáng mai, khi gà vừa gáy và tiếng chuông nhà thờ “bính-boong” lúc 5 giờ sáng là đã phải dậy để chuẩn bị ra đồng.

Riêng mình tôi biết bu tôi khóc. Tôi chẳng nói cho ai hay, nhưng tiếng khóc của mẹ xoáy vào đầu tuổi thơ khiến tôi cứ đứng sau hè nhìn bu tôi rũ xuống như tàu lá chuối héo, nghe bà nấc nghẹn mà ứa nước mắt theo. Nhiều khi tôi thấy bà vịn cành chè rồi sức nặng của khổ đau kéo cành chè gãy xuống.

Một chiều tối, tôi nghe tiếng nói bên kia vườn, cách bụi tre, vắng sang:

- Mẹ Quán sao cứ khóc mãi thế! Hãy để cho Quán nó yên nghỉ.

Đó là tiếng của cụ Dưỡng, tức chú ruột của thầy tôi. Chắc cụ cũng xót ruột vì tiếng khóc mỗi chiều tối ngoài góc vườn. Bu tôi là cháu dâu nên phải vâng lời chú chồng, từ đó bu tôi không đứng khóc ngoài góc vườn nữa. Nhưng nỗi sầu vì nắm mồ chôn chồng chưa xanh cỏ thì làm sao voi nên nước mắt tiếp tục rơi cùng những tiếng nấc nghẹn trong góc bếp, giữa đêm khuya.

Mùa Đông tháng giá, tiết trời khá lạnh ở vùng quê miền Bắc trong căn nhà lá vách phen nên có nhiều khe hở để gió lùa vào. Anh em tôi nằm ổ rom, đắp chiếu, kín đầu thì hở đuôi và ngược lại kín chân thì thò đầu, cái lạnh đêm khuya lại thêm cái dạ trống, đúng với câu “bụng đói cật rét” nên giấc ngủ chập chờn. Nửa đêm về sáng, khi gà vừa gáy, tôi thức giấc, thấy ánh lửa từ nhà bếp hắt lên, tôi bò dậy và mon men tới gần để sưởi cho ấm thì thấy bu tôi ngồi nấu cám heo, một tay cầm que, tay kia nắm mớ



Tại Đà Lạt khoảng cuối năm 1962 (đầu năm 1963) tại tiệm Lợi Ký, khi bà mẹ quê từ Sài Gòn lên thăm con vừa được làm SVSQ Khóa 19.

rom đây vào tiếp cho lửa cháy, bóng mẹ tôi in lên vách, ngả nghiêng theo ánh lửa bập bùng. Đêm khuya, thấy con thức dậy bò xuống bếp thì bà mẹ biết con đang thiếu cái gì. Vừa trông thấy tôi, bà vội kéo vạt áo lau nước mắt, rồi nói:

- Đói hả? Ngồi xuống đây sưởi cho ấm rồi bu nướng cho con củ khoai.

Bếp nhà quê đun bằng rom rạ nên có tiếng nổ lép-bép làm bắn ra những tia lửa nhỏ tựa pháo bông, kéo theo tro bụi phủ lên người ngồi nấu. Bu tôi đứng dậy khẽ phủi tro tàn trên khăn tang trắng rồi lấy củ khoai lang ở cái thúng treo sau lưng vùi vào đám tro giữa ba “ông đầu rau”.

Có thể nhiều người không biết “khoai nướng vùi bếp tro” là gì, mùi vị nó ra sao, ngay cả con cháu nội ngoại của bu tôi hiện nay đang sinh sống trên đất Mỹ cũng không biết. Nhưng với tôi, củ khoai lang vùi bếp tro mà bu tôi “ban” cho tôi không có gì so sánh được. Người ta thường dùng chữ “ban” để nói về những “hồng ân” mà Thượng Đế, Chúa, Phật ban cho con chiên, phật tử, nhưng bu tôi đã “ban” cho tôi củ khoai nướng vùi bếp tro giữa đêm Đông giá lạnh mà xung quanh bếp chỉ có rom rạ, tro bụi, bóng tối và tình mẹ con.

Bà mẹ khều củ khoai trong đám tro ra, vò nắm rom chà lên vỏ ngoài cho sạch chỗ cháy đen rồi đưa cho con:

- Khoai còn nóng lắm, con ăn từ từ.

Đúng rồi, khoai nướng thơm và ngon ngọt với trẻ em miền quê, nếu em đói mà vội ăn đến nỗi quên cả bóc vỏ thì sẽ bị nóng phải hả miệng ra, ngứa mặt lên mà thôi “phù-phù”, ăn vụng mà nuốt vội miếng khoai lang dễ bị nghẹn. Bụng đói, cật rét mà hai tay nắm củ khoai nướng nóng thì thích lắm, nhưng không hiểu sao cái tật tham ăn hằng ngày của tôi biến đi đâu mất. Tôi cũng chẳng hiểu chữ “hiếu” là gì, nhưng vẫn cứ bẻ củ khoai ra làm hai, đưa bu tôi một nửa mà không nói một lời nào cả. Biết nói gì hơn, và dù văn hay chữ tốt thì trong hoàn cảnh ấy, ngàn vạn lời nói cũng không đủ. Tôi đưa nửa củ khoai

cho bu tôi chỉ vì tôi thấy bu tôi kéo vạt áo lau nước mắt, chỉ vì trong ánh lửa rom chập chờn giữa đêm khuya tôi thấy mắt bu tôi đỏ. Tôi đưa nửa củ khoai cho bu tôi vì tôi biết bu tôi cũng đói nhưng bà nhường miếng ăn cho con, như tất cả các bà mẹ khác.

Cầm miếng khoai trong tay, bu tôi nhìn tôi không nói gì cả nhưng lại choàng tay qua kéo tôi vào lòng, tay kia xoa đầu con. Tôi biết bu tôi đang thổn thức và rồi bà khẽ nói:

- Con lên đánh thức các anh chị dậy ăn cơm để còn kịp ra đồng.

Hai tiếng “ra đồng” là chỉ công việc ngoài đồng ruộng như cuốc đất, nhổ mạ, cấy lúa, làm cỏ, trồng rau, trồng khoai, trồng bắp (ngô) v.v... Những công việc của nhà nông để làm ra thực phẩm mà người thành phố, nhất là các bạn trẻ người Mỹ gốc Việt không bao giờ có thể hình dung ra được nó vất vả như thế nào.

Ngày qua ngày, bầy gà một mẹ bảy con đùm bọc quây quần dưới mái tranh được bao quanh bởi lũy tre xanh, rồi bị chạy loạn vì chiến tranh. Khi hồi cư về làng cũ thì chỉ còn hoang tàn đổ nát nên mẹ con lại chạy theo dòng người di tản. Thấy họ đi thì bà mẹ quê cũng dắt con đi, không biết đi về đâu và làm gì? Những lúc gian nan khốn khổ như thế chắc hẳn bu tôi lại kêu tên thầy tôi và mong chồng chỉ lối đưa đường cho vợ góa, con cô được về nơi bình an.

Cuối cùng thì gia đình tôi làm dân di cư trôi dạt vào Nam, về làng Bến Xúc, quận Bến Cát, tỉnh Bình Dương năm 1954. Người nông dân thường có sức chịu đựng như “cỏ dại”, vất đâu cũng sống được với đất, nhưng mẹ con chúng tôi ra đi không mang theo ruộng vườn, chỉ có hai bàn tay nên phải xoay sở. Các anh chị tôi lúc này đã trưởng thành nên phiêu lưu về thành phố và gia đình tôi lại di chuyển về 172/41 đường Lê Quốc Hưng, Khánh Hội, quận Bốn, Saigon.

Bu tôi, một bà mẹ quê lạc về thành phố, bỏ lại sau lưng xa

tít mù khơi mái tranh, lũy tre, ruộng vườn, mô chông mà sẽ không bao giờ được nhìn lại nên bu tôi như tàu lá úa và chỉ hồi sinh sau khi đã có tiếng bập bẹ “bà bà” của các cháu nội ngoại. Có lẽ đây là giây phút hạnh phúc nhất của bu tôi cũng như các bà mẹ khác, thương cháu chăm sóc cháu hơn thương con.

Vẫn tưởng bu tôi được vui hưởng thái bình với cháo rau đạm bạc bên con cháu cho tới lúc đầu bạc răng long thì chiến tranh lại tràn về. Các con trai, con rể của cụ lên đường tòng quân, thằng Cao Nguyên, đứa Đông Hà, em tôi ở núi Sơn Chà Đà Nẵng thì tôi ở mãi tận mũi Cà Mau. Đâu đâu cũng nghe tiếng súng nổ. “*Đại bác đêm đêm vọng về thành phố*” thì bà mẹ quê khốn khổ thức giấc ngồi tựa lưng vào vách, mắt nhắm, tay cầm tràng hạt, miệng đọc thầm chuỗi Mân-Côi cầu xin Thượng Đế ban ơn lành cho đàn con nơi lửa đạn.

Nhớ lại lúc tôi nhận được giấy gọi đi trình diện Không Quân và Võ Bị cùng một ngày, đang phân vân chưa biết chọn nơi nào thì bu tôi bảo:

- Con đừng đi lính tàu bay, thấy tàu nó bay bay thì bu sợ lắm. Con lên Đà Lạt mà học, vì ở đó có chị Hải của con, chị con sẽ săn sóc cho con thì bu an tâm hơn.

Chị ruột tôi ở số nhà 16C Phạm Ngũ Lão, tôi đã lên đây nghỉ hè nhiều lần rồi. Thấy Sinh Viên Sĩ Quan Võ Bị là tôi mê, nay có thêm lời khuyên của bu tôi nên tôi chọn Võ Bị. Tuy không được bà chị săn sóc, nhưng lại được nhiều đàn anh săn sóc tận tình hơn, nếu bu tôi mà biết “tận tình” như thế nào thì chắc là cụ khóc ngất. Ngày tôi ra trường, bu tôi lên Đà Lạt dự lễ mãn khóa để xem tôi mang lon “quan một” nó ra sao, nhưng mục đích chính là bảo anh rể tôi làm Cảnh Sát: “*Sắp xếp làm sao cho tôi làm việc tại Đà Lạt cho có chị có em*”, cho bu tôi an tâm (!). Thế rồi, bu tôi thấy tôi đội mũ beret xanh Thủy Quân Lục Chiến, cụ lo lắng. Vì một anh rể khác của tôi ở TQLC đã bị thương nhiều lần nên tôi phải nói dối cụ là tôi được làm văn phòng ở Thủ Đức, gần nhà hơn.

Nhưng rồi tôi đi biệt, từ Bến Hải đến mũi Cà Mau, chẳng có ngày phép để về thăm mẹ già! Đời lính chiến là vậy, còn bu tôi thì hằng ngày vẫn thót con tim mỗi khi thấy xe GMC chở quan tài phủ cờ chạy qua cửa. Khi nghe mấy bà hàng xóm kháo nhau rằng áo quan phủ cờ vàng sọc đỏ là của lính chết trận thì bu tôi vịn tường ngồi xuống đất đọc kinh tiếp.

Rồi một ngày tháng 6/1966, một xe GMC/TQLC chạy vào



**SVSQ Tô Văn Cáp - Khóa
19, năm 1963.**

xóm và từ từ dừng lại, khiến bu tôi hốt hoảng khụy xuống, nhưng người lính TQLC tìm nhà bà Châu, bà hàng xóm và cũng là người cùng quê, để báo tin con trai bà là thằng Mão đã tử trận. Bà Châu xịu, bu tôi hoảng hốt lo lắng xịu theo, vì Mão và tôi là bạn và cùng tình nguyện vào TQLC. Mão ở Tiểu Đoàn 1, tôi ở Tiểu Đoàn 2. Cả hai vừa đụng trận tại ngã ba sông Định, thuộc Bích La Thôn, Quảng Trị. Nó tử thương, tôi bị

đạn xuyên khuỷu tay, thấy không sao nên tôi đã nói với hậu trạm là đừng báo tin về cho gia đình biết. Khốn thay, hậu trạm rồi hậu cứ ở Thủ Đức cứ theo đúng thủ tục mà báo tin nên hai ngày sau lại một xe jeep TQLC đậu trước cửa hỏi nhà bà Tiệp, tên anh cả của chúng tôi. Người báo tin chưa kịp nói gì thì bu tôi ngã xuống bất tỉnh và không còn biết gì nữa!

Vì bị thương nhẹ nên tôi xin xuất viện ngay để đi phép về thăm nhà. Bu tôi đang nằm thêm thiếp trên giường bệnh, thấy tôi về, cụ ngồi bật dậy ngơ ngác nhìn con, hai tay vuốt mặt con, nắm vai, nắm tay con lắc lắc như muốn biết đây là thực hay chiêm bao? Bu tôi không nói gì mà chỉ khóc. Cụ khóc vì lo âu, cụ khóc vì còn cầm được tay con vừa từ mặt trận trở về.

phúc lúc đó, còn suốt ngày dài lại đêm thâu chỉ toàn là sầu khổ vì nghĩ đến con ngoài chiến trường. Tôi xin mượn ý bài thơ Màu Tím Hoa Sim: *“Không chết người con lính chiến mà chết người mẹ hậu phương.”* Người lính chiến nếu có chết, chỉ chết một lần, nhưng những bà mẹ hậu phương thì chết dần chết mòn, chết khi nghe *“đại bác đêm đêm vọng về thành phố”*, chết giấc khi thấy con *“trở về trên đôi nạng gỗ”*.

Bu tôi đã chết giấc nhiều lần như thế khi thấy mấy đứa con, đứa cháu trong họ, cùng đi TQLC lần hồi tử trận như Tô Thanh Chiêu, Tô Văn Sơn, cháu ngoại Vũ Tuấn, Nguyễn Thanh v.v... Cuối cùng thì ngày 19/6/1969, trên con kinh Cán Gáo thuộc tỉnh Chương Thiện, những tiếng nổ đã loại tôi ra khỏi vòng chiến. May mắn hơn Chiêu, Sơn, Tuấn, Thanh v.v., tôi còn nặng nợ, chưa “đi được” nên khi tỉnh dậy, thấy mình nằm trên giường bệnh viện, toàn thân những dây cùng nợ! Mờ mờ nhìn qua lớp băng quấn đầu, tôi nhận ra bu tôi đang lấy tay cạy những vết máu, vết sinh đã khô trên mặt tôi. Tôi mấp máy đôi môi, gọi qua hơi thở của bình dưỡng khí:

- “Mẹ.”

Tiếng “Mẹ” dễ gọi dễ thương là thế nên tôi quen với chữ “Mẹ” từ đó.

Tôi bị trọng thương, bị loại khỏi vòng chiến thì cũng là lúc mẹ tôi bớt được một phần lo âu. Thấy tôi lê lét với đôi nạng gỗ kẹp nách quanh quần xó nhà thì mẹ tôi lại mỉm cười:

- Con cứ như thế này thì mẹ đỡ lo.

Chưa trả hết nợ nước nên tôi được hạnh phúc quanh quần một thời gian bên bà mẹ già nhà quê, bà mẹ không biết viết, không biết đọc mà chỉ biết khóc vì con. Thế rồi đất bằng dậy sóng, các bà mẹ lại tiếp tục vất vả vì các con.

Lần sau cùng tôi nghe mẹ khóc là khi tôi cúi kính nhìn mẹ rồi tôi vắt đôi dép cao su làm bằng vỏ xe hơi mà cụ đã len lén để vào túi xách cho tôi lên đường “học tập vinh quang”.

Sau ngày 30/4/75, ba anh em trai tôi cùng hai người anh rể đều lên đường để “được cải tạo” làm con người! Chẳng cần nói thêm thì ai cũng biết bà mẹ già trong hoàn cảnh ấy thì “có vui bao giờ”. Nghe hàng xóm xì xào bán tán, mẹ tôi thật thà đi mua quần áo đen và dép râu cho các con để sớm được về đoàn tụ!

Quá khứ đời tôi lính chiến đã khiến mẹ lo âu sợ hãi nhưng chưa lần nào tôi hỗn với mẹ như lần này. Tôi lôi đôi dép cao su và bộ quần áo đen ra khỏi túi xách và quăng nó vào góc nhà. Mẹ tôi nhìn sững tôi và chắc bà tự hỏi tại sao con lại vất những thứ cần thiết ấy, nó sẽ giúp con để sớm được về với mẹ. Làm sao tôi hiểu được tình thương mệnh mông của bà mẹ quê trong khi bà cũng không biết được con trai mẹ đang “chín” từng khúc ruột. Tôi lẳng lặng cầm túi xách lên đường, không lời chào từ giả mẹ già đang ngồi tựa lưng vào vách mà mắt nhìn theo gót chân con.

“Cải tạo” tới năm thứ chín thì tôi hay nằm mơ thấy mẹ. Linh tính cho biết có điều chẳng lành, tôi hỏi người nhà mỗi khi đến thăm nuôi thì được biết mẹ tôi vẫn bình thường. Nhưng sao vẫn thấy mẹ trong giấc mơ, tôi đem chuyện hỏi lại thì lúc đó vợ tôi đành lôi trong túi xách ra một xấp hình đám tang mẹ tôi mà vợ tôi đem theo những lần trước nhưng vẫn dấu kín. Tôi không còn nước mắt để khóc mẹ vì tôi đã không chào mẹ khi ra đi, không biết rằng đó là lúc chào lời vĩnh biệt, không biết ai vĩnh biệt ai. Mẹ tôi khóc vì các con phải đi xa khi đất nước đã thái bình khiến mẹ tôi mù lòa. Mẹ tôi ra đi vĩnh viễn khi tôi chưa quay về!

“Lòng mẹ thương con như biển Thái Bình dạt dào.”

Lòng mẹ như bị dao chém mỗi khi nghe tin con “thăng trận” trở về, “trở về trên đôi nạng gỗ, trở về hòm gỗ cài hoa!”

Lời nào nói cho đủ, viết cho hết trong vài trang giấy. Những bà mẹ, dù quê hay thành phố, đều là Mẹ Việt Nam. Mẹ Việt Nam thì lúc nào cũng vui và khổ đau theo đời sống thăng trầm

của các con, không vui khi các con không vui với nhau. Khô
đau biết bao những bà mẹ của các anh lính chiến luôn canh
cánh bên lòng, lo sợ phải rên rỉ câu:

- “*Lá vàng còn ở trên cây, lá xanh rụng xuống, trời hay
chăng trời?*”

Những ai còn mẹ, dù trong hoàn cảnh nào đi nữa thì xin chớ
có cử chỉ đáng trách như tôi đã phạm đối với “*Bà Mẹ Quê*” để
khỏi phải ân hận khôn nguôi.

** Trích từ tác phẩm “Nửa Đường” của tác giả Tô Văn Cấp,
xuất bản tháng Sáu, năm 2019 tại Nam California, Hoa Kỳ.*

Nóng

Áu Tím, K 26/2

100 độ Fahrenheit = 37,7777778 độ Celsius hơi cao hơn thân nhiệt con người - cao hơn 100 độ F có nghĩa là bị nóng sốt là phải lo đi thử xem có bị nhiễm Covid hay không? À, không định viết chi đến chuyện này ai cũng biết rõ rồi, chỉ vì nó thôi bao nhiêu triệu con người đã thôi không sống nữa, cho dù ai cũng biết sống để khổ rồi chết. Mà hỏi thử xem có mấy người muốn không sống kia chứ! Cũng vì nó, cuộc sống loài người trên quả địa cầu này bỗng đổi thay chóng cả mặt. Ngày nào ríu rít níu níu kéo lỏi ôm ghì tay, bắt tay lỏi đủ cả, nay thì cách khoảng xa xa nếu không cũng đeo mặt nạ che miệng che mũi. Phụ nữ không cần đánh son nữa khiến các hãng mỹ phẩm than trời vì doanh thu kém hẳn lại.

Đang nói đến cơn nóng sôi cả tiểu bang California chín cả trứng gà, bỗng ngã ra nhớ nghĩ lại xem có thời nào mình đã chịu đựng nóng như thế chẳng nhỉ. Hình như chưa có thì phải. Trái đất bây giờ cũng già lão nên hậm hực nhiều hơn, khó chiều nhiều hơn. Nơi thì cuồn cuộn gió mưa, nơi thì khô khốc cháy đến độ đất rung nứt nẻ, cây khô hoa héo và người thì cũng hậm hậm. Sáng ra xem tin tức thế nào cũng có chuyện lỏi sùng ra bắn loạn cả lên. Chả vì gì cả, đổ cho chuyện này

chuyện nợ khiến nên thế này, thế kia!

Không phải đâu, có lẽ đang có một loại vi trùng khác với loại Covid. Các nhà nghiên cứu đang điên đầu tìm hiểu lan tràn trong nhân loại, khó mà tìm ra gốc rễ, khó mà tìm ra cách trị nó. Không có loại thuốc nào để giúp con người không bị nó ăn mất não, ăn mất cái phần bao dung tử tế nhân hậu. Tự dung người ta so sánh giàu nghèo, so sánh màu da, rồi tự hỏi tại sao phải tử tế, phải thương yêu kia chứ. Cứ mặc kệ họ cho rồi! Người bị mất phần não này thì khỏi nghĩ suy chi cho mất công!

Nhất định không viết về bệnh hoạn chỉ viết về nóng, nóng sôi, hay nóng vừa vừa, nóng âm ỉ trong tình cảm của con người. Nóng sôi là bỏ cha bỏ mẹ theo luôn, nóng vừa vừa là nghĩ xem nên hay không nên, nóng âm ỉ là “chỉ còn mỗi tình mang theo!” Ha, bà già tuổi đã hơn 60 ngồi bên khung cửa tán chuyện nóng lạnh tình trường theo khung cửa cũ kỹ, không phải giàn máy công nghiệp vĩ đại như bây giờ. Nên cứ thử xem nó ra sao nhé, so sánh khắp khấp khểnh cũng vui kia mà!

Hai cô con gái nhà này đều tổ chức đám cưới vào những ngày nóng sôi. Cô đầu nhiệt độ ngày lễ cưới hơn 100 độ F, cô thứ hai cũng tranh cho bằng chị ngày lễ cưới cùng hơn 100 độ F, cho dù hai đứa nó tổ chức đám cưới cách nhau 10 năm. Chúng nó cũng cách nhau 10 năm tuổi, có lạ không nhỉ. Đứa nào cũng hơn 30 tuổi mới chịu theo người ta về nhà khác, rồi có em bé cho Mẹ nâng niu, rồi cùng ta thán hỏi bằng tuổi chúng nó Mẹ đã có con hơn 10 tuổi để mang đi đó đi đây!

Giờ ạ! Nếu thật sự muốn phàn nàn thì so sánh với bà ngoại, bà nội đi thì biết “gái thập tam” 13 tuổi là đã bị định nơi, định chỗ. Chưa 20 đã sồn sồn mấy đứa tự nuôi tự dưỡng, tay xách nách mang. Đàn ông khi ấy là “đương vật buồn thiu” ngoài chuyện “dài lưng tốn vải ăn no lại nằm”. Tập thơ đường luật thơ sáu tám học ngũ kinh tam quốc. Chuyện trên trời dưới đất thì hay, cây cày tay hòm chìa khóa nếu có thì giao khoán cho

vợ.

Nào ít đâu, những sách vở thời cũ ghi xuống hẳn hoi cả bao nhiêu thế hệ như vậy. Hình ảnh cũ “bị” lưu vào văn khố, ghi vào các viện bảo tàng thế giới về miền đất hứng ánh nắng mặt trời ngày mới từ Bắc xuống Nam. Nhiều nhất là những hình ảnh áo thụng chân đất, đầu đội rế ôm o ềo uột; đàn bà ngồi xếp dưới đất, neho nhóc lũ trẻ bu quanh. Đứa nằm trên lòng nhay nùm vú, áo yếm khoe lưng tuột hẳn một bên.

Trong khi cùng thời kỳ ấy, bên hướng mặt trời lặn theo phong thủy là không tốt, họ đã mang ủng da, áo quần tinh tươm. Phụ nữ thì ôi chao áo choàng, áo khoác. Đây là hình ảnh cùng cảnh sinh hoạt đời thường, chứ ngắm hình ảnh vua chúa thì càng đau xót trăm ngàn lần. So sánh Nam Phương Hoàng Hậu với Nữ Hoàng Sisi thì không dám nghĩ đến, dù họ cách nhau 74 năm - Nam Phương Hoàng Hậu rất gần thời chúng ta, rất cận đại 1914 – 1963, trong khi nữ hoàng SiSi nổi tiếng toàn thế giới sinh vào thế kỷ 18, 1837. Hình ảnh của hai bà rất dễ tìm trên Google để so sánh.

Tóm lại thế này: Là một phụ nữ Việt Nam sinh giữa thế kỷ 19 sống đến nay 1/4 thế kỷ 20 nghiệm ra độ nóng sôi tình cảnh thua kém của bao mảnh đời bị chèn ép, muốn bay lên mà rời cánh bị cắt không cho bay vì cả tỉ thứ lí ti. Không tả hết ra được cho dù là bà hoàng cuối triều đại hoàng tộc, hay là cô con gái bị gả phứt đi cho đỡ chèn cơm trong nhà đông con!

Và nóng thì vẫn nóng - cứ ngày thấp một chút ngày cao một chút cơ thể con người bắt buộc phải theo thế thôi. Nhớ có lần sang thăm Trung Đông (vùng đất đang được các đài truyền hình nhắc đến mỗi ngày), cái nóng hầm hập khô cháy. Nhìn những chiếc nầm đen đi trên đường rất lạ lùng. Người du khách lúc ấy được căn dặn phải đi sát với đoàn, đừng dại đột đi một mình mà có thể bị nạn không ai biết đâu mà giúp.

Những cái nầm đen sừng sững ấy là các thiếu nữ, hay thiếu phụ không cách chi biết được vì họ được trùm kín từ đầu đến

gót chân. Đôi mắt nhìn đời qua khung lưới vừa vặn đủ cho đôi mắt làm nhiệm vụ của nó cũng màu đen. Chỉ lén nhìn thế thôi không dám nhìn chăm chú! Ngẫm nghĩ đến đôi chân tự do đi khắp chốn, tự do học, tự do viết, tự do mặc những quần áo mình thích, so sánh với trang phục cái nầm ấy thấy thương phận đàn bà bị ép uông. Theo một giáo phái chắc gì họ đã chọn giáo phái kỳ lạ. Phụ nữ chỉ là con số không to tướng.

Nói chuyện với cô gái, vô tình được tiếp xúc đôi mắt của cô trong veo nói về niềm ao ước rất đơn giản là được khoác lên người bộ áo phuong Tây, có thể khoe ra đôi cánh tay trần thon thả, được điểm chút son môi, chút má phấn. Nếu đang sống an lành con người không nghĩ mình đang được hạnh phúc hơn vạn người khác. Chỉ khi biến cố to lớn xảy đến mới biết mình đang ở thiên đàng, vì ở một nơi nào đó trên địa cầu này bao người ao ước thoa chút son môi, chút má phấn mà không cách gì họ thực hiện được. Bây giờ lại thêm chuyện thuốc chích ngừa của thế kỷ!

Nóng ư! Đã có sao nào./.





Em Tơ Tóc Tôi

Quốc Nam, Khóa 22

Tháng năm ghé quán Tiên-Giang-Phố,
Nắng võ muôn màu rặng núi xanh.
Em ngồi rạng rỡ mùi hương nhớ,
Tôi đã yêu người cuối bến xuân.

*Dòng hát bay cao lên triền thác,
Em cười núi biếc thoảng Thiên Thai.
Bốn mươi năm lẻ trôi sa mạc,
Tôi tưởng tháng Tư xóa dấu hài.*

Bóng hình em ngát thơm quê hương,
Mộng mị qua đêm giấc địa đàn.
Bến nước Cửu Long ngàn sóng lùa,
Môi hôn thấp ngọt suốt năm canh.

*Em ơi! Tôi gọi muôn trùng sóng,
Xa cách bao giờ gặp lại nhau?
Gió núi xoay theo dòng tóc nắng,
Em xinh như mộng, vút tinh cầu.*

Tôi đã là thân của núi sông,
Alpha Đỏ thắm, mộng tang bồng.
Bây giờ trôi nổi lưu vong xứ,
Tôi vẫn còn em, khúc nhạc vàng.

*Một mai về lại Miền Tây tuyết,
Tôi muốn trao em một đóa hồng.
Em với tôi, thiên đường bất diệt,
Cùng nhau tơ tóc kết trăm năm.*

(Trích thi tập “Người Tình Quê Hương”.)



Hoa Mai, Hoa Đào

Võ Minh Hòa, K21

Đà Lạt thời tiết quanh năm mát lạnh. Cái lạnh không buốt giá nhưng thật dễ chịu. Những buổi sáng ban mai khi sương mù còn đọng lớt phớt bay như mỏng trớn quanh ‘eo’ những đồi thông, chập chùng ngọn cao ngọn thấp, phủ thành một màu trắng xóa tạo cảnh vật Đà Lạt thật thơ mộng và thần tiên. Du khách đến Đà Lạt mà ngỡ như đang lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh. Đà Lạt có nhiều đồi thông với cây mọc thẳng vút, có những con dốc đi mỗi cả đôi chân, có lắm con đường ẩn khúc quanh co. Đà Lạt có thung lũng sâu thẳm, có thác nước hùng vĩ, có hồ thơ mộng. Đà Lạt có những cô gái hai má lúm nào cũng ửng hồng. Và Đà Lạt có trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tọa lạc trên đồi 1515, nơi quy tụ những chàng trai có lý tưởng quốc gia dân tộc, có những sinh viên sĩ

quan Võ Bị, được đào tạo trở thành những sĩ quan ưu tú của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Đà Lạt có chợ Hòa Bình nằm thấp dưới một dải tam cấp nhiều bậc. Đối diện chợ, bên kia đường là rạp hát Hòa Bình nằm ‘tiên phuông’ phía trước. Tiếp nối hai bên về phía sau là những cửa hàng bán đặc sản Đà Lạt như rượu dâu, mứt mật, khoai lang mật phơi khô, mật Đà Lạt, trà artichaut,...v.v. Rạp hát và những cửa hàng đặc sản này ‘chiếm’ một khu đất nằm giữa phố chính của Đà Lạt như cái cù lao, được đặt tên là ‘Khu Hòa Bình’, mặc nhiên chia đôi giòng xe cộ, một phía chạy về hướng hỏa xa Đà Lạt, một phía chạy xuống Hồ Xuân Hương. Giòng xe chạy như thác lũ, không ngớt. Khu Hòa Bình lúc nào cũng đông du khách đi dạo phố, mua quà kỷ niệm. Người dân bán hàng rao mời khách hàng thật ồn ào tạo khu Hòa Bình thật náo nhiệt và sống động.

Trời hôm nay quang đãng. Bầu trời trong xanh không gọn một đám mây dù mong manh. Được ngày đẹp trời nên du khách và dân địa phương rủ nhau ra phố đông như trảy hội. Hôm nay cũng là ngày Chúa Nhật, ngày sinh viên sĩ quan trường Võ Bị được xuất trại, đập diu đó đây. Họ đi một mình, đi với nhau, hoặc đi với đào. Vào mùa này, các SVSQ mặc quân phục dạo phố ‘mùa Đông’ vải ni nâu, đội casquette có phù hiệu đỏ, đeo alpha đỏ, mang dây biểu chương vàng. Chùng ấy sắc thái đã làm họ dễ trở nên nổi bật trong đám đông người. Khu phố vào những ngày cuối tuần có thêm những chàng SVSQ càng đông đúc và nhộn nhịp hơn.

Chiếc xe đồ (loại nhỏ) vừa dừng lại để khách xuống phía bên chợ Hòa Bình. Hai sinh viên sĩ quan bước xuống xe, đứng sang một bên đường để nhường chỗ cho những người khác bước xuống. Sau đó họ quan sát trái phải để băng qua đường. Tùng đi trước, Thảo rảo chân bám sát bạn. Họ đi vội vã và như có chủ đích sẵn nơi sắp đi nên sau khi băng ngang qua khỏi rạp hát Hòa Bình, cả hai không suy nghĩ, quẹo về phải, đi thẳng đến tiệm bán đặc sản, mang bằng hiệu ‘Xuân Đào’.

Tùng và Thảo từ xa đã nhìn thấy bà cụ chủ tiệm mà họ rất quen mặt, đang đứng trước cửa hàng. Khi cả hai gần đến, cụ mời mọc khách ngay:

- Mua mở hàng dùm đi hai cậu! Hàng chúng tôi ngon nhất hạng ở đây đây. Rượu dâu được pha chế tại nhà, nguyên chất cả... Hay là hai cậu mua mận, khoai lang, trà artichaut, dâu Đà Lạt? Mời hai cậu!

Vào những ngày cuối tuần thường có nhiều chàng SVSQ Võ Bị đến đây mua hàng. Họ đều mặc đồng phục nên bà cụ khó nhớ để nhận diện ai với ai. Nhưng riêng Tùng và Thảo thì rất quen thuộc với cửa tiệm này. Nhất là Tùng, chàng có thể nhắm mắt vẫn chỉ đúng món hàng nào nằm ở đâu vì Tùng từ lâu đã để ý và đang cố theo đuổi cô Xuân Đào, con gái bà cụ chủ tiệm. Tùng lễ phép, mỉm cười gật đầu chào bà cụ rồi vờ tự nhiên, như người quen biết trong nhà, mạnh dạn hỏi bà cụ:

- Xuân Đào chưa đến hả bác?

- Em nó cũng sắp đến thế cho tôi về. Các cậu vào trong xem hàng đã.

Tùng lẩm bẩm “dạ dạ”, trả lời lịch sự nhưng vẫn đứng nguyên ở phía ngoài bởi lẽ cửa tiệm vừa nhỏ mà lại bề bộn đầy nhiều thứ mặt hàng nên nếu lỡ vào trong rồi mà chỉ đứng xơ rơ không mua hàng thì sẽ làm phật lòng bà cụ. Đó là điều mà Tùng không muốn rước ‘họa’ vào thân. Dĩ nhiên là Tùng sẽ mua vài món vớ vẩn, nhưng chờ Xuân Đào đến để mua, chớ không mua nơi bà cụ. Vừa nói xong thì bà cụ trông thấy Xuân Đào từ bên kia đường sắp băng qua. Bà cụ hást mặt về phía cô con gái, rồi nói với Tùng:

- Em nó đến kia rồi!

Xuân Đào băng qua đường đi thẳng đến tiệm, cúi đầu “thưa mẹ” rồi quay qua nhìn Tùng và Thảo gật đầu mỉm cười. Nụ cười của Đào tươi thắm làm sao ấy, để lộ hàm răng trắng đều trông thật dễ thương. Tùng dẫn Thảo đến đây mua hàng đã nhiều lần nên Đào không xa lạ gì với cả hai.

Thảo gật đầu chào Đào, còn Tùng thì đăm đăm nhìn Đào mà chết đứng như Từ Hải. Chàng quan sát nàng từ đầu đến chân. Nàng trang phục thật gọn ghẽ. Chiếc quần tây màu tím đậm ôm sát đùi, ống quần hơi rộng che khuất một phần đôi giày cao gót. Áo trong màu hồng lơ. Nàng khoác ngoài cái áo ni ngắn ngang thắt lưng màu hoa cà, được cài hờ hai nút dưới cùng, ôm sát thân người. Tất tất tạo vóc dáng nàng dong dong cao, tràn nhựa sống, đầy sức hấp dẫn của người con gái mới lớn. Tóc nàng bỏ xõa ngang vai, ôm tròn cái cổ trắng nõn nà. Hôm nay, chốc nữa đây nàng có công chuyện gì đó phải đi nên nàng đánh thêm chút phấn son trên mặt, càng làm cho nàng trông thật tuyệt đẹp và dĩ nhiên Tùng càng cảm thấy ngất ngây.

Ôi! Nàng đẹp quá! Từ khuôn mặt đến vóc dáng tất cả đều tuyệt hảo đối với Tùng. Nàng có khuôn mặt trái xoan, đi đôi với nụ cười chúm chím tươi như hoa đào nở, với thêm đôi mắt to đen lóng lánh. Bao sao Tùng và bao chàng trai Võ Bị khác không mê sao được. Tùng thờ thần đang nghĩ miên man về nét đẹp của Xuân Đào; nàng vừa đẹp với nét dạn dĩ và nhí nhảnh của cô gái bán hàng, vừa có nét hồn nhiên của cô gái ở lứa tuổi đôi mươi, vừa có điệu bộ kiêu sa của cô gái ‘Huế’, biết rằng mình đẹp. Cái nét đẹp phối hợp đó ‘nó’ thật ngổ ngáo, liếng thoảng mà lại rất đa tình.

Bỗng Tùng sực nhớ lại và cảm thấy xấu hổ về cái nhìn ‘quá đáng’ của mình với người con gái, chàng mỉm cười:

- Chào Xuân Đào! Đào có khỏe không?

Bà cụ biết là ‘hai cậu’ đã chờ nàng từ nãy đến giờ khiến nàng hơi bẽn lẽn. Cử chỉ đó càng làm nàng đẹp thêm bội phần. Nàng giả tảng như đang bận sắp xếp lại hàng hóa cho ngay ngắn để tránh ánh mắt của Tùng. Chập sau, nàng ngất đầu lên, hất nhẹ mái tóc về sau, hỏi:

- Hai anh có khỏe không? Mua gì dùm em đi?

Thảo cố ý lùi về sau, nhường cho bạn mình trả lời. Nhưng

Tùng vẫn im lặng để Đào phải nũng nịu hỏi thúc lần nữa:

- Anh Tùng mua gì cho tuần này, hè? Hàng mua mấy tuần trước đã hết chưa?

Nghe đến tên, Tùng mới chịu mở miệng, giọng nói hơi nhẹ run. (*Chắc chắn không phải vì lạnh!*) Chàng nói nhỏ nhẹ như không muốn ai nghe, ngoại trừ Đào:

- Mấy lần trước mua nhiều quá! Mút mận còn nhiều, khoai lang khô cũng còn...

Nói đến đây thì chàng bật nghĩ đến “thứ Bảy tuần nào đến giờ khám xét phòng cũng phải đem giấu gài chết”. Nghĩ thế nhưng Tùng không nỡ từ chối lời mời của người đẹp nên vờ hỏi cho có hỏi:

- Trà artichaut pha thế nào để uống, vậy Đào?

Nghe bạn mình hỏi một câu chẳng ăn nhập vào đâu, Thảo liếc xéo Tùng, rồi nói một mình:

- “Cứ vờ vịt mãi, muốn tán thì cứ nhập đề đại cho rồi.”

Nhưng Thảo sực nhớ lại là bà cụ còn có mặt ở đây chưa về, nên Thảo ngả qua thông cảm cho Tùng, thấy tội cho bạn mình và cầu mong bà cụ sớm rời tiệm ra về. Thảo lại cúi đầu tần mần rờ lấy lệ mấy món hàng. Chàng vô tình cầm gói trà artichaut đọc cách dùng rồi miệng lẩm bẫm:

- “Hừ, nó mua trà này biết bao nhiêu lần rồi. Cách dùng chỉ dẫn rõ ràng nơi đây, còn hỏi cái gì nữa. Đúng là giả mù sa mưa!”

Tới giờ phút này thì bà cụ thật sự chuẩn bị ra về. Bà xoay lại nói với Đào, nhưng cốt cho Tùng và Thảo nghe:

- Mạ về đây! Con hỏi mấy cậu cần mua những gì. Nếu tiệm không còn, con nhắn người về nói. Mạ sẽ sai thằng Tí đem ra ngay!

Dặn dò Đào xong, bà cụ xoay qua chào Tùng và Thảo:

- Tôi về trước, mấy cậu hi! Hai cậu mua gì đi... Hai cậu đến

đây thường, để tôi bảo Xuân Đào nó bớt giá cho.

Tùng ‘dạ’ rồi nở nụ cười thật tươi vì biết bà cụ sắp về. Nhưng bà cụ lại nghĩ Tùng ưng ý nên quảng cáo tiếp:

- Rượu dâu tiệm này ngon lắm! Chúng tôi đóng chai tại nhà. Ai uống cũng khen ngon. Mấy cậu mua gọi về biếu ông bà cụ ở nhà, uống vừa khỏe vừa ăn ngon miệng. Đào đứng nhìn mẹ nói chuyện với Tùng, chỉ mỉm cười và thỉnh thoảng liếc mắt nhìn Thảo đang ngơ ngác nhìn quanh tiệm. Còn Tùng khi nghe bà cụ quảng cáo về rượu dâu thì trong đầu chợt có ý nghĩ thích thú:

- ‘Không chừng con phải thừa với ba má con đem trà rượu lên làm quà cho bác thì đúng hơn.’

Bà cụ nói xong thì với cái xách tay, bước ra khỏi tiệm ra về. Tùng cảm thấy nhẹ hẫng người. Chờ bà cụ đi xa tiệm, Tùng tiến gần về phía Đào, nhỏ nhẹ:

- Sao hôm nay Đào đến trễ vậy? Định đi đâu mà đẹp thế?

- Có chút việc.

Câu nói ngắn, nhưng Đào đã trả lời cùng lúc cả hai câu hỏi của Tùng. Đoạn nàng ngược mắt nhìn Thảo, rồi hỏi qua Tùng:

- Anh Thảo sao hiền thế? Không thấy nói năng gì hết, mà cũng không mua gì mở hàng cho em cả!

Thảo nghèo đâu, co đôi vai ý phân bua, nhưng rồi lại im lặng. Tùng hỏi mua một ít hàng chịu theo lời mời của Đào: Một lọ mứt dâu, hai chai rượu dâu, hai gói trà artichaut, và một bao mận Đà Lạt. Đào vừa gói hàng cho Tùng vừa hỏi chuyện:

- Hai anh cùng đại đội?

Thật ra trường Võ Bị được thành lập khá lâu trên Đà Lạt, nên không riêng gì Đào mà phần đông dân chúng ở thị xã Đà Lạt đều biết ít nhiều về chương trình huấn luyện và hệ thống tổ chức của SVSQ. Tùng trả lời câu hỏi của Đào:

- Không. Thảo Đại Đội D, còn tôi Đại Đội B.

- Khác đại đội mà hai anh chơi thân với nhau quá hí? Tuần nào cũng đi phỏ chung.

- Cũng khá thân! Trong trường hai Đại Đội B, D luôn đi học chung với nhau... Thảo thì hiền lành, đàng hoàng nên tôi thích đi chung với Thảo.

Họ trò chuyện băng quơ một lúc thì có khách vào mua hàng. Tùng và Thảo thấy đứng mãi cũng ngượng nên tính đường rút lui. Tùng trả tiền và nhận từ Đào hai giỏ xách nặng kịch hàng vừa mua. Thảo đưa tay xách phụ bạn một giỏ hàng. Cả hai chào nằng và bước ra khỏi tiệm. Đào mỉm cười chào từ giã hai người và cũng không quên nói với theo mời mọc:

- Tuần tời gặp lại anh nha, anh Tùng... anh Thảo nữa!

Đi một khoảng đã xa tiệm, Thảo thúc vai bạn, nói đùa:

- Tình tứ chưa! Nhớ ký sổ nợ ở câu lạc bộ để có tiền tuần tới ra mua nữa nhé!

- Hừ, chùng nào mà bị tiếng sét ái tình thì mày mới biết tâm trạng của tao. Chưa thấy quan tài chưa đổ lệ đâu, bạn ơi!

Cả hai cùng bật cười thật vui vẻ, mặc dù họ đang vẹo người sang một bên khệ nệ khiêng hai giỏ hàng nặng trĩu đi về phía bờ hồ Xuân Hương. Đường xuống dốc nên họ đi thoăn thoắt, chẳng mấy chốc đã xa dần, nhưng tiếng cười của họ còn vang vọng ngược lại về sau. Từ xa, ai nhìn họ đi đều bước như hai quân nhân, vai sánh vai, ai cũng cảm thấy họ đúng là một đôi bạn tâm đầu ý hợp, mà bạn bè cùng khóa đã ví họ là ‘cặp bài trùng’.

Chúa Nhật tiếp theo, đại đội của Tùng tới phiên ứng chiến. Chàng phải ở lại trường lo trực gác và có trách nhiệm dẫn một số đàn em lên gác trên đồi Bắc. (*Một ngọn đồi thấp, soi soi nằm chéch về bên phải không xa trước cổng trường.*) Sau khi chia gác cho đàn em xong, Tùng thơ thẩn lên ngồi thu người trên nóc lô cốt, ngó xa về ấp Thái Phiên. Chàng đưa tay vào

trong áo jacket moi tìm gói thuốc và bật lửa đốt thuốc. Chàng rít hơi thật dài rồi thả ra những vòng khói tròn. Trời hơi lạnh nên hơi thở ra cũng thành khói tiếp nối theo hơi khói thuốc của Tùng tưởng chừng như một hơi thở thật dài, buồn vô tận.

Tùng mang mác nhớ đến Xuân Đào, nhớ nhiều lắm từ điệu bộ, miệng cười, lời nói, cách mời mọc "tuần tới gặp lại nha, anh Tùng", và nhớ nhất ánh mắt đa tình của nàng.



Một buổi diễu hành của sinh viên sĩ quan Võ Bị

Tùng đưa mắt nhìn vòng theo phía dưới chân đồi Bắc, lúc ẩn lúc hiện qua những đám bụi rậm. Có những lớp kẽm gai bao quanh chân đồi làm chướng ngại phòng thủ mà Tùng cứ tưởng tượng như 'nó' đang vây kín chàng bên trong, phân cách chàng xa vời vợi giữa ngọn đồi lạnh lẽo buồn tênh này với tiệm Xuân Đào trong phố đông người qua.

Tùng lại rít hơi thuốc thật dài, nhả khói, mắt mơ màng và tự hỏi không biết Đào có để ý là mình đang say mê nàng hay không? Dĩ nhiên nàng biết rõ điều đó với bản năng trời đã dành riêng cho người con gái. Nhưng nàng còn hồn nhiên quá, vô tư quá, có lẽ chưa biết yêu là gì. Đúng vậy. "*Thân em như tấm lụa đào. Phất phơ giữa chợ biết về tay ai.*" Đã nhiều lần Tùng định thổ lộ tâm tình với Đào nhưng rồi lại chần chừ do dự vì chàng rất sợ, sợ sự thật phũ phàng nếu bị nàng từ chối

tình yêu của mình trong lúc này. Thôi thà cứ để vậy chờ đến lúc trái thật chín mùi rồi hẵng thử ra tay hái.

Tùng tự biện luận cho tính nhút nhát của mình với lý lẽ Đào còn nhỏ quá. cũng như chàng còn phải lo việc học hành để ra trường với cấp bậc thiếu úy như anh em cùng khóa. Chớ cứ mãi mê theo bóng sắc mỹ nhân, sao lãng việc học hành rồi kết quả không đủ điểm, bị ra trường sớm với cấp bậc thượng sĩ (*năm thứ nhất nếu không đủ điểm sẽ ra trường sớm với cấp bậc trung sĩ*) thì công danh không thành toại mà rồi người đẹp cũng cho ra rìa vì, “Phi thiếu úy bất thành phu phụ.”

Chập sau, Tùng cảm thấy hơi thấm lạnh. Chàng đứng dậy, đưa tay kéo fermature áo jacket nhưng rồi không biết nghĩ sao lại lững thững bước xuống và khò người chui vào lô cốt. Bên ngoài hoàng hôn đang chìm xuống dần, gió buốt lạnh và tiếng thông reo vi vút. Cảnh vật thật sự có vui đâu khi lòng người đang buồn da diết vì nhớ ‘đào’, người mà Tùng đã yêu, đang yêu và sẽ còn yêu nhiều...

Thế rồi một tuần dài chờ đợi đã qua, ngày xuất trại lại đến. Sáng nay Tùng dậy sớm hí hửng thay quần áo để qua rủ Thảo cùng đi phố. Khi đến gần barrack của Thảo, chàng mới sực nhớ là Đại Đội D tới phiên trực chiến tuần này. Chàng buồn bã quay ngược ra cổng Nam Quan, đón xe đi phố một mình.

Ra đến phố, Tùng đi thẳng đến tiệm Xuân Đào. Thấy nàng đang bận rộn bán hàng cho khách, Tùng đứng lẩn chân trước tiệm cốt cho Đào trông thấy, để gật đầu chào rồi vờ ngó quanh như tìm coi hàng gì để mua. Lát sau, khách mua bán xong, rời tiệm. Đào bước ra chào Tùng, mặt ngơ ngác hỏi:

- Anh Thảo đâu? Anh ấy bệnh hay sao mà không đi phố với anh hôm nay?

Ngay câu đầu tiên, Đào chưa đá động gì đến mình mà đã hỏi thăm Thảo khiến Tùng bị va chạm tự ái ngay. Cơn ghen bất thần nổi lên trong lòng khiến Tùng nóng bừng cả mặt nhưng chàng cố nén lại để khỏi lộ ra, rồi lạnh lùng trả lời Đào:

- Thảo ứng chiến hôm nay!

Đào lộ vẻ hơi buồn, không nói thêm lời nào, trong khi Tùng cảm thấy rất khó chịu là vì sao nàng để ý và thăm hỏi Thảo nhiều như vậy. Trên đường từ trường ra đến đây, Tùng đã vẽ trong đầu nhiều ý tưởng thật tình tứ, lãng mạn. Lúc gặp nhau, chắc nàng sẽ dòn dập và niềm nở với chàng vì đã hai tuần không gặp nhau. Nhân lúc Thảo không đi phổ chung, chàng định bụng sẽ đánh liều thăm dò thử tâm tình của Đào xem nàng phản ứng ra sao. Giờ này thì chàng đang tức giận nên bỏ cái ý định đó vì sự việc đã trái ngược với những gì chàng đang nghĩ. Chàng nhìn Đào rồi nghĩ đến Thảo thì càng tức uất người lên. Chàng nghiêm mặt chằm biếm hỏi:

- Cô buồn vì Thảo không có mặt hôm này à?

- Đâu có! Em thấy anh Thảo hiền, dễ thương, lại thường hay đi chung với anh nên hỏi thăm vậy thôi.

Tùng “hừ” một tiếng. Nó dễ thương! Phải nó dễ thương, còn tôi ngờ nghệch dại gái cứ bỏ tiền để lấy lòng nhưng rồi tiền mất toi mà ghen tương lại rước lấy. Nghĩ thế nhưng rồi chàng bụng bảo dạ, có thể vì mình quá ghen nên hấp tấp nghĩ sai lạc về câu nói vô tư của nàng. Nàng khen Thảo dễ thương thì giống như người ta khen em bé dễ thương, cái nhà dễ thương... thế thôi. Tùng trầm ngâm ra chiều suy nghĩ, vẻ mặt cau có.

Đào cố ý gọi chuyện bằng cách mời mọc với tư thế người bán hàng nhưng Tùng cứ chê đủ thứ, khác với mọi lần trước, nào khoai lang xấy chưa đủ khô nên dễ bị mốc, rượu dâu quá ngọt vì nhiều đường... Đào vẫn kiên nhẫn cố ý làm tự nhiên như không hay biết gì về nỗi uất ức của Tùng. Nàng nhẹ nhàng hỏi Tùng:

- Anh không mua à?

- Không, tôi định đi một vòng phố cho đỡ buồn, chứ không mua bán gì hôm nay cả!

Câu chuyện giữa hai người càng lúc càng tẻ nhạt và nặng

nè hơn, phần vì Tùng đối đáp với Đào với giọng hờn mát cau có, còn Đào thì cứ tỉnh bơ coi Tùng như một khách hàng thường hàng ngày.

Tùng nghĩ đứng mãi thế cũng vô duyên, chẳng kéo thêm được chút tình nghĩa gì nên từ giã để đi. Khi Tùng sắp bước ra khỏi tiệm thì có vẻ Đào muốn Tùng nấn ná để nói chuyện gì. Thấy Đào có vẻ lúng túng, Tùng thấp thỏm trong bụng, nghĩ thầm, “Có thể nàng muốn nói gì với mình mà nãy giờ còn ngượng ngùng nên không dám nói ra.” Tùng bèn gọi chuyện cho nàng nói:

- Cô muốn tôi mua hàng dùm cô?

- Dạ không! Anh mua đã nhiều lần trước rồi. Hôm nay không mua nữa cũng được. Nhưng... em định nhờ anh một việc. Không biết anh có giúp không?

- Đào nói đi... Nếu làm được tôi sẽ cố gắng! (*Khi này kêu ‘cô’, giờ này lại kêu là ‘Đào.’*)

- Em nhờ anh sẵn đây mang dùm em gói hàng về cho anh Thảo. Anh ấy đặt mua tuần trước mà hôm nay lại không ra phố được.

Vừa nghe xong lời thỉnh cầu này, Tùng điếng người, mặt tái xanh như tàu lá, uất nghẹn lại nổi lên tận cổ họng. “À, thì ra người ta muốn nhờ mình đem hàng về cho Thảo, chớ có phải muốn tâm tình gì với mình đâu.”

Tùng nắc giọng không nói nên lời, trong khi Đào lại làm ra vẻ tự nhiên coi như đương nhiên Tùng sẽ nhận lời. Nàng với tay lấy gói hàng đã gói sẵn đưa cho Tùng. Tùng theo phản ứng cầm lấy, nhưng trong lòng càng căm giận nghĩ Thảo đã lên mình đến để gặp Đào, trong khi mình bị trục gác tuần trước. Cầm gói hàng trong tay mà ý chừng Tùng muốn vút lại cho hả cơn giận, nhưng với lịch sự tối thiểu, Tùng không làm được. Mà có thể chốc nữa đi xa khỏi đây, chàng sẽ vút đại nó nơi xó xỉnh nào đó cho xong chuyện. Mẹ kiếp! Đời, bạn, và tình... thật chó má!

Về đến trường, Tùng đi một mạch đến phòng Thảo. Đạp mạnh cửa phòng thấy Thảo đang nằm đọc sách, chàng liệng gói hàng lên giường chỗ Thảo đang nằm, hần học nói:

- Quà của mày đó.

- Quà của tao? Thảo ngạc nhiên. Ai gửi vậy?

- Còn giả bộ nữa. Mày đặt mua hàng để lấy lòng ‘con’ Đào, để ‘nó’ bắt tao phải đem vô cho mày... Mày là cha tao chắc.

Nhìn túi nylon có hiệu Xuân Đào, Thảo nghĩ đúng là của Đào gửi, nhưng vẫn chưa hiểu rõ câu chuyện nên hỏi lại:

- Đào gửi cho tao? Tao... tao có đặt mua hàng gì đâu?

- Chẳng lẽ tao đặt chuyện. Tuần rồi tao cấm trại. Mày đi phố... nên mặc sức mày...

Nói đến đó rồi không thềm nói nữa, Tùng bước ra khỏi phòng đóng xâm cửa bỏ đi. Về đến phòng, chàng để nguyên quần áo đi phố, thả người nằm ịch xuống giường, gác tay lên trán, rồi thờ dài mà nghĩ tức tối cho tình đời, tình bạn.

Chập sau, Thảo đuổi theo đến gõ cửa phòng Tùng, nhưng không đợi Tùng cho phép Thảo cứ mở cửa bước vào. Thấy Tùng nằm uể oải, thân người nửa trên nửa dưới, mặt cau có buồn bực, Thái kéo ghế ngồi cạnh Tùng, rồi lựa lời phân bua:

- Mày hiểu lầm tao rồi, Tùng à! Tuần rồi, mày đi gác trên đồi Bác. Còn tao... tao cũng ở lại trường... đâu có đi phố đâu.

Tùng ngồi bật dậy bên mép giường, miệng làu nhàu nói một mình không ngó đến mặt Thảo

- Hiểu lầm, hiểu lầm mày à!

Rồi Tùng chống hai tay nơi cằm như thách thức Thảo sẽ viện đến lý do như thế nào.

Thảo từ tốn nói:

- Chủ Nhật đó, tao dậy trễ lúc mười giờ, sau đó lên phạn

điểm ăn sáng. Đến hai giờ chiều, tao rủ thằng Hải đi câu lạc bộ, có gặp mày vừa xong phiên gác, từ trên đồi Bắc đi xuống... Chắc mày còn nhớ chứ? Thì là cách nào mà mày nói tao ra phố gặp Đào để đặt mua mấy thứ hàng đó?

Tùng nghe Thảo nhắc và nhớ lại quả đúng như vậy. Nhưng cơn tức giận vẫn còn nên Tùng lập luận trong đầu ‘có thể trước đó hay sau đó nó đi phố thì ai biết được?’ Nhưng dấu thế nào thì Tùng vẫn cố chấp coi Thảo là nguyên nhân tạo đau khổ cho chàng. Và nếu sự thật đúng như thế thì chàng lại càng bực tức hơn bởi Xuân Đào quá quắt lắm. Nàng dư biết Tùng say đắm nàng mà nàng lại thích Thảo rồi lợi dụng Tùng để trao gửi tâm tình với Thảo. Khốn nạn thật! Lém linh thật! Thế là cơn ghen tương, tức giận, tự ái lại dâng trào và giờ thì tràn ngập trong lòng, Tùng không đành lại được nên đứng dậy, bước đến giơ chân đá mạnh vào cánh cửa, bực tức bỏ đi, mặc cho Thảo ngồi trơ trẽn một mình trong phòng mà cảm thấy như nghẹn ngào trong cổ họng.

Những ngày sau đó, Tùng cứ tránh né không muốn đối diện với Thảo dù hai Đại Đội B và D vẫn hàng ngày đi học chung. Thảo, nhiều lần vào giờ nghỉ giữa lớp, thấy bạn cứ dăm chiêu buồn mà không đành lòng nên bước đến vỗ vai định an ủi. Nhưng Tùng gạt phắt đi và lảng sang chỗ khác đứng khiến Thảo đành chịu thua.

Rồi có lúc Thảo nhận thấy Tùng càng âu sầu trầm lặng khác với bản tính trước kia và Tùng có những hành động như người thất tình vậy. Thảo thấy xốn xang trong lòng nhưng không biết làm cách nào và dùng lời nói nào để khuyên nhủ bạn. Dẫu sao, chàng nghĩ một phần nào chàng cũng chính là nguyên cơ làm sa sút tinh thần của Tùng. Chàng nhất định sẽ tìm cách giải tỏa nỗi ản uất trong lòng Tùng. Một hôm, sau buổi học văn hóa, Tùng về đến phòng, ngạc nhiên thấy một lá thư nằm trên giường. Chàng cầm lên rồi thử mở ra đọc:

“Bạn Tùng thân,

Tôi không được dịp nào để nói chuyện với bạn nên mạo muội viết thư này trước để phân trần đôi lời với bạn và sau mong bạn suy xét lại sự việc kỹ càng cho.

Từ ngày bạn có ý theo đuổi Xuân Đào thì tôi cũng đã tự đặt mình đứng ngoài lề. Tôi coi Xuân Đào như là mục tiêu riêng của bạn. Tôi phân ranh rõ ràng giữa tình bạn và chuyện trai gái để tránh cho chúng mình khỏi lọt vào ‘chuyện tình ba đũa’. Nay thấy bạn thất bại đâm ra đau khổ, tôi bỗng tự nhiên cảm thấy phần nào trách nhiệm trong sự việc này. Nhưng xin bạn hiểu rõ lòng tôi là tôi không có một chút tình ý đen tối gì với Xuân Đào cả. Chuyện Đào gửi quà cho tôi là ý riêng của Đào!

Nhưng Tùng à! Tụi mình đã sống chung với nhau trong trường mẹ đã gần hai năm. Hai Đại Đội B, D có biết bao kỷ niệm vui buồn, cực nhọc với nhau. Còn tôi và bạn thì như một đôi bạn thân chưa một lần xích mích, hay giận hờn. Nay không lẽ vì một cô gái bán hàng mà tụi mình hiểu lầm nhau, giận nhau, rồi không thèm nhìn mặt nhau nữa.

Tôi biết Xuân Đào đẹp, đẹp lắm. Đào nở vào mùa Xuân thì phải biết tưới tắm dưỡng nào! Thật ra không riêng gì bạn, mà còn bao thằng bạn cùng khóa ninh đã say đắm nàng, tôi biết thế. Nên tôi xin đề nghị như thế này: Hay là ta cứ để yên cho ‘Đào’ được tưới tắm trọn vẹn trên cành đào, cây đào. Vì ‘đào’ chỉ đẹp khi còn trên cây. Nếu cành đào được bẻ đem về, dù cắm vào bình hoa của bạn, của tôi, hay của bất cứ ai thì mai một rồi hoa cũng úa, nhụy cũng tàn thối. Chi bằng hàng năm, sau khi ra trường, tôi và bạn cố gắng hẹn gặp nhau lại tại Đà Lạt. Mình vừa thăm lại ngôi trường mẹ, vừa sánh vai dạo cảnh, dạo phố thường ngoạn ngắm ‘đào’, và kể cho nhau nghe những kinh nghiệm chiến trường ngoài đơn vị.

Tùng à! Tôi biết tôi có quá đáng khi đem một cành ‘đào’ ra ví như thế, nhưng thôi bạn hãy nghĩ ‘*tình chỉ đẹp khi còn dang dở*’. Bạn nên nhớ chỉ còn vòn vẹn bốn tháng nữa là khóa mình sẽ làm lễ mãn khóa. Chúng ta hãy cố gắng nhiều hơn nữa để

hoàn tất chương trình huấn luyện. Đứng vào lúc Đà Lạt khắp nơi hoa Đào nở rộ thì hoa Mai cũng nở rộ đầy sân Vũ Đình Trường, trong đó sẽ có tôi và bạn.

Tùng à! Nói đến đây tôi thấy không quá đáng đê vì tình bạn của tụi mình đã và sẽ đẹp như những bông Mai của mùa Xuân. *(Đó chính là bông mai Thiếu Úy sẽ nở rộ vào ngày mãn khóa.)* Tôi cũng muốn đem ra so sánh giữa Xuân Mai và Xuân Đào. Mai không kiêu sa, lãng mạn bằng ‘Đào’, nhưng tươi thắm và rõ ràng hơn ‘Đào’ nhiều. Cho nên, mình cũng đừng quá đắm đuối vì ‘Đào’ mà đánh mất đi hoa Mai rất quý cho tương lai. *Chí làm trai mình còn đang theo đuổi, thì mộng hải hồ chưa phải lúc dừng chân!”*

* * *

Rồi một sáng Chủ Nhật, khi sương mù chưa tan hẳn, phố Đà Lạt cũng vừa ưỡn mình tỉnh giấc, một chiếc xe đò vừa dừng lại đỗ khách phía bên kia chợ Hòa Bình. Tùng và Thảo bước xuống xe, ngó dáo dác trái phải để băng qua đường. Lần này thì họ không queo phải, đến thẳng tiệm Xuân Đào như mọi lần, mà họ lại băng một lần nữa qua bên kia đường để đến quán cà phê Tùng. Họ kêu hai ly cà phê nóng, châm thuốc hút, và nhả những vòng khói tròn lơ lửng bay lên cao. Họ kê sát đầu nhau để nghe cho rõ vì tiếng nhạc ồn trong quán. Họ cười nói thật tâm đầu ý hợp. Họ trở lại là đôi bạn tri kỷ Bá Nha, Tử Kỳ.

Hình đầu bài: Hồ Xuân Hương và cầu Ông Đạo vào ngày Chủ Nhật vào mùa Đông hoặc Xuân 1969. Chúng ta có thể nhìn thấy một SVSQ trong quân phục Jespe đang đi lên Khu Hòa Bình.

* Trích từ tác phẩm ‘Tôi Còn Nhớ’ của tác giả Võ Minh Hòa.

BỨC THƯ TÌNH THỨ MƯỜI LĂM

Cầu Cầm Tú, K18/1

Anh yêu dấu,

Cứ mỗi năm, em lại viết cho anh một bức thư tình, nhân kỷ niệm ngày cưới hoặc nhằm ngày lễ Valentine. Năm nay, vào dịp kỷ niệm ngày cưới của chúng mình thì anh bị mất tích. Em đã quay quắt, kiếm tìm, đã lần mò đi dò hỏi khắp nơi. Giờ đây, em mới biết anh bị biệt giam ở trại lao Thừa Phủ, Huế. Vậy là anh ở gần, rất gần mà như xa cách tận phương trời nào của thế kỷ trước.

Gia đình mình đã bị bắt ở cửa Tùng vì vượt biên. Buổi sáng hôm ấy em còn nhớ như in. Chúng ta chia hai ngã. Em làm bộ để hai con bé ở nhà, rồi chúng nó chạy theo khóc la đòi theo khi ấy mới cho đi. Em và con gái đi xe lam. Còn anh và con trai đi xe dò, đến Đông Hà ăn cơm trưa rồi ngồi đợi đến gần chiều mới ra cầu Hiền Lương. Nơi ấy, gia đình mình đi bộ dọc theo sông Bến Hải về phía biển và xuyên qua xóm làng với bao nỗi lo lắng miên man cứ xoáy vào lòng. Đến tối mới qua sông, rồi đi dò lênh đênh trên sóng nước. Trong đêm tối hãi hùng em ngồi trên một chiếc thuyền với bao ý nghĩ ngổn ngang, hồi hộp lo âu. Khi mình đến một độn cát có dương liễu

rậm rì, anh nói:

- “Chúng ta qua khỏi đây là xuống tàu.”

Nhưng vừa bước chân tới bờ... Ôi, khủng khiếp làm sao! Lúc đó, lòng em đang nôn nao mang bao hy vọng cháy bỏng trong lòng, tâm tư căng thẳng tới cùng. Chỉ còn một đoạn ngắn nữa thôi là chúng ta xuống được tàu. Bỗng có tiếng còi thổi liên hồi, rồi tiếng súng nổ ran, em hoảng quá nắm tay con gái út rồi lẹ làng chôn cái la bàn xuống cát. Nhưng tất cả đã trễ chúng ta đều bị bắt. Em bàng hoàng rụng rời cứ ngỡ đây là giấc mơ, tay chân bủn rủn, nghe như rờn rợn quanh đây.

Đến khi trời sáng rõ, em mới tin trước mắt mình là sự thật, sự thật quá đau lòng. Bầu trời chao đảo, nỗi lo sợ vây kín tâm hồn. Gió như tan biến, như giấc mơ tan biến. Nơi đây là cửa biển, có những rặng dừa xanh mát rượi, tàu đậu rất nhiều, nhưng lại là nơi đồn trú của công an biên phòng. Xa xa mòm núi cồn Cỏ nhô lên khỏi nước. Bất chợt em nghe có tiếng sóng dội về. Em mơ hồ như có iếng vọng của ước mơ, của hoài bão, tiếng thốn thức, tiếng rên rì, tiếng lo sợ về những bất an trong cuộc đời.

Hôm đó người ta bắt anh và những người đàn ông trong đoàn đứng ngoài nắng. Em nhìn anh đứng đó mà đôi mắt như nhìn về một nơi nào xa xôi trong quá khứ. Ở, mà sao mới có qua đêm râu tóc anh lại mau dài đến thế. Nét mặt anh bình thản, hiền hòa, nhưng em lại thấy đau xót, mệnh mang tận đáy tâm hồn. Người ta bắt em nộp những gì mang theo, nhưng em xin lại chiếc nhẫn kim cương vì em nói đó là một chiếc nhẫn giả nhưng mà vật kỷ niệm lâu ngày. Vậy là họ cho lại.

Rồi từ đó người ta giam riêng mẹ con em, còn anh họ đưa đi đâu biệt tăm. Tối lại họ đưa những đàn bà con nít đi đến một nơi mà sáng ra mới biết là lao tù. Nơi đây, buổi sáng tám giờ phải xuống hội trường học chính trị đến mười giờ, mười một giờ ăn cơm nhưng mà chỉ có nửa chén sắn lát khô vài hột cơm dính vào, chiều bị kêu lên hỏi cung, khai đi khai lại mãi.

Người ta mắng mỏ, sỉ nhục muôn bề.

Thật ê chề! Một tuần sau họ cho mẹ con em về. Còn anh họ đưa đi một nơi cách biệt từ lúc ban đầu, vì anh là sĩ quan đi ở tù mới về. Nơi họ giam anh là những dãy phòng biệt giam nằm bên hông bệnh viện Huế. Em phải đi dò hỏi suốt một tuần mới biết được tin tức của anh. Khi biết rồi, em cứ lẩn quẩn quanh con đường đó để tìm chút tin của anh, để nghe ngóng, để hy vọng. Em không biết mình hy vọng gì đây, nhưng m à cứ hy vọng. Biết đâu anh sẽ xuất hiện bất ngờ? Ôi! Nỗi hy vọng quá mong manh, như một áng mây chiều khi em nhìn lên bức tường cao vút đầy âm mốc rêu mờ.

Một lần khác khi đến chỗ anh bị giam, em mới biết thời tiết nơi đây vô cùng khắc nghiệt. Ban ngày thì nắng nóng thiêu đốt cháy thịt, cháy da; còn ban đêm lạnh rợn người, một cái lạnh xuyên thấu tim gan. Em ước gì mình có phép thần thông biến



hóa để xuyên tường, xuyên conex cứu anh ra. Rồi chúng mình sẽ đi về nơi rừng sâu núi thăm, nơi không có bóng người. Ta sẽ làm nhà bên suối, con trai sẽ theo anh vào rừng săn bắn, con gái sẽ cùng em trồng cây lương thực, trồng hoa dại quanh nhà và cuộc sống tự do an nhiên tự tại không ai có quyền đụng vào.

Tại sao chúng mình lại cưới nhau vào tháng Bảy, hở anh? Tháng Bảy là tháng mưa ngâu, tháng của Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau trên cầu Ô thước. Mỗi năm họ chỉ gặp nhau có một lần. Sẽ có biết bao yêu thương đầy ắp chia sẻ cùng nhau, biết bao nỗi bịn rịn quyến luyến khi phải xa nhau suốt cả năm trời. Còn anh và em biết bao giờ gặp lại? Em lo lắng không biết anh có bị ngược đãi không? Có bị đưa đi mất tích không? Đồ đạc em gửi cho anh bị người ta kiểm soát rất kỹ. Không biết anh có nhận được không? Bết bao nhiêu câu hỏi cứ xoăn lấy em.

Khi về đến nhà phải hứng chịu bao tủi cực. Ngày ngày em phải lên đồn công an để làm kiểm điểm và ngồi chờ suốt cả tuần, trong khi mỗi tối họp nhân dân mẹ con em phải lên đứng phơi mặt để cho người ta... Cũng may thời buổi ấy trụ điện nếu có chân cũng muốn vượt biển... Ai cũng khát khao tìm về nơi chân trời mới. Mẹ con em không bị đánh đập, không bị giam đói, nhưng luôn có cảm giác khắc khoải, đắng cay. Trong tim như có vết roi quất vào tím bầm loang lổ.

Bốn tháng sau, em nghe tin họ dời anh ra trại tù Đồng Sơn thuộc tỉnh Quảng Bình. Em nghe nói nơi đây ‘được’ hít thở khí trời, ‘được’ đi làm trong rừng sâu, ‘được’ đi lao động cực nhọc. Vậy mà mịa mai thay cả nhà đều mừng vì sợ trong nhà biệt giam có ngày anh sẽ bị mất tích, hoặc bị mù lòa. Em dắt con về ngoại ở Qui Nhơn buôn bán chợ trời để chờ đợi anh.

Em đi buôn bán vàng chạy, vốn cần có hai chỉ, một chỉ tiền và một chỉ vàng nhưng suốt ngày bị rượt đuổi. Có hôm bị bắt em phải nuốt chỉ vàng vào bụng hai ngày sau uống thuốc xổ nó mới ra. Chợ trời ở đường Phan Bội Châu ngay trước mặt chợ lớn Qui Nhơn, nơi có cây vông to nhất đó. Buôn bán lẫn lộn giữa chợ đời mới cảm thấy được nổi khổ tâm, nổi chai sạn, tranh dành mỗi lá, sẵn sàng gạt găm nhau vì tiền dù ngồi cùng nhóm với nhau hằng ngày. Tai em phải nghe bao câu nói trái với đạo lý làm người.

Em lựa ngồi chung với những người cùng lớn tuổi và là vợ sĩ quan, giáo viên...v...v... Nhóm này cư xử lịch sự nhất. Còn lại phần nhiều là những câu nói tục tĩu mà từ xưa đến giờ em chưa bị nghe lần nào. Ban ngày căng thẳng chẳng yên tâm, còn đêm về mẹ con em bị người ta đến đuổi vì không có hộ khẩu, mặc dù ở với ông bà ngoại. Cực khổ trăm bề, nhưng em vẫn cố gắng vượt qua. Trong tim em hy vọng anh sẽ sớm về.

Năm tháng sau, một buổi sáng có nắng vàng rực rỡ reo vui, em run run khi nhận được thư anh. Lòng em như có một tia hy vọng chiếu rọi, len lỏi qua con tim. Em vội xé thư ra đọc và

được biết anh vẫn bình an. Anh dặn đừng đi thăm anh, đường sá xa xôi vất vả lắm. Nhưng khi biết người ta đã cho thăm, em vội bỏ một buổi chiều ra Đồng Hới, đi dò hỏi khắp nơi để tìm con đường nào thuận tiện nhất. Em dẫn theo đứa con trai thứ hai và con bé thứ tư, vì bấy giờ là mùa Hè nên chúng nó được nghỉ.

Tối hôm đó, mẹ con đem mùng ra ga Qui Nhơn treo ngủ để đợi sáng hôm sau mua vé cho kịp. Ôi! Bao nhiêu là mùi hỗn tạp, hôi hám mà đêm hôm đó mẹ con em phải hít vào phổi. Cuối cùng em cũng chỉ mua được vé tàu chợ đi Đà Nẵng. Đến nơi 6 giờ chiều nên mẹ con em định ngủ lại ga Đà Nẵng một đêm để sáng mua vé sớm. Nhưng lúc 7 giờ tối có tàu đi Huế. Ra đến ga Liên Chiểu tàu dừng lại hai giờ. Lên đến đèo xe lửa dừng tiếp, nên mãi đến bốn giờ sáng tàu mới đến Huế. Em tìm mua vé xe lửa nhưng chẳng được, đành phải ra bến xe đi Đồng Hới. Xe chạy đến Cam Lộ thì không đi nữa nên mẹ con em vào thôn bên đường, có những cô gái đang ngồi chằm nón, ngồi nghỉ và đón xe. Khi đón được xe thì mẹ con em chỉ tới được Triệu Phong thì xe bị hư không chạy được nữa.

Trời sắp tối. Trong ánh sáng chập choạng của buổi hoàng hôn, mọi người trên xe xuống la liệt đầy đường, kẻ nằm người ngồi trên hai bên bờ cỏ dại. Đêm nay trời không trăng, ai cũng mệt mỏi đói lả vì qua một ngày dẫn xác với tiết trời nắng nóng mùa Hè, với những cơn gió Lào hanh hao rát bỏng thịt da. Mẹ con em ngồi ôm nhau trong đờn độc, trống vắng, lẻ loi của cuộc đời và lo sợ cho ngày mai, cùng những ngày sắp tới. Buồn thấm thía, anh ơi!

Sáng ra xe vẫn chưa sửa được nên mọi người đành đón xe khác.

May mắn cuối cùng mẹ con em cũng đón được xe nhưng hai đứa nhỏ phải chen chúc ngồi dưới sàn, còn em phải đứng nín phía sau. Khi xe gần tới nơi thì trời đã trưa. Mẹ con em hỏi thăm đường đi bộ tiếp. Đường gập gềnh đầy sỏi đá thật khó đi.

Thình thoảng em bảo với con:

- “Ráng lên con công trại kia rồi.”

Nhưng mà lúc ấy rã rời lắm, con một đứa mười ba, một đứa tám tuổi, chưa từng đi bộ xa bao giờ, thương cho đôi chân nhỏ bé của chúng. Công trại cuối cùng cũng hiện ra trước mắt khiến em không kiềm khỏi nỗi mừng vui rộn ràng trong lòng. Đến nơi, em đưa giấy ra và đứng đợi. Em thấy những người đang làm gạch, ốm ơ là ốm. Họ như những bộ xương di động, đầu đội thúng đất, hai con mắt sâu hoắm, má hóp, bước đi những bước xiêu vẹo giữa trưa nắng chang chang. Nhìn họ, dù không bà con thân thuộc mà lòng em bỗng đau nhói xót xa khi nghĩ đến anh.

Rồi anh được ra gặp em. Trời ơi! Ốm và tiêu tụy đến không ngờ, anh dăm dăm lạng nhìn em với đôi mắt buồn vô hạn. Nước mắt bỗng ứa ra, em nhìn sâu vào đôi mắt tinh anh, rạng ngời của ngày xưa, giờ chỉ còn là mệt mỏi u buồn. Em biết anh cố gắng nén bao đau thương tủ nhục để một ngày nào đó sẽ về với em và các con. Em biết anh buồn lắm nhưng vẫn cố nở nụ cười cho em yên lòng.

Chúng mình nhìn nhau, nhìn nhau như nói với nhau ngàn lời. Hơn tám tháng qua, mình mới thấy mặt nhau. Anh trông lạ lắm và như xa vời. Hồ sâu nào ngăn cách chúng mình, anh ơi? Em vượt qua bao ngày đường để đến thăm anh nhưng mà chỉ đứng nhìn nhau trong chốc lát, chưa nói được bao lời là hết giờ. Hết giờ rồi!

(Lúc ấy trại chưa có nhà thăm nuôi, sau này em đi đến lần thứ tư người ta mới cho làm nhà thăm.)

Mẹ con em phải quay trở gót, phải quay ngược chiều nhau, mà lòng se thắt nhớ mong. Chia tay vội vàng, lòng em quặn thắt. Em không khóc khi chia tay, nhưng nước mắt cứ trào ra. Em bước đi mang theo bóng hình tiêu tụy của anh trong tâm khảm. Trái tim em đang chùng xuống, vỡ òa rồi tan ra, tan chảy trong nỗi khoắc khoải cô đơn chưa từng có trên cuộc đời

này.

Con đường về rã rời làm sao. Em bước đi mà cứ ngoái lại nhìn anh. Anh đứng đó bên cổng mở rộng, nhưng oái ăm thay anh không thể bước ra, đi cùng. Rồi anh từ từ quay gót, mất hút. Em biết anh đi về phía vực sâu của cuộc đời, mang theo những gì gần gũi thân thiết nhất của cuộc đời em. Em khóc trong buổi chia ly. Gió đâu đây cũng thì thầm như chia sẻ nỗi niềm cùng em. Khúc nhạc buồn nhất là khúc nhạc lòng của buổi chia xa, một nỗi buồn thăm thẳm đốn đau...

Con đường trở về như dài thêm ra, dài vô tận. Mẹ con thất thế đi dưới cái nắng thiêu đốt của mùa Hè chói chan, lòng mang một nỗi buồn thấm thía. Cũng may đến ga đợi bảy giờ tối mua được vé và mười một giờ đêm có tàu. Trái với lượt đi, con đường trở về song suốt đến không ngờ.

Có hôm em mơ thấy anh về. Em vùng dậy chạy đến bên anh. Đôi mắt anh trũng sâu, má hóp, mái tóc và râu bạc trắng, làn da tái xanh, áo quần nhàu nát. Em gục vào vai anh gầy, mừng rỡ hét lên:

- “Anh đã về, anh đã về!”

Nhưng khi bừng tỉnh dậy, em mới biết rằng mình đang mơ. Chỉ là giấc mơ mà thôi! Em hy vọng một ngày rất gần anh sẽ về bên em và các con. Anh sẽ về bằng xương, bằng thịt không phải trong mơ, không phải trong thơ. Anh sẽ về bên mẹ con em, phải không anh?

Nhất định anh sẽ về, phải không anh? Phải không anh?

Thương Phế Binh “Họa Vô Đơn Chí” Vì Việt Cộng!

Phuhotrac.

Khi nhận được email của Ông gọi chúng tôi đến Coq AVin để uống café khởi trả tiền, Ông còn nói sẽ tặng mỗi em thêm một món quà, tôi phân vân tự hỏi: “Quà gì nữa đây?”

Nhớ lại lần trước, khi du lịch Âu Châu về, Ông gọi chúng tôi đến tặng mỗi em một gói kẹo Nougat, gọi là để nhớ lại đời sống tân khoá sinh thời mà Ông là sinh viên sĩ quan cán bộ.

Lần khác, trước ngày 23 tháng Chạp, Ông gọi chúng tôi đến, tặng mỗi người một đòn bánh tét, gọi là để cúng ông Táo và cũng là để nhớ lại những ngày Tết trong ngục tù CS, một hạt nếp là một hạt vàng.

Ngày 15 tháng 7/2021, Ông lại gọi chúng tôi đến để tặng mỗi người 10 vé xổ số “ĐÁP LỜI SÔNG NÚI” 2021. Những vé này là để gây quỹ yểm trợ cho những nhà đấu tranh trong nước. Ngoài vé ra, họ còn được mời dự tiệc “không phải trả tiền” tại nhà hàng Paracel ngày 15/8/2021.

Lần này Ông gọi đến nhà hàng “gà nấu rượu” thì cho cái chi chi đây?

Từ xa, trông thấy một ông già chống gậy, chân thấp chân

cao đi tới, chúng tôi biết là ai rồi, cả toán cùng cười và chào:

- Ông tiến sĩ (Ph.D) tới rồi.

Chúng tôi đùa vui, gọi Ông là Ph.D, là tiến sĩ, Ông bảo:



- Tiến sĩ mẹ gì! Xưa tao là binh sĩ, khi tị nạn CS tao là “Ph.D”, tức là “Pizza Hut Delivery”. Rồi một ngày kia bị một bà Mexicana đụng khiến tao gãy chân, phải giải nghệ, nhiều anh em thấy tao chóng gãy, tưởng tao là thương phế binh, hỏi tao bị thương trận nào? Tao nói đại: “Trận Ba Lòng”. Thực ra vùng Quảng Trị, ngoài Ba Lòng, đơn vị tao còn đụng nhiều nơi khác như

Thương binh nhưng không phé.

Cồn Thiên, Cam Lộ, Bá Hồ, v.v..

- Như vậy Ông Thầy không bị thương thì tài thật.

- Bị chó, đi lính uýnh giặc, ai mà không một lần bị thương, nhưng bị thương nhiều nhất là thương phé binh, nhiều nhất vẫn là hàng binh sĩ và hạ sĩ quan. Cỡ tiểu đoàn trưởng trở lên như các chú, như anh thì ít hơn nhiều. Điều này dễ hiểu thôi nếu chịu suy nghĩ một tí. Thôi vào trong ngồi cái đã cho đỡ mỗi chân, kiếm ly café cho đỡ nhạt miệng rồi nói chuyện về thương phé binh sau.

Mọi người ổn định chỗ ngồi xong, Ông bảo:

- Các chú cứ thoải mái uống café, tao mới lãnh \$600 lần thứ hai. Còn đây là quà hôm nay, mỗi chú hai vé, đủ cho hai vợ chồng đi coi đại nhạc hội Cám Ôn Anh Thương Binh. Chú nào “độc thân” thì xem có cụ bà nào yêu... văn nghệ thì mời đi cùng. Nếu cụ bà ngại ngừng thì nói nhỏ với bà rằng: “Coi văn

nghệ giữa trưa nắng tràn đầy ánh sáng thì có “chi mô” mà sợ.

Chúng tôi mỗi người cầm hai vé, tất cả là 20 vé, như vậy Ông Ph.D đã chi \$200, chúng tôi không mất đồng nào, nếu đi sớm thì còn được ngồi hàng ghế VIP nữa cơ đấy. Không khí đang vui, bỗng anh chàng Alpha nhỏ nhẹ:

- Những tưởng hôm nay Ông Thầy cho cái chi, chứ ông thầy mua vé tặng free cho mấy anh này là chết papa em rồi. Em nhận 100 vé từ Mẹ Đỉnh, cả tuần nay đứng trước cửa chợ ABC (Bolsa), chợ Mỹ Thuận (Magnolia), chợ Thuận Phát (Westminster) mời ông đi qua, mời bà đi lại, mời cô cậu tới lui nhưng tui mới



Vé số không người mua.

bán được 50 vé, định bụng hôm nay nhân dịp Ông Thầy gọi đến, em mang theo nhờ phe ta mua giúp, nào ngờ...!

- Anh cũng đâu có ngờ chú lại mang vé Đại Nhạc Hội Cám Ôn Anh Kỳ 14 đến đây. Sáng nay anh chị đi chợ Á Đông (đối diện Phước Lộc Thọ) thấy anh “lính già” cầm xấp vé mời những người đi chợ đẩy xe chất đầy thực phẩm gà cá heo mà họ cứ lơ nên chị thúc anh mua giúp...

- Thì sáng nay em cũng bán bên cửa chợ Á Đông đó. Em đi theo họ ra tận xe, giúp họ đưa đồ vào xe rồi mới chia vé ra xin họ mua ủng hộ Thương Binh nên em mới bán được 50 vé đó chớ. Thấy tụi em lì đòn quá NT Xê bảo tụi em là đám “mặt dày”! Quả thật cũng mắc cỡ lắm đấy chứ, nhưng cứ nghĩ đến mấy thương phế binh không còn chân, lê lét bên vỉa hè bán

vé xổ số, mà đại đa số sống bằng nghề bán vé xổ số, nay ôn dịch VC đang hoành hành, thành “Hò” bé quan, cấm người ra đường, họ không còn đi bán vé được nữa! Cầm xấp vé xổ số trong tay mà há miệng “buồn cười”, buồn mà phải cười, phải rong ruổi đường đời bằng hai cái đầu... gói! Các thương phé binh thất nghiệp, các thương phé binh đời nên Alpha tôi đành cố gắng “mặt dày” thêm một chút để giúp họ bên đó có thêm một chén cháo, đúng là: Thương phé binh VNCH họa vô đơn chí thời ôn dịch Coviq!

Nghe Alpha tả oán chuyện thương phé binh bên nhà, chàng Lò Quờ xen vào:

- VC và VCoviq hại đời thương phé binh, dồn vào thế: “Họa vô đơn chí” còn anh em ta (cấp chỉ huy của họ) ở hải ngoại thì “phúc trùng lai” thời Coviq.

- W. W. W. W. W?

- Ai, cái gì, ở đâu, khi nào, tại sao thì tôi không rõ, nhưng khi ôn dịch VC đến thì tôi bị thất nghiệp, nhưng lại được lãnh tiền thất nghiệp cao hơn lương đi làm.

- “Me too!” Tôi cũng thế, ngồi ở nhà mà lãnh lương cao hơn đi làm, “phúc trùng lai” thời Coviq của chúng ta là thế đó, chưa kể \$1200, cộng với hai lần \$600. Còn các anh em thương phé binh ở trong nước: “Họa vô đơn chí”!

Chàng đệ ngũ đẳng... xen vào:

- Nhưng tình hình chung thì làm ăn khó khăn, đa số thành phần HO chúng ta đã già nên dù có muốn cũng, cũng, cũng...

Thấy không khí quanh bàn café có vẻ bí khi anh chàng “đệ ngũ” này áp úng ba lần “cũng” nên Ông Thầy Ph.D xen vào làm dịu tình hình:

- Xưa kia chúng ta là những cấp chỉ huy, nhỏ nhất cũng là trung đội trưởng, trong bất cứ cuộc hành quân nhỏ to nào thì lính, hạ sĩ quan đi trước, bị thương trước, chết trước rồi mới tới chúng ta. Cấp bậc chúng ta càng cao, trận chiến càng nặng,

chiến thắng càng vinh quang thì thương phế binh và vành khăn tang càng nhiều, chiến tranh ở đâu cũng giống nhau: “*Nhất tướng-tá công thành vạn cốt khô!*” Cái không giống nhau là sau cuộc chiến, cấp chỉ huy ngó xuống thuộc cấp-những thương phế binh như thế nào.

Nhấp hợp café như muốn nuốt trôi cái đắng vào trong, Ông Ph.D tiếp:

- Sorry, anh hơi đi xa về quá khứ, trở lại chuyện hiện tại là chuyện bán vé ĐNH của chú Alpha: Ký một chi phiếu \$50, \$100 để yểm trợ thương phế binh thì không khó, nhưng cầm 10 vé ĐNH trong tay mà đi mời chào thì quả thật là khó quá, quá



Chương trình của Đòng Chúa Cứu Thế 2018 giúp anh em thương phế binh VNCH.

khó. Công lao đó giá trị hơn chữ ký nhiều, nhất là hiện nay một số các anh chị đang đi xin thức ăn nước uống cho ngày ĐNH, vất vả không diễn tả được. Thôi thì thế này, chú Alpha còn 50 vé, đưa cho anh, chúng ta “cùng chung trách nhiệm” với TPB, các chú có đồng ý không?

- Đồng ý 5/5 với Ông Thầy.

Anh đã tặng các chú mỗi người hai vé rồi, khỏi trả tiền, còn đây mỗi chú cầm năm vé này, coi như giúp Alpha một tay...

Lỡ miệng đồng ý 5/5 với Ông Thầy rồi nên mười người cùng cười, (dù cười gượng) tay phải cầm năm vé, tay trái chỉ

ra \$50, Alpha cười tươi hơn, cảm ơn sự tiếp tay của Ông Thầy Ph.D bán hết 50 vé, vị chi là \$500. Nếu mỗi thương phé binh được tặng 50\$ thì Alpha ta cũng giúp được 10 người trong cơn khốn cùng thời ôn dịch Coviq.

Nhưng suốt đoạn đường còn lại của Thương Phé Binh VNCH, những đồng đội, những thuộc cấp của chúng ta luôn luôn phải sống trong ôn dịch VC. “Hoạ vô đơn chí” tàn phá thể xác những người tàn phé! Chẳng còn bao lâu nữa anh em thương phé binh sẽ về “quê thật”.

Chúng ta hãy trả lại thương phé binh những gì chúng ta hưởng từ vết thương của anh em. Khi lời kêu này tới tai quý thẩm quyền, đại bàng thì Đại Nhạc Hội Cám Ôn Anh Kỳ 14 đã qua rồi, nhưng Hội HO vẫn đón chờ lòng từ tâm của các thẩm quyền.

Hội HO Cứu Trợ Thương Binh và Quả Phụ VNCH
P.O Box 25554 Santa Ana CA 92799.
(714) 837-5998 (888) 754-8899

Tuyển Tập
Một Thời Chinh Chiến
Song Vũ



Những câu chuyện ngắn trong cuốn sách tập trung trong một chủ đề duy nhất. Đó là những kỷ niệm của tác giả trong cuộc chiến tranh. Những giao tiếp, đồng đội của tác giả, những suy nghĩ về cuộc chiến vào những mảnh đời riêng trong nghiệt ngã sau chiến tranh, nơi xứ người...

“...Nhưng điều làm tôi suy ngẫm là ý nghĩa về cuộc đời mình, thế hệ của chúng tôi, những việc đã làm, những đau thương đã trải... Thực sự là gì? Hay chẳng là gì hết?”

Song Vũ

Các độc giả muốn biết thêm chi tiết, hoặc order sách, xin liên lạc về địa chỉ:

Ngô Song Vũ
<songvungo@gmail.com>

Chú Thích: Tác giả không nhận order của các độc giả ngoài nước Mỹ vì bưu phí quá cao.

Thi Phẩm

“Áo Thời Gian”

Phạm Kim Khôi

Trong niềm vui được hân hạnh tái ngộ quý khách thơ, chúng tôi trân trọng giới thiệu lên quý vị thi phẩm Áo Thời Gian.

Giòng đời vẫn không ngừng thay đổi nên màu sắc thi ca cũng đậm nhạt ngòi con. Tuy nhiên, vấn đề mà mọi thời đại đều đặt ra lại không thay đổi: Thơ chờ được những gì.

Chúng tôi quan niệm thơ chỉ có một giá trị nào đó để có thể xứng đáng với tên gọi khi thơ thấm được vào lòng người.

Hy vọng dù khả dĩ hay chỉ là ước mơ, chúng tôi ý thức rằng những điều được học hỏi thêm lúc nào cũng rất hữu ích.

Chân thành cảm tạ,

Phạm Kim Khôi.

Chú Thích: Các độc giả muốn biết thêm chi tiết, hoặc order Thi Phẩm “Áo Thời Gian”, xin liên lạc trực tiếp với tác giả, hoặc gửi check về địa chỉ:

Phạm Kim Khôi

1229 S. Genoa Dr., Santa Ana, CA 92704

Giá: US \$15.00



QUỐC NAM

Lính Trận 60 Năm

Phục Vụ Xã Hội Vô Vụ Lợi



Quyển sách ghi dấu 60 năm cầm bút liên tục (1961-2021) và 65 năm thi ca (1956 - 2021) của thi văn sĩ Quốc Nam.

Là một sĩ quan tốt nghiệp Khóa 22 TVBQGVN vào cuối năm 1967, ông đã bị thương tích nặng sau đó ít lâu. Ông đã trải qua 14 năm dần thân hoạt động cho xã hội tại Việt Nam và 46 năm hoạt động vô vị lợi tại Hoa Kỳ.

Đối với chúng ta, mọi người đều biết đến tình cảm thân thiết của ông đối với TVBQGVN, khi ông đang thụ huấn tại đây:

*Ta bỏ lại đời Sinh Viên mộng寐,
Nhìn đỉnh Lâm Viên nghiêng bóng Quân Trường.
Alpha ơi! Mâu Đỏ đẹp vô cùng,
Chiều Doanh Trại nhớ về em bất tận...*

Chú Thích: Các độc giả muốn biết thêm chi tiết, hoặc order sách, xin liên lạc về địa chỉ:

Bà Amy Nguyễn
P.O. Box 18104
Seattle, Washington 92818. Hoa Kỳ
Ấn phí: 15 Mỹ Kim.

Sách tài liệu do Đông Phương Foundation xuất bản năm 2021 và giữ bản quyền.

Yểm Trợ Thương Binh và Quả Phụ VNCH

(Tổng kết tới ngày 16 tháng 8 năm 2021)

Thưa các mạnh thường quân,

Tháng 7/2021, Ban Xã Hội của Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN đã phổ biến lời kêu gọi đến các mạnh thường quân trong đại gia đình Võ Bị, cùng thân hữu trong ngoài đóng góp cho Hội H.O. Cứu Trợ Thương Phế Binh và Quả Phụ VNCH, thông qua **ĐẠI NHẠC HỘI CẢM ƠN ANH KỲ 14** được tổ chức vào ngày 28 tháng 8 năm 2021 tại Nam California, Hoa Kỳ, nhằm trợ giúp các Thương Binh và các Quả Phụ VNCH, còn gặp vô vàn khó khăn tại quê nhà.

Ban Xã Hội sẽ làm trung gian tiếp nhận tiền mặt và chi phiếu để chuyển giao cho Hội HO.

Mặc dù chưa tới thời gian chấm dứt, số tiền quyên góp được đáng khích lệ. Điều này chứng tỏ quý vị vẫn luôn quan tâm đến số phận của những người kém may mắn hơn chúng ta, trong đó họ là những quả phụ và những thương binh, những người bạn của chúng ta, đã có một thời cùng chia lửa đạn ở chiến trường năm xưa.

Thời gian có qua đi, nhưng những vết thương về thể chất, tinh thần của họ để lại vẫn còn đó, trong một xã hội xa lạ thiếu tình nhân bản. Việc quyên góp trở nên khẩn thiết hơn khi cơn đại dịch COVID đang xảy ra nghiêm trọng tại Việt Nam. Chỉ có chúng ta mới có khả năng, cũng như còn nghĩ tới việc giúp

họ ít nhiều qua cơn hoạn nạn.

Đại diện cho Tổng Hội CSVSQ, Ban Xã Hội cảm ơn tất cả các mạnh thường quân. Đặc biệt, chúng tôi cảm ơn Khóa 19, luôn đi đầu trong việc quyên góp cho Thương Binh và Quả Phụ VNCH. Việc đóng góp nhiệt tình của quý vị luôn mang một ý nghĩa tích cực, đã nêu gương sáng cho mọi người về tinh thần trách nhiệm, lòng yêu tha nhân, và truyền thống “lá lành đùm lá rách” của xã hội Việt Nam.

Đến hôm nay tổng số tiền các mạnh thường quân hứa đóng góp lên tới 28,745. Tổng số tiền này sẽ có nhiều thay đổi trong thời gian tới. Ban Xã Hội sẽ tiếp tục nhận chi phiếu gửi về.

Trân trọng,

*Phan Văn Lộc, K30
Thủ Quỹ*

*Hoàng Như Cầu, K28
Trưởng Ban Xã Hội*

Danh sách yểm trợ:

<http://tvbqgvn.org/truyenthong/thuongbinhquaphu-vnch2021/danhsachyemtrothuongbinh2021.htm>

Chú Thích: Khi quý vị đọc được lời kêu gọi này thì Đại Nhạc Hội Thương Binh Kỳ 14 đã tổ chức xong, số tiền đóng góp cũng đã được chuyển giao cho Hội. Tuy nhiên, **Hội HO Cứu Trợ Thương Binh và Quả Phụ VNCH** vẫn tiếp tục nhận trợ giúp của các quý vị, để có điều kiện gửi giúp Thương Binh và Quả Phụ còn ở quê nhà.

Nếu quý vị có quan tâm đến việc yểm trợ Thương Binh và Quả Phụ VNCH, xin liên lạc trực tiếp hoặc gửi check đến:

Hội HO Cứu Trợ Thương Binh và Quả Phụ VNCH

PO. Box 25554

Santa Ana, CA 92799

(714) 837-5998 (888) 754-8899



**DANH SÁCH
CSVSQ & THÂN HỮU
YẾM TRỢ TẬP SAN ĐA HIỆU 119**

(Tính tới ngày 16 tháng 8 năm 2021)

Số TT	Họ & Tên	Khóa/ Thân Hữu	Số Tiền	
1	Mr. Bùi Đình Can	½	100.00	
2	Mr. Võ Khôi	3	50.00	
4	Mr. Huỳnh Thao	Lược	3	200.00
5	Mrs Tạ Thái Bình	4/1	50.00	
6	Mrs Nguyễn Văn Khuyên	5/1	40.00	
7	Mrs. Dương Đình Thụ	6/1	50.00	
8	Mr. Trương Minh Tâm	7	50.00	
9	Mr. Nguyễn Du An	8	50.00	
10	Mr. Điều Ngọc Chánh	8	40.00	
11	Mr. Trần Kiên	8	40.00	
12	Mr. Lợi Nguyễn Tấn	8	30.00	
13	Mr. Đan Đình Cận	9	30.00	
14	Mr. Lữ Phục Ba	10	100.00	
15	Mr. Dương Đình Bộ	10	50.00	
16	Mr. Phạm Đăng Có	10	50.00	
17	Mr. Lê Văn Hiền	10	50.00	
18	Mr. Huỳnh Đạt Kính	10	30.00	
19	Mr. Nguyễn Văn Lạc	10	30.00	

Tổng Kết Tài Chánh

319

20	Mr.	Nguyễn	Lộc	10	50.00
21	Mr.	Phạm Văn	Môn	10	30.00
22	Mr.	Phạm Thế	Phiệt	10	50.00
23	Mr.	Võ Thành	Quan	10	30.00
24	Mr.	Vòng A	Sĩ	10	30.00
25	Mr.	Dương Cao	Son	10	50.00
26	Mr.	Vĩnh	Thành	10	50.00
27	Mr.	Ngô Thanh	Vân	10	100.00
28	Mr.	Phan Bá	Cát	11	20.00
29	Mr.	Hoa Hải	Thọ	11	50.00
30	Mr.	Lý Kim	Vân	11	100.00
31	Mr.	Vũ Minh	Bôi	12	50.00
32	Mr.	Nguyễn Cửu	Đắc	12	30.00
33	Mr.	Ngô Việt	Hà	12	50.00
34	Mr.	Trần Thượng	Khải	12	30.00
35	Mr.	Trương Đình	Nuôi	12	50.00
36	Mr.	Nguyễn Văn	Sắc	12	20.00
37	Mr.	Phạm Duy	Trường	12	50.00
38	Mr.	Nguyễn Đức	Vỵ	12	50.00
39	Mr.	Nguyễn Văn	Giang	13	30.00
40	Mr.	Đỗ Huy	Huệ	13	30.00
41	Mr.	Đặng Ngọc	Minh	13	50.00
42	Mr.	Trần Ngọc	Thạch	13	30.00
43	Mr.	Nguyễn Ngọc	Thạch	14	25.00
44	Mrs.	Nguyễn Trọng	Mạc	15/1	50.00
45	Mr.	Trần Văn	Một	15	20.00
46	Mr.	Trương Đình	Quý	15	30.00
47	Mr.	Nguyễn Văn	Biên	16	50.00
48	Mr.	Nguyễn Minh	Chánh	16	50.00
49	Mr.	Vĩnh	Dác	16	50.00
50	Mr.	Hồ Khắc	Đàm	16	100.00
51	Mr.	Nguyễn Đăng	Dinh	16	50.00
52	Mr.	Phạm Văn	Dung	16	50.00
53	Mr.	Hồng Ngọc	Hinh	16	50.00
54	Mr.	Trương Đình	Khả	16	50.00

55	Mr.	Phạm Văn	Nghĩa	16	50.00
56	Mrs.	Nguyễn Như	Phú	16/1	20.00
57	Mr.	Vĩnh	Quốc	16	50.00
58	Mrs.	Trương Thành	Tâm	16/1	50.00
59	Mr.	Nguyễn Văn	Úc	16	100.00
60	Mr.	Hồ Văn	Xuân	16	20.00
61	Mr.	Đình Ngọc	Ban	17	100.00
62	Mr.	Nguyễn Hoài	Cát	17	50.00
63	Mr.	Trịnh Ngọc	Diệp	17	50.00
64	Mr.	Nguyễn Văn	Dục	17	100.00
65	Mr.	Nguyễn Văn	Dũng	17	40.00
66	Mrs.	Nguyễn Duy	Long	17/1	20.00
67	Mr.	Nguyễn	Phung	17	50.00
68	Mr.	Võ Văn	Sung	17	50.00
69	Mr.	Nguyễn Xuân	Tám	17	20.00
70	Mrs.	Nguyễn Thành	Tâm	17/1	50.00
71	Mr.	Vũ Vĩnh	Thụy	17	30.00
72	Mrs.	Võ	Vàng	17/1	50.00
73	Mr.	Phùng Xuân	Vinh	17	50.00
74	Mr.	Nguyễn Ngọc	Ánh	18	50.00
75	Mr.	Nguyễn	Bê	18	50.00
76	Mr.	Tôn Thất	Đường	18	30.00
77	Mr.	Phan Bắc	Giác	18	50.00
78	Mr.	Huỳnh Văn	Giai	18	50.00
79	Mr.	Đỗ Văn	Hạnh	18	100.00
80	Mrs.	Lê Văn	Hoạt	18	30.00
81	Mrs.	Quách Xuân	Hương	18/1	50.00
82	Mr.	Nguyễn Văn	Khương	18	50.00
83	Mr.	Nguyễn Khoa	Lộc	18	50.00
84	Mr.	Bùi Văn	Miêu	18	30.00
85	Mrs.	Trần Đình	Nga	18/1	50.00
86	Mr.	Phạm Văn	Ngọc	18	50.00
87	Mr.	Nguyễn Hạnh	Phúc	18	50.00
88	Mr.	Văn Đình	Phụng	18	50.00
89	Mr.	Nguyễn Văn	Thiệt	18	40.00

90	Mr.	Hoàng Xuân	Thời	18	30.00
91	Mr.	Nguyễn Xuân	Toàn	18	30.00
92	Mr.	Lã Quý	Trang	18	50.00
93	Mrs	Nguyễn Văn	Xuân	18/1	50.00
94	Mr.	Tôn Thất	Ban	19	50.00
95	Mr.	Đỗ	Đặng	19	50.00
96	Mr.	Nguyễn Ngọc	Đỉnh	19	30.00
97	Mr.	Hồ Văn	Hạc	19	50.00
98	Mr.	Phạm Kim	Khôi	19	20.00
99	Mr.	Trương	Khương	19	30.00
100	Mr.	Đặng Đình	Liêu	19	50.00
101	Mr.	Nguyễn Anh	Linh	19	40.00
102	Mr.	Nguyễn Bá	Luân	19	30.00
103	Mr.	Hoàng Văn	Mạnh	19	100.00
104	Mrs.	Nguyễn Thị	Minh	19/1	30.00
105	Mrs.	Phạm Thị	Minh	19/1	100.00
106	Mr.	Lê Kim	Ngọc	19	50.00
107	Mr.	Nguyễn	Nho	19	50.00
108	Mr.	Nguyễn Xuân	Phán	19	30.00
109	Mr.	Nguyễn Thành	Son	19	30.00
110	Mr.	Trương Thanh	Sương	19	30.00
111	Mr.	Phạm Văn	Tân	19	100.00
112	Mr.	Trần Bá	Tòng	19	50.00
113	Mr.	Hoàng	Trai	19	30.00
114	Mr.	Trần Văn	Trữ	19	30.00
115	Mr.	Trần	Vệ	19	30.00
116	Mr.	Nguyễn Văn	Vinh	19	25.00
117	Mr.	Trần Hữu	Bảo	20	40.00
118	Mr.	Huỳnh Văn	Chờ	20	80.00
119	Mr.	Trần Phi	Cơ	20	30.00
120	Mr.	Nguyễn Thanh	Đức	20	50.00
121	Mr.	Thái Minh	Hoàng	20	20.00
122	Mr.	Phạm Văn	Hồng	20	50.00
123	Mr.	Võ Văn	Huệ	20	25.00
124	Mr.	Đỗ Nguyễn Nhật	Khai	20/2	100.00

125	Mr.	Vũ Thế	Khanh	20	100.00
126	Mr.	Đào Kim	Minh	20	30.00
127	Mrs.	Hoàng Văn	Ngọc	20	30.00
128	Mrs.	Nguyễn Cảnh	Nguyễn	20	50.00
129	Mr.	Lê Thanh	Phong	20	55.00
130	Mr.	Đặng Văn	Son	20	50.00
131	Mr.	Nguyễn Tổng	Tiên	20	30.00
132	Mr.	Lê Văn	Toản	20	50.00
133	Mr.	Lê Quốc	Toản	20	50.00
134	Mr.	Nguyễn Khắc	Tung	20	25.00
135	Mr.	Nguyễn Văn	Vọng	20	20.00
136	Mr.	Phạm Văn	Yêng	20	30.00
137	Mr.	Phạm Quang	Hậu	21	50.00
138	Mr.	Trương Văn	Hòa	21	30.00
139	Mr.	Chiêm Thành	Hoàng	21	30.00
140	Mr.	Trần Văn	Khiết	21	50.00
141	Mr.	Nguyễn Minh	Kính	21	50.00
142	Mr.	Châu Văn	Kỳ	21	30.00
143	Mr.	Nguyễn Ngọc	Tùng	21	50.00
144	Mr.	Trần Châu	Giang	22	50.00
145	Mr.	Giang Văn	Nhân	22	50.00
146	Mr.	Trương Văn	Phổ	22	30.00
147	Mr.	Đặng Văn	Anh	23	100.00
148	Mr.	Vương	Chước	23	50.00
149	Mr.	Mai Văn	Hiếu	23	20.00
150	Mr.	Nguyễn Văn	Hiếu	23	40.00
151	Mrs.	Lê Tinh	Huy	23/1	50.00
152	Mr.	Trần Văn	Tâm	23	34.00
153	Mr.	Trần Trọng	Thạnh	23	30.00
154	Mrs.	Trần Vĩnh	Thuấn	23/1	50.00
155	Mr.	Lý Châu	Thuần	23	100.00
156	Mr.	Bùi Văn	Tre	23	30.00
157	Mr.	Đỗ Mạnh	Trường	23	40.00
158	Mr.	Trần Văn	Tỷ	23	50.00
159	Mr.	Dương Tuấn	Việt	23	50.00

160	Mr.	Vũ Thế	Cần	24	20.00
161	Mr.	Phan Thế	Thiếp	24	30.00
162	Mr.	Trần	Đức	25	50.00
163	Mr.	Hoàng Trọng	Chiêu	25	50.00
164	Mr.	Nguyễn	Hàm	25	100.00
165	Mr.	Lại Đình	Hội	25	100.00
166	Mr.	Đoàn Đình	Hùng	25	100.00
167	Mr.	Võ	Khôi	25	100.00
168	Mr.	Nguyễn Như	Mạnh	25	50.00
169	Mr.	Ngô Hồng	Sương	25	100.00
170	Mr.	Lâm Minh	Vân	25	50.00
171	Mr.	Quách	An	26	100.00
172	Mr.	Bùi Văn	Hoàng	26	30.00
173	Mr.	Phạm Đình	Lê	26	50.00
174	Mr.	Nguyễn Văn	Lượng	26	100.00
175	Mr.	Nguyễn Đăng	Mộc	26	20.00
176	Mr.	Hoàng Trung	Nghiã	26	100.00
177	Mr.	Nguyễn Văn	Ngọc	26	30.00
178	Mr.	Ngô Văn	Nơi	26	50.00
179	Mr.	Võ Văn	Tạo	26	100.00
180	Ms.	Vũ Thế	Thủ	26	30.00
181	Mr.	Huỳnh Văn	Hải	27	50.00
182	Mr.	Trần Văn	Hồ	27	40.27
183	Mr.	Trương Văn	Hơn	27	30.00
184	Mr.	Châu	Lân	27	30.00
185	Mr.	Trần Trí	Quốc	27	100.00
186	Mr.	Cái Hữu	Sáu	27	50.00
187	Mr.	Lê Nguyên	Dũng	28	50.00
188	Mr.	Nguyễn Văn	Nghĩa	28	50.00
189	Mr.	Võ Đức	Trí	28	50.00
190	Mr.	Một CSVSQ	tại Florida	28	50.00
191	Mr.	Tsu A	Cầu	29	100.00
192	Mr.	Huỳnh Hữu	Chí	29	50.00
193	Mr.	Đỗ Trọng	Kiên	29	50.00
194	Mr.	Phạm Tấn	Lộc	29	20.00

195	Mr.	Hồ Công	Lộc	29	50.00
196	Mr.	Nguyễn	Trữ	29	50.00
197	Mr.	Phan Văn	Ý	29	50.00
198	Mr.	Lê Hoàng	Sơn	30	30.00
199	Mr.	Phạm Xuân	Sơn	30	30.00
200	Mr.	Hoàng Cung	Minh	31	30.00
201	Mr.	Phạm Hồng	Diên	Quân Sự Vụ	20.00
202	Mr	Trần Huy	Bích	Văn Hóa Vụ	100.00
203	Mr	Đỗ Ngọc	Hiển	Văn Hóa Vụ	50.00
204	Mr	Lê Trọng	Lập	Văn Hóa Vụ	30.00
205	Mr	Hồ Thanh	Tâm	Văn Hóa Vụ	50.00
206	Mr.	Trần Phương	Thu	Văn Hóa Vụ	75.00
207	Mr.	Hà Đức	Bản	TH	55.00
208	Mr.	Đỗ Kim	Bảng	TH	20.00
209	Ms.	Nguyễn Thị	Bê	TH	25.00
210	Mr.	Đỗ Bá	Chi	TH	20.00
211	Mr.	Nguyễn	Đức	TH	50.00
212	Mr.	Nguyễn Anh	Dũng	TH	50.00
213	Mrs.	Lê Hồng	Hải	TH	50.00
214	Mr	Nguyễn Hữu	Hảo	TH	50.00
215	Ms.	Lưu Thị	Hiền	TH	20.00
216	Mr	Vũ Đình	Hiếu	TH	25.00
217	Mrs.	Trần Thị	Hoa	TH	40.00
218	Mr	Quan Thúy	Hoài	TH	30.00
219	Mr.	Mạc	Hoàng	TH	100.00
220	Mrs.	Nguyễn Thị	Huệ	TH	50.00
221	Mr.	Nguyễn Đình	Hùng	TH	50.00
222	Mr.	Quan Thúy	Huyền	TH	30.00
223	Mr.	Võ	Jamesnico	TH	50.00
224	Mr.	Nguyễn	John	TH	100.00
225	Mr	Trần	John	TH	300.00
226	Mr.	Lâm Văn	Khánh	TH	50.00
227	Mr.	Lê Đăng	Khoa	TH	50.00
228	Mr	Trần Văn	Khởi	TH	30.00
229	Ms.	Diệp	Kimmy	TH	100.00

230	Mr.	Trần Đình	Lộc	TH	30.00
231	Mr.	Nguyễn Văn	Màu	TH	20.00
232	Mr	Lại	Nam	TH	30.00
233	Dr.	Lê	Nghiêm	TH	30.00
234	Mr.	Đặng Đức	Nghiêm	TH	50.00
235	Mr.	Ngô	Nhi	TH	30.00
236	Mr.	Lưu Duy	Phán	TH	20.00
237	Ms.	Đoàn Kim	Phụng	TH	50.00
238	Mr.	Trương Ngọc	Phương	TH	20.00
239	Mr	Nguyễn	Phương	TH	20.00
240	Ms.	Võ Kim	Phượng	TH	20.00
241	Mr.	Lưu	Quang	TH	20.00
242	Mr	Trần	Quang	TH	50.00
243	Mr.	Châu Cẩm	Sáng	TH	30.00
244	Mr	Phạm Trọng	Tài	TH	50.00
245	Ms.	La Phương	Tâm	TH	100.00
246	Mr.	Phạm Ngọc	Tấn	TH	20.00
247	Mr	Phạm Văn	Thanh	TH	50.00
248	Mr.	Trần	Thanh	TH	100.00
249	Ms.	Trần T.	Thiệu	TH	20.00
250	Mr	Trần Đình	Thọ	TH	50.00
251	Mr.	Nguyễn Lộc	Thọ	TH	20.00
252	Mr	Nguyễn Thiệu	Thomas	TH	50.00
253	Mr	Lê Văn	Thự	TH	50.00
254	Mr.	Lưu Đức	Tín	TH	70.00

Cộng

12569.27

Bảng Tổng Kết

(Tính tới ngày 16 tháng 8 năm 2021)

1. Chi phí cho Đa Hiệu 119:

- Ấn Loát	6,000.00
- Bưu Phí trong Hoa Kỳ	2,073.59
- Bưu Phí ngoài Hoa Kỳ	1,459.34
- Lệ Phí Ngân Hàng	132.60
- Web Site	371.78
- Bì Thư	269.20
- Bưu Phí Phụ Trội + Dịch Vụ TS	1,010.78
- Văn Phòng Phẩm + Linh Tinh	490.40

Tổng Số Chi Cho Đa Hiệu 119 11,807.69

2. Thu:

- Quỹ còn lại sau khi chi cho ĐH118	19,531.39
- Tổng số Thu	12,569.27

Tổng Cộng 32,100.66

3. Quỹ còn lại sau khi chi cho ĐH119

32,100.66 - 11,807.69 = 20,292.97

Thưa quý vị độc giả,

Chúng tôi đã nhận được số tiền tổng cộng 12,569.27 dollar Mỹ, với 254 người đồng góp cho Tập San Đa Hiệu 119, đã được gửi cho quý vị trước đây.

Số tiền đang tồn quỹ là \$20,292.97. Trong phần này, **chi phí cho Tập San Đa Hiệu 120 mà quý vị đang cầm trên tay**

chưa được tính đến.

Tòa Soạn Báo Đa Hiệu rất mong sẽ tiếp tục được quý vị độc giả yêu trợ mạnh mẽ cho những số báo sắp tới. Sự quan tâm của quý vị đến hoạt động của Tập San Đa Hiệu luôn là động lực khích lệ ,để chúng tôi có điều kiện phát hành đến quý vị đúng hạn kỳ.

Trân trọng.

Trưởng Ban Trị Sự. kiêm Thủ Quỹ Đa Hiệu.

Trần Trí Quốc, K 27

*Cám Ơn
Quý Vị Độc Giả!*



TRẢ LỜI THƯ TÍN

Đỗ Mạnh Trường, K23

a. Ban Biên Tập đã nhận được các sáng tác của các NT, các bạn, các phu nhân, anh chị thuộc đại gia đình Võ Bị. Đến nay, chúng tôi đã nhận được số lượng bài vở nhiều hơn yêu cầu. Vì khuôn khổ tờ báo có giới hạn, nên chúng tôi đã không thể đăng tất cả các sáng tác này và đành giữ lại dành cho số tới. Rất mong quý vị cộng tác viên thông cảm và lượng thứ. Chúng tôi sẽ xem xét lại khi chuẩn bị phát hành số kế tiếp.

b. Tập San Đa Hiệu 120 được phát hành khi biến thể Delta của COVID 19 đang hoành hành trên nước Mỹ, gây ảnh hưởng ít nhiều đến sinh hoạt của tất cả chúng ta. Tuy nhiên, tin tưởng vào dịch bệnh sẽ được kiểm soát, Ban Biên Tập tiếp tục làm việc như thường lệ để có thể gửi báo Đa Hiệu đến tận tay các thành viên của đại gia đình Võ Bị. Điều chúng ta thực hiện được là công sức của mọi người. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn.

c. Khi quý vị độc giả cầm trên tay Tập San ĐH 120 cũng là lúc Ban Biên Tập đã bắt đầu chuẩn bị cho ĐH 121 mới. Điều quan trọng khởi đầu vẫn là việc tập hợp được tất cả các bài của quý vị niên trưởng, các anh chị trong gia đình Võ Bị, cũng như các thân hữu thường là độc giả của tập san.

Đa Hiệu số 121 sẽ được phát hành khi Tết gần kề, mọi



TRẢ LỜI THƯ TÍN

Đỗ Mạnh Trường, K23

a. Ban Biên Tập đã nhận được các sáng tác của các NT, các bạn, các phu nhân, anh chị thuộc đại gia đình Võ Bị. Đến nay, chúng tôi đã nhận được số lượng bài vở nhiều hơn yêu cầu. Vì khuôn khổ tờ báo có giới hạn, nên chúng tôi đã không thể đăng tất cả các sáng tác này và đành giữ lại dành cho số tới. Rất mong quý vị cộng tác viên thông cảm và lượng thứ. Chúng tôi sẽ xem xét lại khi chuẩn bị phát hành số kế tiếp.

b. Tập San Đa Hiệu 120 được phát hành khi biến thể Delta của COVID 19 đang hoành hành trên nước Mỹ, gây ảnh hưởng ít nhiều đến sinh hoạt của tất cả chúng ta. Tuy nhiên, tin tưởng vào dịch bệnh sẽ được kiểm soát, Ban Biên Tập tiếp tục làm việc như thường lệ để có thể gửi báo Đa Hiệu đến tận tay các thành viên của đại gia đình Võ Bị. Điều chúng ta thực hiện được là công sức của mọi người. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn.

c. Khi quý vị độc giả cầm trên tay Tập San ĐH 120 cũng là lúc Ban Biên Tập đã bắt đầu chuẩn bị cho ĐH 121 mới. Điều quan trọng khởi đầu vẫn là việc tập hợp được tất cả các bài của quý vị niên trưởng, các anh chị trong gia đình Võ Bị, cũng như các thân hữu thường là độc giả của tập san.

Đa Hiệu số 121 sẽ được phát hành khi Tết gần kề, mọi

người lại bận rộn với với bao niềm vui trong tình thân gia đình và phong tục truyền thống. Chắc hẳn chúng ta luôn muốn quay lại không khí rộn ràng và những kỷ niệm đáng nhớ về Tết của những năm qua.

Tuy nhiên, không phải Tết nào cũng mang niềm vui và hạnh ngộ đến với mọi người. Vào dịp Tết Mậu Thân 1968, Cộng Sản đã lợi dụng lệnh hưu chiến tấn công các thành phố tại hầu hết các tỉnh miền Nam, mang tang tóc tràn lan khắp chốn. Tuy nhiên, chúng ta đã đứng vững và tiêu diệt phần lớn lực lượng tham chiến của Cộng Sản, nhờ lòng hy sinh đáng kính phục và can đảm vô song của các chiến sĩ VNCH. Tuy nhiên, biến cố này đã để lại nỗi khổ đau cho đất nước thì không hề nhỏ. Nhiều người, nhiều gia đình đã bị những tổn thất về tâm lý và thể chất không thể phục hồi.

d. Như thường lệ, BBT mong mỗi đón nhận được các bài bút ký về cuộc chiến Quốc Cộng, về thân phận của người dân trước và sau cuộc chiến, cũng như những nhận định, những ưu tư về sự tồn vong của đất nước và dân tộc VN tại quê nhà. Vượt qua những ám ảnh bi thương của quá khứ, chúng ta không quên nói đến hiện tại và tương lai. Trải qua một thời gian dài lưu vong trên khắp thế giới, chúng ta đã đóng góp được kết quả gì hữu ích cho cộng đồng VN, cho xã hội mà chúng ta đang sống? Chúng ta nên có lập trường ứng phó như thế nào khi tình thế của đất nước và thế giới đang biến chuyển nhanh chóng hơn bao giờ?

Việc đón nhận các bài của thế hệ thanh niên luôn là quan tâm hàng đầu của Ban Biên Tập. Chúng tôi cần các bài viết của anh chị nhiều hơn nữa, về nhiều khía cạnh trong cuộc sống, kể cả tình yêu dành cho tuổi trẻ. Các anh chị đã có những đóng góp thế nào cho phong trào chống CS tại hải ngoại và quê nhà, nhằm thúc đẩy độc lập, tự do, dân chủ, và quyền con người cho dân chúng VN?

e. Nhân đây, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả các NT,

anh chị, và độc giả đã luôn góp ý, khuyến khích BBT để hoàn thành tờ báo được tốt hơn. Về phần mình, chúng tôi luôn lắng nghe ý kiến của quý vị để có những thay đổi hợp lý.

2. Bà **Lê Văn Hiền**, K10/1: Trong thư bà đã viết lại những lời tâm sự của NT khi còn sinh tiền cách đây trên hai năm:

“...Xuất thân từ Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt năm 1954, tôi đã trải qua 20 năm chiến đấu giữ vững lá cờ vàng của VNCH. Sau 30 tháng 4, 1975 hơn tám năm tôi nhẹ tay gỡ lịch...

- Giờ đây: *“Rấp mượn điền viên vui tuế nguyệt .”*
- Thời trai trẻ: *“Đã trót đem thân thế hẹn tang bồng.”*
- Sứ mạng chưa xong:
*“Cúi đầu tạ lỗi với quê hương
Tôi còn nợ lại nửa đường đấu tranh.””*

Xin cảm ơn bà về vài câu thơ mà bà đã ghi lại. Dù không nhiều, nhưng cũng đã thể hiện rõ nét tâm trạng khắc khoải của NT Hiền khi còn sống, ân hận về những việc chưa thể hoàn thành đối với non sông. Cảm ơn bà.

3. Bà **Nguyễn Đình Thế**, K10/1: Bà có gửi tặng một bài thơ, như sau:

Giác Cô Miên

*Tỉnh giấc men say hồn gió bão.
Kiếp này lỗi hẹn với cung đao!
Giã từ vũ khí đời phiêu bạt!
Đất khách ta mơ khoác chiến bào.*

6/20/21

Nguyễn Cát Minh Nguyệt.

Xin cảm ơn bà đã gửi cho bài thơ. Chỉ với bốn câu thơ tứ tuyệt, độc giả cũng cảm thấy tâm trạng của một tráng sĩ vẫn hiên ngang đối diện với binh đao, lửa đạn, và giông tố, dù ước muốn không thành.

4. Bà **Thùy Hương**, K17/1 (phu nhân của cố NT Nguyễn

Thành Tâm, K 17):

Chúng tôi rất cảm động được đọc tâm tư của bà khi nhận số báo Đa Hiệu vừa qua. Bà cho biết NT Tâm đã mất sau khi đi tù "cải tạo" được ba năm. Bà cũng cho biết buồn vui lẫn lộn khi nhận số báo này. Xin cho chúng tôi được chia sẻ nỗi thương đau, mà thời gian dù đã qua từ lâu nhưng vẫn không bao giờ nhạt nhòa trong trí nhớ.

5. NT **Mộng Đông & Bê**, Khóa 18:

Cám ơn NT đã cho biết rất vui khi nhận Tập San Đa Hiệu 119. Chúng tôi cũng rất mừng khi được biết đại gia đình VB đã nóng lòng đón nhận tập san này sau một thời gian bị trì hoãn.

6. NT **Nguyễn Cảnh Nguyên**, K20:

NT viết: "*Quà là một món quà cực kỳ to lớn, đã nói lên tinh thần TỰ THẮNG ĐỂ CHỈ HUY của mái trường Mẹ...*"

Cám ơn NT đã có lời khích lệ. Lời khuyến khích của NT luôn là động lực để chúng tôi hoàn tất công việc được tốt đẹp.

7. Tác giả **Trương Huy Văn**, Sĩ Quan Bộ Chỉ Huy TVBQGVN:

Chúng tôi đã được phép đăng một phần bài viết của anh trong tác phẩm "Chiến Tranh Bên Cạnh Tình Yêu" với tựa đề "Vĩnh Biệt Đồi 1515". Những hình ảnh của trường Võ Bị, trong đó có viết về thư viện của trường..., và cuộc rút quân trật tự đầy bi tráng của các SVSQ của các khóa còn đang theo học đã tuần tự hiện ra trong những giây phút sau cùng. Khi đọc bài này, chúng tôi cảm thấy có những cảm xúc và nỗi buồn khôn nguôi khi nghĩ đến ngôi trường thân yêu không còn của ta nữa, cũng như lòng kính trọng đối với vị chỉ huy trường sau cùng của trường Võ Bị. Đây là bài viết duy nhất, rõ nét mà chúng ta được thấy về TVBQGVN trước ngày di tản về Long Thành. Mong rằng chúng tôi sẽ nhận thêm các bài viết của anh về trường Võ Bị, trong thời gian anh từng phục vụ tại

đây. Dưới là cảm xúc của một độc giả tại Pháp sau khi đọc bài này của anh:

“...đọc “Vĩnh Biệt Đồi 1515”, (t/g Trương Huy Văn), nước mắt tôi đã rơi. Thật là đau lòng trong những ngày cuối cùng của tháng Tư cho Trường.”

Cám ơn anh nhiều.

8. Bà **Huyền Nga**, thân hữu:

Cám ơn chị đã có nhận xét chính xác và những ý kiến góp ý tích cực. Chúng tôi thật may mắn đã có một độc giả như chị. Nhớ lại Đại Hội Võ Bị Âu Châu, tôi rất ngạc nhiên khi thấy chị đã tham dự vào Ban Tổ Chức Đại Hội Võ Bị Châu Âu 2019 và rất thân thiết với Liên Hội Võ Bị Châu Âu.

Chúng tôi mong sẽ tiếp tục nhận được các đóng góp quý báu của chị cho các số báo sắp tới.

Hẹn Gặp Lại!

Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN



PHÂN ƯU

Trung Tướng **LŨ LAN**

Nguyên Chỉ Huy Trưởng Trường Cao Đẳng Quốc Phòng

Nguyên Tư Lệnh Quân Đoàn II (1968-1970)

Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 3 TVBQGVN

Từ trần ngày 28 tháng 5 năm 2021

Tại Virginia, Hoa Kỳ

Hưởng thượng thọ 96 tuổi.

Chuẩn Tướng **MẠCH VĂN TRƯỜNG (PHILLIP MẠCH)**

Nguyên Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh

Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 12 TVBQGVN

Từ trần ngày 30 tháng 6 năm 2021

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 86 tuổi.

Ông **VÕ ĐỆ**

Giáo Sư Văn Hóa Vụ TVBQGVN

Vừa từ trần ngày 3 tháng 5 năm 2021

Tại Montreal, Québec, Canada

Hưởng thượng thọ 94 tuổi.

Hải Quân Trung Tá **LÊ BÁ THÔNG**

Quân Sự Vụ Phó TVBQGVN (1971- 1973)

Từ trần ngày 10 tháng 5 năm 2021

Tại Virginia, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 83 tuổi.

Ông **TRẦN LƯU DUYỆT**

Giáo Sư Khoa Công Chánh Văn Hóa Vụ TVBQGVN

Vừa từ trần ngày 5 tháng 8 năm 2021

Tại Orange County, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 84 tuổi.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến. Việc ra đi vĩnh viễn của quý vị nêu trên là một tổn thất lớn cho đại gia đình Võ Bị và Quân Đội VNCH. Cầu mong linh hồn của quý vị sớm về cõi vĩnh hằng.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

- Ban Chấp Hành Tổng Hội
- Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát
- Đại diện 31 khoá CSVSQ/ TVBQGVN
- Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu



Sẽ Chẳng Bao Giờ Quên!

Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN



PHÂN ƯU

CSVSQ NGUYỄN THIỆN NGHỊ, K4/ TVBQGVN

Đã từ trần ngày 8 tháng 6 năm 2021

Tại thành phố Santa Clara, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 88 tuổi.

CSVSQ HOÀNG CÔNG THỤ, K4/ TVBQGVN

Từ trần ngày 03 tháng 8 năm 2021

Tại Fall Church, Virginia, Hoa Kỳ

Hưởng thượng thọ 90 tuổi.

Phu nhân của Trung Tướng Phạm Quốc Thuần

K5/ TVBQGVN

Bà **ANNE NGUYỄN THỊ AN**

Đã được Chúa gọi về ngày 21 tháng 7 năm 2021

Tại Portland, Oregon, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 89 tuổi.

CSVSQ TRƯƠNG NHƯ PHÙNG, K8/ TVBQGVN

Từ trần ngày 13 tháng 5 năm 2021

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 88 tuổi.

CSVSQ TÔN THẮT THUYỀN, K10/ TVBQGVN

Từ trần ngày 6 tháng 7 năm 2021

tại Westminster, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 90 tuổi.

CSVSQ LẠI THỌ, K10P/ TVBQGVN

Pháp Danh AN ĐỨC

Đã từ trần ngày 7 tháng 6, 2021

Tại Huntington Beach, California, Hoa-Kỳ.

Hưởng thọ 89 tuổi.

CSVSQ THÁI MINH SƠN, K11/ TVBQGVN

Từ trần ngày 20 tháng 5 năm 2021

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ

Hưởng thượng thọ 90 tuổi.

CSVSQ TRẦN VĂN KHANH, K12/ TVBQGVN

Từ trần ngày 14 tháng 5 năm 2021

Tại Nam California, Hoa Kỳ

Hưởng thượng thọ 90 tuổi.

CSVSQ GIUSE PHẠM HẬU, K12/ TVBQGVN

(Thi Sĩ **NHẤT TUẤN**)

Đã được Chúa gọi về ngày 31 tháng 7 năm 2021

tại Bothell, Washington, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 87 tuổi.

CSVSQ TRẦN VĂN BI, K12/ TVBQGVN

Từ trần ngày 16 tháng 8 năm 2021

tại Nam California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 87 tuổi.

CSVSQ ĐỖ ĐĂNG CAM, K13/ TVBQGVN

Từ trần ngày 7 tháng 5 năm 2021

Tại Sydney, Australia

Hưởng thọ 85 tuổi.

CSVSQ PHẠM VĂN UYÊN, K13/ TVBQGVN

Từ trần ngày 20 tháng 5 năm 2021

Tại Seattle, Washington, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 87 tuổi.

CSVSQ TRẦN QUANG MÃN, K14/ TVBQGVN

Từ trần ngày 3 tháng 5 năm 2021

Tại Sylma, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 84 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN HUY ĐỘ, K14/ TVBQGVN

Từ trần ngày 13 tháng 6 năm 2021

Tại Phú Nhuận, Việt Nam

Hưởng thọ 83 tuổi.

CSVSQ DƯƠNG QUANG LỄ, K16/ TVBQGVN

Từ trần ngày 5 tháng 6 năm 2021

Tại San Jose, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 83 tuổi.

CSVSQ LÊ MINH NGỌC, K16 / TVBQGVN

Từ trần ngày 3 tháng 8 năm 2021

Tại Melburne, Florida, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 83 tuổi.

CSVSQ MAI NGUYỄN THÀNH, K18/ TVBQGVN

Từ trần ngày 8 tháng 5 năm 2021

Tại Covina, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 82 tuổi.

Hiền Thê CSVSQ Hoàng Xuân Thôi, K18/TVBQGVN

Bà **MARIA CAO THỊ PHƯƠNG**

Tạ thế ngày 24 Tháng 5 Năm 2021

Tại Westminster, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 79 tuổi.

CSVSQ NGÔ NHƯ PHÚC, K18/ TVBQGVN

Pháp Danh **TRÍ HẢI**

Tạ thế ngày 9 Tháng 8 Năm 2021

Tại Milpitas, California, Hoa Kỳ

Hưởng Thọ 78 tuổi.

CSVSQ TRẦN VĂN TIÊN, K19/ TVBQGVN

Từ trần ngày 21 tháng 4 năm 2021
Tại Garden Grove, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 87 tuổi.

CSVSQ MAI XUÂN TÂM, K19/ TVBQGVN

Từ trần ngày 14 tháng 5 năm 2021
Tại Bankstown, New South Wales, Úc Châu
Hưởng thọ 80 tuổi.

Phu nhân CSVSQ Huỳnh Văn Phu, K19/ TVBQGVN

Bà TRƯƠNG THỊ NHƯ PHƯỢNG

Từ trần ngày 25 tháng 7 năm 2021
Tại Maple Glen, Pennsylvania, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 77 tuổi.

CSVSQ PHAN THÀNH VẠN, K20/ TVBQGVN

Mệnh chung ngày 17 tháng 4 năm 2021
Tại Seattle, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 79 tuổi.

CSVSQ LÊ XUÂN TRẠCH, K20/ TVBQGVN

Từ trần ngày 22 tháng 5 năm 2021
Tại Santa Ana, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 79 tuổi.

Hiên thê của CSVSQ Nguyễn Tổng Hiến, K20/ TVBQGVN

BÀ NGUYỄN THỊ CHUYỀN

Vừa từ trần ngày 30 tháng 5 năm 2021
Tại Dallas, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 77 tuổi.

Thân mẫu của CSVSQ Lê Văn Toàn, K20/ TVBQGVN

Cụ bà PHẠM THỊ THẢO

Pháp danh Nguyễn Nhật
Vừa từ trần ngày 3 tháng 7 năm 2021
Tại Huế, Việt Nam
Hưởng đại thọ 99 tuổi.

CSVSQ TRẦN CÔNG HẠNH, K20/ TVBQGVN

Từ trần ngày 11 tháng 7 năm 2021

Tại Brooklyn Park, Minnesota, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 78 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN VĂN YÊN, K21/ TVBQGVN

Từ trần ngày 11 tháng 5 năm 2021

Tại Châu Thành, Đồng Tháp, Việt Nam.

CSVSQ NGUYỄN MINH HIỀN, K21/ TVBQGVN

Từ trần ngày 4 tháng 7 năm 2021

Tại Survey, Vancouver, Canada

Hưởng thọ 81 tuổi.

CSVSQ TRẦN QUỐC ÁN, K21 / TVBQGVN

Vừa từ trần ngày 02 tháng 07 năm 2021

Tại Jackson Ville Texas

Hưởng thọ 81 tuổi.

Phu nhân của CSVSQ Trần Thanh Thiện, K21/ TVBQGVN

Bà NGUYỄN THỊ DUNG

Đã mãn phần ngày 29 tháng 7 năm 2021

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 74 tuổi.

CSVSQ LÊ MINH TÙNG, K22/ TVBQGVN

Pháp danh NHƯ SƠN

Từ trần ngày 12 tháng 6 năm 2021

Tại Đà Lạt, Việt Nam

Hưởng thọ 78 tuổi.

CSVSQ HUỲNH HƯƠNG, K23/ TVBQGVN

Pháp danh Hoa Đạo

Vừa thất tịch ngày 11 tháng 6 năm 2021

Tại Sài Gòn, Việt Nam

Hưởng thọ 75 tuổi.

Phu nhân cố CSVSQ Phạm Hữu Tài, K25/ TVBQGVN

Bà **TRẦN MUỐI**

Từ trần ngày 08 tháng 4 năm 2021

Tại Annandale, Virginia, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 67 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN HÒA**, K25/ TVBQGVN

Từ trần ngày 19 tháng 4 năm 2021

Tại Ottawa, Canada

Hưởng thọ 73 tuổi.

CSVSQ **DƯƠNG VĂN NGÔI**, K25/ TVBQGVN

Từ trần ngày 7 tháng 6 năm 2021

Tại Việt Nam

Hưởng thọ 73 tuổi.

Hiên thê CSVSQ Đỗ Minh Cao, K25/ TVBQGVN

Bà **CHÂU THỊ HOA**

Từ trần ngày 10 tháng 8 năm 2021

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 66 tuổi.

CSVSQ **LÊ QUANG PHƯƠNG**, K26/ TVBQGVN

Từ trần ngày 9 tháng 6 năm 2021

Tại Garden Grove, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 73 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG**, K26/ TVBQGVN

Từ trần ngày 10 tháng 6 năm 2021

Tại Quy Nhơn, Việt Nam.

Hưởng thọ 75 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN LỬ**, K26/ TVBQGVN

Từ trần ngày 10 tháng 6 năm 2021

Tại Việt Nam.

Hưởng thọ 73 tuổi.

Nhạc mẫu CSVSQ Trần Tường, K28/ TVBQGVN
Và CSVSQ Phạm Đình Trác, K31/ TVBQGVN

Cụ bà **NGUYỄN THỊ SUNG**

Đã từ trần ngày 6 tháng 7 năm 2021
Tại Thị Trấn Thuận An, Huế, Việt Nam
Hưởng thọ 88 tuổi.

CSVSQ **GIUSE TRẦN QUÝ PHI**, K29/ TVBQGVN

Được Chúa gọi về ngày 10 tháng 5 năm 2021
Tại Tân Bình, Việt Nam.
Hưởng thọ 68 tuổi.

CSVSQ **LÊ ĐỘ CHÂU**, K30/ TVBQGVN

Từ trần ngày 30 tháng 5 năm 2021
Tại Huế, Việt Nam
Hưởng thọ 69 tuổi.

Nhạc mẫu CSVSQ Hoàng Bá Trung, K31/ TVBQGVN

Cụ bà quả phụ **PHẠM THỊ TÁM**

Pháp danh **DIỆU TÍN**

Tạ thế ngày 22 tháng 7 năm 2021
Tại Shoreline, Washington, Hoa Kỳ
Hưởng thượng thọ 94 tuổi.

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến. Sự ra đi vĩnh viễn của các vị nêu trên là những tổn thất lớn cho đại gia đình Võ Bị và cho gia đình mỗi người.

Nguyện cầu linh hồn những vị đã khuất sớm được về cõi vĩnh hằng.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

- Ban Chấp Hành Tổng Hội
- Ban Tư Vấn và Giám Sát
- Đại diện 31 khoá CSVSQ/ TVBQGVN
- Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

Với Lòng Thương Cảm Sâu Sắc Nhất!

THANH THIẾU NIÊN



ĐA HIỆU

Đại Nhạc Hội Cám Ơn Anh Người Thương Binh VNCH Kỳ 14
Ảnh của Đỗ Chung Photography